

**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG Y DƯỢC**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH DƯỢC HỌC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Đà Nẵng, tháng 4 - 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG.....	viii
DANH MỤC HÌNH.....	ix
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề	1
2. Tổng quan chung.....	4
3. Mô tả tổng quan về Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng.....	8
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ.....	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Mở đầu.....	15
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.	15
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.	19
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.....	23
Kết luận tiêu chuẩn 1	26
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	27
Mở đầu.....	27
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật	27
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	31
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.....	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 2:	35
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	36
Mở đầu.....	36
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.	36
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CDR là rõ ràng.....	39
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.	43
Kết luận tiêu chuẩn 3:	46

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.	47
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.	50
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	55
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	59
Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4: 2/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 1/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.	60
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.	61
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học	64
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	67
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.	69
Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập	73
Kết luận về tiêu chuẩn 5	76
Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7	77
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên.	78
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	78
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Trường học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	81

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	83
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.....	86
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. ...	88
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng	90
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	93
Kết luận về tiêu chuẩn 6	95
Mở đầu.....	95
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	95
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.....	98
- Về tiêu chuẩn chức danh cần bổ nhiệm:.....	99
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. .	101
Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó	103
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Trường học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	105
Kết luận về tiêu chuẩn 7.....	107
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	109
Mở đầu.....	109
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.	109
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.	112
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.	114

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.....	117
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.	120
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	122
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	123
Mở đầu	123
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	123
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	124
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.....	126
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	129
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	131
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	134
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	135
Mở đầu	135
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học	135
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.	140
Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	142
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.....	146
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.....	148
Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	151

Kết luận về Tiêu chuẩn 10	155
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	155
Mở đầu	155
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	156
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	160
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	163
Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	167
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	170
Kết luận về Tiêu chuẩn 11	174
PHẦN III. KẾT LUẬN.....	175
PHẦN IV: PHỤ LỤC.....	PL1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	BGH	Ban Giám hiệu
3	BV	Bệnh viện
4	CBGV	Cán bộ giảng viên
5	CBVC	Cán bộ viên chức
6	CĐR	Chuẩn đầu ra
7	CME	Đào tạo ngắn hạn
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CNTT-TT-TV	Công nghệ thông tin - Truyền thông - Thư viện
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	CTSV	Công tác sinh viên
14	CVHT	Cổ vấn học tập
15	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
16	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
17	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18	ĐHĐN	Đại học Đà Nẵng
19	ĐT	Đào tạo
20	ĐT&ĐBCL	Đào tạo & Đảm bảo chất lượng
21	KĐCL	Kiểm định chất lượng
22	KH&CN	Khoa học và Công nghệ
23	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp
24	KQHT	Kết quả học tập
25	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
26	KTHP	Kết thúc học phần

STT	Từ viết tắt	Từ đầy đủ
27	KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
28	KYD	Khoa Y - Dược
29	TYD	Trường Y Dược
30	GDDH	Giáo dục đại học
31	GV	Giảng viên
32	GVC	Giảng viên chính
33	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
34	HC-TH	Hành chính tổng hợp
35	HP	Học phần
36	NCKH	Nghiên cứu khoa học
37	NCV	Nghiên cứu viên
38	NH	Người học
39	NHCHT	Ngân hàng câu hỏi thi
40	NTD	Nhà tuyển dụng
41	NV	Nhân viên
42	PPDH	Phương pháp dạy học
43	PO	Mục tiêu đào tạo
44	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
45	TĐG	Tự đánh giá
46	SV	Sinh viên
47	TC	Tín chỉ
48	TCCB	Tổ chức cán bộ
49	THPT	Trung học phổ thông
50	TTTN	Thực tập tốt nghiệp
51	TTTN&TLS	Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp các ngành đào tạo tại TYD, ĐHĐN	9
Bảng 2.1. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của TYD và ĐHĐN	17
Bảng 2.2. Sự phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành Y Trường năm 2019 với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học.....	18
Bảng 2.3. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với Chuẩn năng lực BSK	18
Bảng 2.4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	20
Bảng 2.5. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	22
Bảng 2.6. So sánh CDR của CTĐT phiên bản 2019, 2021, 2023	25
Bảng 2.7. Nội dung cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Dược học	28
Bảng 2.8. Nội dung cập nhật ĐCCT các học phần.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.9. Bảng thống kê tỉ lệ các khối kiến thức trong chương trình dạy học	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.10. Bảng tỉ lệ GV cơ hữu/sinh viên (không vượt quá 15) (Tính theo Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chỉ tiêu tuyển sinh Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh Cao Đẳng ngành Giáo dục mầm non)	81
Bảng 2.11. Danh sách đội ngũ GV đang tham gia đào tạo trình độ TS tính đến năm 2024	89
Bảng 2.12. Bảng thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất	110
Bảng 2.13. Bảng thống kê số người học đang học chương trình	111
Bảng 2.14. Phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành Dược học từ năm 2018	113
Bảng 2.15. Thống kê các kết quả nghiên cứu Trường học của Trường được áp dụng vào hoạt động dạy và học (trong 5 năm học gần nhất)	Error! Bookmark not defined.
Bảng 2.16. Thống kê tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (của 5 khoá gần nhất).....	156
Bảng 2.17. Tỉ lệ sinh viên thôi học (của 5 năm gần đây).....	156
Bảng 2.18. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	157
Bảng 2.19. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình (trong 5 năm gần đây).....	160
Bảng 2.20. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình.....	162
Bảng 2.21. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm theo mốc thời gian tốt nghiệp	164
Bảng 2.22. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của ngành Dược học và Răng-Hàm-Mặt của Trường.....	Error! Bookmark not defined.

Bảng 2.23. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Trường Y Dược, ĐHĐN và Đại học Tây Nguyên165

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Bản đồ quy hoạch 1/2.000 của Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc ..6

Hình 1.2. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng của TYD, ĐHĐN10

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cao cho xã hội không chỉ ở trong nước mà cả quốc tế, việc thẩm định, đánh giá lại chương trình đào tạo (CTĐT) một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Chất lượng CTĐT có vai trò quyết định sự tồn tại và phát triển của ngành Dược học (DH) nói riêng và của Trường Y Dược (TYD) - Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) nói chung (sau đây gọi là Nhà trường). Trước xu thế hội nhập quốc tế và yêu cầu cung cấp nguồn nhân lực có năng lực thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh. Nhà trường nhận thấy đây là cơ hội tốt để rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT DH để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT. Do vậy, Trường đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) CTĐT DH theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD&ĐT) (Sau đây gọi tắt là Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình theo Thông tư 04).

Việc TĐG CTĐT DH sẽ giúp Trường và Khoa Dược tự xem xét, đánh giá được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo. Cụ thể như sau:

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo TĐG cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT.

Cấu trúc của báo cáo gồm 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí; Phần III: Kết luận, Phần IV: Phụ lục

Phần I: Khái quát

Phần khái quát giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT DH của Nhà trường theo các tiêu chuẩn. Phần khái quát cũng mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hóa các minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan. Trong phần này, báo cáo cũng nêu lên mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình TĐG, bản báo cáo mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo TĐG CTĐT DH của Nhà trường theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT

ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT, gồm: nội dung TĐG về: (1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập của người học, (6) Đội ngũ Giảng viên (GV), (7) Đội ngũ nhân viên, (8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học, (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Ở mỗi tiêu chuẩn, bản báo cáo đều mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra tóm tắt những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, TĐG tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức TĐG, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT DH của Trường.

Phần IV: Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để kiểm định chất lượng (KĐCL) CTĐT DH.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Việc TĐG CTĐT DH giúp Nhà trường và Dược đạt được mục đích sau:

- Xác định mức độ đáp ứng của chương trình đối với các mục tiêu đặt ra, từ đó có giải pháp phù hợp nhằm đảm bảo, nâng cao chất lượng và hiệu quả các lĩnh vực hoạt động của Trường.

- Giải trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội về thực trạng chất lượng của chương trình, làm cơ sở cho người học lựa chọn chương trình; nhà tuyển dụng lao động lựa chọn nhân lực.

- Tự xem xét, đánh giá hiện trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT DH để Nhà trường điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng.

- TĐG CTĐT không chỉ là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài mà còn là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của đơn vị trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

TĐG CTĐT đồng thời tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành DH.

- Giúp các cán bộ, GV (CBGV) của Nhà trường biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT theo hệ thống, qua đó đề xuất và thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT hiệu quả hơn.

1.3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT được thực hiện theo thứ tự 6 bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT-BGD&ĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.
- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.
- Bước 3. Thu nhập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.
- Bước 4. Viết báo cáo TĐG.
- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.
- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

1.4. Phạm vi tự đánh giá

Nhà trường tiến hành hoạt động TĐG CTĐT dưới sự chỉ đạo của Lãnh đạo của Ban Giám đốc ĐHQĐ và Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn thuộc Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2019 đến năm 2024).

1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Quá trình TĐG CTĐT của Nhà trường được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGD&ĐT ngày 14/3/2016 của BGD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng (Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH).

1.6. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã hóa thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **[Hn.ab.cd.ef]**. Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí tương ứng với tiêu chuẩn được đánh số ở trên (ab) tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (đánh số từ 01 đến hết).

1.7. Sự tham gia của các bên liên quan

Hội đồng TĐG CTĐT được thành lập theo Quyết định số 446/QĐ-ĐHĐN ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc ĐHĐN; Quyết định số 1278/QĐ-ĐHĐN ngày 08 tháng 4 năm 2025 (kiện toàn Hội đồng tự đánh giá CTĐT), gồm: Ban giám đốc, Ban Giám hiệu Trường Y Dược - ĐHĐN, các cán bộ giảng viên (CBGV), Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn, đại diện sinh viên. Cụ thể, Ban Giám đốc chỉ đạo chung, Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo trực tiếp, các Phòng chức năng, Khoa, Bộ môn cung cấp minh chứng, viết các báo cáo TĐG. Bên cạnh đó sự phản hồi của sinh viên (SV), các cựu SV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Căn cứ vào các thông tin được cung cấp, Nhà trường tiến hành viết báo cáo TĐG CTĐT DH.

1.8. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng TĐG CTĐT và Ban Thư ký được thành lập theo Quyết định số 446/QĐ-ĐHĐN ngày 14 tháng 02 năm 2025 và số 1278/QĐ-ĐHĐN ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc ĐHĐN về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng, Hội đồng TĐG gồm có 11 thành viên và Ban Thư ký gồm 19 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng TĐG gồm: nhóm chuyên trách với 29 thành viên được thành lập theo Quyết định số Quyết định số 1278/QĐ-ĐHĐN ngày ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc ĐHĐN.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu chung về Đại học Đà Nẵng

ĐHĐN là đại học vùng trọng điểm quốc gia thuộc khu vực duyên hải miền Trung, Tây Nguyên được thành lập năm 1994. Khi thành lập, ĐHĐN có 05 đơn vị thành viên với khoảng 800 GV trong tổng số 1.200 cán bộ viên chức.

Sau 30 năm xây dựng và phát triển ĐHĐN (1994-2024), ĐHĐN không ngừng lớn mạnh. ĐHĐN hiện có 06 trường đại học thành viên (Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn) và 07 đơn vị đào tạo trực thuộc gồm Trường Y Dược, Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum, Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh, Viện Công nghệ quốc tế DNIIT, Viện Khoa học Công nghệ Tiên tiến, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng và An ninh. ĐHĐN có 35 trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, 34 nhóm nghiên cứu - giảng dạy (TRT).

2.2. Đội ngũ cán bộ, GV

Đội ngũ giảng viên của ĐHĐN tiếp tục được quan tâm phát triển, trong năm học qua, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, có học vị Giáo sư (GS), Phó Giáo sư (PGS) tiếp

tục tăng nhanh. Cụ thể, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ của ĐHĐN tính đến tháng 7/2024 đạt hơn 47% (tăng gần 02% so với năm 2023), trung bình cả nước là 31%, trong đó Trường ĐHBK có tỷ lệ tiến sĩ cao nhất đạt 67,53% và Trường ĐHSP có tỷ lệ tiến sĩ tăng cao nhất là 5,12% trong năm học vừa qua. Hiện nay, ĐHĐN có 2.544 (viên chức và người lao động, trong đó có 1.614 giảng viên, 07 GS, 118 PGS, 772 tiến sĩ, hầu hết được đào tạo tại các nước phát triển. Trong năm học 2023-2024, ĐHĐN đã được công nhận thêm 14 PGS, trong đó Trường ĐHBK và Trường ĐHSP có số lượng PGS được công nhận tăng cao nhất so với năm học trước. Đội ngũ viên chức quản lý được trẻ hóa, có năng lực và kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn, đây là nguồn lực quan trọng để khẳng định học hiệu của ĐHĐN trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.3. Cơ sở vật chất và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất 2020 - 2030

Các cơ sở của ĐHĐN được xây dựng trên 6 khuôn viên tại thành phố Đà Nẵng và Thành phố Kon Tum với tổng diện tích mặt bằng hiện nay trên 60 ha. Giảng đường của các trường thành viên đủ chỗ học cho hơn 37.000 sinh viên chính quy và hơn 15.000 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Ngoài ra, một số sinh viên không chính quy còn lại học tại các Trung tâm đào tạo thường xuyên của các tỉnh, thành phố và các đơn vị đào tạo liên kết với ĐHĐN.

Các trung tâm nghiên cứu và các phòng thí nghiệm đang từng bước được hiện đại hóa nhờ các chương trình đầu tư trọng điểm, có chiều sâu từ các dự án vay vốn ODA, các chương trình Hợp tác quốc tế.

Hệ thống ký túc xá của ĐHĐN hiện nay gồm 11 tòa nhà 5 tầng, 2 nhà 4 tầng và 3 nhà 2 tầng đều khang trang và tiện nghi. Phần lớn ký túc xá có khu vệ sinh khép kín, có khả năng phục vụ chỗ ăn ở cho hơn 5.000 sinh viên. Tại các khu ký túc xá đều có bố trí các phòng tự học, phòng máy tính, câu lạc bộ, phòng tập, sân tập thể dục thể thao, nhà ăn, quầy giải khát đáp ứng nhu cầu tự học, sinh hoạt, ăn uống và giải trí của sinh viên.

ĐHĐN còn có Trung tâm Thể thao với cơ sở giảng dạy thể dục - thể thao rộng rãi, hiện đại và là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa, thể dục, thể thao của toàn ĐHĐN.

Toàn bộ các khuôn viên của ĐHĐN được nối mạng cáp quang với đường truyền internet tốc độ 20Mb. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho phép ĐHĐN tổ chức các hội nghị, hội thảo qua mạng, đào tạo từ xa qua mạng... ĐHĐN đảm trách đầu cầu miền Trung của các hội nghị ngành của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, nhờ hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) hoàn chỉnh, việc tổ chức đào tạo tín chỉ (TC) tại ĐHĐN được tiến hành thuận lợi. Một số khuôn viên của ĐHĐN có mạng không dây để tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ và SV truy cập thông tin. Hệ thống Live@edu và ứng dụng Office 365 của Microsoft đã được triển khai trong toàn ĐHĐN tạo điều kiện phát triển ứng dụng CNTT trong đào tạo và quản lý. Các đơn vị thành viên của ĐHĐN đã triển khai các hoạt động đào tạo trực tuyến thông qua hệ thống LMS, đào tạo kết hợp Blended Learning, hệ thống bài giảng điện tử E-learning, khai thác hệ thống mạng thư viện điện tử hiện đại trên nền tảng Primo dùng chung trong toàn ĐHĐN.

ĐHĐN đã xây dựng kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số tại các Trường Đại học thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc năm 2023; đã hoàn thành Dự thảo Đề án Chuyển đổi số của ĐHĐN giai đoạn 2025, tầm nhìn 2035; thành lập nhóm nghiên cứu, giảng dạy về công nghệ vũ trụ ảo và chuyển đổi số; triển khai Dự án vay vốn ODA của Ngân hàng thế giới, Dự án hợp tác đổi mới giáo dục đại học - PHER có các hạng mục liên quan đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ công tác dạy và học, NCKH và quản trị đại học hướng đến xây dựng ĐHĐN thông minh hơn (giai đoạn 2022-2025); đã đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực quản lý điều hành, tuyển sinh, đào tạo, khoa học công nghệ, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục, tài chính, tài sản, tổ chức cán bộ,...

Khu Đô thị ĐHĐN tại Hòa Quý - Điện Ngọc với diện tích 300ha đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch 1/2000 (Hình 1.1). Nhiều công trình xây dựng đã được triển khai và đưa vào sử dụng như Tòa nhà Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật và Tòa nhà TYD-ĐHĐN.



Hình 1.1. Bản đồ quy hoạch 1/2.000 của Đại học Đà Nẵng tại Hòa Quý - Điện Ngọc

Dự án xây dựng Khu Đô thị ĐHĐN với sự tài trợ của Ngân hàng Thế giới 100 triệu USD đang được triển khai xây dựng. Dự án ODA do Chính phủ Hàn Quốc tài trợ cho Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn với tổng trị giá 7,7 triệu USD đã hoàn tất các thủ tục có liên quan. Cùng với 02 Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, ĐHĐN đang tiếp nhận sự hỗ trợ của dự

án PHER trong công tác đào tạo nâng cao năng lực quản trị đại học; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn ACPSP.

2.4. Vị trí, vai trò của Đại học Đà Nẵng

ĐHĐN là đại học vùng trọng điểm quốc gia được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ, có chức năng đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực mũi nhọn.

Với bề dày truyền thống gần 30 năm xây dựng và phát triển (1994-2023) và hơn 45 năm hình thành của các trường đại học thành viên (1975-2023), đến nay ĐHĐN đã trở thành một trong những trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của đất nước. Trong giai đoạn phát triển, ĐHĐN đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức để đạt được những kết quả hết sức to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. ĐHĐN là tập thể đoàn kết, kế thừa và phát huy thành quả của các thế hệ, từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức và quản trị với đại học hai cấp; đã phát triển được đội ngũ cán bộ, giảng viên có phẩm chất, đạo đức tốt, được đào tạo chính quy, bài bản, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; đã xây dựng được học hiệu ĐHĐN có uy tín và được thừa nhận trên cả bình diện quốc gia và quốc tế; có đội ngũ lãnh đạo quản lý trẻ, năng động, sáng tạo và hầu hết được đào tạo tại nước ngoài.

Bên cạnh những thuận lợi, trong thời gian đến, ĐHĐN sẽ đối mặt với không ít những khó khăn thách thức mới. Quá trình hội nhập, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo sẽ tiếp tục có những chủ trương, chính sách, văn bản pháp quy mới, một mặt sẽ tạo ra xung lực mới cho sự phát triển nhưng mặt khác có thể ít nhiều gây xáo trộn trong hệ thống giáo dục và đào tạo nếu không kịp thời thích ứng, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập nói chung và ĐHĐN nói riêng. Ngoài ra, đại dịch COVID-19 vẫn còn tiếp tục tác động nên cũng ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế của ĐHĐN. Sự hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp vẫn tiếp tục gặp khó khăn do thiếu cơ chế, chính sách nhằm tạo ra động lực mới để thúc đẩy. Công tác dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của Việt Nam còn hạn chế, khó có được số liệu dự báo chính xác nên sẽ ảnh hưởng lớn đến định hướng phát triển ngành nghề mới và cơ cấu ngành nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội.

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có chủ trương phát triển ĐHĐN thành Đại học Quốc gia để đáp ứng vai trò tiên phong trong NCKH và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển đất nước.

Ngày 13/02/2023, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã có Báo cáo số 146/BC-BGDĐT, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển Đại học Huế và ĐHĐN thành đại học quốc gia, theo đó Bộ GD&ĐT cơ bản nhất trí chủ trương phát triển ĐHĐN thành Đại học

Quốc gia Đà Nẵng đã được nêu tại Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Công văn số 416/VPCP-QHĐP ngày 18/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý kiến nghị của các địa phương tại Hội nghị Chính phủ địa phương.

2.5. Mục tiêu chiến lược của Đại học Đà Nẵng

Mục tiêu chiến lược của ĐHĐN là phát triển thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa, NCKH, đổi mới sáng tạo, chuyển giao tri thức và công nghệ theo chuẩn mực quốc tế, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong kỷ nguyên số; tham vấn chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia và vùng.

Mục tiêu đến năm 2025,

ĐHĐN nằm trong nhóm 70 trường đại học hàng đầu khu vực Đông Nam Á, nhóm 400-500 trường đại học hàng đầu theo xếp hạng QS. Cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 Dự án ĐHĐN tại Hòa Quý - Điện Ngọc bao gồm giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật toàn bộ khu vực dự án thuộc thành phố Đà Nẵng và một phần thuộc tỉnh Quảng Nam; xây dựng các công trình sử dụng chung và nhà làm việc, học tập cho Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Việt - Anh, Trường Đại học Công nghệ Thông tin - Truyền thông Việt - Hàn, TYD-ĐHĐN.

2.6. Sứ mạng - Tầm nhìn

- Sứ mạng:

ĐHĐN là cơ sở đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm thực hiện nhiệm vụ chiến lược quốc gia, nhiệm vụ chiến lược vùng của đất nước; là nơi cung cấp nguồn nhân lực có tư duy đổi mới, năng lực sáng nghiệp và giàu tính nhân văn; có bản lĩnh, thích ứng nhanh và có khả năng làm việc hiệu quả trong môi trường hợp nhập quốc tế; tiên phong giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền bá tri thức khoa học, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Tầm nhìn đến năm 2045:

ĐHĐN là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học và công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, ngang tầm khu vực và quốc tế.

ĐHĐN một trong những đại học hàng đầu Việt Nam với nhiều ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, quản trị, khoa học tự nhiên, giáo dục, xã hội và nhân văn, chăm sóc sức khỏe; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng KHCN mang tầm quốc gia và quốc tế.

3. Mô tả tổng quan về Trường Y Dược, Đại học Đà Nẵng

3.1. Triết lý giáo dục

- Triết lý giáo dục: Nhân bản, Tự chủ, Chính trực

- Sứ mạng: Trường Y Dược có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học, sau đại học; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng

cao sức khỏe nhân dân; góp phần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực y tế khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, phát triển Trường Y Dược thành Trường Đại học Y Dược, một trường đại học thành viên của ĐHQĐ, có chức năng đào tạo trình độ đại học, sau đại học, NCKH về lĩnh vực khoa học sức khỏe theo định hướng ứng dụng, vươn tầm khu vực và thế giới.

- Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm, Chất lượng, Phát triển, Hội nhập.

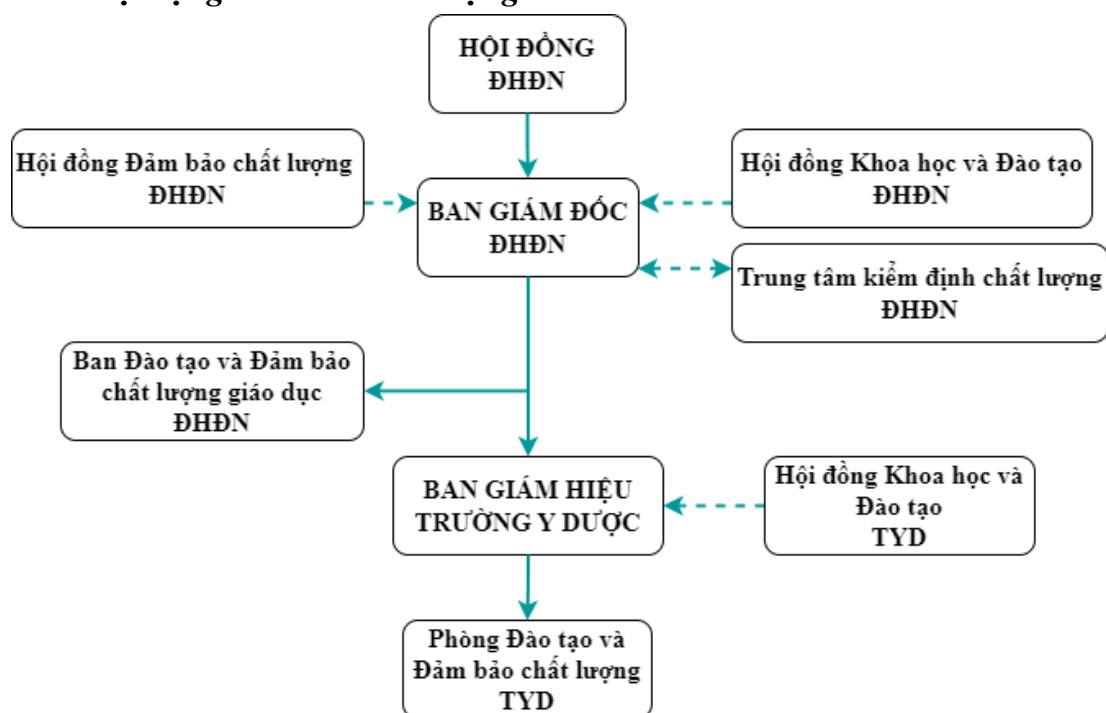
3.2. Về đào tạo

Hiện nay Trường đang đào tạo 05 ngành thuộc khối ngành sức khỏe: Y Khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Đề án tuyển sinh được xây dựng rõ ràng, theo đúng các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, hướng dẫn thực hiện quy chế tuyển sinh của ĐHQĐ và được cập nhật hằng năm. Các CTĐT được xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ BG&ĐT và đảm bảo các yêu cầu sau: Phù hợp với các nhu cầu xã hội, tính khoa học, tính cập nhật, áp dụng rộng rãi và thường xuyên các biện pháp giảng dạy hiện đại, đẩy mạnh việc áp dụng CNTT vào giảng dạy. Trường luôn chú trọng công tác tuyển sinh qua từng năm và đó cũng là cơ sở để Nhà trường từng bước mở rộng quy mô SV, ngành học, CSVC.

Bảng 1.1. Tổng hợp các ngành đào tạo tại TYD - ĐHQĐ

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	Y Khoa	7720101	2234/QĐ-ĐHQĐ	22/04/2014	ĐHQĐ	2014	2023
2	Dược học	7720201	1903/QĐ-ĐHQĐ	06/06/2017	ĐHQĐ	2017	2023
3	Điều dưỡng	7720301	3925/QĐ-ĐHQĐ-ĐT	25/06/2013	ĐHQĐ	2013	2023
4	Răng-Hàm-Mặt	7720501	1745/QĐ-ĐHQĐ	22/05/2017	ĐHQĐ	2017	2023
5	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2042/QĐ-BGDĐT	14/7/2023	BGD&ĐT	2023	2023

3.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng



Hình 1.2. Cấu trúc hệ thống đảm bảo chất lượng của TYD, ĐHĐN

TYD là đơn vị trực thuộc ĐHĐN, nằm trong hệ thống Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) của ĐHĐN, vì vậy công tác ĐBCLGD tại Trường luôn được chú trọng quan tâm. Để thực hiện công tác ĐBCLGD, tại ĐHĐN đã thành lập Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐT&ĐBCLGD), Hội đồng ĐBCLGD. Ban ĐT&ĐBCLGD, ĐHĐN có chức năng tư vấn, tham mưu cho Giám đốc ĐHĐN và thực hiện quản lý, điều hành các hoạt động ĐT&ĐBCLGD trong toàn ĐHĐN. Bên cạnh đó, Văn phòng, các Ban, Trung tâm thuộc ĐHĐN cũng luôn hỗ trợ, tạo điều kiện cho Trường trong quá trình vận hành nói chung và triển khai công tác ĐBCLGD nói riêng.

Cấu trúc hệ thống ĐBCLGD của Trường bao gồm:

- Lãnh đạo Trường/Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác ĐBCLGD: chỉ đạo, giám sát các hoạt động ĐBCLGD, xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCLGD bên trong; xây dựng và triển khai các chính sách về chất lượng, các kế hoạch mang tính chiến lược, dài hạn và ngắn hạn về đảm bảo và kiểm định chất lượng đào tạo, phù hợp với quy định của các cấp quản lý.

- Hội đồng khoa học và đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Trường về những hoạt động sau:

- + Các hoạt động đào tạo;
- + Các hoạt động khoa học và công nghệ;
- + Các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;
- + Các hoạt động phát triển nhân lực và CSVC phục vụ công tác đào tạo và NCKH;
- + Đề xuất và tham mưu cho ĐHĐN để lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Trường, các phương thức Kiểm tra đánh giá (KTĐG) Kết quả học tập

(KQHT), rèn luyện của SV; các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo chất lượng đầu ra; đánh giá chất lượng của trang thông tin điện tử, tạp chí, tập san KHCN (nếu có), đánh giá việc tổ chức và quản lý đào tạo, hoạt động KHCN của các đơn vị trong Trường.

- Phòng ĐT&ĐBCL làm đầu mối trực tiếp thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) theo chủ trương của Bộ GD&ĐT và của ĐHĐN; tư vấn, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCLGD; liên kết với các trường đại học để trao đổi thông tin, kinh nghiệm và thực hiện hợp tác trong các lĩnh vực về ĐBCLGD; triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ĐBCLGD do ĐHĐN và Bộ GD&ĐT ủy quyền; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ về ĐBCLGD đại học cho đội ngũ GV và các đơn vị liên quan của Trường.

- Các Phòng/Tổ chức năng: có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu Trường trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị do Hiệu Trường ban hành. Các đơn vị này đều có cán bộ phụ trách ĐBCL, chịu trách nhiệm triển khai, báo cáo các nhiệm vụ cụ thể được giao như tham gia Hội đồng TĐG, viết báo cáo TĐG theo các Tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan mảng công việc phụ trách,...

3.4. Về nhân sự

Thời điểm ban đầu khi mới thành lập (năm 2010) Trường có 09 nhân sự (gồm 01 Tiến sĩ, 02 Thạc sĩ, 06 Đại học) sau gần 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay đội ngũ cán bộ, GV của Trường có nhiều thay đổi đáng kể về cả số lượng và đặc biệt về chất lượng. Trường hiện nay gồm 107 cán bộ, GV, trong đó có 01 Phó Giáo sư, 10 tiến sĩ, 46 thạc sĩ. Hiện đang có 19 GV đang thực hiện đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước.

Sự phát triển của Nhà trường gắn liền với các cơ sở thực hành theo Nghị định 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ. Mỗi quan hệ gắn kết giữa Trường với các cơ sở thực hành như Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng, Bệnh viện C Đà Nẵng, các bệnh viện chuyên khoa... và các tỉnh/thành phố lân cận tạo nền tảng vững chắc cho công tác đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ khám chữa bệnh, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật và công nghệ cùng lúc đó hỗ trợ một số lượng lớn nguồn nhân lực cơ hữu cho Trường với số lượng các bác sĩ tại Bệnh viện được công nhận làm GV cơ hữu và kiêm nhiệm các chức vụ tại Trường hiện nay là 37 người.

3.5. Về công tác NCKH và hợp tác quốc tế

3.5.1. Về công tác nghiên cứu khoa học

Trong những năm gần đây, đội ngũ GV của TYD đã được bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực NCKH, nhất là đội ngũ GV trẻ. Các giải pháp thúc đẩy hoạt động NCKH của BGH đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ. Một số đề tài/ nhiệm vụ KH&CN các cấp (cấp cơ sở, cấp ĐHĐN, cấp thành phố và cấp Bộ) được triển khai thực hiện. Số lượng bài báo được công bố trên các tạp chí uy tín quốc tế thuộc hệ thống ISI

và SCOPUS và trong nước tăng dần theo từng năm. GV của Trường còn tham gia xuất bản một số đầu sách Chuyên khảo bằng cả Tiếng Anh và Tiếng Việt. Các hội thảo khoa học ở phạm vi Trường và quốc tế đã được tổ chức, từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng ĐT và góp phần vào việc phát triển các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương.

Một số GV của Trường đã và đang tham gia vào các dự án quốc tế liên quan đến NCKH để nâng cao năng lực nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để phát triển bản thân và hứa hẹn sẽ thành lập nên các nhóm nghiên cứu mạnh để chủ trì các đề tài/ nhiệm vụ có quy mô lớn.

Hoạt động NCKH của SV phát triển mạnh mẽ từ năm học 2021 - 2022. Tính đến nay đã có hơn 20 đề tài NCKH được nghiệm thu, hơn 15 đề tài được phê duyệt để triển khai thực hiện trong học kì I năm học 2023 - 2024. SV cũng gặt hái được nhiều thành công trong NCKH như có các bài báo trước công bố trong và ngoài nước, tham gia và đạt nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi về NCKH cấp Trường, cấp ĐHĐN, cấp thành phố và cấp Bộ.

Tuy nhiên, nếu so với tiềm lực về con người, CSVC sẵn có thì những kết quả đã đạt được về NCKH của Trường vẫn còn khiêm tốn. Đến nay, Trường chưa thực hiện được nhiệm vụ NCKH cấp quốc gia, còn hạn chế trong các nhiệm vụ cấp bộ. Sự hợp tác về NCKH giữa Trường và các doanh nghiệp chưa thực sự phát triển.

3.5.2. Về hợp tác quốc tế

Đến năm 2024, Trường đã thực hiện việc ký kết nhiều thoả thuận hợp tác quan trọng, bao gồm các biên bản ghi nhớ chung và các thoả thuận về chương trình trao đổi cán bộ và SV. Đối tác trong các thoả thuận này là những quốc gia tiên tiến, nổi tiếng về chất lượng đào tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực y dược trên toàn thế giới, và tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Âu, Châu Á và Châu Úc. Trong số này, những văn bản hợp tác nổi bật nhất được ký kết với các trường đại học hàng đầu ở CHLB Đức, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Pháp.

Ngoài ra, Trường đã tiếp đón một số đại diện từ các trường đại học hàng đầu, doanh nghiệp lớn và tổ chức phi chính phủ, bao gồm Đại học Ludwig Maximilian München (CHLB Đức), Đại học Côte d'Azur (Pháp), Đại học Kangwon (Hàn Quốc), Đại học Monash (Úc), Tập đoàn Phúc lợi Y tế Shouwakai (Nhật Bản), và nhiều đối tác khác. Kết quả của các cuộc làm việc chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các thoả thuận hợp tác liên quan đến chương trình trao đổi cán bộ GV, sinh viên thực tập, nghiên cứu chung, các khóa đào tạo ngắn hạn, hội thảo, hội nghị quốc tế và các buổi nói chuyện chuyên đề. Đồng thời, Khoa cũng tiếp nhận nguồn viện trợ ban đầu từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, như Tổ chức Heart For Heart – Foundation For Life (CHLB Đức).

3.6. Công tác sinh viên

Trường quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, SV; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo CĐR của CTĐT. Năm học 2023-2024,

Trường quản lý 28 đơn vị lớp SV, tổng cộng 1257 SV đang theo học thuộc 5 ngành Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Trong đó, ngành YK: 631 SV; Răng - Hàm - Mặt: 251 SV; Dược học: 206 SV; Điều dưỡng: 141 SV và Kỹ thuật xét nghiệm y học: 28 SV.

3.7. Về cơ sở vật chất

Trường tọa lạc tại khu đô thị ĐHĐN, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích đất sử dụng khoảng 23.000 m². Đến nay, quỹ phòng học tại Trường phục vụ đào tạo gồm có 17 phòng học với diện tích 1776 m², trong đó có 01 giảng đường/hội trường 180 chỗ ngồi (Hội trường tầng 3) với diện tích 252 m²; hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm có 47 phòng với tổng diện tích là 4713 m². Trường đã thực hiện nghiêm túc công tác quản lý và sử dụng tài chính theo quy định của Nhà nước và ĐHĐN. Công tác đầu tư xây dựng, mua sắm CSVC và trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH và khám chữa bệnh điều được Trường triển khai thực hiện hàng năm. Định kỳ qua các đợt kiểm kê, đánh giá lại tình trạng sử dụng, các tài sản hư hỏng hoặc hoạt động không hiệu quả sẽ được xử lý và có sự thay thế kịp thời, do đó hệ thống CSVC trang thiết bị tại Trường luôn được đảm bảo vận hành ở trạng thái hoạt động tốt. Trường cũng đã chủ động tìm kiếm, vận động các nguồn lực hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân; các chương trình, dự án để đầu tư CSVC và mua sắm trang thiết bị cho Trường, qua đó tạo điều kiện để Trường tích lũy nguồn lực tài chính phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ, chiến lược quan trọng trong tương lai.

3.8. Về tổ chức các phong trào đoàn thể

Năm 2019, KYD có 02 câu lạc bộ tình nguyện (Blouse Trắng và L-Club), 01 câu lạc bộ âm nhạc (Medzic). Năm 2020 thành lập câu lạc bộ Dược khoa. Năm 2021 thành lập câu lạc bộ Học tập (Medical space). Năm 2022 thành lập câu lạc bộ Bóng chuyền (DVC). Năm 2023 thành lập câu lạc bộ Tiếng Anh và câu lạc bộ Răng - Hàm - Mặt.

Trường quản lý các hoạt động học tập và phong trào của học viên, SV; thúc đẩy quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp theo CĐR của CTĐT.

Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động và phong trào SV như: Chương trình chào đón Tân SV; tổ chức Giải bóng đá nam, nữ; phối hợp với Trung tâm Y khoa tổ chức các chương trình khám, phát thuốc miễn phí; chương trình Hành trình địa chỉ đỏ; tổ chức cuộc thi “Rung chuông vàng”; tổ chức các ngày hội sách, tổ chức chương trình phụ đạo tiếng Việt cho Lưu học sinh.

Trường luôn đặt mục tiêu xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nhân văn, hiệu quả và chất lượng. Công đoàn Nhà Trường hàng năm luôn chú trọng tổ chức các hoạt động đoàn thể gắn kết tinh thần đoàn kết của giáo viên trong Trường, thăm hỏi và động viên kịp thời các giáo viên gặp khó khăn và luôn tạo động lực phát triển cho mỗi công đoàn viên.

3.9. Giới thiệu về ngành Dược học

Nhà trường bắt đầu hợp tác với Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tuyển và đào tạo dược sĩ từ năm 2008. Đến năm 2017, Trường đã hoàn toàn tự đào tạo và cấp bằng dược sĩ nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống y tế để phục vụ cho công tác khám chữa bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

CTĐT ban đầu được xây dựng dựa trên chương trình khung khối ngành Trường học Sức khỏe của BGD&ĐT theo phương thức đào tạo niên chế với tổng số 193 đơn vị học trình, trong đó bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. CTĐT được xây dựng, rà soát và điều chỉnh trên cơ sở tham khảo chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam, CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước như Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Hà Nội, Trường Y - Học viện Kỹ Thuật Ladkrabang của King Mongkut - Thái Lan và có sự tham gia góp ý của GV, người học, cựu SV, các nhà tuyển dụng lao động và các chuyên gia về ĐBCLGD ĐH. Năm 2019, chương trình đã được chuyển đổi phương thức đào tạo sang tín chỉ với tổng số 184 tín chỉ. Sau đó, CTĐT được rà soát, cập nhật, điều chỉnh định kỳ 2 năm 1 lần và được ban hành các phiên bản CTĐT 2019, 2021, 2023, 2024 cụ thể như sau: năm 2019, CTĐT được cập nhật CĐR, bổ sung các phương pháp dạy học, lượng giá mới để phát huy tính tích cực, sáng tạo và nâng cao năng lực người học thông qua đánh giá CĐR của CTĐT; Năm 2021, CĐR CTĐT được rà soát và cập nhật thêm các chỉ số PI để thuận lợi cho việc đánh giá việc đạt được CĐR của người học sau khi tốt nghiệp; Năm 2023, CTĐT được rà soát, cập nhật, điều chỉnh Đề cương chi tiết (ĐCCT) các học phần (HP), kế hoạch giảng dạy và tài liệu tham khảo. Đến năm 2024, CTĐT được tổng rà soát 5 năm 1 lần kể từ thời điểm ban hành CTĐT 2019. Đến đây, CĐR được điều chỉnh thứ tự để thống nhất với bố cục chung của tất cả các ngành, đồng thời, cập nhật danh sách các học phần cốt lõi dùng để đánh giá CĐR, theo đó, ĐCCT cũng được cập nhật và điều chỉnh để phù hợp với CĐR.

Tính đến thời điểm hiện tại, Nhà trường đã có 03 khóa đào tạo tốt nghiệp CTĐT ngành Dược học với tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (5 năm) trung bình chiếm trên 90% và mang tính chất ổn định. Số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định chiếm tỷ lệ thấp. Hằng năm, Trường cũng tiến hành khảo sát tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm, kết quả cho thấy đa phần SV ngành Dược học sau tốt nghiệp có việc làm đạt tỷ lệ cao, làm đúng chuyên ngành, vận dụng những kiến thức đã học vào công việc, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng. Việc này đã thúc đẩy TYD ngày càng chú trọng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các bệnh viện và các cơ sở y tế; NCKH, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y dược. Trong thời gian qua, Trường đã xây dựng mối quan hệ và phối hợp chặt chẽ với nhiều trường đại học y dược, các cơ sở y tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; đồng thời tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học và đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đổi mới, toàn diện trong thực hiện CTĐT.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

TYD là một trong những đơn vị trực thuộc ĐHĐN, được thành lập từ năm 2008. Tuy non trẻ nhưng song song với quá trình phát triển của ĐHĐN, Trường đã và đang từng bước hoàn thành tốt nhiệm vụ ĐT và NCKH. Trong những năm qua, Trường đã chuẩn bị được một đội ngũ cán bộ nòng cốt đáp ứng trình độ giảng dạy, tạo đà cho sự phát triển và bám sát mục tiêu đổi mới GDĐH trong nước. Hiện tại, Nhà trường đang đào tạo 05 ngành bậc đại học là: Y khoa, Cử nhân Điều dưỡng, Dược học, Răng - Hàm - Mặt, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học. Trong đó, ngành Dược học hàng năm thu hút được khoảng 50 SV theo học với điểm trúng tuyển vào ngành thuộc nhóm điểm cao nhất của ĐHĐN. Do đó, việc xây dựng CTĐT ngành Dược học được chú trọng thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học.

CTĐT ngành Dược học được xây dựng trên cơ sở khung chương trình Khối ngành khoa học Sức khỏe của BGD&ĐT có tham khảo, bổ sung theo Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam và các chương trình trong và ngoài nước. CTĐT của ngành được thiết kế một cách cụ thể, hợp lý, thể hiện mục tiêu, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm trong đào tạo trình độ đại học dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan như GV, nhà tuyển dụng, cựu SV.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành Dược học được xây dựng trên cơ sở pháp lý là khung chương trình Khối ngành khoa học sức khỏe năm 2012 của BGDĐT [H1.01.01.01] và được Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng (tên gọi trước đây của TYD - ĐHĐN) ban hành lần đầu vào năm 2017 [H1.01.01.02] theo phương thức đào tạo niên chế với tổng số 193 đơn vị học trình [H1.01.01.02]. Năm 2019, chương trình đã được chuyển đổi sang phương thức tín chỉ (TC) và được điều chỉnh thành 184 TC [H1.01.01.02]; [H1.01.01.03]. Trong những năm 2021 và 2023, CTĐT ngành Dược học được ban hành với số TC vẫn là 184 [H1.01.01.02], tuy nhiên CTĐT được tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật các phần như triết lý giáo dục, chỉ số đánh giá (PI), quy định đánh giá kết quả học tập, ... để phát huy tính tích cực, sáng tạo và nâng cao năng lực người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05]. Năm 2024, trong lần tổng rà soát CTĐT sau 5 năm (kể từ năm 2019), khối lượng TC đã được điều chỉnh thành 185 với sự tăng cường cho khối kiến thức thực tế nhằm cung cấp cho người học những trải nghiệm cần thiết cho hoạt động thực tiễn nghề nghiệp [H1.01.01.02]; [Bảng phân tích sự khác nhau về chương trình đào tạo qua các năm.pdf](#). Trong quá trình rà soát và cải tiến CTĐT, Trường đã có tham khảo và đối sánh với chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ [H1.01.01.06],

CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước như Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Trường Đại học Santo Tomas (Philippines) [H1.01.01.07].

CTĐT ngành Dược học có mục tiêu đào tạo (PO) được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT [H1.01.01.04], trong đó mục tiêu đào tạo chung là: “*Đào tạo Dược sĩ đại học có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; có khả năng NCKH và tự học nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo và nâng cao sức khoẻ nhân dân; có tầm nhìn và năng lực sáng tạo, khả năng hội nhập tốt*”. Từ mục tiêu chung, CTĐT đã cụ thể hóa bằng các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm như sau:

Kiến Thức:

PO1. Có kiến thức về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khoẻ và ngành Dược để chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

Kỹ Năng:

PO2. Có kỹ năng thực hiện các hoạt động chuyên môn; có khả năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

Tự chủ trách nhiệm:

PO3. Có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức hành nghề dược; có sự tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh, có ý thức học tập suốt đời, thường xuyên trao đổi kỹ năng chuyên môn; có tư duy sáng tạo, tư duy khởi nghiệp.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng đến sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với sứ mạng và tầm nhìn của ĐHĐN. Sứ mạng của ĐHĐN được chính thức công bố trong Quyết định về việc ban hành Chiến lược phát triển ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2035 [H1.01.01.08] và được xác định là: “*Đào tạo nguồn nhân lực có tinh thần nhân văn, tư duy sáng tạo và quyết tâm khởi nghiệp; có bản lĩnh, lập trường và thích nghi nhanh chóng với môi trường lao động trong nước và quốc tế đang thay đổi nhanh chóng; tiên phong trong giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền bá tri thức khoa học, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, thịnh vượng*”. Tầm nhìn của ĐHĐN được xác định là đến năm 2045 phát triển ĐHĐN thành “*một trong ba trung tâm đại học lớn nhất của cả nước; một trong ba đại học trọng điểm quốc gia; trung tâm ĐT và NCKH đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia; ngang tầm khu vực và quốc tế*”.

Đồng thời, trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Dược học cũng thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi chính của Trường [H1.01.01.08], được thể hiện qua bảng 2.1 dưới đây. Trong đó, sứ mạng của Trường được xác định: “*Đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học và sau đại học; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ*

cho nhân dân; là động lực quan trọng cho sự phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước”. Mục tiêu của CTĐT ngành Dược học được xây dựng cũng thể hiện một phần tầm nhìn của Trường là “Xây dựng TYD - ĐHĐN đến năm 2025 trở thành Trường Đại học Y Dược - ĐHĐN, là Trường Đại học chuyên ngành sức khỏe đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân”.

Bảng 2.1. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của TYD và ĐHĐN

Mục tiêu CTĐT	Sứ mạng - Tầm nhìn TYD	Sứ mạng -Tầm nhìn ĐHĐN
Đào tạo Dược sĩ đại học có đạo đức tốt, ... , kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả, ... đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	<i>Sứ mạng:</i> Đào tạo nguồn nhân lực y tế bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.	<i>Sứ mạng:</i> Đào tạo nguồn nhân lực có tinh thần nhân văn, ..., truyền bá tri thức khoa học, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, thịnh vượng.
Có kỹ năng thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Dược, ... , (PO2); có tác phong hành nghề chuyên nghiệp, thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức hành nghề dược, có sự tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh, ... , (PO3).	<i>Tầm nhìn:</i> Xây dựng TYD - ĐHĐN ... là Trường Đại học chuyên ngành sức khỏe đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực đáp ứng nhu cầu nhân lực y tế cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, góp phần bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho nhân dân.	<i>Tầm nhìn:</i> ĐHĐN sẽ được xếp hạng trong nhóm 50 đại học hàng đầu khu vực Đông Nam Á ... trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, y học; là trung tâm hợp tác nghiên cứu và triển khai ứng dụng mang tầm vóc quốc gia và quốc tế.

Ngoài ra, mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành Dược học luôn bám sát, phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật GDĐH và Luật GDĐH sửa đổi năm 2018 [H1.01.01.01] được thể hiện qua bảng 2.2 dưới đây, đó là hướng đến việc đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KH&CN tương xứng với trình độ ĐT; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

Bảng 2.2. Sự phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành Dược học của Trường năm 2019 với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học

Mục tiêu của giáo dục đại học	Có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội	Có kỹ năng thực hành cơ bản	Có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân
PO1	X		
PO2		X	
PO3			X

Thêm vào đó, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Dược học cũng được chú trọng xây dựng phù hợp với Chuẩn năng lực Dược sĩ [H1.01.01.06], thể hiện qua bảng 2.3 dưới đây.

Bảng 2.3. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT với Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam

Chuẩn năng lực Dược sĩ	Lĩnh vực 1: Hành nghề chuyên nghiệp và có đạo đức	Lĩnh vực 2: Năng lực giao tiếp - cộng tác	Lĩnh vực 3: Tổ chức và quản lý	Lĩnh vực 4: Đảm bảo chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Lĩnh vực 5: Bào chế, sản xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc	Lĩnh vực 6: Cung ứng thuốc	Lĩnh vực 7: Sử dụng thuốc hợp lý
PO1				X	X	X	X
PO2		X	X				
PO3	X						

Từ năm 2019, Trường đã thành lập Tổ rà soát, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT có nhiệm vụ định kỳ rà soát mục tiêu của CTĐT ngành Dược học [H1.01.01.09], nhằm đảm bảo sự cam kết đào tạo với người học và xã hội, đảm bảo phù hợp hơn với tầm nhìn và sứ mạng của TYD và ĐHĐN cũng như đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động, của nhà tuyển dụng [H1.01.01.10]. Tổ/Ban rà soát CTĐT đã xây dựng, rà soát mục tiêu CTĐT ngành Dược học theo đúng quy định và hướng dẫn của ĐHĐN [H1.01.01.09]. Trong quá trình rà soát mục tiêu CTĐT, TYD luôn thực hiện khảo sát các bên liên quan gồm nhà tuyển dụng lao động, GV, SV [H1.01.01.10]. Sau mỗi lần rà soát, mục tiêu của CTĐT được phổ biến rộng rãi ở trang thông tin điện tử của TYD [H1.01.01.11], tờ rơi tuyển sinh [H1.01.01.12] để giúp cho người học và các bên liên quan có thể nắm rõ được mục tiêu của CTĐT.

2. Điểm mạnh

- Mục tiêu của CTĐT ngành Dược học được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp sứ mạng, tầm nhìn của TYD và sứ mạng, tầm nhìn ĐHĐN.

- Mục tiêu của CTĐT ngành Dược học được thông báo, triển khai đến CBGV, SV và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường.

3. Điểm tồn tại

- Trong quá trình rà soát, mục tiêu đào tạo của CTĐT việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan được thực hiện với quy mô chưa lớn, hình thức chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu CTĐT cần được tiến hành với quy mô lớn hơn với nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến)	Phòng ĐT&ĐBCL, Khoa Dược	Từ năm 2024-2025	Thực hiện việc lấy ý kiến với nhiều công ty sản xuất hơn (Công ty cổ phần dược Trung Ương 3, Công ty cổ phần dược Danapha)
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai rà soát, cập nhật định kỳ mục tiêu của CTĐT để đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn TYD, ĐHĐN.	Phòng ĐT&ĐBCL, Tiểu ban rà soát	2 năm một lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Theo hướng dẫn của ĐHĐN về xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR), Trường lên kế hoạch xây dựng và ban hành CĐR vào năm 2019, đáp ứng tiêu chuẩn của BGD&ĐT (thông tư số 01/2012/TT-BGDĐT) [H1.01.01.01]; [H1.01.01.02]; [H1.01.02.01] và phù

hợp với chuẩn năng lực Dược sĩ Việt Nam [H1.01.01.06]. Để đảm bảo CĐR CTĐT được xây dựng một cách chính xác và khách quan, trong quá trình xây dựng CĐR CTĐT, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến từ các bên liên quan như: GV, nhà tuyển dụng lao động, SV, cựu SV, và được thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT của TYD [H1.01.01.10].

CĐR được xác định rõ ràng với 11 chuẩn. Mỗi CĐR của CTĐT được xây dựng bằng các động từ được mô tả trong bảng phân loại Bloom, và được xây dựng theo nguyên tắc SMART (Specific, Measurable, Actionable, Rational, Communicable) nhằm đảm bảo có thể đo lường và đánh giá được. Các CĐR được đo lường và đánh giá bằng các hình thức thi khác nhau như trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận chạy trạm, vấn đáp,... Các câu hỏi thi có các mức độ từ dễ đến khó, từ đọc hiểu đến vận dụng để đo lường các CĐR. CĐR phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.04], được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP [H1.01.01.04]; [H1.01.02.02].

Bảng 2.4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
[H1.01.02.02]

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PO1	X	X	X	X	X	X					
PO2			X	X	X	X	X	X	X	X	
PO3	X						X	X			X

Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT ngành Dược học, CĐR của CTĐT ngành Dược học được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần dựa theo hướng dẫn rà soát CTĐT chung hàng năm của ĐHĐN và TYD [H1.01.01.09]. Bên cạnh việc căn cứ vào mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chiến lược phát triển và sứ mạng của TYD và ĐHĐN [H1.01.01.08], việc điều chỉnh còn căn cứ vào những quy định hiện hành của BGD&ĐT về xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT [H1.01.01.03] và dựa theo đóng góp của các bên liên quan [H1.01.01.10]. Trong Bản mô tả CTĐT năm 2019 [H1.01.01.04] CĐR của CTĐT bao gồm các CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ trách nhiệm. Trong đó, yêu cầu người học cần đạt những yêu cầu về chính sách pháp luật, kỹ năng sử dụng CNTT và ngoại ngữ [H1.01.02.03]; [H1.01.02.04]. Các yêu cầu chuyên biệt bao gồm những yêu cầu chuyên biệt của một SV ngành Dược học cần nắm vững và vận dụng, cụ thể:

- *Kiến thức (PLO 1-6)*: người học được trang bị đầy đủ các kiến thức về khoa học cơ bản, y dược học cơ sở trong thực hành Dược và trong hoạt động thực tiễn chuyên ngành Dược như bào chế, kiểm nghiệm thuốc hoá dược, thuốc dược liệu, quản lý và cung ứng thuốc. Các kiến thức về dược lý, dược lâm sàng trong điều trị các bệnh thông thường và các bệnh chuyên khoa cũng được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, các kiến thức về

CNTT và ngoại ngữ được cung cấp để làm nền tảng cho người học sử dụng trong quá trình học tập các kiến thức chuyên ngành.

- *Kỹ năng (PLO 3-10)*: người học được trang bị các kỹ năng thực hành tương ứng với các hoạt động chuyên môn và theo chuẩn năng lực cơ bản cho Dược sĩ Việt Nam như: kỹ năng tổng hợp, bào chế trong sản xuất và kiểm nghiệm nguyên liệu làm thuốc, thuốc thành phẩm; tạo ra nguồn nguyên liệu và thuốc có nguồn gốc từ dược liệu; xây dựng kế hoạch điều trị, tư vấn và giám sát việc sử dụng thuốc và thúc đẩy việc sử dụng thuốc hợp lý tại cơ sở y tế; vận dụng được các quy định về cung ứng và quản lý thuốc một cách an toàn, hợp lý, hiệu quả và kinh tế; giao tiếp, phối hợp hiệu quả với người bệnh, người nhà của người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng trong thực hành chăm sóc sức khỏe; có năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và trong lĩnh vực y - dược; ứng dụng được công nghệ thông tin trong lĩnh vực y - dược.

- *Năng lực tự chủ trách nhiệm (PLO 1, 7-8, 11)*: người học tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tư duy sáng tạo, tư duy khởi nghiệp, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp được thể hiện qua việc hành nghề trong phạm vi chuyên môn cho phép, sự chính trực, minh bạch, khả năng cập nhật thông tin và học tập suốt đời [H1.01.01.04].

Ngoài thời gian thực hành tại phòng thí nghiệm và thực tập tại bệnh viện, cơ sở kinh doanh, sản xuất thuốc thì người học có thể đạt được các CDR chuyên biệt thông qua hoạt động cấp phát thuốc tình nguyện [H1.01.02.05]. CDR CTĐT được xây dựng, cập nhật và điều chỉnh theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn/yêu cầu của ĐHQĐ [H1.01.01.03]; [H1.01.01.04]; [H1.01.02.01].

CDR CTĐT có thể đạt được thông qua các CLO của các học phần và được thể hiện rõ trong ĐCCT HP [H1.01.02.02]. CTĐT phiên bản 2021 thiết lập các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (PI - Performance Indicators) một cách rõ ràng, hiệu quả nhằm cụ thể hóa các CDR CTĐT và phục vụ cho việc đo lường đánh giá mức đạt CDR CTĐT [H1.01.01.04].

Ngoài ra, CDR CTĐT cũng phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam (được trình bày ở bảng 2.5 - bảng ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với khung trình độ Quốc gia Việt Nam) [H1.01.01.04]; [H1.01.01.05]; [H1.01.02.06].

Bảng 2.5. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

CĐR theo KTĐQG CĐR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Tự chủ trách nhiệm			
	K T 1	K T 2	K T 3	K T 4	K T 5	K N 1	K N 2	K N 3	K N 4	K N 5	K N 6	TC TN 1	TC TN 2	TC TN 3	TC TN 4
PLO1		X										X			
PLO2	X		X											X	
PLO3	X		X			X		X	X					X	
PLO4	X					X	X					X			
PLO5	X			X		X				X			X		X
PLO6					X		X	X					X		X
PLO7						X			X	X		X			
PLO8				X	X		X	X						X	
PLO9		X									X	X			
PLO10			X			X									
PLO11		X												X	

Với việc đạt được các CĐR CTĐT, sau khi tốt nghiệp ngành Dược học bậc đại học, người học có thể đảm nhận công tác tại nhiều vị trí: kinh doanh, phân phối dược phẩm; sản xuất, kiểm nghiệm thuốc; tư vấn sử dụng thuốc; GV, nghiên cứu viên. Ngoài ra, người học có thể nâng cao trình độ bằng cách học tập và nghiên cứu ở các cấp bậc cao hơn ở trong và ngoài nước như dược sĩ chuyên khoa, cao học, nghiên cứu sinh [H1.01.01.04].

2. Điểm mạnh

- CĐR được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng mục tiêu của CTĐT.
- CĐR đã bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV tốt nghiệp

3. Điểm tồn tại

CĐR của CTĐT trình độ đại học hiện nay của ngành Dược học còn chưa tham khảo các Trường ngoài khu vực Đông Nam Á.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, cập nhật CĐR của CTĐT có tham khảo CĐR của một số Trường lớn trên thế giới.	Phòng ĐT&ĐBCL; Khoa Dược	Từ năm 2025-2026	Tham khảo CTĐT của một số trường có chất lượng cao ở Singapore bên cạnh một số trường khác ở Nhật Bản
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật CĐR theo nhu cầu của thị trường lao động trong nước và thế giới.	Tổ rà soát CTĐT; Khoa Dược	2 năm một lần kể từ năm 2019.	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để đảm bảo CĐR CTĐT được xây dựng một cách chính xác và khách quan, trong quá trình xây dựng CĐR CTĐT, TYD đã tiến hành lấy ý kiến từ các bên liên quan như: GV, nhà tuyển dụng lao động, SV, cựu SV, và được thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT của Trường [H1.01.01.10]. Cụ thể, đối với đối tượng khảo sát là người học ngành Dược học, Trường đã khảo sát SV các năm 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023, tỷ lệ kết quả đồng ý và hoàn toàn đồng ý CĐR CTĐT đáp ứng được về kiến thức, kỹ năng và thái độ với sự mong đợi của người học trên tổng số SV khảo sát lần lượt là 77,4%/208, 73,2%/86, 72,9%/70, trên 85%/210, trên 90%/395. Đối với đối tượng khảo sát là cựu SV, TYD đã tiến hành khảo sát 27 cựu SV ngành DH về CTĐT năm học 2021- 2022, kết quả các nội dung khảo sát về CĐR và CTĐT ngành DH được đánh giá từ mức độ hài lòng một phần trở lên đạt tỷ lệ trung bình 78,3% (8/13 nội dung trên 80%), bốn nội dung có mức độ đánh giá cao nhất là kiến thức, kỹ năng học ở trường dễ dàng phát triển nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời, kiến thức chuyên ngành đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc, thời gian đào tạo chương trình là phù hợp, số lượng môn học, số lượng TC của CTĐT là phù hợp (84,9%). Đối với đối tượng khảo sát là GV, Trường đã khảo sát ý kiến của 14 GV dạy ngành DH, trong đó 78,6% đến

85,7% đồng ý CĐR CTĐT 2021-2022, với tiêu chí phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Trường đạt tỷ lệ cao nhất (92,9%). Kết quả này cũng tương tự với đợt khảo sát 24 GV về CĐR CTĐT năm 2022 - 2023, với tỷ lệ đồng ý từ 75% đến 95,8%, trong đó tiêu chí “được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT” có tỷ lệ đồng ý thấp nhất (75%). Đối với đối tượng khảo sát là nhà tuyển dụng, TYD cũng đã lấy ý kiến về CĐR CTĐT các năm 2021 - 2022 (08 nhà tuyển dụng), 2023 - 2024 (07 nhà tuyển dụng), kết quả hầu hết các nội dung khảo sát về CĐR được đánh giá mức độ đồng ý 100%, lần lượt là 6/8 và 8/8.

Ngoài ra, trong quá trình rà soát điều chỉnh CĐR của CTĐT cũng đánh giá dựa trên sự phân tích kết quả xếp loại học tập của người học [H1.01.03.01].

Căn cứ quy định, hướng dẫn của BGD&ĐT, ĐHĐN và Trường, ý kiến của các bên liên quan, yêu cầu của thị trường lao động..., TYD đã tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT bao gồm mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT (số học phần, tín chỉ), cập nhật ĐCCT học phần, nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá (KTĐG) trong từng HP, môn học... [H1.01.01.09]; [H1.01.02.02]; Bảng phân tích sự khác nhau về chương trình đào tạo qua các năm.pdf. Trường đã xây dựng quy trình rà soát CTĐT dựa theo Quyết định số 476/QĐ-KYD ngày 31/12/2021 [H1.01.01.09], theo đó CTĐT được tiến hành điều chỉnh mỗi 2 năm, tương ứng với các phiên bản của CTĐT các năm 2019, 2021, 2023 [H1.01.02.02]. Riêng năm 2024, CTĐT được tiếp tục rà soát, đánh giá, cập nhật điều chỉnh với chu kỳ 5 năm một lần tính từ năm 2019, nhằm mục đích tổng rà soát, đánh giá tổng thể CTĐT đã triển khai sau 5 năm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT của BGD&ĐT [H1.01.01.09].

Ngoài ra, việc triển khai rà soát CTĐT hằng năm theo hướng dẫn của ĐHĐN [H1.01.01.09], qua đó kịp thời có các điều chỉnh, cập nhật ở cấp HP (ĐCCT) cho phù hợp với nhu cầu của người học [H1.01.01.09]; [H1.01.02.02]. Bên cạnh việc căn cứ vào mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chiến lược phát triển và sứ mạng của TYD và ĐHĐN, CĐR của CTĐT ngành Dược học còn được xây dựng, rà soát và điều chỉnh căn cứ vào những quy định hiện hành của BGD&ĐT về xây dựng, rà soát, cập nhật CTĐT [H1.01.01.03] và các quy định về đào tạo theo hệ thống TC của ĐHĐN và của Trường [H1.01.01.09]; [H1.01.03.02].

CĐR của CTĐT ngành Dược học đạt được yêu cầu của Bộ GD&ĐT, chuẩn năng lực Dược sĩ Việt Nam, phù hợp mục tiêu đào tạo của Trường, sứ mạng, tầm nhìn ĐHĐN [H1.01.01.03]; [H1.01.01.06]; [H1.01.01.08].

So sánh CĐR 2019 và 2021, 2023: Từ năm 2021, CĐR đã xây dựng hệ thống PI, dễ dàng đánh giá CĐR.

Bảng 2.6. So sánh CĐR của CTĐT phiên bản 2019, 2021, 2023, 2024

Bảng phân tích sự khác nhau về chương trình đào tạo qua các năm.pdf

STT	CĐR của CTĐT 2019	CĐR của CTĐT 2021	CĐR của CTĐT 2023	CĐR của CTĐT 2024
Giống nhau	Thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT; Xác định rõ yêu cầu về các kiến thức, kỹ năng cơ bản và mức tự chủ trách nhiệm mà người học cần đạt được			
Khác nhau	Bao gồm 11 CĐR được xác định rõ ràng theo từng mục tiêu cụ thể của CTĐT, đáp ứng bảng phân loại Bloom về đo lường, đánh giá CĐR	11 CĐR (PLO) được cụ thể hóa bằng chỉ số PI (29PI), giúp dễ dàng đo lường, đánh giá hơn.	11 CĐR (PLO) được cụ thể hóa bằng chỉ số PI (29PI), giúp dễ dàng đo lường, đánh giá hơn.	11 CĐR (PLO) được sắp xếp lại thứ tự, cụ thể hóa bằng chỉ số PI (28PI), giúp dễ dàng đo lường, đánh giá hơn.

TYD đã nhận thức được tầm quan trọng của CĐR trong quá trình ĐT, vì vậy, sau khi xây dựng và điều chỉnh, cập nhật CĐR, Nhà trường đã có kế hoạch phổ biến CĐR. Các hoạt động phổ biến rộng rãi CĐR đến tất cả các đối tượng liên quan như cán bộ, GV, người học và nhà tuyển dụng bằng nhiều hình thức: đăng tải trên trang thông tin điện tử của TYD [H1.01.01.11], trong đợt sinh hoạt công dân dành cho SV đầu khóa [H1.01.03.03], các đợt tư vấn tuyển sinh, tờ rơi tuyển sinh [H1.01.01.12], thông qua các bản mô tả CTĐT [H1.01.01.04], bảng ma trận kỹ năng [H1.01.01.05], thông qua hội thảo/hội nghị về CTĐT [H1.01.03.04], hệ thống hỗ trợ học tập trực tuyến (E-learning/LMS) [H1.01.03.05], tài khoản cá nhân của SV... Đồng thời, tại buổi học đầu tiên của mỗi học phần, GV bộ môn phổ biến đến SV ĐCCT HP, trong đó có CĐR của HP [H1.01.01.04]; [H1.01.02.02]. Với sự công bố rộng rãi như trên đã giúp GV và SV cũng như nhà tuyển dụng lao động dễ dàng tiếp cận với các yêu cầu của CĐR. Từ đó hầu hết GV đều nắm bắt được những yêu cầu cơ bản của CĐR của CTĐT để áp dụng vào xây dựng ĐCCT các HP. Về phía SV, việc lĩnh hội đầy đủ, sâu sắc các nội dung của CĐR cũng giúp SV tự bổ sung và hoàn thiện hơn nữa các kiến thức, kỹ năng của bản thân các yêu cầu của CĐR khi tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh

- CĐR được xây dựng, rà soát, cập nhật theo đúng kế hoạch, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ cựu SV, nhà tuyển dụng nên đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- CĐR được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, ĐCCT và công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.
- CĐR của CTĐT phiên bản năm 2021, 2023 đã xây dựng các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện - PI, từ đó giúp dễ dàng trong việc đánh giá CĐR.

3. Điểm tồn tại

- Quy mô các cuộc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan như chuyên gia, nhà

tuyển dụng, cựu SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai nhiều hình thức khảo sát gồm trực tuyến, trực tiếp. Tăng số lượng phạm vi khảo sát.	Phòng ĐT&ĐBCL Khoa Dược	Từ năm học 2024-2025	Từ sau năm 2021, quy mô khảo sát đã được mở rộng hơn so với các năm học trước
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, cập nhật theo đúng kế hoạch đào tạo để phù hợp với CĐR CTĐT ngành Dược học. Triển khai kế hoạch phổ biến CĐR và tiếp tục tham khảo các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.	Phòng ĐT&ĐBCL Khoa	02 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học; phù hợp với sứ mạng tầm nhìn của TYD và sứ mạng tầm nhìn của ĐHĐN. CĐR được rà soát, cập nhật dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu SV, GV nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn lực của ngành y tế. CĐR của CTĐT ngành Dược học được công bố công khai rộng rãi.

CĐR của CTĐT ngành Dược học được xây dựng phù hợp với yêu cầu của BGD&ĐT và chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam. CĐR thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ trách nhiệm của người học khi hoàn thành CTĐT.

Tuy nhiên việc lấy ý kiến phản hồi của cựu SV và nhà tuyển dụng về mục tiêu, CDR của CTĐT chưa được triển khai với quy mô lớn và đa dạng hình thức khảo sát lấy ý kiến.

Kết luận đánh giá chung của tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành DH cung cấp các thông tin về nội dung chương trình, kết quả học tập (KQHT) mong đợi, cấu trúc khoá học, CDR của toàn bộ chương trình và từng HP cụ thể, bản tổng hợp các HP, các tiêu chí/yêu cầu tuyển sinh, đề cương HP cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, KTĐG HP. Bản mô tả CTĐT ngành DH được xây dựng dựa trên cơ sở chương trình khung ngành DH của BGD&ĐT và Trường, được điều chỉnh để phù hợp với triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn của Trường và phù hợp với nhu cầu xã hội. Bản mô tả CTĐT giúp người học, NTD và xã hội hiểu rõ yêu cầu về chất lượng đào tạo để người học lên kế hoạch học tập phù hợp, NTD có được những thông tin hữu ích. Đồng thời là minh chứng, nguồn thông tin giúp các chuyên gia và cơ quan thẩm định có thể đánh giá chất lượng, tính khả thi của CTĐT. Những nội dung này đều được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành DH được xây dựng trên cơ sở Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT của TYD - ĐHĐN và cải tiến dựa theo các Công văn rà soát của Đại học Đà Nẵng, Kế hoạch rà soát CTĐT của TYD [H1.01.01.09]; căn cứ theo các Quy chế đào tạo trình độ đại học các năm của Đại học Đà Nẵng ban hành [H1.01.03.02], Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi chương trình giáo dục và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành của BGD&ĐT theo thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015; Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT các trình độ đại học của BGD&ĐT theo thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 [H1.01.01.03] và chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ đại học [H1.01.01.06].

Bản mô tả CTĐT ngành Dược học [H1.01.01.04]; [H2.02.01.01] bao hàm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT [H1.01.01.03], nội dung gồm thông tin chung về CTĐT, triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, CDR, ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT, ma trận đối sánh CDR CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam, cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ, tiêu chí tuyển sinh, quá trình ĐT và điều kiện tốt nghiệp, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp KTĐG, cấu trúc và sơ đồ chương trình dạy học, khung CTĐT, ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt CDR của

CTĐT, mô tả tóm tắt HP, bảng đối sánh CTĐT với các CTĐT trong và ngoài nước [H1.01.01.07].

Bản mô tả CTĐT ngành Dược học định kỳ được rà soát, cập nhật và điều chỉnh theo kế hoạch rà soát CTĐT của Trường [H1.01.01.09]. Qua mỗi lần cập nhật và chỉnh sửa, bản mô tả CTĐT ngành Dược học ngày càng được hoàn thiện hơn. CTĐT 2017 là phiên bản đầu tiên được xây dựng theo hệ thống TC. Phiên bản 2019, CTĐT được rà soát, điều chỉnh và cập nhật các phương pháp dạy học, lượng giá mới để phát huy tích cực, sáng tạo và nâng cao năng lực người học thông qua đánh giá CĐR của CTĐT. Số tín chỉ của CTĐT được điều chỉnh giảm từ 193 TC thành 184 TC, lý do của sự thay đổi này là do giảm trừ các học phần lý luận chính trị theo công văn của Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng, giảm học phần Tiếng Anh B2 và tích hợp các học phần nhằm tránh sự trùng lặp nội dung, giúp sắp xếp lại kiến thức theo trình tự logic và xuyên suốt hơn, góp phần giảm tải về mặt quản lý học phần và góp phần tối ưu hóa tổng số tín chỉ trong chương trình, nhưng vẫn đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra đã đề ra [H1.01.01.04]; [H2.02.01.02]. Trong quá trình cập nhật, Nhà trường đã khảo sát và thu thập ý kiến của các bên liên quan dựa trên đối sánh với CTĐT ngành Dược học của các trường trong và ngoài nước [H1.01.01.07], khảo sát ý kiến NTD, báo cáo kết quả khảo sát SV, cựu SV về chất lượng đào tạo, khảo sát ý kiến GV về CTĐT ngành Dược học [H1.01.01.10], họp rà soát, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT ngành Dược học của TYD - ĐHĐN [H1.01.01.09]. Bản mô tả CTĐT 2021 đã được cập nhật cụ thể là bổ sung chỉ số đánh giá PI, cập nhật sứ mạng và tầm nhìn ĐHĐN và Trường [H1.01.01.04]; [H1.01.01.08].

Bảng 2.7. Nội dung cập nhật bản mô tả CTĐT ngành Dược học

Bảng phân tích sự khác nhau về chương trình đào tạo qua các năm.pdf

STT	CTĐT năm	Nội dung
01	2019	<ul style="list-style-type: none"> - 184 TC - Cập nhật phần thông tin chung, tầm nhìn và sứ mạng của ĐHĐN và Khoa Y – Dược - Cập nhật mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. - Xây dựng Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT gồm 11 PLO. - Cập nhật ma trận quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT, ma trận đối sánh CĐR của CTĐT và khung trình độ quốc gia Việt Nam. - Bổ sung sơ đồ chương trình dạy học theo 10 học kỳ. - Xây dựng ma trận và đánh giá mức độ đóng góp theo 3 mức M (Mastery), R (Reinforced), I (Introduced). - Cập nhật khung CTĐT, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT.

STT	CTĐT năm	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung bảng đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước - Xây dựng chiến lược giảng dạy và học tập. Bổ sung ma trận thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và CDR CTĐT. - Xây dựng quy trình đào tạo và cách thức, công cụ đánh giá. Bổ sung phương pháp KTĐG, công cụ đánh giá (Rubrics) phù hợp trong giảng dạy. - Bổ sung bản mô tả tóm tắt HP.
02	2021	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN và của Khoa Y - Dược. - Bổ sung 27 PI tương ứng với 11 PLO - Phân bổ hợp lý các thời gian thực hành tại phòng lab, thực hành BV, bố trí GV hỗ trợ quá trình thực tập lâm sàng của SV.
03	2023	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN và Trường - Cập nhật và điều chỉnh ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đảm bảo tất cả các học phần đều góp phần đạt được CDR của CTĐT. - Cập nhật bảng đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước: CTĐT được đối sánh với Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (2022), Trường Đại học Santo Tomas (2021-2022) để tham khảo xây dựng CTĐT. - Cập nhật cách tính điểm học phần: Thay đổi điểm A tính theo thang điểm 4 là 3,7. - Cập nhật nội dung mô tả tóm tắt các học phần. - Cập nhật ĐCCT toàn bộ các học phần theo mẫu năm 2023
04	2024	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật tầm nhìn của Trường Y Dược – Đại học Đà Nẵng - Điều chỉnh câu từ PI5.3. - Cập nhật mức độ đóng góp của từng học phần vào CDR và các học phần cốt lõi. - Cập nhật khung CTĐT: Một số học phần điều chỉnh từ lý thuyết sang vừa lý thuyết vừa thực hành từ 2 tín chỉ (2LT, 0TH) thành 2 tín chỉ (1LT, 1TH): Tâm lý y học - Y đức, Tổ chức và quản lý y tế, Dịch tễ dược học, Phương pháp nghiên cứu khoa học. Điều chỉnh học phần Thống kê y học từ 3 tín chỉ (3LT, 0TH) thành 2 tín chỉ (1LT, 1TH). Điều chỉnh học phần Thực tế xí nghiệp từ 2 tín chỉ (0LT, 2TH) thành 4 tín chỉ (0LT, 4TH) nhằm tăng thời gian thực tế cho sinh viên. Thay đổi, bổ sung học phần tiên quyết, học phần học trước cho các học phần.

STT	CTĐT năm	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật và điều chỉnh ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đảm bảo tất cả các học phần đều góp phần đạt được CĐR của CTĐT và mức độ A được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận. - Cập nhật nội dung mô tả tóm tắt các học phần. - Cập nhật đề cương chi tiết toàn bộ các học phần theo mẫu năm 2024.

Bản mô tả CTĐT được thiết kế nhằm giúp SV hiểu về CTĐT, cung cấp thông tin về kiến thức và các kỹ năng mà SV được trang bị cho NTD, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định CTĐT, là cơ sở để GV, cán bộ hiểu rõ về CTĐT và xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp nhằm đáp ứng CĐR của CTĐT. Trường ban hành Kế hoạch rà soát CTĐT và CTĐT được rà soát, cập nhật bổ sung định kỳ 2 năm một lần trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát các bên liên quan, nội dung họp rà soát CTĐT theo Kế hoạch của Trường [H1.01.01.09]; [H1.01.01.10]

Bản mô tả CTĐT ngành Dược học được Nhà trường đăng tải trên trang thông tin điện tử, tờ rơi tuyển sinh TYD và thể hiện trong phần mềm quản lý đào tạo [H1.01.01.11]; [H1.01.01.12]; [H2.02.01.03]. Bên cạnh đó, SV được phổ biến về Bản mô tả CTĐT tại tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học và đầu năm học cũng như tại các buổi sinh hoạt lớp [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT ngành Dược học được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin cần thiết để giúp người học, NTD và cơ quan thẩm định có thể có cái nhìn tổng quát về CTĐT.

- Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, cập nhật tuân thủ theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của ĐHĐN, TYD.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh Bản mô tả CTĐT ngành Dược học, Trường chưa tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ở các nước phát triển.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trong quá trình cập nhật CTĐT, TYD chú ý tham khảo Bản mô tả CTĐT của các trường ĐH quốc tế có đào tạo ngành Dược học và trường ở các nước phát triển	- Phòng ĐT&ĐBCL - Khoa Dược	Từ năm học 2021-2022	
2	Phát huy điểm mạnh	- Rà soát, cập nhật các nội dung trong bản mô tả CTĐT một cách tổng thể từ mục tiêu, CDR cho đến kế hoạch giảng dạy, ĐCCT - Phát huy việc đối sánh CTĐT với những trường đào tạo trong và ngoài nước.	- Phòng ĐT&ĐBCL - Khoa Dược	2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các HP được xây dựng cụ thể cho từng HP và phù hợp với CDR của CTĐT [H2.02.02.01] và nhu cầu của xã hội. Bản mô tả CTĐT công bố năm 2024 bao gồm 84 HP, trong đó có 02 HP. không có ĐCCT là học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An Ninh. Mỗi HP đều có số tín chỉ được xác định bằng một mã số riêng do Trường quy định và ĐCCT HP đầy đủ các nội dung sau:

- Thông tin chung về HP: mã HP, tên HP, tên tiếng anh, số TC, loại HP, thuộc khối kiến thức, điều kiện tham gia học phần, phân bổ thời gian.

- Thông tin về giảng viên: GV phụ trách chính và danh sách giảng viên cùng giảng dạy.

- Mô tả tóm tắt học phần.

- Mục tiêu HP: mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể.

- CDR của HP, ma trận thể hiện mối liên hệ giữa CDR HP và CDR của CTĐT.

- Đánh giá HP, nhiệm vụ của SV, kế hoạch và nội dung giảng dạy

- Tài liệu học tập và tham khảo, nguồn học liệu [H1.01.02.02]

Cấu trúc ĐCCT các HP được chuẩn hóa và áp dụng cho tất cả các HP trong CTĐT theo hướng dẫn của ĐHĐN và Trường [H1.01.02.02]; [H2.02.02.02]; [H2.02.02.03]. Bên cạnh đó, Trường mời chuyên gia tập huấn cho GV về phát triển CTĐT, trong đó có xây dựng ĐCCT các HP [H2.02.02.04].

Các ĐCCT HP trong khung CTĐT ngành Dược học do GV biên soạn và được định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các quy định, hướng dẫn của BGD&ĐT [H1.01.01.03], của ĐHĐN [H1.01.03.02] và theo kế hoạch, quy trình của Trường đã được phê duyệt [H1.01.01.09]. Hàng năm, Trường ban hành kế hoạch rà soát CTĐT và khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, SV, cựu SV, GV và cán bộ về CTĐT [H1.01.01.09]; [H1.01.01.10]. ĐCCT phiên bản 2024 tiếp tục được rà soát theo chu kỳ 5 năm từ năm 2019 đã được điều chỉnh nội dung, bổ sung và cập nhật thêm một số thông tin quan trọng: Cập nhật và điều chỉnh ma trận thể hiện sự đóng góp của các CĐR của học phần vào việc đạt được các CĐR của CTĐT theo từng PI cụ thể và mức độ A được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận. Ngoài ra, ĐCCT được cập nhật thêm phần đánh giá học phần: bổ sung việc lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI, cập nhật công cụ đánh giá và hình thức kiểm tra – đánh giá học phần. Bên cạnh đó, ĐCCT còn được cập nhật kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần [H1.01.02.02] Bảng phân tích sự khác nhau về chương trình đào tạo qua các năm.pdf.

Việc xây dựng đề cương HP theo CĐR được rà soát, cập nhật và báo cáo đầy đủ theo định kỳ tối thiểu 2 năm 1 lần. Dựa trên biên bản họp rà soát CTĐT [H1.01.01.09], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của NTD, SV, cựu SV và GV [H1.01.01.10], Trường đã tiến hành phân tích những ưu điểm, nhược điểm và vấn đề cần cải thiện để điều chỉnh và cập nhật ĐCCT phù hợp. Sau đó, ĐCCT các HP được thông qua bởi Hội đồng KH&ĐT của Trường trước khi ban hành và đưa vào sử dụng. [H1.01.01.09]

Tất cả những thông báo, thông tin liên quan về CTĐT và việc cập nhật điều chỉnh đều được phổ biến đến khoa và bộ môn [H3.03.01.08] và sẽ được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử TYD, tờ rơi tuyển sinh TYD để các bên liên quan cùng theo dõi và nắm bắt [H1.01.01.11]; [H1.01.01.12].

2. Điểm mạnh

- ĐCCT các HP ngành Dược học được rà soát, cập nhật thường xuyên và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CĐR môn học và CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Một số đề cương học phần chưa cập nhật các tài liệu tham khảo mới.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Rà soát, cập nhật thông tin,	- Khoa Dược;	Từ năm học	

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	phục điểm tồn tại	nội dung và tài liệu tham khảo mới	- Bộ môn; - Phòng ĐT&ĐBCL.	2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và cập nhật ĐCCT thường xuyên.	- Khoa Dược; - Bộ môn; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các HP được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả chương trình đào tạo (CTĐT) và đề cương chi tiết (ĐCCT) học phần đóng vai trò cốt lõi trong việc truyền tải thông tin về chương trình giảng dạy và các học phần. Sau khi được ĐHĐN ra quyết định ban hành vào năm 2019, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành Dược học đã được triển khai công bố rộng rãi thông qua nhiều phương thức khác nhau nhằm tối đa hóa khả năng tiếp cận của các bên liên quan [H1.01.01.04]; [H1.01.02.02]. Các nội dung tổng quát được trình bày trên các nền tảng như thông tin điện tử của Trường [H1.01.01.11], tờ rơi tuyển sinh, trang thông tin tuyển sinh TYD [H1.01.01.12] và trong buổi sinh hoạt công dân vào đầu mỗi khóa học [H1.01.03.03].

Trong buổi học đầu tiên của mỗi HP, giảng viên sẽ giới thiệu chi tiết về ĐCCT của học phần, bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra, phương pháp kiểm tra đánh giá, kế hoạch giảng dạy và tài liệu học tập. [H2.02.03.01].

Sự đa dạng trong phương thức phổ biến này tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng (NTD), giảng viên (GV) và sinh viên (SV) có thể dễ dàng theo dõi và cập nhật khi chương trình có sự thay đổi. Đồng thời, phụ huynh và học sinh phổ thông cũng tiếp cận được thông tin để đưa ra quyết định phù hợp với nguyện vọng cá nhân. Bản mô tả CTĐT giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về CTĐT, nắm bắt mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR). Từ đó sinh viên có thể hình thành kế hoạch học tập phù hợp, cung cấp ý kiến phản hồi trong các buổi đối thoại với Ban Giám hiệu, tham gia các khảo sát đánh giá. [H1.01.01.10]; [H2.02.03.02]. Trường triển khai khảo sát và lấy ý kiến của các cơ quan lý, NTD và đồng thời cung cấp văn bản nội dung bản mô tả CTĐT [H1.01.01.10]. Việc NTD có thể dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP qua nhiều hình thức, giúp họ nắm bắt về kiến thức mà sinh viên được đào tạo, CĐR của ngành học, vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm, từ đó đưa ra quyết định

tuyển dụng phù hợp hông qua chương trình tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng [H2.02.03.04]. Ngoài ra, nhà trường còn cung cấp các tài liệu này cho giảng viên thỉnh giảng trong hồ sơ mời giảng để đảm bảo việc giảng dạy và học tập luôn hướng đến mục tiêu và chuẩn đầu ra đã đề ra. [H1.01.01.11]; [H2.02.03.03]. Cùng với những hình thức công khai đã được đưa ra trên đây, người học, GV, NTD, cơ quan quản lý có thể dễ dàng tiếp cận, truy cập tìm hiểu nội dung và góp ý phản hồi.

Đối với đối tượng khảo sát là người học ngành Dược học, Nhà trường đã khảo sát SV các năm 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021 - 2022, 2022 - 2023, 2023 - 2024 [H1.01.01.10], tỷ lệ kết quả đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc SV được giới thiệu đầy đủ ĐCCT môn học được thể hiện qua bảng sau:

Bảng Tỷ lệ kết quả đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc SV được giới thiệu đầy đủ ĐCCT môn học

Năm học	Tỷ lệ kết quả đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc SV được giới thiệu đầy đủ ĐCCT môn học trên tổng số SV khảo sát
2018 – 2019	77,8%/36
2019 – 2020	71,8%/39
2020 – 2021	83,3%/60
2021 – 2022	64,3%/56
2022 – 2023	83%/
2023 – 2024	67,8%/118

Đối với đối tượng khảo sát là GV, TYD đã khảo sát GV ngành Dược học về Bản mô tả CTĐT ngành Dược học năm 2021 – 2022, 2022 - 2023 [H1.01.01.10], với kết quả tỷ lệ GV đồng ý về việc bản mô tả CTĐT được phổ biến công khai cho SV như sau:

Bảng Tỷ lệ kết quả GV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc bản mô tả CTĐT được phổ biến công khai cho SV

Năm học	Tỷ lệ kết quả GV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc bản mô tả CTĐT được phổ biến công khai cho SV
2021 – 2022	75%/13
2022 – 2023	88,9%/18
2023 – 2024	

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành Dược học được công bố công khai thông qua nhiều hình thức đa dạng giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng được phần mềm để có thể vừa nhận phản hồi vừa tương tác với các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng được phần mềm để có thể nhận phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường việc giới thiệu điểm mạnh của CTĐT ngành Dược và ĐCCT các HP bằng nhiều hình thức đến các bên liên quan như: chương trình tư vấn hướng nghiệp - Thường xuyên cập nhật những thay đổi và công bố liên tục bằng nhiều phương thức khác nhau như email, cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường.	- Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành Dược học đầy đủ và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật qua từng năm học. Cấu trúc bản mô tả CTĐT rõ ràng, tuân thủ theo quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của ĐHQĐ.

Đề cương của các HP có đầy đủ các thông tin cần thiết và được chuẩn hóa theo quy định của ĐHQĐ. Các thông tin liên quan đến HP, cấu trúc, nội dung, phương pháp KTĐG... của HP đều được cung cấp để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn bộ khóa học. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP ngành Dược học được công bố công khai rộng rãi, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và các đơn vị sử dụng lao động.

Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin cũng như việc nhận phản hồi về nội dung bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP chưa được thực hiện ở quy mô lớn và có hệ thống.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) của ngành Dược học được xây dựng theo trình tự và có hệ thống, tuân thủ quy định về xây dựng CTĐT của BGD&ĐT, của ĐHĐN và TYD. CTDH Dược sĩ được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT, có cấu trúc hợp lý, chặt chẽ về hình thức, đáp ứng tốt yêu cầu về mục tiêu và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học; và nhu cầu của thị trường lao động. CTDH thể hiện rõ sự đóng góp của mỗi HP vào việc đạt được CĐR với cấu trúc trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, liên ngành.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành Dược học được thiết kế tuân theo các quy định của BGD&ĐT về quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống TC, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu của BGD&ĐT, quy định của ĐHĐN về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo hệ thống TC, Quy chế ĐT theo hệ thống TC của ĐHĐN và TYD [H1.01.01.03]; [H1.01.03.02] và quy trình của TYD về việc thiết kế, phát triển và đánh giá CTDH dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội. Đồng thời, CTDH còn được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng được nhu cầu chuyển đổi hoặc học tập và nâng cao trình độ của NH [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02]; [H3.03.01.03].

CTDH năm 2019 thể hiện việc xây dựng dựa trên các yêu cầu của CĐR và đã được cập nhật thêm chỉ số đánh giá PI vào năm 2021 [H2.02.02.01]; [H3.03.01.02]. Cấu trúc CTDH được chia thành: kiến thức giáo dục đại cương (40 TC), kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (128 TC), thực tế bệnh viện và thực tế xí nghiệp (06 TC) và khóa luận tốt nghiệp/học phần tự chọn thay thế khóa luận (10 TC). Nội dung, cấu trúc của CTDH được thiết kế ngoài việc đáp ứng yêu cầu kiến thức cơ bản, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực tự chủ, trách nhiệm theo quy định, người học còn được trang bị các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm để thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, có tinh thần khởi nghiệp. Điều này được thể hiện trong bảng ma trận mối liên hệ giữa các HP và CĐR CTĐT, trong ma trận đối sánh với khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.05]; [H3.03.01.04]. Bên cạnh đó trong quá trình xây dựng CTĐT ngành Dược học cũng có tham khảo ý kiến góp ý của các bên liên quan như GV, SV, cựu SV, NTD về CTĐT ngành Dược học và kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT [H1.01.01.10]. Để đảm bảo tính khả thi của CTDH, trong quá trình xây dựng Trường đã căn cứ dựa trên các nguồn lực như đội ngũ GV, CSVC để thiết kế CTDH phù hợp với điều kiện thực tế của Trường cũng như yêu cầu về các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ trách nhiệm [H3.03.01.05]; [H3.03.01.06]; [H3.03.01.07]; [H3.03.01.08]; [H3.03.01.09]. Phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp KT&ĐG KQHT của người học trong các HP của CTDH được xây dựng phù hợp theo hướng dẫn

cụ thể, chi tiết và phù hợp từ cấp Trường đến Bộ môn và GV, góp phần giúp người học đạt được CDR. Các tổ hợp phương pháp giảng dạy và học tập bao gồm: thuyết trình, dạy học theo tình huống, dạy học theo bảng kiểm, dạy học trên thiết bị mô phỏng, đóng vai, trải nghiệm thực tế đã được thể hiện trong ĐCCT các HP. Các phương pháp đánh giá được áp dụng trong CTĐT bao gồm: đánh giá chuyên cần, thi chạy trạm, thuyết trình, thi lâm sàng dựa trên ca bệnh, thi tự luận, thi trắc nghiệm và bảo vệ khóa luận [H1.01.02.02].

Bảng 2.9. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy - học và CDR

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)										
	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L	L
	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O	O
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1. Giải thích cụ thể	X	X	X	X	X	X			X	X	
2. Thuyết trình	X	X	X	X	X	X			X	X	
3. Câu hỏi gợi mở	X	X	X	X	X	X			X		
4. Giải quyết vấn đề	X		X	X	X	X	X	X		X	X
5. Dạy theo tình huống		X			X	X	X	X			X
6. Thảo luận nhóm	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
7. Dạy học bảng bảng kiểm			X	X	X						
8. Mô phỏng	X		X							X	
9. Đóng vai		X			X		X	X	X		X
10. Trải nghiệm thực tế			X	X	X	X	X				X
11. Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X			X	X	

Bảng 2.10. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR

Phương pháp kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)											
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PLO 10	PLO 11	
I	Đánh giá tiến trình (đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ)											
1	Đánh giá chuyên cần, thái độ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Đánh giá thuyết trình		X	X	X	X	X	X	X			
3	Đánh giá bài tập	X	X	X	X	X	X			X	X	
4	Thi chạy trạm	X			X	X						
5	Thi vấn đáp			X		X	X	X	X			X
6	Báo cáo thực hành, thực tế	X		X	X	X	X					X
II	Đánh giá tổng kết											
7	Thi tự luận, tiểu luận	X	X	X	X	X	X		X	X	X	
8	Thi trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X			X	X	
9	Bảo vệ khóa luận	X		X	X	X	X	X	X			X

Ngoài ra, phương pháp giảng dạy - học tập và KTĐG trực tuyến trên E-learning cũng được triển khai toàn Trường để theo kịp sự phát triển công nghệ của xã hội cũng như thích ứng kịp thời trong giai đoạn thiên tai, dịch bệnh xảy ra [H3.03.01.10]. Trường tổ chức tập huấn, bồi dưỡng để triển khai đến GV các phương pháp giảng dạy và phương pháp học tập tích cực của người học, các phương pháp KTĐG KQHT của người học phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị; tổ chức các CME, seminar ngoại khóa nhằm giúp SV có thêm các kiến thức, kỹ năng góp phần đạt được CDR. Đặc biệt, TYD đã tổ chức lớp phương pháp dạy học lâm sàng nhằm huấn luyện bồi dưỡng năng lực giảng dạy thực hành lâm sàng cho các cán bộ y tế tham gia giảng dạy thực hành tại các cơ sở y tế là cơ sở thực hành của TYD [H1.01.02.02]; [H3.03.01.11]; [H3.03.01.12].

Ngoài ra, nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo, TYD thường xuyên rà soát CTĐT mỗi 2 năm 1 lần nhằm đánh giá và cải tiến liên tục các phương pháp giảng dạy và KTĐG người học [H1.01.01.09]. Đồng thời, các HP cũng được định kỳ rà soát, điều chỉnh và

đổi mới để đảm bảo tất cả các CDR trên đều đạt được bởi ít nhất một hoặc nhiều HP [H1.01.01.05].

2. Điểm mạnh

- CTDH của ngành Dược học được thiết kế tương thích, phù hợp dựa trên các yêu cầu CDR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và được cập nhật theo các năm.

- Phương pháp dạy học, KTĐG mỗi HP được xác định rõ ràng, phù hợp, tích cực để hỗ trợ người học đạt được các CDR cụ thể.

3. Điểm tồn tại

- Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan để có ý kiến phản hồi về các phương pháp dạy - học, KTĐG mức độ đáp ứng của CDR của mỗi HP chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa hình thức triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật sự tương thích, phù hợp về nội dung trên từng HP dựa trên yêu cầu của CDR vào mỗi đợt rà soát CTĐT	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược; - Bộ môn.	2 năm 1 lần	
		Rà soát, đánh giá mức độ hiệu quả và đổi mới phương pháp dạy - học tích cực, KTĐG CTDH nhằm đạt được CDR		2 năm 1 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CDR là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT ngành DH được xây dựng và phát triển trên cơ sở các triết lý giáo dục của TYD, tầm nhìn và sứ mạng của ĐHQĐ và TYD [H1.01.01.08], đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành của BGD&ĐT, ĐHQĐ và TYD. Mục tiêu của chương trình là trang bị cho NH nền tảng kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn cao và kỹ năng nghề nghiệp cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động cũng như từ các bên liên quan.

Cấu trúc của CTĐT ngành DH được tổ chức thành các khối kiến thức theo trình tự logic, bao gồm: khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành [H1.01.01.04]. Tất cả các học phần HP trong CTDH đều có ĐCCT do giảng viên GV của bộ môn trực tiếp xây dựng, đảm bảo yêu cầu chuyên môn của từng HP và phù hợp với các CĐR của CTĐT. Việc thiết kế và triển khai chương trình tuân thủ theo phương thức đào tạo theo TC, phù hợp với các quy định của BGD&ĐT cũng như các văn bản hướng dẫn của ĐHĐN và TYD [H1.01.01.03]; [H1.01.03.02]; [H3.03.01.01].

Các HP trong CTDH được xây dựng đồng bộ, có nội dung tương thích, mục tiêu và CĐR rõ ràng, phù hợp với CĐR chung của CTĐT. Mối liên hệ giữa các CĐR và từng HP được thể hiện cụ thể trong ma trận kỹ năng và bản mô tả CTĐT [H1.01.01.05].

Theo Quyết định 886/QĐ- ĐHĐN về việc xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đối với các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc Đại học Đà Nẵng [H1.01.03.02], mức độ đóng góp của mỗi HP được xác định thông qua mức hỗ trợ đóng góp của HP vào CĐR của CTĐT và được thể hiện ở các mức độ khác nhau. Cụ thể như sau:

- *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
- *R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO/PI và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...*
- *M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO/PI và ở mức thuần thục/thông hiểu*
- *A (Assessment) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập dữ liệu để đánh giá mức đạt PLO/PI.*

Bảng 2.11. Bảng tổng hợp thể hiện mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2024

PLO	Chuẩn đầu ra của CTĐT năm 2024										
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11
Tổng số lượng các HP theo mức độ đóng góp	16	45	30	16	16	15	16	24	4	5	41
Số học phần đạt Mức I	2	2	1	0	3	1	2	2	0	2	8
Số học phần đạt Mức R	11	34	7	6	6	4	12	19	3	3	28
Số học phần đạt Mức M	3	9	22	10	7	10	2	3	1	0	5
Tổng số: 113 HP (đã bao gồm HP tự chọn)											

T T	Thành phần	Số tín chỉ		CDR CTĐT											
		Số lượng	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
3	Thực tế bệnh viện và thực tế xí nghiệp	8	4,3			X		X	X	X	X				X
4	Khoá luận tốt nghiệp/HP tự chọn	10	5,4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng		185	100												

Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được thiết kế nhằm trang bị cho NH nền tảng kiến thức về tư tưởng đạo đức, tình hình chính trị, văn hóa – xã hội. Mục tiêu là phát triển toàn diện phẩm chất đạo đức, ý thức công dân, năng lực thể chất, cùng với các kỹ năng cần thiết như tin học và ngoại ngữ.

Trong khi đó, các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp kiến thức cơ sở mang tính nền tảng cho ngành học, cùng với kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành DH. Mỗi HP được xây dựng với sự cân đối giữa tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thực hành và thực tập, nhằm giúp NH được trang bị đầy đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, qua đó đảm bảo đạt được CDR của từng HP cũng như CDR chung của CTĐT [H1.01.01.05].

Nhằm góp phần hoàn thiện CTDH, TYD định kỳ tiến hành rà soát 2 năm một lần để cập nhật và điều chỉnh các HP, đặc biệt là các nội dung liên quan đến CDR và phương pháp KTĐG. Quá trình điều chỉnh được thực hiện dựa trên góp ý từ Khoa/Bộ môn trong quá trình triển khai giảng dạy, cũng như từ các bên liên quan như NTD, SV, cựu SV và GV về chất lượng của CTĐT [H1.01.01.09], [H1.01.01.10].

Hàng năm, CTĐT đều được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường, kèm theo các mô tả ngắn gọn nhằm giúp SV nắm bắt được chương trình học tập một cách tổng quan ngay từ năm đầu tiên [H1.01.01.11].

2. Điểm mạnh

- CTĐT ngành DH được thiết kế và triển khai một cách hệ thống, khoa học, linh hoạt và có tính cập nhật cao, nhằm đảm bảo người học được phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp.
- Các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học/HP nhằm đạt được CDR.
- Tất cả các HP đều thể hiện được phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT.

- Quá trình xây dựng và thực hiện chương trình có sự tham gia của nhiều bên liên quan, góp phần nâng cao tính thực tiễn, khả năng ứng dụng và mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

- Số HP hỗ trợ cho CDR về năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Y – Dược còn ít

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các câu lạc bộ ngoại ngữ, câu lạc bộ tin học ứng dụng trong lĩnh vực Y – Dược, tổ chức các chuyên đề bồi trợ, các buổi tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ nhằm hỗ trợ NH về năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Y – Dược	- Khoa Dược - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp dạy-học, KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực NH	- GV phụ trách HP; - Khoa Dược.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng

Cấu trúc CTDH ngành DH được quy định rõ ràng các khối kiến thức, đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống và sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết, thực hành, tự học và tự nghiên cứu. Cấu trúc này tuân thủ đúng quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu và đáp ứng yêu cầu về năng lực mà NH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. [H1.01.01.03] Các HP trong CTDH được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, theo trình tự từ cơ bản đến chuyên

sâu. Thời lượng của mỗi HP được thiết kế phù hợp nhằm đảm bảo đạt được CDR của từng HP và CDR của toàn CTĐT [H1.01.01.04].

Các HP trong CTDH được xây dựng theo trình tự logic, khoa học, có mối liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết đến thực hành và thực tập. SV có đủ thời gian để học tập trên giảng đường, đồng thời được bố trí thời gian cho thực hành, thực tập, tự học và tự nghiên cứu. Toàn bộ 100% HP trong CTDH đều có sự tương thích về nội dung và được bố trí hợp lý. Cụ thể, các HP là điều kiện tiên quyết sẽ được sắp xếp học trước; các HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành được giảng dạy trong năm thứ nhất và năm thứ hai, làm nền tảng và điều kiện tiên quyết cho các HP chuyên ngành từ năm thứ ba trở đi.

Trong 3 năm còn lại của chương trình, SV sẽ được học các HP chuyên ngành, HP tự chọn và thực tập, thực tế tốt nghiệp liên quan đến các chuyên ngành: Dược lý - Dược lâm sàng; Quản lý – Cung ứng thuốc; Sản xuất và phát triển thuốc; Dược liệu – Dược cổ truyền; Đảm bảo chất lượng thuốc.

Bảng 2.12. Bảng thống kê tỉ lệ các khối kiến thức trong chương trình dạy học ngành Dược học năm 2024

TT	Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Tỉ lệ (%)
			Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức giáo dục đại cương				
	Kiến thức chung	23	23	-	12.4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
	Kiến thức cơ sở ngành	65	65	-	35.1
	Kiến thức chuyên ngành	59	59	-	31.9
	Kiến thức định hướng chuyên ngành	20	14	6	10.8
3	Khóa luận tốt nghiệp/HP tự chọn thay thế khóa luận tốt nghiệp	10	-	10	35.4
4	Thực tế tốt nghiệp	8	8	-	4.3
	Tổng	185	169	16	100

Với mỗi khóa học, Trường luôn xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa [H2.02.01.01] và kế hoạch đào tạo hàng năm [H3.03.03.01], thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ triển khai CTDH [H3.03.01.06]. Các kế hoạch này được phổ biến rộng rãi đến NH và các bên liên quan thông qua trang thông tin điện tử của Trường [H1.01.01.12], cũng như thông qua các nhằm giúp SV có cái nhìn tổng quan và hiểu biết ban đầu về ngành DH trước khi nhập học.

Để triển khai hoạt động đào tạo đảm bảo chất lượng và phù hợp với điều kiện thực tế, CTDH được rà soát định kỳ 2 năm một lần theo kế hoạch chung của ĐHĐN và TYD [H1.01.01.09], tuân thủ quy trình chặt chẽ về rà soát và cập nhật CTĐT trình độ ĐH của TYD. Việc rà soát này nhằm đảm bảo CTDH phù hợp với các quy định hiện hành của BGD&ĐT và ĐHĐN [H1.01.01.03], đồng thời đáp ứng mục tiêu đào tạo và CĐR.

Từ năm 2019, CTDH đã được cập nhật, điều chỉnh một số HP thuộc khối kiến thức chung như Chủ nghĩa xã hội khoa học, Pháp luật đại cương, Triết học Mác-Lênin theo quy định của BGD&ĐT nhằm nâng cao nhận thức của SV về các vấn đề chính trị – xã hội trong thời kỳ đổi mới [H2.02.01.02].

Bên cạnh đó, TYD – ĐHĐN cũng từng bước điều chỉnh CTDH theo định hướng phát triển năng lực người học, thể hiện qua việc tăng số TC thực hành và tách riêng phần lý thuyết và thực hành ở một số HP chuyên ngành

Nhằm xây dựng CTĐT ngày càng linh hoạt và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Trường đã tiến hành tham khảo CTĐT của các trường đại học trong và ngoài nước như Trường Đại học Nguyễn Tất Thành và Trường Đại học Santo Tomas (Philippines) [H1.01.01.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường tổ chức định kỳ hằng năm hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan như SV, cựu SV, GV, NTD,... Qua đó, Trường đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp tích cực, trong đó phần lớn tập trung vào đề xuất tăng thời gian thực hành và thực tập cho SV.

Từ những ý kiến này, Trường căn cứ vào các quy định và hướng dẫn của ĐHĐN để điều chỉnh CTDH theo hướng tích hợp giữa kiến thức, kỹ năng và đạo đức, đảm bảo đáp ứng đầy đủ CĐR. Đồng thời, CTDH cũng được cập nhật các kiến thức mới, tăng thời lượng thực hành, thực tế, và đẩy mạnh sự kết nối với NTD nhằm rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn công việc. Những điều chỉnh này không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, mà còn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động và mở ra cơ hội hội nhập quốc tế cho SV [H1.01.01.05]; [H1.01.01.09]; [H1.01.01.10]; [H3.03.03.03].

2. Điểm mạnh

- CTDH có cấu trúc hợp lý, logic giữa các khối kiến thức: đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đảm bảo sự gắn kết và tính linh hoạt giữa các HP trong toàn CTDH.

- CĐR được rà soát, điều chỉnh định kỳ theo hướng đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phù hợp với các quy định hiện hành và được công bố công khai.

- Nội dung các HP trong CTDH được lấy ý kiến phản hồi định kỳ từ các bên liên quan như SV, GV, cựu SV và NTD nhằm đảm bảo tính cập nhật, thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

- CTDH được thiết kế dựa trên việc đối sánh với các CTDH của các trường trong nước và khu vực, chưa tham khảo các CTDH của các nước tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện tham khảo, đối sánh với các CTDH của các nước tiên tiến để cập nhật CTDH	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và điều chỉnh CTDH đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu xã hội.	- Tiểu ban rà soát, cập nhật CTĐT; - Phòng ĐT&ĐBCL	02 năm một lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 3:

CTDH được thiết kế tuân theo các quy định của BGD&ĐT về quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống TC, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu của BGD&ĐT, quy định của ĐHQĐ về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng theo TC, CTDH được thiết với các HP có nội dung bao trùm các CDR của CTĐT. CTDH mang tính logic và tính tích hợp, đảm bảo cho SV được tiếp cận từ các kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành đến khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung các HP cơ sở ngành và HP chuyên ngành phù hợp, bổ trợ lẫn nhau.

CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các cán bộ GV của Trường luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi HP, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Tuy nhiên, việc khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTDH chưa được mở rộng về quy mô khảo sát. Các HP hỗ trợ cho tinh thần khởi nghiệp còn ít. Những hạn chế này sẽ được cải tiến trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo.

Kết luận đánh giá chung của tiêu chuẩn 3: 2/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 1/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận trong dạy và học đóng vai trò quan trọng. Cùng với các khoa khác trong TYD, Khoa Dược tiếp cận theo hướng lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học, NCKH và các hoạt động lâm sàng nhằm đạt được CDR đã tuyên bố trong CTĐT, đồng thời đáp ứng triết lý giáo dục của Nhà trường. Các hoạt động dạy, học với nhiều phương pháp phù hợp với CDR của CTĐT đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học và giúp cho SV hiểu và vận dụng kiến thức một cách hiệu quả, thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng trong môi trường học tập hiện tại cũng như công việc thực tế ở tương lai. Để thực hiện điều này, CTĐT năm 2021 xác định rõ mục tiêu ĐT và CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Trong thiết kế ĐCCT đã có nhiều thay đổi về sử dụng các PPDH của GV và phương pháp học của SV. Đối với cách tiếp cận này Trường đã cụ thể hóa khi thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, chương trình xác định có những môn cơ sở là môn tiên quyết cho những môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học phải cùng hướng đến CDR. Thông điệp về cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CDR của chương trình cần được mỗi GV và người học hiểu rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

TYD trực thuộc ĐHĐN được thành lập với nhiệm vụ: đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các bệnh viện và các cơ sở y tế; NCKH, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học sức khỏe. Nhằm hoàn thành tốt những nhiệm vụ trên, trong năm 2021 Khoa Y - Dược (KYD) đã có quyết định ban hành văn bản tuyên bố chính thức nội dung về “*Sứ mạng - Tâm nhìn - Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục*” [H1.01.01.08]. Trong nội dung ban hành kèm theo quyết định số 261/QĐ-TYD ngày 30/8/2021 của Trường khoa KYD, ĐHĐN, triết lý giáo dục đó là “*Nhân bản – Tự chủ - Chính trực*”. Nội dung triết lý giáo dục của KYD, ĐHĐN với ý nghĩa là lấy người học làm trung tâm, phát huy khả năng tự chủ của người dạy và người học, nuôi dưỡng tính chính trực và lòng trắc ẩn, đào tạo người cán bộ y tế có năng lực và y đức.

Khối ngành khoa học sức khỏe mang tính đặc thù, có nhiệm vụ đào tạo nhân lực y tế nhằm chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng. Theo đó, tinh thần của triết lý giáo dục luôn gắn liền với công tác đào tạo, được giải nghĩa một cách chi tiết, cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu. Điều này giúp cho NH nắm được triết lý giáo dục để có định hướng đúng đắn trong học tập và rèn luyện tu dưỡng đạo đức và đồng thời công bố cho xã hội, đơn vị sử dụng lao động hiểu rõ hơn về sản phẩm ĐT của Trường. Triết lý giáo dục của Trường hướng đến mục tiêu lấy NH làm trung tâm được thể hiện trong việc thiết kế, xây

dựng CTĐT ngành Dược theo hướng linh hoạt và đổi mới sáng tạo được thể hiện rõ ràng ngay trong CTĐT. Ngoài các HP bắt buộc, CTĐT được thiết kế theo các định hướng chuyên ngành riêng, từ đó SV có thể chủ động lựa chọn hướng đi trong nghề nghiệp tương lai, trang bị đủ kiến thức chuyên sâu nhằm đáp ứng trực tiếp yêu cầu công việc từ nhà tuyển dụng. Bên cạnh đó, nhiều HP tự chọn cũng được thiết kế để SV có thể lựa chọn thêm bên cạnh các học phần định hướng chuyên môn, qua đó việc trang bị kiến thức nghề nghiệp được toàn diện hơn. Đặc biệt CTĐT luôn được rà soát, cập nhật để đáp ứng nhu cầu của NH và xu hướng phát triển thông qua việc lấy ý kiến của NH và các bên liên quan về CTĐT [H1.01.01.09]. Ngoài ra, để phát huy tính tích cực, chủ động của SV trong quá trình học tập, Trường đã tổ chức nhiều các hoạt động để hỗ trợ, rèn luyện giúp SV có các kỹ năng mềm từ đó có khả năng tự học và học tập suốt đời như: các cuộc thi NCKH SV, các câu lạc bộ hội nhóm về học tập, các câu lạc bộ về kỹ năng và đặc biệt, với đặc thù là các sinh viên ngành khoa học sức khỏe, các bạn SV luôn được khuyến khích tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, các hoạt động hỗ trợ khám chữa bệnh từ đó nuôi dưỡng tinh thần yêu thương bệnh nhân, yêu nghề và trách nhiệm với cộng đồng đúng với triết lý giáo dục “Nhân bản - Tự chủ - Chính trực” [H4.04.01.01].

Triết lý giáo dục được CBVC, GV của nhà trường hiểu rõ và thực hiện. Ngay từ khi xây dựng triết lý giáo dục, TYD đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức, GV trong toàn Trường và tổng hợp các ý kiến. Tại cuộc họp Hội đồng khoa học và Đào tạo, ngoài việc thống nhất triết lý giáo dục của Trường, các thành viên Hội đồng còn phân tích, giải nghĩa các nội hàm của triết lý một cách rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu giúp cho cán bộ viên chức, GV và SV có thể hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.02]. Sau khi có quyết định ban hành về triết lý giáo dục, TYD - ĐHĐN đã công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như thiết kế các bảng thông báo giới thiệu về sứ mạng tầm nhìn của TYD đặt ngay tại sảnh chính và khu vực cầu thang ở tầng một tại tòa nhà A,B và Trung tâm Y khoa để tất cả cán bộ, GV và SV đều có thể dễ dàng nhìn thấy hàng ngày [H4.04.01.03], đồng thời nội dung này còn được đưa lên trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://smp.udn.vn/su-mang-tam-nhin> và phổ biến cho SV trong tuần sinh hoạt công dân [H1.01.03.03] giúp các thành viên của TYD biết được phương hướng và nỗ lực thực hiện đúng triết lý, hoàn thành tốt các mục tiêu giáo dục đã đặt ra. Bên cạnh đó, tinh thần của triết lý giáo dục đã được giảng viên chuyên tải khi xây dựng CTĐT thông qua các mục tiêu cụ thể, CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV và bản mô tả CTĐT [H1.01.01.04]. Để thực hiện mục tiêu giáo dục và CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học theo CTĐT thì các ĐCCT trong CTĐT ngành Dược học đều nêu rõ mục tiêu, nội dung, PPDH, phương pháp đánh giá để đạt được CĐR và đáp ứng yêu cầu xã hội được thể rõ ở ĐCCT các HP [H1.01.02.02].

Bên cạnh triết lý giáo dục, trong quyết định ban hành của TYD - ĐHĐN cũng đã xác định rõ về Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi, theo đó Sứ mạng của Trường là

“Trường Y Dược - ĐHĐN có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; góp phần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước”; Trường cũng đã xác định rõ Tầm nhìn “Phát triển Trường Y Dược - ĐHĐN thành Trường Đại học Y Dược - ĐHĐN với các chương trình đào tạo tiên tiến, đa ngành, đa bậc học” và Giá trị cốt lõi “Trách nhiệm - Chất lượng - Phát triển - Hội nhập”. Những nội dung “Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục” của TYD - ĐHĐN đáp ứng định hướng phát triển của ĐHĐN “Chiến lược phát triển của ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035” [H1.01.01.08] và phù hợp với nội dung điều 38, 39, 40 của Luật giáo dục [H1.01.01.01].

2. Điểm mạnh

- Triết lý giáo dục của TYD (trước đây là KYD), ĐHĐN đã phản ánh được tính khoa học, tính nhân văn và đặc thù nghề nghiệp sinh viên ngành khoa học sức khỏe nói chung, ngành Dược học nói riêng.
- Thông tin về triết lý giáo dục, mục tiêu ĐT rõ ràng và được truyền tải công khai theo nhiều kênh truyền thông của Trường. Giảng viên hiểu rõ và truyền tải đúng tinh thần của triết lý giáo dục vào công tác xây dựng ĐCCT và giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

- Triết lý giáo dục của TYD (trước đây là KYD) mới được ban hành trong năm 2021 nên việc tổ chức các buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục còn hạn chế, dẫn đến có một số nhà tuyển dụng cũng như cựu SV chưa thực sự hiểu biết sâu sắc về triết lý giáo dục của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để chia sẻ nội hàm của triết lý giáo dục của Trường đến các bên liên quan	- Phòng HC-TH - Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2025 - 2026	Thông qua các hội thảo, Tuần sinh hoạt công dân, làm việc với các bệnh viện, các kênh truyền thông của Trường
2	Phát huy	Nêu bật ý nghĩa của triết lý giáo dục	- TYD - ĐHĐN	Từ năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	dự của Trường đến người học và các bên liên quan thông qua các hoạt động như khai giảng, tuần sinh hoạt công dân SV, giảng dạy, sinh hoạt chuyên đề			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động giảng dạy trong từng học phần được thiết kế phong phú, phù hợp với chuẩn đầu ra (CDR) và được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết. Chẳng hạn, phương pháp giảng dạy theo hướng tương tác hỗ trợ sinh viên trong việc tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng tra cứu tài liệu, thuyết trình, làm việc nhóm, qua đó đáp ứng các CDR số 1, 2, 4, 5, 8, 9, 10 và 11. Đồng thời, việc tổ chức giảng dạy thực hành tại trường, thực tập tại bệnh viện, doanh nghiệp và tham gia thực tế tốt nghiệp giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm cũng như kỹ năng giao tiếp trong môi trường chuyên môn – từ đó đáp ứng các CDR số 3, 4, 5, 6 và 7 của chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, các phương pháp giảng dạy gián tiếp như gợi mở vấn đề hay phân tích tình huống (case study) tạo điều kiện để sinh viên tự học, tổng hợp và vận dụng kiến thức, phù hợp với các CDR số 5, 6, 8 và 11.

CTDH được thiết kế phù hợp, dựa trên các yêu cầu của CDR và được cập nhật thêm chỉ số đánh giá PI vào năm 2021 nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm của xã hội và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của người học. Cấu trúc CTDH được chia thành các khối kiến thức, trong đó có các HP bắt buộc và HP tự chọn với số TC trong mỗi khối phù hợp. Các khối kiến thức này giúp SV có được kiến thức toàn diện và chuyên sâu, cũng như hoàn thiện các kỹ năng. CTĐT được thiết kế có tỉ lệ cân đối giữa phần lý thuyết và phần thực hành, thực tập, thực tế đặc biệt là các HP liên quan đến lâm sàng. Số lượng TC dành cho đào tạo thực hành là 37/184 TC (CTĐT năm 2019, 2021, 2023) và 42/185 TC (CTĐT năm 2024), chiếm tỷ lệ từ 20,1% - 22,7% [H1.01.01.02]; [H1.01.02.02]; [H1.01.01.04]. Ngoài ra, TYD cũng thực hiện đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước, rà soát, điều chỉnh, đồng thời cập nhật CTĐT

Chiến lược và phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)										
	PL O 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PL O 11
7. Dạy học bằng bảng kiểm			X	X	X						
8. Mô phỏng	X		X							X	
9. Đóng vai		X			X		X	X	X		X
10. Dạy học bên giường bệnh			X	X	X	X	X				X
11. Bài tập ở nhà	X	X	X	X	X	X			X	X	

Nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau như giảng bài trực tiếp, làm việc nhóm, thảo luận, phản biện, thuyết trình, giải quyết tình huống, thực hành tại phòng thực tập, thực tập lâm sàng và đi thực tế tốt nghiệp đã được triển khai linh hoạt, phù hợp với nội dung từng bài học, đặc điểm từng học phần, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, cơ sở thực tập và trình độ của sinh viên. SV được học tập, thực tập, thực tế tại các Bệnh viện trong và ngoài thành phố, trung tâm y tế, các doanh nghiệp kinh doanh bán buôn, bán lẻ thuốc, các trung tâm kiểm nghiệm thuốc và mỹ phẩm...[H4.04.02.01]. Trường Y Dược đã ký kết các hợp đồng hợp tác với các cơ sở y tế như Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản - Nhi Đà Nẵng, Công ty Dược phẩm Danaphar... đồng thời mời giảng các GV có kinh nghiệm để hỗ trợ truyền đạt kiến thức thực tế cho SV, SV được hướng dẫn thực tập/ thực tế; phân tích đơn thuốc, bệnh án và báo cáo. [H4.04.02.02]; [H2.02.03.03]. Nhờ đó sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng thực tế để thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau sau khi tốt nghiệp.

- Đối với giờ học lý thuyết: GV thông báo cụ thể CDR, ĐCCT, nội dung học tập, phương pháp giảng dạy, phương pháp lượng giá và tài liệu tham khảo đến người học vào buổi đầu tiên của môn học, giúp người học có cái nhìn tổng quan và tự vạch ra chiến lược học cụ thể cho mình [H4.04.02.03].

- Đối với giờ thực tập, thực tế BV: Trước khi đi thực tập, thực tế, GV hướng dẫn lâm sàng, GVCN hướng dẫn NH các hoạt động học tập ...[H4.04.02.05].

Bên cạnh đó, NH luôn được CVHT của từng lớp hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn sử dụng các hoạt động học tập phù hợp để giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Tại tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học, SV được hướng dẫn về phương pháp học tập đại học nhằm tạo điều kiện để SV xác định các phương pháp học tập phù hợp, đạt được CDR [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, tại tiết học đầu tiên của mỗi HP, GV giới thiệu về HP cũng như hướng dẫn SV về phương pháp học tập phù hợp để đạt CDR [H4.04.02.03]. Hệ thống thư viện với nhiều đầu sách phù hợp hỗ trợ hoạt động

tự học của SV; đội ngũ GVCN, CVHT luôn sẵn sàng hỗ trợ người học về tài liệu, phương pháp học tập và các vấn đề liên quan, theo dõi quá trình học tập đồng thời hỗ trợ tư vấn khi SV gặp khó khăn [H4.04.02.04]; [H4.04.02.05]. Đi đôi với các PPDH, các hình thức KTĐG được thể hiện cụ thể trong ĐCCT HP, góp phần vào việc đạt được CDR của chương trình học. SV được đánh giá học tập với các hình thức đa dạng như: báo cáo, thi vấn đáp, chạy trạm, thi tự luận; thi trắc nghiệm,...[H1.01.01.04]; [H1.01.02.02]; [H4.04.02.06].

Đội ngũ GV giảng dạy chương trình đào tạo ngành Dược học luôn nỗ lực học tập và trau dồi trình độ chuyên môn nghề nghiệp, đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn của GV khi tham gia giảng dạy [H3.03.01.09]. Trường đã tổ chức các hội thảo, khóa tập huấn về PPDH như: lớp bồi dưỡng “PPDH lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe”... Qua đó, từng bước bồi dưỡng, chuẩn hóa nghiệp vụ đội ngũ GV giảng dạy [H3.03.01.12]. Bên cạnh đó, các GV được tập huấn và đã tiến hành xây dựng các khóa học trực tuyến E-learning, Google meet... Qua đó GV có thể tương tác với SV, đưa ra các thông tin liên quan đến môn học như giáo trình, nguồn tài nguyên, bài tập, kiểm tra [H4.04.02.02]. Việc học trực tuyến giúp NH cởi mở, chat trực tuyến với GV nhiều về các vấn đề liên quan học tập hơn. GV cũng được tập huấn xây dựng chuẩn đầu ra và xây dựng đề cương chi tiết học phần, các phương pháp tiếp cận dạy học lâm sàng.... Nhờ vậy, theo các năm, chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết học phần càng được hoàn thiện và hữu ích, thực tế.

Ngoài việc học tập lý thuyết về chuyên ngành, SV theo học ngành Dược học còn tham gia NCKH từ các môn học và tham gia các hội thi NCKH các cấp. Trong CTĐT được thiết kế một số HP giúp trang bị cho SV một số kỹ năng cơ bản về hoạt động NCKH như NCKH, phân tích thống kê, dịch tễ học,...[H1.01.01.04]; [H1.01.02.02]. [H4.04.02.07]

Để theo kịp sự phát triển công nghệ của xã hội, mô hình dạy học và KTĐG trực tuyến đã được TYD xây dựng, hướng dẫn và thực hành ứng dụng. Hệ thống hỗ trợ quản lý dạy và học trực tuyến Elearning luôn được nhà trường chú trọng, đặc biệt trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra để kịp thời đáp ứng việc dạy và học. Hệ thống được sử dụng để cung cấp thông tin môn học, kế hoạch giảng dạy, học liệu, hỗ trợ SV tự học và thực hiện kế hoạch KTĐG hoạt động học của SV được hiệu quả. [H3.03.01.10]; [H3.03.01.12]. Trong các năm học chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: 2019-2020; 2020 - 2021, hệ thống đã phát huy tác dụng và hỗ trợ rất lớn đối với công tác đào tạo của nhà Trường.

Hàng năm, Phòng ĐT&ĐBCL khảo sát ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV trong đó có khảo sát về hoạt động dạy và học, các PPDH được GV sử dụng trong môn học, khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT. Kết quả khảo sát thể hiện sự hài lòng của SV, cựu SV về hoạt động dạy và học, các NTD lao động đánh

giá tốt về CTĐT. Ngoài ra, ý kiến của SV tại diễn đàn đối thoại giữa Ban giám hiệu với SV hằng năm thể hiện sự hài lòng với các hoạt động dạy và học, các PPDH được sử dụng trong CTĐT ngành Dược học. [H1.01.01.10]; [H2.02.03.02]. Các kết quả từ khảo sát được TYD sử dụng để điều chỉnh, đổi mới PPDH phù hợp để đạt được CDR, ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Điểm mạnh

- Các hình thức PPDH được thiết kế đa dạng, phù hợp giúp SV đạt được CDR, khuyến khích được SV tham gia các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng.

- GV TYD tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

- GV, SV TYD hài lòng với các hoạt động dạy và học, các PPDH được sử dụng trong CTĐT ngành Dược học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa tập trung nhiều vào các biện pháp hỗ trợ đối tượng SV năm thứ nhất trong việc thích nghi với phương pháp học tập mới ở môi trường đại học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- GV cần chủ động nghiên cứu, đổi mới PPDH. Đồng thời đa dạng các hình thức hướng dẫn PPHT giảng dạy đến đối tượng SV, đặc biệt các SV năm 1. - GVCN, CVHT, Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng KH-HTPT&CTSV đa dạng hóa các hình thức nắm bắt thông tin, tăng cường các kênh phản hồi, đối thoại trực tiếp để chủ động lắng nghe, nắm bắt các khó khăn, nguyện vọng trong quá trình học tập của SV. Từ đó có biện pháp hỗ trợ kịp thời.	- Giảng viên; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTS V.	Năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tổ chức hoạt động dự giảng, đồng thời tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và PPGD	TYD, Bộ môn	Năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành Dược học nhằm đạt được các chuẩn đầu ra của ngành một cách hiệu quả hơn.			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng

ĐCCT các HP trong CTĐT ngành DH trình bày rõ các PPDH đa dạng và học tập đa dạng với mục tiêu cuối cùng là giúp SV hình thành và phát triển các kỹ năng chuyên môn thiết yếu cũng như các kỹ năng mềm. Những kỹ năng này không chỉ hỗ trợ NH trong hoạt động nghề nghiệp mà còn có giá trị trong cuộc sống và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các PPDH hiện nay được áp dụng trong CTĐT bao gồm: “PP học tập truyền thống” (GV giảng dạy trực tiếp, NH tiếp nhận kiến thức), “PP học tập chủ động” (NH tự tìm hiểu, nghiên cứu và trao đổi kiến thức), “PP học tập trải nghiệm” (NH tham gia các tiết thực hành, thí nghiệm, tham gia cá dự án), “PP ứng dụng CNTT trong giáo dục” (Học trực tuyến, sử dụng các phương tiện CNTT trong quá trình học, mô phỏng thực tế). Ví dụ: trong ĐCCT HP Dược lâm sàng 2, các tiết lý thuyết sẽ được triển khai theo PP học tập truyền thống; trong các tiết thực hành, GV sẽ giao các tình huống lâm sàng cho các nhóm để SV thực hiện tìm hiểu, trao đổi và trình bày lại nội dung, sau đó đóng vai là các dược sĩ để tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân – chính các PPDH này giúp SV rèn luyện các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, tìm kiếm, khả năng tư duy phân tích, tư duy phản biện, giao tiếp. Bên cạnh đó, các ĐCCT cũng liệt kê rõ các giáo trình chính, danh mục sách/tài liệu tham khảo để SV có nguồn thông tin chính thống, tin cậy, phục vụ cho quá trình học tập. Ngoài việc giảng dạy và học tập tại trường nhằm hình thành và rèn luyện kỹ năng, chương trình học còn bao gồm nhiều hoạt động như thực tập, thực tế, tham gia cộng đồng, thực hiện khóa luận và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, các đề tài NCKH và KLTN của SV ngành Dược có tính thực tiễn và có khả năng áp dụng cao trong cuộc sống. Những hoạt động này giúp SV áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu để giải quyết các công việc và tình huống cụ thể. Qua đó, NH dần hoàn thiện và thuần thục các kỹ năng cần thiết, được thể hiện rõ trong các chương trình thực tập, thực tế và làm KLTN trong CTĐT.

Trong cấu trúc các ĐCCT các HP, ngoài các giờ học tại giảng đường thì SV còn có các giờ tự học. Các giờ tự học luôn chiếm một phần lớn trong phân phối thời lượng

học tập. Hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV có thể tận dụng thời gian tự học để ôn bài, làm bài tập cá nhân hoặc các bài tập nhóm tại thư viện hoặc tại nhà. GV các học phần có thể giao các bài tập, các nội dung cần tìm hiểu trước khi đến lớp hoặc các bài thuyết trình và hướng dẫn sinh viên sử dụng hiệu quả thời gian tự học được quy định trong ĐCCT để hoàn thành các nội dung được giao. Thông qua kết quả kiểm tra bài tập về nhà (bài kiểm tra, bài báo cáo, tiểu luận), GV có thể đánh giá một phần mức độ tự học của sinh viên. Đặc biệt, trong ba năm gần đây, TYD đã đẩy mạnh phát triển thư viện của trường, trang bị các đầu sách, tài liệu tham khảo, tạp chí trong và ngoài nước, giúp SV có nguồn tư liệu học tập. Đồng thời tiến hành triển khai xây dựng phòng đọc, khu vực tự học, tạo điều kiện tốt nhất cho SV có thể học tập, làm các bài tập nhóm. Ngoài ra, trang thông tin trực tuyến của Trường được xây dựng với tích hợp hệ thống học trực tuyến E-learning, cung cấp đầy đủ các quy định và hướng dẫn nhằm hỗ trợ GV và SV trong việc tra cứu thông tin như thời khóa biểu, điểm kiểm tra đánh giá các học phần, điểm thi cuối kỳ, thời gian thực tập, thực tế,... Đồng thời, hệ thống còn tạo điều kiện cho việc dạy học trực tuyến, tương tác online và chia sẻ tài liệu học tập, góp phần nâng cao khả năng tự học của sinh viên.

Ngoài ra, nhằm tăng cường mối liên kết giữa đào tạo lý thuyết và thực hành lâm sàng, Trường Y Dược đã chính thức ký kết hợp đồng hợp tác với nhiều bệnh viện lớn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng, Bệnh viện 199 Đà Nẵng, Bệnh viện Da liễu, cùng một số cơ sở y tế uy tín khác. Đặc biệt, SV khối ngành Dược còn được tham gia thực tập tại Bệnh viện Quốc tế Vinmec. Chính sự hợp tác với các cơ sở y tế này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận môi trường thực tế, trau dồi kỹ năng nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Thỏa thuận hợp tác này không chỉ hỗ trợ sinh viên trong công tác thực tập, nghiên cứu khoa học và tiếp cận các kỹ thuật y học hiện đại, mà còn mở ra cơ hội phát triển các chương trình đào tạo liên kết, chuyển giao công nghệ và đào tạo liên tục cho các nhân viên y tế. Chính nhờ các chương trình thực tập, thực tế tại bệnh viện, các cơ sở thực hành đã giúp SV rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể trong thực tiễn, được mở rộng môi trường học tập, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của mình.

Tại Trường Y Dược, nghiên cứu khoa học không chỉ là hoạt động học thuật đơn thuần, mà còn là nền tảng vững chắc giúp sinh viên hình thành và phát triển tư duy phân biện, năng lực tự học và khả năng cập nhật tri thức suốt đời – những phẩm chất cốt lõi của người làm nghề y trong thế kỷ 21. Thông qua việc tham gia các đề tài nghiên cứu, sinh viên được tiếp cận quy trình tìm tòi, đặt vấn đề, thu thập và xử lý dữ liệu một cách khoa học. Quá trình này rèn luyện cho các em khả năng phân tích, tổng hợp và trình bày kiến thức một cách logic, đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian và sử dụng công nghệ thông tin – những kỹ năng thiết yếu cho việc học tập lâu dài và

thích nghi trong môi trường y học luôn biến động. Đặc biệt, việc tiếp cận các vấn đề thực tiễn trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng và lâm sàng thông qua nghiên cứu giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò của mình đối với xã hội và bệnh nhân. Từ đó, hình thành động lực nội tại để không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn trong suốt sự nghiệp. Hoạt động nghiên cứu khoa học còn là cơ hội để sinh viên phát triển tư duy đổi mới, sáng tạo, đồng thời tạo tiền đề cho những bước đi đầu tiên trong con đường học thuật, sau đại học hoặc tham gia các chương trình trao đổi quốc tế. Ngoài ra, Trường Y Dược thường xuyên tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên, đồng thời khuyến khích các em đăng ký thực hiện đề tài hoặc phối hợp cùng giảng viên tham gia các dự án nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu có thể được công bố trên các tạp chí khoa học hoặc trình bày tại hội nghị, seminar cấp trường. Đây là hoạt động diễn ra thường niên, đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khơi dậy tinh thần học tập chủ động – nền tảng thiết yếu để hình thành năng lực học tập suốt đời cho sinh viên. Trong cấu trúc chương trình đào tạo, nhà trường đã tích hợp một số học phần có tính nền tảng nhằm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên. Các học phần như phương pháp nghiên cứu khoa học, thống kê y học, dịch tễ dược học,... được thiết kế có hệ thống, cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành cơ bản trong việc thiết kế nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu, cũng như phân tích và diễn giải kết quả nghiên cứu. Việc tích hợp này không chỉ góp phần hình thành tư duy phản biện và năng lực học thuật mà còn tạo tiền đề quan trọng để sinh viên phát triển năng lực học tập suốt đời – một phẩm chất thiết yếu trong bối cảnh y học không ngừng phát triển và đổi mới.

Bên cạnh hệ thống chương trình đào tạo được chuẩn hóa, đội ngũ giảng viên, giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập tại Trường luôn đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ người học phát triển toàn diện. Với hơn giảng viên có trình độ sau đại học, trong đó khoảng ... là tiến sĩ và chuyên gia đầu ngành trong các lĩnh vực Y – Dược, nhà trường không chỉ đảm bảo chất lượng giảng dạy mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên được tiếp cận với những nguồn tri thức mới, phương pháp học tập hiệu quả và các định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cá nhân hóa này được thực hiện thông qua các buổi gặp mặt định kỳ, tư vấn trực tuyến và trao đổi qua hệ thống học tập điện tử. Đội ngũ giảng viên không chỉ đảm nhiệm vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là những người dẫn dắt, truyền cảm hứng học tập cho sinh viên thông qua việc tổ chức seminar học thuật, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, và hỗ trợ sinh viên tham gia các hội thảo, hội nghị chuyên ngành trong và ngoài nước. Không những thế, giảng viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn thông qua nhiều hình thức như tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước. Nhiều giảng viên đã chủ động theo học các chương trình sau đại học tại nước ngoài, tiếp cận với các phương pháp giảng dạy tiên tiến và kiến thức chuyên sâu. Những nỗ lực này góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Đồng thời, hạ tầng công nghệ thông tin của nhà trường cũng không ngừng được nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện đại. Cổng thông tin điện tử của trường được tích hợp hệ thống học trực tuyến (e-learning), cho phép sinh viên dễ dàng tra cứu các thông tin học vụ như thời khóa biểu, kết quả học tập, tài liệu giảng dạy,... Trong bối cảnh giảng dạy trực tiếp bị gián đoạn, các phần mềm dạy học và kiểm tra đánh giá trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams và các nền tảng thi trên máy tính đã được triển khai linh hoạt và hiệu quả, đảm bảo duy trì chất lượng đào tạo, đồng thời góp phần đa dạng hóa hình thức tiếp cận tri thức cho người học.

Nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học hiện đại, đội ngũ giảng viên phụ trách các học phần chuyên ngành Dược học luôn chủ động học tập, cập nhật kiến thức chuyên môn và không ngừng bồi dưỡng năng lực sư phạm. Bên cạnh đó, Trường Y Dược duy trì việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên và cựu sinh viên qua từng năm học về chất lượng giảng dạy, nội dung chương trình đào tạo, cũng như tình hình học tập sau đại học và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Những thông tin thu thập được từ phản hồi của người học không chỉ là căn cứ quan trọng để nhà trường rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo mà còn giúp giảng viên kịp thời cải tiến phương pháp giảng dạy, phát huy các điểm mạnh và từng bước khắc phục những tồn tại. Kết quả khảo sát gần đây cho thấy phần lớn sinh viên bày tỏ sự hài lòng đối với các phương pháp giảng dạy đang được áp dụng trong các học phần chuyên ngành, cho rằng các phương pháp này phù hợp với định hướng nghề nghiệp và góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động dạy và học phong phú, đa dạng đã góp phần tích cực trong việc hỗ trợ người học hình thành, rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết, đồng thời nâng cao năng lực tự học, hướng đến việc học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

- Quy mô khảo sát và đánh giá năng lực học tập suốt đời của sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn còn ở mức khiêm tốn, chưa đủ để phản ánh toàn diện thực trạng và xu hướng phát triển của người học sau đào tạo. Bên cạnh đó, hoạt động kết nối và thu thập thông tin từ toàn bộ cựu sinh viên chưa được triển khai một cách rộng rãi và đồng bộ, dẫn đến hạn chế trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá, cải tiến chương trình và theo dõi năng lực phát triển nghề nghiệp lâu dài của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục mở rộng quy mô triển khai công tác	- Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		đánh giá năng lực học tập suốt đời của sinh viên sau tốt nghiệp. Đồng thời, phát triển đa dạng các kênh liên lạc và hình thức khảo sát nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến năng lực học tập suốt đời của cựu sinh viên.			
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động dạy và học theo hướng phát triển kỹ năng, nhằm nâng cao năng lực tự học và thúc đẩy khả năng học tập suốt đời của người học.	- Giảng viên TYD; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	

Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Các hoạt động dạy và học của đội ngũ GV ngành DH được triển khai phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và giúp sinh viên đạt được các CDR theo đúng định hướng của chương trình. Nội dung và phương pháp giảng dạy được xây dựng khoa học, có sự tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, phù hợp với mục tiêu đào tạo, giúp người học phát triển toàn diện kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất đạo đức.

Đội ngũ giảng viên thường xuyên cập nhật kiến thức, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường ứng dụng thực hành và học tập trải nghiệm thực tế tại các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất – kinh doanh dược. Những hoạt động này đã góp phần nâng cao mức độ đạt được CDR của sinh viên. Việc xây dựng bài giảng, tổ chức lớp học và kiểm tra đánh giá đều được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo tính minh bạch và chất lượng. Hoạt động dạy học cũng được hỗ trợ bởi sự phản hồi tích cực từ phía người học và các bên liên quan.

Tuy nhiên, việc triển khai dạy học trực tuyến mới chủ yếu được áp dụng trong thời gian đại dịch Covid-19, một số giảng viên và sinh viên vẫn còn gặp khó khăn trong việc thích ứng với hình thức này. Bên cạnh đó, hoạt động đánh giá năng lực học tập suốt đời của sinh viên sau tốt nghiệp vẫn chưa được triển khai thường xuyên và bài bản.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 4: 2/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 1/3 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Việc đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những hoạt động quan trọng nhất, nhằm xác định mức độ kiến thức mà người học đã đạt được so với CDR của mỗi học phần cũng như của ngành học, có ảnh hưởng lớn đến việc học tập và kế hoạch học tập của người học. Kết quả đánh giá sẽ cung cấp cho bộ môn, Trường các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ NH cũng như giúp SV nắm rõ được tình hình học tập của mình để từ đó có những hoạch định đúng đắn, kịp thời trong những năm học kế tiếp. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt CDR của CTĐT. Mục đích của việc KTĐG là nhằm xác định mức độ kiến thức cũng như kỹ năng mà SV đạt được so với mục tiêu của CTĐT cũng như mục tiêu của từng HP trong CTĐT. Việc đánh giá này được TYD thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ đạt CDR trong mọi thời điểm của toàn bộ quá trình học thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Cùng với đó, NH được thông tin một cách minh bạch về các quy định đánh giá, được phản hồi kịp thời kết quả học tập, tiếp cận dễ dàng với các quy trình khiếu nại để chủ động lên kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch học tập một cách phù hợp. Các quy định về đánh giá kết quả học tập, cơ chế phản hồi, quy trình khiếu nại được thông báo công khai đến người học thông qua các buổi sinh hoạt đầu năm học, sổ tay SV, trang thông tin điện tử,... Kết quả đánh giá học tập của người học được phản hồi kịp thời thông qua trang thông tin điện tử của trường nhằm giúp người học có thể chủ động điều chỉnh kế hoạch học tập phù hợp.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá kết quả học tập đã được thiết kế phù hợp nhằm giúp SV đạt được các CDR, mỗi CDR sẽ tương thích với các phương pháp KTĐG khác nhau. Nội dung này đã được xây dựng ngay từ đầu trong khi xây dựng CTĐT được thể hiện chi tiết trong từng ĐCCT của HP [H1.01.01.04]; [H1.01.02.02]. Từ năm 2014, trên cơ sở quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, Khoa xây dựng đề án tuyển sinh, trong đó quy định rõ ràng phương thức tuyển sinh, các tiêu chí đối với NH để được tuyển thẳng hay xét tuyển vào học ngành DH [H5.05.01.01].

Để có căn cứ đánh giá kết quả học tập của NH, từ quy định đánh giá quá trình học tập theo hệ thống TC của BGD&ĐT, Trường đã xây dựng và ban hành Quy định về quy trình thi, KTĐG KQHT của NH qua các môn học được thực hiện bằng các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra giữa kỳ và bài thi cuối kỳ (với hình thức thi hết môn hoặc báo cáo tiểu luận) [H5.05.01.02]. Các hình thức KTĐG kết quả học tập của NH được Trường phổ biến và công khai thông qua ĐCCT các HP. 100% ĐCCT của CTĐT có quy định rõ ràng và cách thức KTĐG, nội dung, tỷ trọng điểm và được thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.02.02]. Các quy định này được GV thông tin đến SV trong buổi học

đầu tiên của mỗi HP. Các kế hoạch thi kết thúc học phần được thông báo công khai trên hệ thống website của Trường, thông báo qua group Ban cán sự lớp để từ đó SV điều chỉnh phương pháp học tập của mình một cách phù hợp trong quá trình học và đạt kết quả như mong đợi [H5.05.01.03]

Trong suốt quá trình học tập tại Trường, NH trải qua các khâu đánh giá, bao gồm: KTĐG liên tục trong quá trình học tập; kiểm tra cuối khoá /báo cáo khoá luận tốt nghiệp. Các khâu đánh giá này được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT cũng như đối với từng HP cụ thể. [H5.05.01.04]; [H5.05.01.05]; [H5.05.01.06]. Đề cương các môn học trong CTĐT đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H1.01.02.02]. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của NH theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá).

Để đo lường đánh giá mức độ đạt CĐR CTĐT của người học Nhà trường căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Ban ĐBCLGD - ĐHĐN từ đó xây dựng và ban hành Quy định đo lường đánh giá mức độ người học đạt CĐR CTĐT để hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ KTĐG phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Trong quy định cũng thể hiện rõ quy trình đo lường mức độ đạt CĐR để các giảng viên và đơn vị liên quan căn cứ thực hiện. Sau khi có kết quả báo cáo đánh giá mức độ đạt CĐR Phòng ĐT&ĐBCL sẽ lập danh sách SV có các HP chưa đạt CĐR và thông báo cho SV để thực hiện các biện pháp cải thiện [H5.05.01.05].

Từ mục tiêu và CĐR của CTĐT, các HP cốt lõi, GV xác định các nội dung cần KTĐG, các cách thức KTĐG và những yêu cầu cụ thể việc KTĐG phù hợp với môn học. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: chuyên cần, thái độ, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tự luận, trắc nghiệm (trên máy tính bằng hệ thống E-learning nhằm nâng cao chất lượng, chuyển đổi số trong kiểm tra đánh giá và phân tích kết quả thi của học phần [H5.05.01.07]), vấn đáp, thực hành, thi chạy trạm tại các phòng lab, thi lâm sàng...với các tiêu chí, rubric đánh giá rõ ràng để đo lường mức độ đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ, mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm của SV [H5.05.01.08]; [H5.05.01.09]; [H5.05.01.10]; [H1.01.02.02]; [H5.05.01.11]; [H5.05.01.12]; [H5.05.01.13].

Khi thiết kế đề thi các HP, GV chủ động thiết kế câu hỏi từ mức độ dễ đến phức tạp để đánh giá đạt được CĐR của HP. Đề thi phải bám sát nội dung, chương trình giảng dạy, đồng thời đạt yêu cầu phân loại được năng lực của NH, phát huy khả năng tư duy, sáng tạo của NH và phân bổ thời gian phù hợp cho mỗi HP. Đề thi của ngành DH được Lãnh đạo bộ môn phê duyệt, xem xét và chịu trách nhiệm trước Trường về chất lượng đề thi [H5.05.01.12]; [H5.05.01.13]. Để có đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp, SV cần đạt các điều kiện và đủ theo yêu cầu của Trường. Khi tích lũy từ 170 TC trở lên trở lên thì SV đủ điều kiện đăng ký HP thực tập tốt nghiệp. SV được đăng ký viết khóa luận tốt nghiệp nếu đáp ứng yêu cầu cần đạt mức điểm trung bình chung tích lũy từ 7.5 điểm

(thang điểm 10) trở lên, tính đến hết kỳ thứ 7 [H1.01.01.03]; [H5.05.01.10]. Đề tài khoá luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính thực tiễn cao. Khoá luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể và quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khoá luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV [H5.05.01.10].

Hàng năm Trường tiến hành rà soát việc thiết kế bài thi/kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo bám sát CDR và đánh giá được mức độ người học đạt được CDR của từng học phần theo sự hướng dẫn của Ban ĐT&ĐBCLGD - ĐHĐN [H5.05.01.11], đảm bảo các CDR HP được đánh giá đầy đủ và đo lường được. Bên cạnh đó Trường cũng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề về PPDH, KTĐG để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo và có các công cụ thích hợp để đánh giá chất lượng đào tạo [H5.05.01.12],

Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị chuyên trách thực hiện các hoạt động KTĐG và là đơn vị phối hợp cùng với các bộ môn thực hiện việc tổ chức thi KTHP để đảm bảo việc đánh giá KQHT của SV là khách quan, chính xác và công bằng [H5.05.01.13].

2. Điểm mạnh

- Hình thức và nội dung đánh KQHT của NH được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CDR của HP và CTĐT.

- Các hình thức đánh giá KQHT được thiết kế đa dạng, lượng giá được CDR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Đánh giá các CDR liên quan đến năng lực tự chủ trách nhiệm vẫn còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ, thi chạy trạm và thi lâm sàng trên bệnh nhân) và nhiều bên liên quan trong việc đánh giá mức độ tự chủ trách nhiệm NH	- Khoa Dược; - Phòng ĐT &ĐBCL.	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược. - Phòng KH - HTPT&CTSV.	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		và phù hợp với mức độ CDR. - Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. - Tăng cường hình thức kiểm tra trắc nghiệm bằng hệ thống E-learning			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các tài liệu/hướng dẫn việc đánh giá kết quả học tập NH của Trường xác định rõ ràng thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH. Các quy định về đánh giá KQHT của NH tại Trường được thực hiện đúng Quy chế đào tạo của BGD&ĐT và những văn bản hướng dẫn cụ thể về việc đào tạo theo hệ thống TC [[H1.01.01.03](#)]; [[H1.01.02.02](#)]; [[H5.05.01.02](#)].

Các tài liệu/hướng dẫn các nội dung liên quan đến đánh giá và KQHT của NH được công bố công khai tới NH trước mỗi khoá học/kỳ học/học phần trên trang website của Trường, phần mềm quản lý đào tạo, cổng thông tin học tập trực tuyến, trong sổ tay SV và Group Zalo ban cán sự lớp [[H5.05.02.01](#)]; [[H5.05.02.02](#)]; [[H5.05.02.03](#)]; [[H5.05.02.04](#)] <http://smp.udn.vn/bieu-mau>.

Việc đánh giá KQHT của SV được thực hiện tùy theo đặc điểm của mỗi HP, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc HP và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa kỳ trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa HP; điểm tiểu luận. Điểm thi KTHP là bắt buộc cho các học phần, có trọng số không dưới 50%. Hình thức KTHP có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức này. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá điểm thành phần và trọng số của các điểm thành phần trên do Bộ môn đề xuất, được Hiệu Trưởng phê duyệt và phải được quy định trong ĐCCT của HP. [[H1.01.02.02](#)]; [[H5.05.01.09](#)]. Đối với HP chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: SV không được vắng quá 25% số giờ trên lớp mới được dự thi KTHP. Đối với HP thực hành: SV phải tham dự 100% các giờ thực hành. Điểm thực hành có thể là điểm

trung bình cộng của điểm các bài thực hành hoặc điểm kiểm tra và thi KTHP trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của HP thực hành. [[H3.03.02.01](#)]; [[H5.05.01.02](#)]; [[H5.05.01.04](#)].

Điểm chuyên cần và giữa kì được công bố công khai với SV trước khi kết thúc môn học. Điểm cuối kì được cập nhật trên trang thông tin cá nhân của SV, [[H5.05.02.01](#)]. Kế hoạch đào tạo trong đó nêu rõ thời gian thi dự kiến các HP, bảo vệ khoá luận tốt nghiệp của Trường được ban hành trước mỗi năm học và phổ biến đến bộ môn, GV và SV [[H3.03.01.08](#)]. Thời gian thi KTHP đã được thể hiện cụ thể trong kế hoạch đào tạo năm học và được xây dựng chi tiết bởi Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với Bộ môn, sau đó kế hoạch này sẽ được Trường phê duyệt và công bố cho SV trên website của Trường trước khi kỳ thi bắt đầu [[H5.05.02.05](#)]; [[H5.05.02.06](#)]; [[H5.05.02.07](#)].

Công tác ra đề thi luôn đảm bảo bám sát nội dung kiến thức đã học, có khả năng đánh giá được trình độ của NH tuân thủ theo Quy trình biên soạn NHCHT [[H5.05.01.09](#)], Quy trình ra đề thi, quản lý và in sao đề, Quy định thi kết thúc học phần. Quy trình rà soát, đánh giá kết quả học tập của người học tại Trường [[H5.05.01.02](#)]. Việc đăng ký hình thức thi cuối kì của GV được thực hiện 01 lần vào đầu năm học nhằm đảm bảo tính khách quan, phù hợp với từng đối tượng SV của các năm, cũng như phù hợp với tình hình giảng dạy thực tế và được thông báo kịp thời đến SV [[H4.04.02.06](#)]; [[H5.05.01.04](#)]. Việc tổ chức KTĐG, chấm điểm đều được thực hiện thống nhất với tất cả các HP và tuân thủ văn bản quy định về phương pháp và quy trình KTĐG, các biểu mẫu đánh giá khoá học/môn học, đề tài, khoá luận của Trường [[H5.05.01.02](#)]; [[H5.05.01.10](#)]; [[H1.01.01.03](#)].

Với bài thi KTHP, nếu NH chưa thoả mãn với kết quả thi thì NH có quyền nộp đơn phúc khảo điểm thi. Đơn phúc khảo nộp trực tiếp cho Phòng KT&ĐBCL, Phòng có nhiệm vụ chuyển bài phúc khảo đến GV chấm lại và cập nhật điểm thi nếu có thay đổi điểm chấm phúc khảo. Sau khi phúc khảo SV được thông báo về kết quả chấm, qua các năm học chưa ghi nhận trường hợp SV có khiếu nại về việc phúc khảo bài thi [[H5.05.01.13](#)]; [[H5.05.02.04](#)].

Đánh giá Thực tập tốt nghiệp (TTTN) và khoá luận của SV đều có bộ tiêu chí cụ thể. Việc KTĐG và tổ chức thi đã bao quát nội dung, mục tiêu của từng HP cũng như toàn bộ chương trình ở mức độ khá toàn diện. Để được làm Khóa luận tốt nghiệp (KLTN), SV phải đạt mức điểm trung bình chung tích lũy từ 7.5 điểm (thang điểm 10) và một số điều kiện khác được quy định cụ thể tại điều 2 trong quy định thực hiện KLTN đối với SV TYD - ĐHĐN. Đối với KLTN, Trường thông báo tới SV và GV hướng dẫn thông tin về quy định bảo vệ KLTN, hội đồng chấm, danh sách GV hướng dẫn, GV phản biện, mẫu trình bày khoá luận đến SV. Điểm khoá luận được công bố ngay sau buổi bảo vệ KLTN [[H5.05.01.10](#)].

Đồng thời cũng thông qua các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn như ĐCCT, văn bản hướng dẫn CDR, văn bản về công tác khảo thí,... NH dễ dàng nắm bắt và thực

hiện giúp bảo vệ quyền lợi chính đáng về kết quả thi, KQHT... Theo quy định của Trường về quy chế đào tạo theo học chế TC, các quyết định, quy định hướng dẫn về công tác khảo thí, Trường đã yêu cầu tất cả GV lên lớp phải công khai ĐCCT vào buổi đầu tiên lên lớp nhằm cung cấp tài liệu học tập và hình thức thi của HP tới SV, Vào đầu mỗi khóa học, SV sẽ được tham gia tuần sinh hoạt công dân để phổ biến các quy định quy chế liên quan đến ĐT cũng như KTĐG; TYD đã phân công GVCN để có thể trực tiếp hỗ trợ NH khi có những thắc mắc trong quá trình học tập [H5.05.02.02]; [H1.01.02.02]; [H5.05.02.05].

Ngoài ra, để đánh giá khách quan, đảm bảo tính minh bạch và cải tiến trong KTĐG, Trường đã khảo sát lấy ý kiến của NH về hoạt động giảng dạy và KTĐG hàng năm. Kết quả cho thấy, đa số NH đánh giá tốt về hoạt động KTĐG của Trường [H5.05.02.06]; [H5.05.02.07].

2. Điểm mạnh

Các quy định về KTĐG được công khai minh bạch bằng nhiều hình thức, đa dạng, thích hợp cụ thể như: về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (trước mỗi khoá học/học kỳ/học phần). Vì vậy, người học dễ dàng nắm bắt, tuân thủ và khiếu nại nếu có sai sót;

Công tác KTĐG được GV, SV đánh giá tốt và luôn có sự cải tiến qua từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Một số ít SV chưa chủ động tìm hiểu, quan tâm về quy định và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến quy chế thi KTHP vào tuần sinh hoạt công dân, các buổi sinh hoạt lớp và trên các trang thông tin điện tử của Trường.	- Phòng KH - HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo công khai đến NH.	- Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> - Luôn cập nhật, đổi mới quy trình, quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo rộng rãi, công khai cho NH - Áp dụng CNTT trong quản lý, tổ chức thi KTHP. 			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Để giúp đánh giá được năng lực SV một cách toàn diện thì phương pháp đánh giá KQHT là một trong những phần quan trọng trong quy trình đánh giá KQHT của NH. Vì vậy, đội ngũ GV của ngành DH đã sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, theo quy định về KTĐG. Theo đó, việc đánh giá KQHT được thực hiện đối với HP, theo học kỳ và cho toàn khoá học được thực hiện theo quy trình ra đề thi, chấm thi như sau: Bước 1. Giảng viên nộp đề thi về Phòng ĐT&ĐBCL; Bước. Phòng ĐT&ĐBCL in sao đề thi và chuẩn bị hồ sơ thi, tổ chức thi KTHP; Bước 3. Mời giảng viên chấm thi đối với những HP tự luận, trắc nghiệm (thi giấy) tại Trường; Bước 4. Phòng ĐT&ĐBCL nhập kết quả thi lên hệ thống quản lý học tập. [H5.05.01.02].

Những năm gần đây Nhà trường triển khai xây dựng ngân hàng đề thi KTHP để đảm bảo việc dạy và học theo đúng nội dung ĐCCT học phần, đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng, đảm bảo đánh giá được năng lực người học và phân hóa được người học. Việc xây dựng ngân hàng đề thi được thực hiện các bước sau: Bước 1. Bộ môn đăng ký biên soạn NHĐT và triển khai xây dựng NHĐT; Bước 2. Phòng ĐT&ĐBCL tổng hợp học phần xây dựng NHĐT, tham mưu BGH ra quyết định xây dựng NHĐT; Bước 3. Tổ chức nghiệm thu NHĐT cấp Khoa và cấp Trường; Bước 4. Cán bộ biên soạn chỉnh sửa, hoàn thiện NHĐT theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu; Bước 5. Bộ môn bàn giao NHĐT đã được chỉnh sửa cho Phòng ĐT&ĐBCL để lưu vào NHĐT. Bước 6. Phòng ĐT&ĐBCL dựa vào ma trận đề thi KTHP theo đề xuất của bộ môn từ đó chọn các câu hỏi trong NHĐT để tạo ra một đề thi KTHP. Qua các bước thực hiện trên sẽ đảm bảo đề thi có độ tin cậy, độ giá trị và công bằng. [H5.05.01.09]

Hình thức kiểm tra KQHT của NH ngành DH được thể hiện rất đa dạng trong ĐCCT HP, bao gồm: bài kiểm tra viết tại lớp, tiểu luận, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm. Hình thức thi của mỗi HP được ghi rõ trong ĐCCT, [H1.01.02.02] nếu có thay đổi hình thức thi đều phải có sự thống nhất giữa các GV giảng dạy, Trưởng bộ môn và được BGH phê duyệt. Tất cả các phương pháp KTĐG đều được phổ biến cụ thể rõ ràng đến NH bởi GV trong buổi học đầu tiên đối với các HP mình đảm nhận.

Bài kiểm tra của SV được chấm chi tiết theo đáp án được duyệt, bài tự luận thì GV chấm trực tiếp trên bài làm của SV, bài thi trắc nghiệm được chấm thông qua hai hình thức: một là, hệ thống E-learning chấm đối với bài thi trên máy tính (<http://daotao.smp.udn.vn:8181/smp/>) [H5.05.01.06], còn bài thi trắc nghiệm làm trên phiếu trả lời trắc nghiệm thì được chấm thông qua phần mềm cài trên điện thoại để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với NH [H5.05.03.04]. Bắt đầu từ năm 2018 Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để Phòng ĐT&ĐBCL, GV nhập điểm thành phần và công khai đến từng SV một cách nhanh chóng [H2.02.01.03]. Quy định về phương pháp đánh giá KQHT được thông báo cho SV [H5.05.02.02]. Điểm thi KTHP sẽ được cập nhật trên hệ thống trang cá nhân của SV.

Sau mỗi học kì, để đánh giá được mức đạt CDR của SV, Trường luôn chú trọng thực hiện các hoạt động phân tích KQHT, phân tích đề thi KTHP trên hệ thống E-learning đảm bảo độ giá trị (validity), độ tin cậy (reliability), phân tích phổ điểm của một số HP, tổng kết phổ điểm, tổ chức họp đánh giá việc tổ chức thi KTHP nhằm đánh giá đề thi để đưa ra khuyến nghị điều chỉnh độ khó câu hỏi, phương án nhiều để nâng cao chất lượng đề thi, cũng như có những giải pháp cải tiến cho học kì tiếp theo [H5.05.03.03]; [H5.05.01.11]; [H5.05.01.12].

Ngoài ra, nhằm nâng cao hiệu quả của công tác KTĐG KQHT, Trường với đầu mối là Phòng ĐT&ĐBCL đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động KTĐG nhằm hướng tới tính chính xác, khách quan, công bằng, nâng cao hiệu quả đào tạo. Kết quả phản hồi của SV về hoạt động đánh giá KQHT cho thấy, trên 80% NH đều hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác và công bằng của phương pháp, quy trình và kết quả đánh giá. Không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của NH, cựu NH về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá KQHT của Trường. [H5.05.02.06]; [H5.05.02.07].

2. Điểm mạnh

- Trường đã quy định về yêu cầu áp dụng nhiều phương pháp đánh giá để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Công tác đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn của Trường.

- Việc KTĐG bằng công cụ rubric đã góp phần đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của NH.

3. Điểm tồn tại

- Chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi/đề thi theo hướng chuẩn hoá cho các HP.
(Việc triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi bắt đầu được triển khai từ năm học 2023-2024 nên việc đánh giá các NHCHT chưa được thực hiện một cách toàn diện để đánh giá được CDR các HP)

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi chuẩn hoá của từng HP	- Phòng ĐT&ĐBCL, bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025	Đã được triển khai và áp dụng
2	Phát huy điểm mạnh	- Đa dạng các phương pháp đánh giá KQHT của NH. - Tăng cường, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các rubric đánh giá của các HP.	- Khoa Dược; - Phòng ĐT&ĐBCL.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc phản hồi kịp thời KQHT của SV để nâng cao chất lượng đào tạo và giúp SV chủ động trong quá trình học tập của mình. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về thi, kiểm tra trong đó có các nội dung về phản hồi kết quả đánh giá đến người học được thể hiện trong Quy định đào tạo đại học theo hệ thống TC của TYD và quy định thi KTTHP, quy định thi tốt nghiệp và bảo vệ KLTN trên cơ sở tuân theo các quy định chung của BGD&ĐT và ĐHQĐN [H1.01.01.03]; [H1.01.03.02]. Quy định nêu rõ, điểm thi vấn đáp, thực hành, bảo vệ khóa luận được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Điểm thi (trắc nghiệm hoặc tự luận), tiểu luận, bài tập lớn kết thúc HP được công bố chậm nhất 2 tuần sau khi thi, điểm phúc khảo bài thi được công bố chậm nhất đến người học trong vòng 4 tuần sau khi hết thời hạn phúc khảo [H5.05.01.02]; [H5.05.04.01]; [H5.05.04.02].

Để GV cũng như SV có thể tiếp cận các quy định về việc phản hồi kết quả học tập của sinh viên một cách kịp thời, nhà trường đã tiến hành phổ biến các văn bản này

tới các đối tượng sử dụng bằng nhiều hình thức khác nhau. Đối với GV, sau khi các quy định được ban hành hay cập nhật, trường sẽ gửi email thông báo đến từng email cá nhân để GV, ngoài ra các quy định này sẽ được đưa lên hệ thống văn bản trên trang thông tin điện tử của Trường để cán bộ GV có thể tra cứu khi cần thiết [H5.05.04.03]. Đối với SV, các quy định về phản hồi KQHT được phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân và được quy định cụ thể trong sổ tay sinh viên, đồng thời người học có thể tra cứu các quy định này trực tuyến trên hệ thống cổng thông tin điện tử dành cho SV của trường [H5.05.04.04]; [H5.05.02.02]. <http://smp.udn.vn/van-ban-bieu-mau>

TYD đã xây dựng được phần mềm quản lý đào tạo TC giúp quản lý KQHT của NH chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao và hỗ trợ người học tra cứu KQHT của mình dễ dàng, nhanh chóng. SV truy cập vào hệ thống phần mềm bằng tài khoản cá nhân để tra cứu KQHT của mình, cùng với các hướng dẫn về cách tính điểm trung bình chung học tập được thể hiện trong Quy định đào tạo theo hệ thống TC của TYD. Trên cơ sở những phản hồi về KQHT, SV có thể tự rút kinh nghiệm và cải thiện việc học tập của mình [H5.05.04.05]; [H5.05.04.06]. Đối với điểm chuyên cần và điểm các bài KTĐG quá trình, kết quả sẽ được thông báo đến SV ngay sau khi chấm xong, SV có thể phản hồi trực tiếp với GV nếu thấy kết quả chưa phù hợp. Nếu có điều chỉnh hay không điều chỉnh, GV thông báo công khai với SV và nêu rõ lý do. Sau đó GV vào điểm và nộp bảng điểm chính cho Phòng ĐT&ĐBCL để xét điều kiện thi KTHP cho SV, đồng thời GV cập nhật lên hệ thống phần mềm trước khi thi KTHP [H5.05.04.05]. Sau kỳ thi KTHP, Phòng ĐT&ĐBCL thông báo GV đến nhận bài thi và tổ chức chấm thi theo quy định. Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến (<http://daotao.smp.udn.vn:8181/smp/login/index.php>) đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh thay vì GV phải chấm theo cách truyền thống. Bảng điểm thi KTHP sẽ được chuyển đến Phòng ĐT&ĐBCL để tiến hành nhập điểm lên phần mềm hệ thống, đối với các HP thi trên máy tính, hệ thống sẽ hỗ trợ đồng bộ hóa dữ liệu từ kết quả thi giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm thủ công. Từ đó SV có thể dễ dàng truy cập theo tài khoản cá nhân để xem điểm thi KTHP một cách thuận tiện và nhanh chóng [H5.05.04.06].

Việc phản hồi kịp thời kết quả đánh giá KQHT của SV đã được Nhà trường quan tâm, đầu tư do đó đã xây dựng hệ thống quản lý đo lường đánh giá chặt chẽ, khoa học, khách quan, chính xác, công bằng và phản hồi kịp thời tới NH để nâng cao chất lượng đào tạo, giúp SV có các biện pháp cải thiện việc học tập. Phòng ĐT&ĐBCL đã chủ động thông báo đến các GV của bộ môn để kịp thời cập nhật điểm đánh giá quá trình và Phòng ĐT&ĐBCL cập nhật điểm thi KTHP của NH theo đúng thời gian quy định [H3.03.02.01]. Dựa vào KQHT, điểm rèn luyện của từng kì và biên bản xét học vụ, cảnh báo học vụ để SV lập phương án học tập thích hợp tránh được tình trạng bị cảnh báo học vụ hay buộc thôi học do KQHT. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến những SV thuộc diện cảnh báo, tồn đọng TC để tư vấn, định hướng SV có phương án, kế hoạch học tập

cá nhân phù hợp để hoàn thành khối lượng học tập trong thời hạn tối đa hoàn thành CTĐT. Trong trường hợp SV có mong muốn cải thiện thành tích học tập, đầu các kì học các SV đạt điểm D của các HP sẽ được đăng kí học lại để cải thiện KQHT. Bên cạnh đó, các CVHT, GVCN sẵn sàng thực hiện việc khuyến khích, động viên SV có KQHT tốt; nhắc nhở những sinh viên có kết quả học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của NH và tư vấn cho NH những phương pháp học tập phù hợp [H5.05.04.07]; [H4.04.02.05]. Từ những hoạt động trên, cho thấy hiệu quả của việc phản hồi nhanh chóng kết quả học tập giúp SV kịp thời điều chỉnh phương pháp học tập, thể hiện qua số lượng các SV bị cảnh báo học vụ qua các năm là rất ít, đa phần rơi vào trường hợp các SV đã nghỉ học, hoặc không đi học lại sau thời hạn bảo lưu. Năm học 2019-2020 có 1 sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập do điểm tích lũy học tập dưới ngưỡng quy định và đã được cải thiện trong các kì học sau.

Năm học	Sinh viên bị cảnh cáo học vụ	Lý do	Ghi chú
2019-2020	1	Không đạt kết quả học tập (TB tích lũy 1.19)	Đã cải thiện trong kì học sau
2020-2021	Không có		
2021-2022	Không có		
2022-2023	3	Đã hết hạn bảo lưu không quay lại học tập	Quyết định cho thôi học
2023-2024	Không có		

Trường hợp SV bị buộc thôi học, nhà trường sẽ lập danh sách và thông báo về gia đình theo đúng quy định trong quy chế đào tạo [H5.05.04.08]; [H5.05.04.09]; [H5.05.04.10]. Để thu nhận ý kiến của SV về các nội dung liên quan đến phản hồi KQHT, hàng năm trường đều tổ chức khảo sát lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy, hoạt động KTĐG của GV trong đó có các nội dung phản hồi về chấm thi và phản hồi về kết quả thi bao gồm: kết quả được thông báo rõ ràng, hình thức và thời gian thông báo đúng theo quy định, kết quả thi thực hành và vấn đáp được công bố ngay sau buổi thi, cách thức tra cứu kết quả thi dễ dàng và thuận tiện, người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập, đây là nguồn thông tin quan trọng giúp nhà trường và các GV bộ môn cải thiện phương pháp KTĐG phù hợp [H5.05.02.06]. SV còn có cơ hội phản ánh, đóng góp ý kiến của mình qua các cuộc họp lớp với GVCN sau mỗi học kỳ học [H5.05.04.07]. Kết quả khảo sát ý kiến SV qua mỗi năm học, khóa học cho thấy hầu hết SV hài lòng về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập tại TYD. Qua các năm tỷ lệ sinh viên đồng ý với các nội dung khảo sát về phản hồi kết quả học tập đạt mức khá cao. [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh

- Trường đã xây dựng được hệ thống cổng thông tin SV trên phần mềm quản lý Đào tạo để giúp SV dễ dàng tiếp cận được KQHT một cách nhanh chóng và thuận lợi.

- Các CVHT, GVCN và các phòng chức năng luôn sẵn sàng tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của SV thường xuyên về hoạt động phản hồi kết quả KTĐG.

- Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh, giảm thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm.

3. Điểm tồn tại

- Có một số HP GV thỉnh giảng từ BV, trường thành viên nên thời gian thi, việc chấm bài, trả kết quả thi đôi khi còn kéo dài.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL và các trợ giảng chủ động theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ để GV thỉnh giảng hoàn thành việc giảng dạy đúng theo kế hoạch đào tạo để rút ngắn thời gian thi kết thúc học phần. - Chuyển hình thức thi trắc nghiệm trên giấy sang thi trắc nghiệm trên máy tính để giảm thời gian chấm bài, trả kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược. 	Năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến phương thức phản hồi kết quả nhanh chóng trên hệ thống phần mềm đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, KH - HTPT&CTSV 	Năm học 2024 - 2025
		GV, các phòng chức năng cải tiến quy trình tiếp nhận phản hồi sinh viên đảm bảo chính xác, nhanh chóng	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên; - Phòng ĐT&ĐBCL. 	Năm học 2024 - 2025
		Tiếp tục tăng cường triển khai hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính		Năm học 2024 - 2025

5. Tự đánh giá: Tự đánh giá tiêu chí đạt, mức 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện tốt quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống TC, các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT của SV được trường xây dựng và quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi KTHP [H5.05.01.02] và các quy định, biểu mẫu, thông báo về việc khiếu nại KQHT được công bố công khai trên trang thông tin điện tử để SV dễ dàng tiếp cận được [H5.05.04.04]; [H5.05.05.01]; [H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]; [H5.05.05.04]; [H5.05.05.05]. Vào đầu mỗi năm học, trường đều tổ chức tuần sinh hoạt công dân để phổ biến đến toàn thể SV về quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống TC, trong đó có các nội dung về quy định, quy trình khiếu nại học tập. Đồng thời, các quy định này cũng được đưa vào sổ tay SV và được phổ biến cho NH vào đầu mỗi khóa học [H1.01.03.03]; [H5.05.02.02]. Trước khi bắt đầu các học phần, GV sẽ phổ biến đến SV các nội dung về học tập, KTĐG cũng như cách thức phản hồi của NH khi cần khiếu nại về học tập.

Sau khi kết thúc mỗi kì thi học kì, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ ra thông báo đến toàn thể SV để hướng dẫn cách thức, thời gian thực hiện việc phúc khảo bài thi, kết quả phúc khảo sẽ được tổng hợp công bố đến SV trên trang thông tin điện tử của Trường. Đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, KLTN SV được công bố điểm ngay sau khi kết thúc buổi thi và được giải đáp những thắc mắc nếu chưa hài lòng về kết quả bài [H5.05.05.01]; [H5.05.05.02]; [H5.05.05.03]; [H5.05.05.04]; [H5.05.05.05].

KQHT của NH được GV phụ trách HP thông báo và điểm được đưa lên phần mềm quản lý hệ thống đào tạo của Trường. SV có thể tiếp cận để xem điểm của từng HP của mình một cách dễ dàng [H5.05.04.05]. Trường hợp nếu phát hiện ra bất kỳ sai sót nào, SV có thể phản hồi về KQHT của mình. Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại, phúc khảo KQHT. Cụ thể:

- Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy HP đó khi GV công bố kết quả học tập, GV giảng dạy HP trực tiếp giải quyết các ý kiến của NH trước khi nhập điểm lên hệ thống đào tạo để xét điều kiện dự thi KTHP của SV.

- Đối với hình thức thi thực hành, vấn đáp, bảo vệ KLTN SV được công bố điểm ngay sau khi kết thúc buổi thi và được giải đáp những thắc mắc nếu chưa hài lòng về kết quả bài thi.

- Đối với điểm thi KTHP, điểm thi sẽ được Phòng ĐT&ĐBCL đưa lên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, SV có thể dễ dàng tiếp cận được điểm thi thông qua tài khoản của SV trên hệ thống [H5.05.04.06]. Trong vòng 01 tuần sau khi công bố điểm thi trên hệ thống, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ ra thông báo phúc khảo gửi đến toàn thể SV để NH có thể thực hiện quy trình đăng kí phúc khảo bài thi trong trường hợp có thắc mắc về kết quả. Đơn phúc khảo được lấy theo mẫu tại Phòng ĐT&ĐBCL hoặc tại website của

trường. Thông báo phúc khảo và mẫu đơn đăng kí được công khai trên cổng thông tin điện của trường [H5.05.05.02]; [H5.05.05.05]. Phòng ĐT&ĐBCL có nhiệm vụ tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của NH, tổng hợp danh sách SV phúc khảo bài thi và gửi biên bản cùng bài thi chấm phúc khảo đến bộ môn [H5.05.01.02]; [H5.05.05.03]. Trưởng bộ môn lập danh sách phân công cán bộ chấm phúc khảo bài thi theo quy định của trường. Việc chấm phúc khảo sẽ do trưởng bộ môn phân công hai GV khác với GV chấm lần 1 để quy trình đánh giá lại được hoàn toàn khách quan. Sau khi kết thúc thời gian phúc khảo, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ tổng hợp lại kết quả và thông báo kết quả phúc khảo đến SV. Nếu có sự sai lệch điểm thi thì Phòng ĐT&ĐBCL dựa vào bài thi đã chấm phúc khảo để điều chỉnh điểm trên phần mềm quản lý đào tạo [H5.05.04.06]. Sau các kì thi, Phòng ĐT&ĐBCL đã tiến hành tổng kết hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá và khiếu nại KQHT, đồng thời Phòng đã tổng hợp vào sổ theo dõi khiếu nại, trả lời kết quả khiếu nại để nắm được tình hình phúc khảo qua các kì học nhằm kịp thời phát hiện những điểm sai sót, chưa hợp lý trong quy trình để có biện pháp cải tiến phù hợp [H5.05.01.12]; [H5.05.05.06].

Trong các năm học vừa qua từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2024 - 2025, công tác tổ chức thi, kiểm tra luôn được quan tâm, đảm bảo tính chính xác, khách quan, số lượng bài thi đề nghị phúc khảo là không nhiều. Kết quả theo dõi cho thấy 100% đề nghị phúc khảo điểm của NH được nhà trường xác minh, trả lời kịp thời và thỏa đáng, được NH đánh giá cao, không có trường hợp SV khiếu nại về điểm sau khi phúc khảo, kết quả thông kê theo bảng bên dưới [H5.05.01.12]; [H5.05.05.06].

Bảng thống kê kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần giai đoạn 2019-2025

Năm học	Số lượng phúc khảo	Số lượng (Tỷ lệ) bài phúc khảo thay đổi kết quả	Tỷ lệ trường hợp phúc khảo được giải quyết
2019-2020	8	2 (25%)	100%
2020-2021	39	12 (30.77%)	100%
2021-2022	36	12 (33.33%)	100%
2022-2023	43	5 (11.63%)	100%
2023-2024	14	14 (42.86%)	100%

Bảng thống kê kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần ngành Dược học giai đoạn 2019-2025

Stt	Học kỳ/năm học	Tổng số bài thi	Tổng số bài phúc khảo	Số bài phúc khảo thay đổi điểm	Tỷ lệ bài phúc khảo/tổng số bài thi	Tỷ lệ bài phúc khảo thay đổi điểm/Tổng số bài thi	Tỷ lệ bài phúc khảo thay đổi/tổng số bài phúc khảo
1	HKI, 2019 - 2020	850	0	0	0.00%	0.00%	0.00%

Stt	Học kỳ/ năm học	Tổng số bài thi	Tổng số bài phúc khảo	Số bài phúc khảo thay đổi điểm	Tỉ lệ bài phúc khảo/tổng số bài thi	Tỉ lệ bài phúc khảo thay đổi điểm/Tổng số bài thi	Tỉ lệ bài phúc khảo thay đổi/tổng số bài phúc khảo
2	HKII, 2019 - 2020	726	0	0	0.00%	0.00%	0.00%
3	HKI, 2020 - 2021	1338	6	2	0.45%	0.15%	33.33%
4	HKII, 2020 - 2021	1258	0	0	0.00%	0.00%	0.00%
5	HKI, 2021 - 2022	1581	3	2	0.19%	0.13%	66.67%
6	HKII, 2021 - 2022	1151	3	0	0.26%	0.00%	0.00%
7	HKI, 2022 - 2023	1475	1	1	0.07%	0.07%	100%
8	HKII, 2022 - 2023	1225	6	3	0.49%	0.24%	50%
9	HKI, 2023 - 2024	1446	1	0	0.07%	0.00%	0.00%
10	HKII, 2023 - 2024	1213	2	1	0.16%	0.08%	50.00%
11	HKI, 2024 - 2025	1451	4	0	0.28%	0.00%	0.00%

Hàng năm, Phòng ĐT&ĐBCL đã thực hiện các khảo sát về quy trình KTĐG cũng như quy trình phúc khảo, khiếu nại KQHT để từ đó thu nhận các ý kiến đóng góp từ NH, đây là nguồn thông tin quan trọng giúp cải tiến các quy trình khiếu nại KQHT nhằm ngày càng cải tiến hơn chất lượng đào tạo của trường. Kết quả khảo sát cho thấy đa phần NH hài lòng về quy trình, cách thức và kết quả của việc khiếu nại KQHT [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh

- NH được thông báo đầy đủ, kịp thời các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong quá trình học.

- Hàng năm, việc khiếu nại về KQHT của NH được xử lý, giải quyết kịp thời, chính xác và thỏa đáng, không có trường hợp SV khiếu nại sau phúc khảo.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo nhằm tạo điều kiện cho NH có thể phản hồi nhanh chóng

khi phát hiện sai sót về KQHT. Trong học kỳ II, năm học 2024 – 2025, trường sẽ khắc phục hạn chế này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Từ Học kỳ II, năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến hơn nữa quy trình tiếp nhận và xử lý khiếu nại đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời	- Khoa Dược, Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
		Tiếp tục đảm bảo quyền lợi của NH trong việc khiếu nại về KQHT	- Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhìn chung, hoạt động đánh giá KQHT của NH ở ngành Dược được thực hiện theo đúng quy định, bám sát các hướng dẫn của ĐHĐN và Quy định của Trường để đảm bảo tính rõ ràng, công khai của quy trình. TYD luôn tập trung sâu vào đánh giá kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của NH thông qua các kì thi, kiểm tra, đặc biệt trong việc đo lường được mức độ đạt được CDR, đa dạng hóa các phương thức đánh giá, đề thi đảm bảo độ tin cậy được bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi. Đối với các HP thực tập, thực tế tại các cơ sở y tế, doanh nghiệp dược có thêm sự phối hợp đánh giá người học từ các Dược sĩ bệnh viện và người phụ trách chuyên môn tại doanh nghiệp để đánh giá SV về các tiêu chí như kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm... KQHT của NH được phản hồi kịp thời, đúng quy định hằng kỳ để NH xác định và điều chỉnh kế hoạch học tập, giúp cải thiện việc học tập. NH được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Trường đã triển khai hệ thống phúc khảo online để SV dễ dàng tiếp cận với quy trình phúc khảo, khiếu nại về KQHT.

Tuy nhiên, việc đánh giá các CDR liên quan đến mức tự chủ và trách nhiệm còn gặp khó khăn. Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá của một số HP chưa được sử dụng

hiệu quả để cải thiện việc học tập của SV, đây là những vấn đề mà TYD đã nhận thấy và đề xuất các biện pháp cần khắc phục trong năm 2026.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 5: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Đội ngũ GV, nghiên cứu viên có ý nghĩa quan trọng đối với CTĐT của ngành. Đội ngũ này là cơ sở nền tảng để xây dựng, thực hiện, triển khai và phát triển CTĐT. Phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT cũng như đáp ứng chiến lược phát triển Trường hoàn thành sứ mạng và mục tiêu phát triển của Trường. Do đó, việc phân tích thực trạng đội ngũ GV, Cán bộ viên chức (CBVC) không chỉ nhằm đánh giá điểm mạnh, điểm yếu để thực hiện, triển khai CTĐT của ngành mà còn có vai trò to lớn trong việc đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục các điểm yếu, phát huy các điểm mạnh về cả số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, để từ đó xây dựng, điều chỉnh, thực hiện và phát triển CTĐT ngày càng hoàn thiện, tốt hơn đáp ứng mục tiêu, chiến lược của Trường và CDR của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và thực hiện Chiến lược phát triển TYD đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 [H1.01.01.08] để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng (PVCĐ) của đội ngũ GV, TYD đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng GV hằng năm [H6.06.01.01]. Kế hoạch này được xây dựng dựa trên căn cứ phân tích các thông tin về độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn, phân tích nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, bản mô tả vị trí việc làm [H6.06.01.02]; [H6.06.01.03]; [H6.06.01.04]. Cùng với đó, hằng năm BGH luôn chú ý tiến hành rà soát, quy hoạch công tác cán bộ và tiến hành việc quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý từ Trường bộ môn đến BGH [H6.06.01.05]. Mục tiêu của chiến lược phát triển đội ngũ giáo dục đến năm 2025 của Trường là có tổng số 158 viên chức, người lao động; trong đó đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu viên là 100 viên chức; số lượng GV, trợ giảng tiến sĩ, thạc sĩ được nâng cao [H6.06.01.04] đảm bảo điều kiện và đáp ứng yêu cầu tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của Giáo dục Đại học và Điều 4, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ: “*Giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên, trợ giảng có trình độ đại học trở lên, Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện CTĐT, Có ít nhất 05 tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy; Có đủ số lượng giảng viên để đảm bảo tỉ lệ sinh viên trên giảng viên không vượt quá mức quy định cho từng lĩnh vực, nhóm ngành hoặc ngành đào tạo.*” [H6.06.01.02]. Để thực hiện chiến

lược phát triển đội ngũ đã đề ra, Trường đã thực hiện quy trình tuyển dụng với các quy định và yêu cầu nghiêm ngặt, dựa trên quy định cụ thể của ĐHĐN [H6.06.01.06]; [H6.06.01.07]. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV được thực hiện rõ ràng, công khai, minh bạch trên Website của Trường và ĐHĐN [H6.06.01.08] đối với những ứng viên có trình độ tiến sĩ được đặc cách thi tuyển. Đội ngũ GV từng bước được trẻ hóa nhưng vẫn đảm bảo sự kế thừa giữa các thế hệ, Trường có chiến lược phát triển đội ngũ GV đạt chuẩn và cũng như có hình thức hỗ trợ phù hợp. Chính sách hỗ trợ phát triển cho đội ngũ GV học tập được xác định trong các chiến lược phát triển và quy định chi tiêu nội bộ của ĐHĐN. GV học tập tại Việt Nam được hỗ trợ học phí, chi phí đi lại và được thanh toán đầy đủ lương và phúc lợi. GV học tập ở nước ngoài được hỗ trợ bảo hiểm xã hội và 40% tiền lương cơ bản. Đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ đặc thù cho trợ giảng mới tuyển dụng [H6.06.01.09]. Kế hoạch tuyển dụng GV hàng năm của Trường được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trên nhu cầu của Bộ môn, sau đó họp thống nhất chỉ tiêu và tiến hành lập tờ trình đề xuất ĐHĐN thực hiện các bước tuyển dụng. Chỉ tiêu tuyển dụng được xác định dựa vào nhu cầu, vị trí việc làm và chủ trương được duyệt. Tính đến tháng 09/2024, giảng viên giảng dạy ngành DH có 102 GV, trợ giảng và có sự tham gia giảng dạy của giảng viên các trường thành viên của ĐHĐN [H3.03.01.06]. Trong đó, có 02 PGS.TS chiếm tỷ lệ 2,04%, 19 TS chiếm tỷ lệ 19,6%, 39 ThS chiếm tỷ lệ 38,2% [H6.06.01.02]. Các cá nhân được tuyển dụng tạo nguồn GV phải đáp ứng các tiêu chuẩn về điều kiện đào tạo bồi dưỡng: có bằng Thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành theo yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020; đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đối với vị trí việc làm cần tuyển; có nguyện vọng trở thành GV và cam kết làm việc lâu dài tại Trường [H6.06.01.10]. Đội ngũ GV khi được tuyển dụng được ký hợp đồng làm việc [H6.06.01.15] và phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của một GV cần phải đáp ứng về thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác theo quy định tại quy định chi tiết chế độ làm việc của GV ĐHĐN và của TYD [H6.06.01.11]. Dựa vào phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV [H6.06.01.03], Trường tăng cường thúc đẩy hợp tác với các trường đại học trong và ngoài nước, đặc biệt là hợp tác quốc tế với các trường đại học ở các nước phát triển, từ đó GV được giới thiệu để học tiến sĩ hoặc tham gia các khóa ngắn hạn. Trong 5 năm qua, giảng viên giảng dạy ngành DH có 15 GV được cử đi đào tạo sau đại học; 17 GV được cử tham gia bồi dưỡng [H6.06.01.12]. Bên cạnh đó, các GV luôn có ý thức học tập, nâng cao trình độ, hướng tới đạt chuẩn năng lực GV [H6.06.01.13]. Trường và ĐHĐN đã triển khai thực hiện các chính sách về nhân sự đối với GV theo đúng quy định hiện hành [H6.06.01.14], [H6.06.01.07]. Trường đã thực hiện việc thủ tục chấm dứt hợp đồng, cho thôi việc và cho nghỉ hưu đối với GV theo các quy định hiện hành của Luật lao động, Luật viên chức và theo quy định của ĐHĐN [H6.06.01.16], một số GV có

trình độ sau khi nghỉ hưu được Trường xem xét mời làm cố vấn, chuyên gia để tham gia vào công tác giảng dạy [H6.06.01.17].

Bảng số liệu về phát triển đội ngũ hằng năm trong giai đoạn đánh giá

Biến động giảng viên cơ hữu							
Năm	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng 5 năm	2024
Dữ liệu							
Tuyển mới/điều chuyển	1 TS, 2 ThS, 3 BS	1 TS, 1ThS, 7 BS	3 ĐH, 1 BS	5 BS	1 ThS, 3 BS	2 TS, 4 ThS, 19 BS, 3 ĐH	1 TS, 2ThS, 3 BS
Chuyển đi/thôi việc	3 (1 TS, 2 ThS)	2 (1 TS, 1 ThS)	1 BS	4 (1 TS, 1 ThS, 2 BS)	3 (1 TS, 1 ThS, 1 BS)	13	0
Nghỉ hưu			1 ThS			1	
Số GV được thăng hạng theo năm (GVCC, GVC, PGS, TS)							
Năm	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng 5 năm	2024
Dữ liệu							
GVC			1 TS			1	2 TS
GVCC							
PGS						1	1 TS
TS							

2. Điểm mạnh

- Trường đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ GV để triển khai đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

- Trường đã tuyển được đội ngũ GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt, đã bổ nhiệm được những cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

- Trường có đội ngũ GV là bác sĩ tại các Bệnh viện lớn trên địa bàn Đà Nẵng, Quảng Nam kiêm nhiệm chức vụ tại Trường với năng lực chuyên môn cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

- Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp.

- Tuy việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên luôn được Trường chú trọng hàng đầu, nhưng không thể tránh khỏi sự cạnh tranh trong giáo dục ngày càng tăng, song song với việc thu hút đội ngũ giỏi thì việc giữ chân đội ngũ có trình độ, chuyên môn cao phải được chú trọng nhưng công tác này chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển kế hoạch phát triển đội ngũ theo chiến lược đã đề ra	Phòng HC-TH	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng chính sách thu hút, đội ngũ chất lượng cao Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2024 - 2029 chú trọng đến phát triển đội ngũ giảng viên trình độ Tiến sĩ đào tạo bồi dưỡng các GV thuộc chuyên ngành Nội ngoại sản nhi	Phòng HC-TH	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/người học và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu Trường học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tính đến tháng 09/2024, giảng viên giảng dạy ngành DH có 102 GV và trợ giảng. Trong đó, có 02 PGS.TS chiếm tỷ lệ 2,04%, 19 TS chiếm tỷ lệ 19,6%, 39 ThS chiếm tỷ lệ 38,2% [H6.06.01.02]. Như vậy, tổng số GV có trình độ sau đại học của ngành là 60/102, chiếm 58,82%. Ngoài ra, còn có các GV kiêm nhiệm, thỉnh giảng từ các đơn vị thành viên của ĐHĐN, các BV, trung tâm y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Bảng 2.8. Bảng tỷ lệ GV cơ hữu/sinh viên từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024.

Năm học	Tỷ lệ 01 GV quy đổi	Số sinh viên chính quy	Số sinh viên chính quy/01 GV quy đổi
2018 - 2019	48,3	608	12,6
2019 - 2020	55,5	710	12,8
2020 - 2021	61	757	12,4

Năm học	Tỉ lệ 01 GV quy đổi	Số sinh viên chính quy	Số sinh viên chính quy/ 01 GV quy đổi
2021 - 2022	65,1	711	11
2023 - 2024	55,7	716	12,8

Qua phân tích ở bảng trên cho thấy, tỷ lệ SV/GV của ngành DH có đáp ứng nhu cầu đào tạo và phù hợp với quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ GD&ĐT về xác định chỉ tiêu tuyển sinh Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non....Đồng thời đội ngũ GV của ngành với số lượng đông và ngày càng nâng cao về chất lượng, trình độ, kinh nghiệm nên luôn đảm bảo được chất lượng giảng dạy cũng như tư vấn học thuật cho người học cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo [H1.01.01.10]; [H3.03.01.06]. Khối lượng công việc của đội ngũ GV được Trường thực hiện theo Quyết định số 4194/QĐ-ĐHĐN ngày 08/12/2021 của ĐHĐN ban hành quy định về chế độ làm việc của GV ĐHĐN và Quyết định số 5369/QĐ-ĐHĐN ngày 18/12/2023 của ĐHĐN ban hành quy định chi tiết chế độ làm việc của TYD - ĐHĐN [H6.06.01.11]. Chế độ làm việc của GV, bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh GV; thời gian làm việc; giờ chuẩn giảng dạy, NCKH, PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác. Định mức giờ chuẩn cho GV trong một năm học là 270 giờ, GV được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác khác được giảm trừ giờ chuẩn và các trường hợp GV được miễn giảm giờ chuẩn được quy định trong Quy định về chế độ làm việc của GV của ĐHĐN. Ngoài ra còn có các điều kiện được quy định rõ ràng để tính vượt giờ cho GV. Quy định về NCKH, mỗi năm GV phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh nghề nghiệp hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của GV được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH. Định mức khối lượng giờ thực hiện NCKH của các chức danh GV là 600 giờ. Định mức thời gian PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác cho mỗi GV trong từng năm học là 350 giờ hành chính. Hằng năm Trường ban hành thông báo định mức giờ làm việc phổ biến đến từng GV để biết và thực hiện, đồng thời thống kê nhiệm vụ GV đã đạt được vào cuối năm học [H6.06.04.02].

Các GV được phân công giảng dạy theo đúng năng lực chuyên môn và chuyên ngành nghiên cứu [H3.03.01.06], hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các hoạt động PVCĐ [H6.06.02.01]; [H6.06.02.02]. Về công tác giảng dạy, trước mỗi học kỳ giảng dạy, Trường triển khai công việc phân công giảng dạy, báo giảng đến từng Bộ môn, trên cơ sở đó Trường triển khai cho các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy, Trường xét duyệt và chuyển về Phòng ĐT&ĐBCL tiến hành thực hiện báo giảng. Trong những năm vừa qua, chưa ghi nhận trường hợp GV phàn nàn, gửi đơn thư khiếu nại về phân công nhiệm vụ. Về công tác giảng dạy, trước mỗi học kỳ giảng dạy, Trường triển khai công việc phân công giảng dạy, báo giảng đến từng Bộ môn, trên cơ sở đó Trường triển khai cho các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy, Trường xét duyệt và chuyển

về Phòng ĐT&ĐBCL tiến hành thực hiện báo giảng. Sau mỗi học kỳ, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ thống kê toàn bộ khối lượng giảng dạy qui đổi của GV, từ đó, Bộ phận tài vụ căn cứ khối lượng này để thanh toán giờ giảng cho GV. Đồng thời, Phòng KH-HTPT&CTSV cũng tiến hành thống kê và thực hiện qui đổi giờ NCKH theo qui định. Ngoài việc quản lý trực tiếp của Trường, bộ môn, các Phòng chức năng của Trường kiểm tra giám sát đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác của GV [H6.06.02.01]. Kết quả là trong 5 năm qua, toàn bộ GV trong Trường đều hoàn thành công việc, đa số GV hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H6.06.02.03].

2. Điểm mạnh

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy định đối với GV;

- Tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo DH bậc đại học theo quy định.

- Có đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Công tác đánh giá xếp loại chất lượng viên chức được tiến hành định kỳ vào cuối năm học tuy nhiên vẫn chưa có bộ tiêu chí cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp loại viên chức của Trường	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	TYD	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Trường xác định công tác nhân sự là khâu then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với sự ổn định phát triển của Trường. Do đó, công tác nhân sự được chú trọng ở tất cả các mặt, công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV được Trường thực hiện theo kế hoạch, đúng quy trình, đúng quy định có tiêu chí rõ ràng [H6.06.01.07] [H6.06.01.15], [H6.06.01.08]. Dựa trên Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2022 - 2025 của TYD [H6.06.01.04], Trường đã thực hiện công tác tuyển dụng, lựa chọn GV theo các văn bản quy định của ĐHĐN [H6.06.01.07].

Hàng năm, Trường phối hợp với Ban Tổ chức Cán bộ, ĐHĐN ra thông báo tuyển dụng và bồi dưỡng CBVC đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho các đơn vị [H6.06.01.06]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, đặc biệt phát triển các nhà giáo xuất sắc, Trường đã thống nhất các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để có đội ngũ chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng với các tiêu chí cụ thể:

* Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên; ưu tiên người có độ tuổi dưới 40 tuổi (muốn gắn bó lâu dài với Đại học Đà Nẵng);
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;
- Có đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ (không bị dị tật, phát âm rõ ràng...);
- Có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp tuyển dụng.

+ Đối với Trợ giảng: có bằng đại học trở lên; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh Trợ giảng;

+ Đối với Giảng viên: có bằng thạc sĩ trở lên; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh Giảng viên;

+ Đối với Chuyên viên, Kế toán viên: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm; có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng hoặc có cam kết bổ túc chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong thời hạn 01 (một) năm sau khi được tuyển dụng.

- Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

+ Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

* Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể: Có bằng đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Ưu tiên: Ứng viên có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương.

Thông báo tuyển dụng được công khai bằng văn bản và trên website của ĐHĐN và Trường qua nhiều kênh truyền thông khác [H6.06.01.08]. Tất cả GV này đều trải qua kì thi tuyển viên chức và sát hạch về chuyên môn với sự cạnh tranh cao. Quy trình này được thực hiện một cách chặt chẽ và minh bạch theo quy định [H6.06.01.07]. Sau khi trúng tuyển, ĐHĐN sẽ tiến hành các thủ tục công nhận trúng tuyển, kí hợp đồng làm việc theo qui định [H6.06.01.15]. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ, đảm bảo việc thực hiện CTĐT, Trường đã có các chính sách nhân sự như: thu hút đội ngũ cán bộ, GV có trình độ cao trong tuyển dụng, chính sách nâng bậc lương trước thời hạn, cử đi đào tạo, bồi dưỡng... [H6.06.01.12]; [H6.06.01.14] Trong 5 năm qua, Trường đã tuyển dụng, tiếp nhận được 08 GV có trình độ tiến sĩ và 12 GV có trình độ thạc sĩ giảng dạy ngành Y khoa [H6.06.01.15]. Về công tác bổ nhiệm viên chức được quy định rõ trong Quy chế bổ nhiệm của ĐHĐN [H6.06.01.08] và được công khai, phổ biến đến toàn thể viên chức. Trường luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Trường được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. GV thực hiện các hoạt động chuyên môn dưới sự quản lý và giám sát của trưởng bộ môn. Trách nhiệm của GV, cán bộ quản lý được quy định rõ ràng trong văn bản của ĐHĐN [H6.06.01.11]. Mức độ xếp loại chất lượng là tiêu chí quan trọng được xem xét khi tiến hành công tác bổ nhiệm, điều chuyển [H6.06.02.03]. Từ năm 2018 đến nay, TYD đã thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 42 vị trí lãnh đạo, quản lý các đơn vị, tiếp nhận 02 GV [H6.06.03.01].

2. Điểm mạnh

Các GV được tuyển dụng, bổ nhiệm đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để các đội ngũ GV để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng	Phòng HC-TH	Cuối năm 2024 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
				hành mỗi năm 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Theo định hướng phát triển của Trường, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu hàng đầu. Các GV của Trường đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp yêu cầu theo quy định của BGD&ĐT [H6.06.01.10]. Trường đã sử dụng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chí xác định năng lực của GV và xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó quy định chi tiết năng lực của từng vị trí GV, với các yêu cầu về hiểu biết, kiến thức, trình độ và kỹ năng cần thiết đối với từng vị trí [H6.06.01.04]. Năng lực của GV còn được xác định khi tuyển dụng: Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng [H6.06.01.06]. Năng lực của đội ngũ GV được xác định bao gồm cả 3 yêu cầu: năng lực giảng dạy, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.11], 100% tỷ lệ GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 100% tỷ lệ GV trình độ tin học, ngoại ngữ bắt buộc theo quy định [H6.06.01.13]. Như vậy, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc. Để nâng cao chất lượng đào tạo, Trường trình ĐHĐN ban hành Quy định về tổ chức dạy học lâm sàng [H6.06.04.01] trong đó chú trọng việc thiết kế và triển khai chương trình dạy và học, xây dựng ĐCCT, triển khai các phương pháp dạy, học, đánh giá theo CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Đồng thời, Trường áp dụng các qui định hiện hành đối với nội dung qui định GV PVCĐ và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác [H6.06.01.11]. Việc đánh giá các HP được thông qua việc triển khai của Phòng ĐT&ĐBCL trong việc khảo sát lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động KTĐG thông qua phiếu đánh giá trên hệ thống quản lý SV. Trong những năm vừa qua, kết quả đánh giá của SV đều cho thấy đa phần các hoạt động giảng dạy đã đáp ứng được nhu cầu học tập của NH [H1.01.01.10].

Trường đã thực hiện việc đánh giá xếp loại viên chức hàng năm trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước và của ĐHĐN, trong đó quy định rõ các tiêu chí phân loại các mức hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành nhiệm vụ... với các tiêu chí về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần thái độ, trách nhiệm trong công việc, khả năng hoàn thành nhiệm vụ, kết quả NCKH. Năm học 2022-2023, tiêu chí dùng để đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức và người lao động tập trung chủ yếu vào kết quả hoạt động khi thực hiện nhiệm vụ và kết quả của đơn vị được giao phụ trách [H6.06.04.02]. Để có kết quả đánh giá năng lực của GV chính xác và khách quan, Trường đã bám sát các văn bản do ĐHĐN ban hành liên quan đến công tác đánh giá, xếp loại chất lượng theo từng năm học và hướng dẫn đến toàn thể viên chức, người lao động của Trường cũng như các đơn vị thuộc Trường về tiêu chí đánh giá, quy trình thực hiện, thẩm quyền quyết định,... để thuận tiện trong quá trình thực hiện công tác. Trong quá trình thực hiện công tác, GV được đánh giá, xếp loại chất lượng chủ yếu thông qua các phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động, trong mỗi phiếu đánh giá quy định cụ thể các tiêu chí. Công tác đánh giá GV được Trường thực hiện theo từng năm học một cách công khai, công bằng, khách quan, đúng thẩm quyền, đúng quy trình. Theo đó, mỗi GV sẽ tự làm phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động và tự nhận mức xếp loại chất lượng, sau đó sẽ tiến hành đánh giá tại đơn vị mà viên chức, người lao động sinh hoạt và trình cấp có thẩm quyền quyết định mức xếp loại chất lượng. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động các năm học cho thấy 100% GV hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó tỷ lệ GV hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc là rất cao [H6.06.04.03]. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm được lưu trữ tại Phòng HC-TH để làm cơ sở cho việc bình xét khen thưởng, đề bạt, bổ nhiệm GV [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh

- Năng lực của đội ngũ GV đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua bằng cấp, chứng chỉ;
- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại

- Việc xác định năng lực của đội ngũ GV vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ; chưa có nhiều công cụ, phương khác để xác định chính xác năng lực;
- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá, xếp loại GV	Phòng HC-TH	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định đã ban hành cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, Nghiên cứu viên (NCV) được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó, cụ thể: Căn cứ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV thông qua báo cáo đánh giá hàng năm và Chiến lược phát triển Trường [H6.06.01.03]; [H1.01.01.08], Trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí làm việc theo từng năm và theo giai đoạn. Để xác định cầu đào tạo/ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ GV, NCV, Trường triển khai xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CBVC vào cuối năm tài chính [H6.06.01.01]. Hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, phát triển đội ngũ GV của Trường luôn bám sát quy định hiện hành [H6.06.01.14]. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn GV được Trường xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT, dựa vào nhu cầu được đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và ĐHĐN[H1.01.01.08]. Công tác khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ GV được thực hiện thường niên [H6.06.01.03]. Phòng HC-TH là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Phòng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức cán bộ (TCCB), ĐHĐN để cử GV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước với các nội dung chủ yếu về khoa học sức khỏe, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II)[H6.06.05.01]; [H6.06.05.02]. Trường thông báo công khai các chương trình học bổng nước ngoài tạo điều kiện để cán bộ GV tham gia dự tuyển [H6.06.05.05]. Theo quy định, mỗi GV sau khi được tuyển dụng sẽ được GV có trình độ và kinh nghiệm

hướng dẫn, giúp đỡ phát triển năng lực chuyên môn [H6.06.05.03]. Điều này cũng tạo điều kiện cho các GV phát triển chuyên môn và năng lực. Để công tác đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV đạt hiệu quả, Trường luôn chú trọng theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.05.04]. Các GV đều được tạo điều kiện để tham gia học tập, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.01.12]. Qua quá trình triển khai đánh giá, giám sát hiệu quả của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, Trường đã thu được những kết quả rất khả quan, trên 75% GV đều được tạo điều kiện để tham gia học tập, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể trong giai đoạn từ 2018 - 2024, 03 GV đã hoàn thành CTĐT tiến sĩ. Hiện tại, Trường có 07 GV đang học nghiên cứu sinh. Dự kiến đến năm 2025, sẽ có thêm 04 GV nhận bằng Tiến sĩ. [H6.06.01.02], [H6.06.01.13].

Bảng 2.9. Danh sách đội ngũ GV đang tham gia đào tạo trình độ Tiến sĩ tính đến năm 2024

STT	GV	Năm sinh	Năm tốt nghiệp cao học	Năm đăng kí học tiến sĩ	Năm dự kiến/hoàn thành	Quốc gia
1	Nguyễn Thị Kim Chi	1987	2015	2021	2024	Việt Nam
2	Phạm Thị Ngọc Trinh	1991	2018	2023	2026	Việt Nam
3	Hoàng Ngọc Ánh Nhân	1992	2018	2024	2027	Việt Nam

Dựa trên các kế hoạch của Trường, ĐHĐN xem xét và xác định kế hoạch cũng như ngân sách cho các hoạt động đào tạo và phát triển của GV; Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho GV được xây dựng gắn liền với mục tiêu, sứ mạng của ĐHĐN và của Trường, theo đó định hướng đến năm 2030 đội ngũ GV của Trường đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, có cơ cấu hợp lý; ngân sách cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV được thực hiện từ nguồn kinh phí được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN [H6.06.01.09]. Chính sách hỗ trợ phát triển liên quan để tạo điều kiện cho đội ngũ GV được nâng cao năng lực, sử dụng được những GV có trình độ chuyên môn cao được xác định qua các văn bản bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực: đào tạo, bồi dưỡng; kéo dài thời gian công tác, chế độ hưu trí; tinh giản biên chế, nâng bậc lương; xét chuyển chức danh nghề nghiệp; PVCD, công tác nghiên cứu viên, công tác NCKH.

2. Điểm mạnh

- Kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ GV được xây dựng phù hợp với yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy hoạch tổng thể, chiến lược phát triển của Trường và được triển khai thực hiện nghiêm túc;

- Trường đã triển khai và áp dụng các chế độ chính sách khuyến khích GV đi học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của CTĐT hàng năm để tạo ra định hướng phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV còn hạn chế;

- Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV chưa được giám sát, đánh giá hàng năm bằng các công cụ, phương pháp, quy định cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	Phòng HC-TH	Cuối năm 2025 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, đánh giá hàng năm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của GV	Phòng HC-TH	Cuối năm 2025 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho việc đào tạo cũng như NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV, TYD có chính sách công nhận và khen thưởng bao gồm các danh hiệu thi đua (lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cấp các cấp) và các hình thức khen thưởng (giấy khen, bằng khen...) [H6.06.06.01]. Công tác thi đua, khen thưởng được Trường rất coi trọng. Điều này có ý nghĩa rất lớn trong việc động viên và khuyến khích các GV tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, NCKH, hoạt động nâng cao trình độ đào tạo, nghiệp vụ và các hoạt động PVCĐ [H6.06.02.01].

Trước khi bắt đầu mỗi năm học Nhà trường sẽ triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, và đặc biệt chú trọng đến công tác giảng dạy, NCKH, PVCĐ của GV [H6.06.06.02]. Phòng ĐT&ĐBCL triển khai thực hiện việc giảng dạy thông qua báo giảng, lên lịch dạy chi tiết và thống kê giờ giảng [H3.03.01.05]. Công tác NCKH và các hoạt động PVCĐ do phòng KH-HTPT& CTSV triển khai phụ trách [H6.06.02.01]. Kết thúc mỗi kỳ hoặc

mỗi năm học các phòng chức năng, Khoa, Bộ môn liên quan triển khai đánh giá kết quả thực hiện theo chỉ đạo của BGH [H6.06.04.02]. Qua đó các cá nhân, đơn vị có cơ sở phát huy, điều chỉnh, cải tiến các công việc cho những năm tiếp theo [H6.06.06.04].

Việc đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện công khai, minh bạch theo trình tự, kế hoạch hàng năm: GV tự đánh giá, tập thể Bộ môn đánh giá, Trường đánh giá. Các tiêu chí để đánh giá GV được xác định rõ ràng trong bộ tiêu chí đánh giá. Căn cứ vào hiệu quả công việc, kết quả xếp loại GV theo 4 mức với các mức gồm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.02.03]. Việc khen thưởng cho GV chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Trường thường xuyên tiến hành đánh giá GV nhằm giúp GV có thông tin phản hồi về hoạt động dạy học và các công tác khác; qua đó có những điều chỉnh hoạt động dạy học, cải tiến nâng cao chất lượng dạy học và chất lượng đào tạo tại Trường [H6.06.06.02]. Đồng thời, là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo GV hoặc thực hiện luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ và dự trữ nguồn cán bộ quản lý, lãnh đạo [H6.06.01.12]; [H6.06.01.08]; [H6.06.03.01]. Căn cứ vào chức vụ, vị trí công việc khác nhau của mỗi cán bộ, GV, hàng năm, từ đầu năm học Trường xây dựng và ban hành bảng phân công giảng dạy cụ thể đối với GV, NCV [H3.03.01.05].

Hồ sơ năng lực cán bộ, GV được xem là căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cán bộ GV [H6.06.01.13]; [H6.06.01.02]. Công tác đánh giá kết quả công việc của GV được thực hiện dựa trên khối lượng công việc được giao như: giảng dạy, nhiệm vụ NCKH PVCD hàng năm [H3.03.01.05]; [H6.06.01.11]; [H6.06.01.14]. Cán bộ GV của ngành và Trường thường xuyên tham gia các hoạt động tình nguyện, ủng hộ người nghèo, đồng bào lũ lụt, và nhiều hoạt động tuyên truyền, vận động cộng đồng về bảo vệ môi trường [H6.06.02.01].

Trên cơ sở đánh giá, xếp loại GV của Phòng/Bộ môn, Trường tiến hành họp bình xét xếp loại, đánh giá thi đua toàn Trường để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ GV và được gửi đến từng đơn vị, cá nhân để có phản hồi trước khi ban hành quyết định công nhận đánh giá, xếp loại. Nếu không có thông tin phản hồi, Trường sẽ ra quyết định công nhận đánh giá, xếp loại GV toàn Trường [H6.06.02.03]; [H6.06.04.03].

Với từng chức danh công việc, Trường sử dụng quy định chế độ làm việc của GV của ĐHĐN để xác định khối lượng công việc (nghiên cứu, giảng dạy) cho từng loại đối tượng cán bộ giảng dạy. Trong một năm học, ngoài việc GV phải giảng dạy đủ giờ chuẩn theo định mức, GV còn phải tham gia thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành định mức giờ NCKH [H6.06.01.11]. Trên cơ sở đó, Trường có quy định thanh toán tiền vượt giờ, khen thưởng đối với các bài báo khoa học bằng tiếng nước ngoài đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành, có chỉ số trích dẫn cao [H6.06.01.09]; [H6.06.06.03]. Dựa vào những kết quả đánh giá xếp loại viên chức, Trường có các hình thức khen thưởng đối

với GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đồng thời có nhắc nhở đối với GV không hoàn thành nhiệm vụ để từ đó có biện pháp điều chỉnh, cải thiện hoạt động của GV [H6.06.04.04]. Việc ghi nhận đúng thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ GV đã tạo động lực cho GV phát huy hết khả năng trong giảng dạy và nghiên cứu, đặc biệt là trong lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ [H6.06.02.01]. Kết quả quản trị đội ngũ GV, NCV đến năm 2024 được báo cáo rõ ràng, cụ thể [H6.06.04.02]; [H6.06.04.03]; [H6.06.06.04]. Tính đến năm 2024, Trường chưa nhận được đơn khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho các GV, phần lớn GV hài lòng về chế độ chính sách của Trường [H6.06.06.04]. Các đánh giá theo kết quả công việc của GV công khai, minh bạch, rõ ràng [H6.06.02.03]; [H6.06.04.03]. Trong 5 năm qua, nhiều GV trong Trường đã đạt được danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; có GV đạt danh hiệu thi đua cấp Bộ; GV được tặng Giấy khen của Giám đốc ĐHQĐN [H6.06.04.04].

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được Trường triển khai thực hiện theo quy trình, tiêu chí rõ ràng và công khai, minh bạch, tạo ra động lực cho GV phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Nhiều GV đạt danh hiệu lao động tiên tiến, giấy khen của Giám đốc ĐHQĐN, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, đặc biệt có GV đạt bằng khen cấp Bộ.

3. Điểm tồn tại

GV, NCV tham gia góp ý về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, NCV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh công tác lấy ý kiến đóng góp của GV, NCV về các chính sách quản trị công việc, về hoạt động đánh giá thi đua, khen thưởng đối với GV, NCV	Phòng HC-TH	Từ năm 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Ứng dụng hiệu quả các quy định, quy trình vào quản trị công việc	Phòng HC-TH, KH-HTPT&CTS	Hàng năm	
		Tiếp tục phổ biến quy định tiêu chuẩn xếp loại khen thưởng thi đua các cấp đến GV, NCV để CBVC biết và phấn đấu đạt được	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao chất lượng đào tạo, bên cạnh công tác giảng dạy Trường luôn xác định NCKH là một nhiệm vụ cốt lõi. Các chính sách về NCKH được ĐHĐN ban hành và luôn điều chỉnh định kì để phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Trường, các quy định cũng như quy trình hướng dẫn hoạt động NCKH được công khai, rõ ràng, cụ thể trong sổ tay nghiên cứu khoa học dành cho GV và các tài liệu quy định về hoạt động NCKH. Bên cạnh đó, ĐHĐN ban hành quy định về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cấp ĐHĐN bao gồm: công bố bài báo khoa học, xuất bản sách, hoàn thành đề tài các cấp, hướng dẫn sinh viên NCKH, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, tổ chức hội nghị cấp Trường/Ngành, hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia, các khóa seminar, tập huấn [H6.06.07.01].

Hàng năm, phòng KH-HTPT&CTSV sẽ đề xuất nhiệm vụ NCKH cho năm học mới cũng như các kế hoạch tổ chức các hội nghị, hội thảo [H6.06.07.02], [H6.06.07.03]. sau đó triển khai tổ chức thực hiện, tổng hợp, đánh giá kết quả, quản lý thống kê rõ ràng [H6.06.02.01]. Từ những kết quả đạt được Nhà Trường có cơ sở khen thưởng, điều chỉnh phương hướng, nhiệm vụ, chất lượng các hoạt động NCKH cho những năm tiếp theo [H6.06.07.03].

Trong quá trình triển khai thực hiện, để thúc đẩy hoạt động NCKH và đánh giá kết quả đạt được của các GV; ĐHĐN đã ban hành quy định trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn cho hoạt động NCKH. Theo đó, mỗi GV phải phân bổ thời gian làm việc trong năm học để thực hiện nhiệm vụ khoa học [H6.06.01.04]; [H6.06.01.14]; [H3.03.01.05]. Số lượng giờ thực hiện NCKH của mỗi GV trong năm học phụ thuộc theo từng chức danh nghề nghiệp, bao gồm: Giáo sư; GV cao cấp, Phó giáo sư; GVC và GV phải thực hiện lần lượt là: 840 giờ; 720 giờ; 660 giờ và 600 giờ. Các GV chức vụ quản lý được giảm trừ từ 10%-90% số giờ theo từng trường hợp cụ thể [H6.06.01.11]. Hoạt động NCKH của GV được thúc đẩy bởi một số quỹ như Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia Việt Nam, BGD&ĐT, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ĐHĐN, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của các Tỉnh/Thành, ... Dựa trên hồ sơ năng lực của GV [H6.06.01.13], GV sẽ đề xuất các dự án NCKH, sẽ được đánh giá trước khi phê duyệt, định kỳ sẽ có báo cáo tiến độ đề tài nhằm giám sát tình hình thực hiện NCKH các cấp của GV [H6.06.07.03]. Bên cạnh đó, dưới sự hướng dẫn của GV, SV được tham gia NCKH và đặc biệt là tham gia vào các cuộc thi NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH [H6.06.07.04]. Trường cũng đã kịp thời công nhận, khen thưởng và động viên

các GV có các công trình KHCN tiêu biểu [H6.06.06.03]. Đó cũng là một căn cứ để Trường đánh giá phân loại GV, NCV hàng năm [H6.06.04.03].

TYD - ĐHDN luôn xác định NCKH là một hoạt động thường xuyên của GV bên cạnh công tác giảng dạy. Vì vậy, hàng năm ĐHDN cũng như TYD luôn tổ chức triển khai thực hiện các đề tài NCKH các cấp, các hội nghị, hội thảo quốc tế đồng thời khuyến khích GV tham gia báo cáo, viết các bài báo để đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế [H6.06.07.02]. Các ấn phẩm khoa học của Trường được đăng trên những tạp chí uy tín trong nước và quốc tế có hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2019 đến nay, số lượng đề tài NCKH do GV ngành Dược học chủ trì và bài báo quốc tế tăng lên đáng kể. Với 11 đề tài NCKH các cấp: 03 đề tài cấp bộ và 8 đề tài cấp trường, riêng năm 2024 có 2 đề tài cấp bộ và 3 đề tài cấp trường. Số lượng bài báo khoa học đã công bố là 163 bài được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín với 102 bài báo trên tạp chí quốc tế, 60 bài báo trên tạp chí trong nước trong đó năm 2024 có 27 bài báo quốc tế và 8 bài báo trong nước [H6.06.02.01] Để không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của GV, hàng năm, Phòng KH-HTPT&CTSV luôn có các báo cáo, thống kê, đánh giá về hoạt động NCKH được triển khai trong năm [H6.06.07.03].

Kết quả từ các số liệu trên cho thấy các công bố bài báo khoa học được cải thiện đáng kể, trong đó công bố quốc tế được cải thiện cả về số lượng và chất lượng, nổi bật nhất là công bố trên tạp chí quốc tế uy tín năm 2022 tăng gấp nhiều lần so với 2018. Từ những kết quả trên Trường sẽ xây dựng kế hoạch cho những năm tiếp theo.

2. Điểm mạnh

- Giai đoạn từ 2019 - 2024 số lượng đề tài NCKH của Trường đã được tăng lên đáng kể.

- Các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong các văn bản của ĐHDN.

3. Điểm tồn tại

GV mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong NCKH và đang tập trung vào bồi dưỡng chuyên môn và đi học nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích các GV trẻ bắt đầu NCKH ngay cả trong quá trình đi học và bồi dưỡng chuyên môn để nâng cao kinh nghiệm	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường thúc đẩy hợp tác với các nhà khoa học trong và ngoài nước để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động NCKH	Phòng KH-HTPT&CTS V	Hàng năm	
		Phát huy cơ chế khen thưởng để khuyến khích GV hoàn thành tốt nhiệm vụ NCKH	Phòng KH-HTPT&CTS V	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: **4/7**

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Trong những năm qua, căn cứ tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu chiến lược, kế hoạch của Trường đã xây dựng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm thực hiện tốt nhất CTĐT. Một mặt, đội ngũ GV, nhân viên của Trường hàng năm được bổ sung và nâng cao trình độ. Mặt khác, đội ngũ GV, nhân viên của Trường không ngừng trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các hoạt động khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ công tác đào tạo, CDR của CTĐT cũng như phát triển năng lực nghề nghiệp của bản thân. Tuy nhiên, bên cạnh đó đội ngũ cán bộ, GV còn trẻ. Do đó, còn thiếu kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác cán bộ; việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, GV trẻ là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ, GV của Trường với những giải pháp cụ thể và đồng bộ để phục vụ tốt hơn việc thực hiện và phát triển CTĐT.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 6: 3/7 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 4/7 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên Trường bao gồm nhân viên làm việc tại các Phòng chức năng, Trung tâm thí nghiệm và Tiền lâm sàng. Đội ngũ nhân viên của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đội ngũ nhân viên của Trường có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ CNTT và các dịch vụ hỗ trợ được Trường thực hiện bài bản, khoa học, đáp ứng tốt nhu cầu ĐT, NCKH, PVCĐ phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và ĐHĐN [H7.07.01.01]. Đội ngũ nhân viên của Trường được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Đội ngũ nhân viên của Trường có tinh thần trách nhiệm cao, có năng lực chuyên môn [H7.07.01.02] và luôn sẵn sàng tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ thư viện, cán bộ phòng thực nghiệm, cán bộ công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Trường thực hiện bài bản, Trường học, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và ĐHĐN [H1.01.01.08]. Việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, Phòng chức năng, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện trong Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.04]. Hàng năm, Trường phối hợp với Ban TCCB, ĐHĐN ra thông báo tuyển dụng [H6.06.01.06] và bồi dưỡng đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về nhân lực cho Trường [H6.06.01.01]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng phục vụ mục tiêu phát triển của Trường; trong đó yêu cầu người được tuyển dụng phải đạt các tiêu chí cơ bản:

- Có trình độ văn bằng phù hợp với vị trí dự tuyển
- Có đạo đức tốt, sức khỏe tốt
- Đáp ứng trình độ tin học, ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

Chính sách tuyển dụng đội ngũ nhân viên của Trường công khai, minh bạch (thông báo tuyển dụng, bồi dưỡng ... được đăng tải trên website của ĐHĐN, Trường để toàn thể CBVC được biết, thực hiện), thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển, [H6.06.01.08]. Những văn bản về quản lý và sử dụng viên chức đều được phổ biến đến toàn thể thể cán bộ [H6.06.01.07] và từ trước đến nay Trường chưa gặp phải khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác quản lý và sử dụng đội ngũ nhân viên.

Trường đã có chế độ, chính sách nhằm thu hút ưu đãi đối với nhân viên mới được tuyển dụng như: Trong thời gian tập sự, nhân viên được hưởng ngay thu nhập tăng thêm, các chế độ phúc lợi theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của ĐHĐN [H6.06.01.09]. Hàng năm, Trường đã cử nhân viên các Phòng, trung tâm tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [H7.07.01.03]. Trong năm 2023, Trường đã triển khai công tác chuyển đổi ngạch 02 viên chức từ ngạch kỹ sư, kỹ thuật Y sang ngạch GV; 01 viên chức từ ngạch kỹ thuật Y sang trợ giảng [H7.07.01.04]. Hiện nay, Trường có đội ngũ nhân viên đáp ứng được yêu cầu theo Đề án vị trí việc làm [H6.06.01.04] và chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường [H7.07.01.05]. Trong đó có 35 biên chế và 02 hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP. Về Đội ngũ nhân viên chia theo trình độ chuyên môn có 08 thạc sĩ, 23 ĐH, 04 trình độ khác và chia thành các nhóm: 22 chuyên viên cán sự làm việc tại các Phòng chức năng; 01 chuyên viên thực hiện công

tác thư viện, thực hiện nhiệm vụ quản lý phòng đọc, hỗ trợ SV và GV khai thác tài liệu, học liệu; 06 kỹ thuật viên làm việc tại các phòng thực hành, thí nghiệm của các bộ môn; 02 kế toán viên thực hiện nghiệp vụ kế toán, tài chính; 02 nhân viên bao gồm (vệ sinh, lái xe), đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng đáp ứng nhu cầu về ĐT, NCKH, và các hoạt động PVCD [H7.07.01.02].

Để nâng cao chất lượng đội ngũ Nhân viên (NV), Trường thường xuyên lấy ý kiến đánh giá, phản hồi của các bên có liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên của Trường. Đội ngũ nhân viên nhận được đánh giá phản hồi tốt về mức độ phục vụ đối với các bên liên quan, tỉ lệ NV hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt tỉ lệ trên 85% [H7.07.01.06]; [H7.07.03.06].

Về quy mô, chất lượng trình độ, năng lực của đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường được người học đánh giá đáp ứng tốt các yêu cầu phục vụ đào tạo, nghiên cứu, bao gồm các tiêu chí đánh giá về các lĩnh vực hoạt động của đội ngũ nhân viên như: người học được hỗ trợ đầy đủ về mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, quy định quy chế của Bộ GD&ĐT, cung cấp các phương thức đào tạo tạo điều kiện cho người học, tư vấn hỗ trợ việc làm; người học được cung cấp hỗ trợ về các điều kiện công nghệ thông tin, các phần mềm học tập, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học, phòng thực hành, thư viện; các thủ tục hành chính được đơn giản hóa tạo điều kiện thuận lợi, khiếu nại được giải quyết kịp thời, ... [H5.05.02.06]. Ngoài ra, việc lấy ý kiến đánh giá được thực hiện định kỳ và lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của Trường, các buổi họp Trường. Trong 05 năm qua, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của nhà Trường luôn đảm bảo yêu cầu công việc, đáp ứng được nhu cầu cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

2. Điểm mạnh

- Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

- Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) về cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Triển khai phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng	Phòng HC-TH	Năm học 2024-2025, mỗi năm tiến hành 01 lần	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm tồn tại	nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung , nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để thu hút được đông đảo nhân viên có năng lực, hỗ trợ tốt cho các công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng, NCKH và PVCĐ, TYD đã triển khai các kế hoạch, thông báo về việc tuyển dụng, điều chuyển và bổ nhiệm của ĐHĐN. Việc tuyển dụng, điều chuyển, bổ nhiệm nhân viên của Trường được thực hiện theo quy định trên cơ sở các văn bản của Chính phủ, Bộ Nội Vụ, BGD&ĐT và ĐHĐN [H6.06.01.07]; [H6.06.01.06]. Tiêu chí tuyển dụng nhân viên được đánh giá không chỉ dựa trên bằng cấp tương ứng với vị trí công việc của ứng viên, mà còn bao gồm trình độ tiếng Anh, khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, đạo đức nghề nghiệp và kinh nghiệm làm việc [H7.07.01.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở yêu cầu của vị trí công việc và các năng lực cần có được xác định trong Bản mô tả công việc của vị trí việc làm [H6.06.01.04]. Các nhân viên hỗ trợ của Trường đều đáp ứng tiêu chí tuyển dụng như: có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe tốt và hồ sơ rõ ràng; hiểu biết về chuyên môn, nghiệp vụ và có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí công việc [H7.07.01.02], thể hiện rõ các tiêu chí tuyển dụng trong các Thông báo tuyển dụng hàng năm [H6.06.01.06], cụ thể:

* Điều kiện, tiêu chuẩn chung:

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên; ưu tiên người có độ tuổi dưới 40 tuổi (muốn gắn bó lâu dài với Đại học Đà Nẵng);
- Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- Có lý lịch rõ ràng và hồ sơ đầy đủ, hợp lệ;
- Có đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ (không bị dị tật, phát âm rõ ràng...);

- Có phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật tốt;

- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp tuyển dụng.

- + Đối với Chuyên viên, Kế toán viên: có bằng tốt nghiệp đại học trở lên; có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm; có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức danh nghề nghiệp tuyển dụng hoặc có cam kết bổ túc chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong thời hạn 01 (một) năm sau khi được tuyển dụng.

- Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

* Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể: Có bằng đại học trở lên chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng. Ưu tiên: Ứng viên có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương đương.

Về tiêu chí bổ nhiệm lãnh đạo đối với nhân viên được xác định rõ ràng, căn cứ theo Đề án vị trí việc làm, quy chế của ĐHĐN và quy chế tổ chức hoạt động của Trường Y Dược [H6.06.01.04], [H6.06.01.05], cụ thể:

- Về tiêu chuẩn chức danh cần bổ nhiệm:

a) Về tiêu chuẩn chung: Đảm bảo các tiêu chuẩn chung quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quyết định số 4343/QĐ-ĐHĐN, ngày 01/12/2020 của Giám đốc ĐHĐN:

- Về chính trị tư tưởng: Trung thành với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng.

- Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật: Có phẩm chất đạo đức trong sáng, tâm huyết, có trách nhiệm với công việc. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng.

- Về trình độ: Tốt nghiệp đại học trở lên, phù hợp với lĩnh vực công tác; có trình độ lý luận chính trị theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Về năng lực và uy tín: Có tư duy đổi mới; tầm nhìn chiến lược; phương pháp làm việc khoa học; có năng lực lãnh đạo; gương mẫu, phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; quần chúng được nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

- Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm: đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

b) Về tiêu chuẩn riêng: Đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 15 Quyết định số 2379/QĐ-ĐHĐN, ngày 19/6/2024 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy chế Tổ chức Hoạt động của Trường Y Dược – ĐHĐN:

- Trưởng phòng Phòng chức năng:

- + Có uy tín và năng lực quản lý;
- + Có trình độ Thạc sĩ trở lên.
- Phó Trưởng phòng Phòng chức năng:
- + Có uy tín và năng lực quản lý;
- + Có trình độ Đại học trở lên.

Đội ngũ nhân viên của Trường được tuyển dụng, bổ nhiệm theo các tiêu chí cụ thể, rõ ràng và phù hợp với quy định pháp luật; qua đó đội ngũ này ngày càng được bổ sung về số lượng và chất lượng [H6.06.01.15].

Hàng năm, để xây dựng những tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được rõ ràng, hiệu quả, Trường căn cứ trên yêu cầu công việc, phân tích khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV về nhu cầu và ý kiến góp ý về vị trí việc làm để đưa ra tiêu chuẩn phù hợp các tiêu chí tuyển dụng [H7.07.02.01]; Thông báo tuyển dụng, kết quả tuyển dụng đều được phổ biến công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.06.01.06] [H7.07.02.02]. Bên cạnh đó, các Quyết định bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên khi được ban hành đều được công bố công khai đến các đơn vị [H7.07.01.04].

Số lượng nhân viên hỗ trợ, phục vụ cho CTĐT được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển ở các đơn vị chức năng phục vụ cho CTĐT ngành DH [H7.07.01.02], cụ thể như sau :

	Số lượng	Trình độ chuyên môn			Ghi chú
		Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	
Năm 2018	22	8	11	3	
Năm 2019	21	7	11	3	
Năm 2020	26	6	15	5	
Năm 2021	26	4	18	4	
Năm 2022	33	4	22	7	
Năm 2023	37	4	25	8	
Năm 2024	39	4	26	9	

2. Điểm mạnh:

- Các nhân viên được tuyển dụng đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng, nghiệp vụ tương ứng với vị trí việc làm.

3. Điểm tồn tại:

- Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm ở Trường chưa được triển khai một cách hoàn chỉnh dẫn đến kết quả khảo sát chưa làm rõ mức độ đáp ứng và chưa có giải pháp khắc phục cụ thể.

4. *Kế hoạch hành động:*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch và tiến hành triển khai khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm một cách bài bản và hiệu quả.		Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để các đội ngũ nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
		Cần tham mưu thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời cho các viên chức, người lao động có thành tích xuất sắc.		Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định thông qua các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học...theo chức danh nghề nghiệp bằng cách thông qua các bằng cấp, chứng chỉ của đội ngũ nhân viên [H7.07.01.02]. Ngoài ra, năng lực của đội ngũ nhân viên còn được xác định và đánh giá theo các tiêu chí được quy định theo văn bản quy phạm pháp luật như: chính trị tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lễ lối làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường có 02 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường có 02 cấp: hỗ trợ trực tiếp và hỗ trợ gián tiếp. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ trực tiếp gồm các chuyên viên làm việc trực tiếp tại các phòng chức năng, trung tâm; nhân viên hỗ trợ gián tiếp gồm các giảng viên kiêm nhiệm phụ trách công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, giáo vụ bộ môn [H7.07.01.01].

Trường đã tiến hành công tác đánh giá xếp loại viên chức, người lao động theo bộ tiêu chí mới, tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả đơn vị

được giao phụ trách [H7.07.03.01]. Mỗi năm học, Trường đều dựa trên những kế hoạch, công văn, hướng dẫn của ĐHĐN để tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động một cách khách quan, công bằng, đúng quy trình và đúng thẩm quyền [H7.07.03.02].

Dựa trên những quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản của ĐHĐN thì năng lực của đội ngũ nhân viên được đánh giá hàng năm thông qua công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động. Quy trình được thực hiện như sau:

1. Viên chức, người lao động tự làm Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng và tự nhận xét mức xếp loại chất lượng [H7.07.03.03].

2. Viên chức, người lao động tổ chức cuộc họp, các thành viên tham dự cuộc họp sau khi nghe báo cáo kết quả hoạt động trong năm học tiến hành đóng góp ý kiến và các ý kiến phải được ghi vào biên bản cuộc họp [H7.07.03.04].

3. Sau khi tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động tại Trường, Phòng HC-TH đầu mối trong việc hoàn thiện, nộp hồ sơ về Ban TCCB theo đúng quy định (Phiếu đánh giá, biên bản họp, báo cáo đánh giá, nhận xét chi bộ, bảng tổng hợp kết quả) [H7.07.03.03]; [H7.07.03.04]; [H7.07.03.06]. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động hàng năm cho thấy, trên 95% nhân viên được đánh giá ở mức hoàn thành tốt các nhiệm vụ trở lên [H7.07.03.05]. Căn cứ vào kết quả đánh giá xếp loại mà các nhân viên được khen thưởng và công nhận đột xuất hoặc hàng năm từ cấp ĐHĐN và TYD [H7.07.03.07].

Các dịch vụ được cung cấp bởi đội ngũ nhân viên đối với sinh viên đã được cải tiến liên tục, đặc biệt là khi Trường đã tiến hành khảo sát hàng năm về SV và GV đối với các hoạt động có liên quan. Hoạt động của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được công nhận và đánh giá bởi nhà Trường thông qua đánh giá hàng năm [H7.07.01.06] [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh:

- Năng lực của đội ngũ nhân viên về cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua tiêu chí tuyển dụng, bằng cấp, chứng chỉ.

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên.

- Đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên ở các năm gần đây.

3. Điểm tồn tại:

- Việc xác định năng lực của đội ngũ nhân viên vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ; chưa có nhiều công cụ, phương pháp để xác định chính xác năng lực;

- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng phương án nhằm đánh giá, xác định chính xác năng lực của đội ngũ nhân viên	Phòng HC-TH	Trong năm học 2024-2025; các năm tiếp theo tiếp tục điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế tại Trường	
		Xây dựng và áp dụng tiêu chí cụ thể trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên Quy định chi tiết chế độ làm việc của giảng viên Trường Y Dược	Toàn thể viên chức, người lao động, các đơn vị thuộc TYD	Năm học 2024-2025 tiến hành áp dụng chính thức; các năm học tiếp theo tiến hành điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế tại Trường	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ NV	Phòng HC-TH	Hàng năm	
		Tiếp tục triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên		Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Với mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực và kỹ năng đáp ứng yêu cầu xây dựng một đại học nghiên cứu y dược tiên tiến. Trường đặc biệt quan tâm và chú trọng việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên. Đây là căn cứ quan trọng để Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm, theo đó có 02 hình thức đào tạo, bồi dưỡng: đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) và Bồi dưỡng ngắn hạn dưới 90 ngày, bồi dưỡng dài hạn trên 90 ngày [H6.06.01.01]. Từ năm 2019 đến năm 2024, Trường tạo điều kiện cũng như khuyến khích viên chức học tập nâng cao trình độ, cụ thể căn cứ vào bảng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức đăng ký [H7.07.04.01], Trường sẽ ra quyết định cử viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng

[H7.07.04.02] và kinh phí đào tạo, bồi dưỡng sẽ được chi trả theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHQĐN và Trường [H6.06.01.09]. Công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức ngày càng được chú trọng thể hiện qua việc thường xuyên cập nhật hệ thống văn bản quản lý về đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.3] cũng như kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trường [H6.06.01.01].

Hiện nay, Trường gồm 03 phòng chức năng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm với quy định cụ thể về chức năng và nhiệm vụ của từng Phòng chức năng và Trung tâm Thí nghiệm và Tiền lâm sàng (TN&TLS) [H7.07.01.05]. Mỗi viên chức đảm nhận vị trí chuyên môn đều có chức năng nhiệm vụ cụ thể dựa trên bản mô tả công việc [H6.06.01.04]. Để thực hiện công việc ngày càng tốt hơn đòi hỏi viên chức không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu này, Trường đã thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ viên chức từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho phù hợp, qua khảo sát có 04 nhóm nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng: (1) Bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước dành cho viên chức ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, cán sự; (2) Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý nhà nước, văn hóa công sở; (3) Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; (4) Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy y học [H6.06.01.03]. Trong năm 2018, Trường đã cử 02 viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học (thạc sĩ), 03 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương; năm 2019 có 01 viên chức cử đi đào tạo trình độ sau đại học (tiến sĩ), 01 viên chức học khóa bồi dưỡng kỹ thuật viên xét nghiệm; năm 2020 có 03 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương và 02 viên chức học khóa bồi dưỡng ngạch Kế toán viên; năm 2021 cử 01 viên chức cử đi đào tạo trình độ sau đại học (tiến sĩ), 02 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương, 02 viên chức học khóa bồi dưỡng ngạch Kế toán trưởng, 03 viên chức học khóa bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng; năm 2022 có 07 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương; năm 2023 có 05 viên chức học khóa bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên và tương đương và có 01 viên chức học khóa Tập huấn hỗ trợ xây dựng công cụ đánh giá GV, năm 2024 có 09 viên chức tham gia tập huấn công tác văn thư lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước [H7.07.04.04].

Đào tạo đội ngũ viên chức có trình độ chuyên môn, đáp ứng với yêu cầu công việc, vị trí việc làm luôn được lãnh đạo Trường xem trọng và được xem là mục tiêu chiến lược của Trường, Trường đã dành một phần kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.04]. Đồng thời, Trường phân công 01 chuyên viên Phòng HC-TH phụ trách các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.04]. Việc triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức của Trường hàng năm sẽ do Phòng HC-TH phối hợp với Ban TCCB thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng. Để khuyến khích, nâng cao trình độ đội ngũ viên chức hàng năm trong dự trù kinh phí hoạt động của Trường có xác định

ngân sách chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân viên; ngân sách được phân bổ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của ĐHĐN. Đa số viên chức hài lòng với các khóa đào tạo, bồi dưỡng [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

- Hàng năm Trường đã khảo sát và cử viên chức tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của viên chức.

- Viên chức sau khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về cơ bản đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc.

3. Điểm tồn tại:

- Hiện nay, viên chức chủ yếu tập trung tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, số lượng viên chức tham gia đào tạo sau đại học còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho viên chức được dành thời gian đi đào tạo sau đại học	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm tiến hành khảo sát và đánh giá về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức		Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu Trường học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã và đang triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức dựa trên việc quản trị theo kết quả công việc nhằm tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.05.01]. Để đánh giá kết quả công việc thực hiện của đội ngũ viên chức, người lao động Trường thực hiện theo quy định về theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức, trong đó trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận [H7.07.05.02].

Hàng năm vào cuối năm học, Trường tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của viên chức dựa trên Bản mô tả vị trí việc làm của viên chức, người lao động là căn cứ để xác định mức độ hoàn thành công việc cũng là cơ sở để đánh giá xếp loại viên chức có hoàn thành nhiệm vụ vào mỗi cuối năm học [H6.06.01.04]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ viên chức theo từng năm học được thực hiện theo quy trình sau [H7.07.03.04]:

(1) Viên chức, người lao động tự đánh giá theo Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng và tự nhận mức xếp loại chất lượng;

(2) Đơn vị nơi viên chức, người lao động sinh hoạt tổ chức cuộc họp, các thành viên tham dự cuộc họp sau khi nghe báo cáo kết quả hoạt động trong năm học tiến hành đóng góp ý kiến và các ý kiến phải được ghi vào biên bản cuộc họp;

(3) Sau khi đơn vị tiến hành họp, phải có trách nhiệm nộp tất cả hồ sơ về Phòng HC-TH để tổng hợp và tiến hành các bước tiếp theo. Căn cứ báo cáo tự đánh giá, mức xếp loại chất lượng đối với viên chức và các ý kiến tại cuộc họp nhận xét, đánh giá của đơn vị, Phòng HC-TH đề xuất nội dung đánh giá, mức xếp loại chất lượng đối với viên chức và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định. Sau khi tiến hành công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động tại Trường, Phòng HC - TH đầu mỗi trong việc hoàn thiện, nộp hồ sơ về Ban TCCB theo đúng thời gian quy định (Phiếu đánh giá, biên bản họp, báo cáo đánh giá, nhận xét Chi bộ, bảng tổng hợp kết quả).

Dựa trên báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động [H7.07.03.06], những viên chức, người lao động hoàn thành tốt công việc và nhiệm vụ được giao khác luôn nhận được những khen thưởng từ các cấp như Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Giấy khen của Giám đốc ĐHĐN. Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động là cơ sở để đề xuất các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng kịp thời [H7.07.03.05]; bên cạnh đó đội ngũ viên chức của Trường được tham gia NCKH và đạt nhiều thành tích nổi trội như sáng kiến kinh nghiệm [H7.07.05.03].

Việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ viên chức, người lao động là quá trình công nhận sự nỗ lực đạt được hiệu quả trong công việc qua đó tạo động lực cho mỗi cá nhân viên chức, người lao động thông qua việc khen thưởng. Từ quy trình đánh giá trên có thể thấy rõ tất cả viên chức, người lao động đều được tham gia và nêu ý kiến trong cuộc họp đánh giá xếp loại viên chức, người lao động. Điều đó cho thấy công tác đánh giá xếp loại viên chức được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch, đội ngũ viên chức hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận của Trường và các cấp có thẩm quyền [H7.07.03.05]. Bên cạnh đó, nhằm tạo động lực cho viên chức hỗ trợ tốt cho hoạt động hỗ trợ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng. Trường áp dụng các chính sách nhân sự như quy chế nâng bậc lương trước hạn cho viên chức và người lao động của ĐHĐN do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, quy định về xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức,.. [H7.07.05.04]. Hiện nay, Trường đã và đang ứng dụng mạnh mẽ công nghệ

thông tin, chuyển đổi số trong quản trị hiệu quả công việc bằng phần mềm hệ thống quản lý văn bản và điều hành Ioffice [H7.07.05.05], đây là cơ sở nâng cao hiệu quả công việc của viên chức, người lao động, đồng thời cũng là công cụ để lãnh đạo đánh giá mức độ hoàn thành công việc của viên chức, người lao động. Từ đó đưa ra những định hướng kịp thời phát huy điểm mạnh của viên chức, người lao động góp phần tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

- Việc quản trị theo kết quả công việc đảm bảo Trường đang hoạt động một cách hiệu lực, hiệu quả. Tạo sự gắn kết cá nhân với các phòng chức năng với mục tiêu chung của Trường gồm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức góp phần thay đổi tác phong làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ viên chức, bao gồm khen thưởng và công nhận tạo động lực cho viên chức, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

- Do tính chất công việc nên tỉ lệ viên chức đăng ký NCKH và các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm làm việc chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các văn bản quy phạm nội bộ xác định rõ cơ chế để khuyến khích đội ngũ viên chức, người lao động thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm, NCKH	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên bao gồm khen thưởng và công nhận		Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên thường xuyên được quy hoạch, rà soát, sắp xếp hợp lý đảm bảo nâng cao chất lượng phục vụ. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ Trường được tuyển chọn

đúng tiêu chuẩn, phù hợp đáp ứng tốt CTĐT. Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ giảng dạy, NCKH, học tập của GV và SV được thực hiện khoa học. Tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Trường luôn tuyển được đội ngũ NV đáp ứng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Các ứng viên sau khi được tuyển có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Đội ngũ NV nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc Quy chế Văn hóa công sở của của Trường. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn Trường đề ra được xác định và đánh giá theo quy định. Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Trường đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Có hệ thống văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Trường có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ. Tuy nhiên, Trường chưa có quy định về số giờ tập huấn bồi dưỡng hàng năm cho cán bộ hỗ trợ. Kinh phí dành cho chính sách khen thưởng kịp thời để tạo động lực cho các cán bộ, NV trong quá trình làm việc còn hạn chế. Còn ít các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ hỗ trợ. Những tồn tại này sẽ được Trường khắc phục trong thời gian tới.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 7: 2/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 3/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

CTĐT lấy NH làm trung tâm với mục tiêu phát triển kiến thức và năng lực đáp ứng với các yêu cầu CDR của chương trình. Chính vì vậy NH và hoạt động hỗ trợ NH đóng một vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng của CTĐT nhằm giúp NH có những điều kiện thuận lợi nhất để hoàn thành tốt chương trình học của mình. Những hoạt động này bao gồm xác lập và công khai chính sách tuyển sinh của Trường, các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH, xây dựng hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cũng như xây dựng môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan Trường. Những dữ kiện thu thập được sẽ là cơ sở để đảm bảo chất lượng và cải thiện việc học tập của SV, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và rèn luyện của NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

TYD - ĐHĐN luôn luôn quan tâm chú trọng đến công tác tuyển sinh qua từng năm, đó cũng là cơ sở để Trường nâng cao chất lượng và từng bước mở rộng quy mô SV, ngành học, CSVC, ... Hiện nay, Trường đang đào tạo trình độ đại học với 05 ngành: Y khoa, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Chính sách tuyển sinh của ngành DH được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Đề án tuyển sinh được xây dựng đúng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của BGD&ĐT và hướng dẫn thực hiện quy chế tuyển sinh của ĐHĐN [H8.08.01.01].

Chính sách tuyển sinh các năm từ 2019 đến nay được cụ thể hóa trong Đề án tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh, Báo cáo hậu kiểm và Báo cáo kết quả tuyển sinh [H5.05.01.01]; [H8.08.01.02]; [H8.08.01.03]; [H8.08.01.04]. Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của BGD&ĐT và các công văn, hướng dẫn, quy định của ĐHĐN. Đề án tuyển sinh và các thông tin liên quan đến tuyển sinh như quy định về tuyển sinh, thông tin về ngành học, các chính sách tuyển sinh bao gồm các nội dung về đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức xét tuyển, tổ hợp môn xét tuyển, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, chính sách ưu tiên, học phí dự kiến... được công khai trên trang thông tin tuyển sinh của ĐHĐN (<http://ts.udn.vn/>) và Trường tại địa chỉ <http://smp.udn.vn/tuyen-sinh> [H8.08.01.05] và được cập nhật vào hệ thống trang tuyển sinh của ĐHĐN tại địa chỉ <http://ts.udn.vn/> [H8.08.01.05]. Trường triển khai đầy mạnh quảng bá, truyền thông, công tác tư vấn tuyển sinh trên trực tuyến trên website <https://smp.udn.vn/>, facebook <https://www.facebook.com/smp.udn.vn/> và trong ngày hội tư vấn tuyển sinh của các Báo tổ chức hàng năm tại các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Huế, Quảng Ngãi...[H8.08.01.05].

Để nâng cao chất lượng tuyển sinh và số lượng của SV đầu vào, Trường đã thành lập các đoàn tư vấn tuyển sinh tại các địa phương [H8.08.01.06]. Bên cạnh đó, hàng năm, Trường đã thành lập tổ/hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy cùng với hội đồng tuyển sinh của ĐHĐN để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh, thanh tra tuyển sinh, quy định tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các Ban chuyên môn [H8.08.01.06].

Từ năm 2019 đến nay, phương thức xét tuyển đối với ngành DH là xét tuyển dựa trên điểm thi THPT quốc gia với hai tổ hợp chính là Toán học - Hóa học - Sinh học và Toán học - Hóa học - Vật lý, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển được thay đổi cập nhật hàng năm.

Bảng thống kê phương thức xét tuyển ngành Dược học

Năm học	Phương thức xét tuyển	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng phương thức
2019-2020	Kết quả thi THPT QG	60	B00	30
			A00	30
2020-2021	Kết quả thi THPT QG	40	B00	20
			A00	20
2021-2022	Kết quả thi THPT QG và xét tuyển thẳng	40	B00, A00, D07	40
2022-2023				
2023-2024	Kết quả thi THPT QG	40	B00, A00, D07	35
	Xét tuyển thẳng			5
2024-2025	Kết quả thi THPT QG	45	B00, A00, D07	40
	Xét tuyển thẳng			5

Trường nói riêng cũng như ĐHĐN nói chung luôn quan tâm, tham gia tích cực trong công tác tư vấn tuyển sinh tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên để quảng bá về ngành DH phương thức tuyển sinh, cơ hội việc làm đến các bạn thí sinh tại các trường THPT [H8.08.01.05].

Các số liệu thống kê về điểm trúng tuyển, số lượng thí sinh trúng tuyển [H8.08.01.07] số lượng SV nhập học hàng năm [H8.08.01.08] đã được Phòng ĐT&ĐBCL báo cáo đầy đủ với BGH và ĐHĐN nhằm đánh giá công tác tuyển sinh.

Bảng 2.10. Bảng thống kê tình hình nhập học của người học năm thứ nhất

Năm học	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2024-2025	45	24,56	48	43

Năm học	Chỉ tiêu	Điểm trúng tuyển	Số lượng trúng tuyển	Số lượng nhập học
2023-2024	40	24,75	48	43
2022-2023	40	24,75	48	46
2021-2022	40	25,95	47	40
2020-2021	40	25,75 (B00) 25,35 (A00)	25 (B00) 30 (A00)	51
2019-2020	60	22,75 (B00) 22,55 (A00)	29 (B00) 31 (A00)	51

Bảng 2.11. Bảng thống kê số người học đang học chương trình

Năm học	Người học					Tổng số
	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ tư	Năm thứ năm	
2024-2025						
2023-2024						
2022-2023						
2021-2022						
2020-2021						
2019-2020						

Trước khi ban hành chính sách tuyển sinh hàng năm, Trường lấy ý kiến đóng góp từ các bên có liên quan như: Ban Giám đốc ĐHQĐN và các Ban chức năng có liên quan của ĐHQĐN và SV năm nhất [H8.08.01.09]. Các thông tin lấy ý kiến bao gồm các nội dung về chỉ tiêu tuyển sinh, kênh thông tin giúp thí sinh nắm được thông tin tuyển sinh của Trường, thí sinh trúng tuyển và nhập học thuộc khu vực nào... qua đó chính sách tuyển sinh của Trường luôn được hoàn thiện, đảm bảo đúng theo các quy định tuyển sinh hiện hành. Sau khi tổng hợp ý kiến từ các bên liên quan, Trường đã tổ chức các buổi họp tổng kết công tác tuyển sinh để tổng hợp, đánh giá, nắm bắt được kịp thời những khó khăn tồn tại và đề xuất kiến nghị nhằm đưa ra những giải pháp tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tiễn [H8.08.01.10]. Đặc biệt, từ năm 2023, Trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh theo kế hoạch của ĐHQĐN nhằm đẩy mạnh công tác tuyển sinh từng năm [H8.08.01.10]. Từ năm 2020 đến nay, thống kê cho thấy trên 97% SV tốt nghiệp ngành Dược học tại Trường đã có việc làm tại các BV, Trung tâm Y tế và các trường Đại học [H8.08.01.11]. Thông qua các kênh thông tin tuyển dụng của các cơ sở khám chữa bệnh và kết quả báo cáo thống kê tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp cho thấy nhu cầu việc làm ngành DH hiện tại là rất lớn, Trường cần đẩy mạnh hơn công tác tuyển sinh và đào tạo ngành này nhằm đảm bảo số lượng cũng như chất lượng DH để đáp ứng phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân [H8.08.01.12].

2. Điểm mạnh:

- Chính sách tuyển sinh của Trường rõ ràng, công khai, chi tiết, phù hợp với ngành đào tạo và được cập nhật hàng năm, luôn đạt chỉ tiêu tuyển sinh với điểm đầu vào cao.

- Trường được sự hỗ trợ, quan tâm và đóng góp ý kiến từ ĐHĐN trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định.

- Trường luôn cập nhật, hoàn thiện đề án tuyển sinh theo quy định từng năm để phù hợp hơn với thực tế và theo nhu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại:

- Công tác quảng bá về chính sách tuyển sinh, tư vấn tuyển sinh, các phương thức chưa được rộng rãi ở các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên.

- Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm tuy nhiên việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được tổ chức triển khai sớm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Hoàn thiện các kế hoạch cụ thể trong tư vấn tuyển sinh, mở rộng khu vực tư vấn tuyển sinh rộng rãi đến các tỉnh khu vực miền Trung - Tây Nguyên. - Mở rộng việc lấy ý kiến đóng góp về chính sách tuyển sinh hàng năm đến nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, trường THPT...	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV - Khoa Dược.	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật thông tin tuyển sinh và công tác quảng bá hàng năm, đa dạng hoá hơn nữa với các nội dung và hình thức thông tin đến đối tượng tuyển sinh	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, Đoàn TN - Khoa Dược.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xây dựng xác định căn cứ vào quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT, đồng thời dựa trên cơ sở góp ý của các bên liên quan [H8.08.01.01]; [H8.08.01.09]. Đối tượng tuyển sinh là các thí sinh trong cả nước tốt nghiệp THPT tại năm tuyển sinh và các thí sinh tự do đã tốt nghiệp THPT các năm trước. Các hình thức tuyển sinh đa dạng cập nhật theo từng năm học bao gồm: tuyển sinh dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với 2 tổ hợp Toán học - Hóa học - Sinh học, Toán học - Hóa học - Vật lý, xét tuyển thẳng đối với thí sinh thuộc các trường hợp sau: thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế và tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế; thí sinh đạt giải học sinh giỏi Nhất, Nhì, Ba cấp quốc gia các môn học tự nhiên hoặc trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia,... Từ năm 2021, TYD đã mở rộng tổ hợp xét tuyển bao gồm 3 tổ hợp: Toán học - Hóa học - Sinh học, Toán học - Hóa học - Vật lý và Toán học - Hóa học - Tiếng Anh để đa dạng hơn đối tượng NH. Thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, chi tiết trong Đề án tuyển sinh và Kế hoạch tuyển sinh qua các năm [H5.05.01.01]; [H8.08.01.02]. Tất cả thông tin về kết quả tuyển sinh đều được thông báo rõ ràng, đầy đủ trên website của ĐHDN (<https://ts.udn.vn/>) và TYD (<http://smp.udn.vn/tuyen-sinh>) [H8.08.02.01].

Để đảm bảo tuyển chọn được NH phù hợp với ngành tuyển sinh, hàng năm các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH luôn được rà soát thông qua việc tổng hợp kiểm tra, hậu kiểm các dữ liệu về chỉ tiêu, số lượng trúng tuyển và số lượng nhập học so với từng phương thức xét tuyển, hình thức xét tuyển của BGD&ĐT. Các báo cáo, biên bản về kết quả tuyển sinh và đánh giá, kiểm tra công tác tuyển sinh đều được Trường báo cáo đầy đủ và rõ ràng [H8.08.01.03]; [H8.08.01.04].

Bảng 2.12. Phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành DH từ năm 2019

Năm học	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ tiêu	60	40				45
Số nhập học	51	51	40	46	43	43
Phương thức xét tuyển	Kết quả thi THPT QG		Kết quả thi THPT QG và xét tuyển thẳng			
Tổ hợp xét tuyển	1. Toán học + Hóa học + Sinh học (B00) 2. Toán học + Hóa học + Vật lý (A00)		1. Toán học + Hóa học + Sinh học 2. Toán học + Hóa học + Vật lý 3. Toán học + Hóa học + Tiếng Anh			
Điểm trúng tuyển	22,75 (B00) 22,55 (A00)	25,75 (B00) 25,35 (A00)	24,56	24,56	24,56	24,56

Sau khi hoàn thành công tác tuyển chọn người học hằng năm, Trường sẽ kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện công tác tuyển chọn NH để rút kinh nghiệm, đưa ra các giải

pháp điều chỉnh bổ sung cho các năm tiếp theo [H8.08.01.10].

2. Điểm mạnh:

- Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, cập nhật theo từng năm và được sự thống nhất của Trường, Khối ngành và ĐHDN nên đã tuyển đúng, tuyển đủ chỉ tiêu hàng năm.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho học sinh có nhiều cơ hội khác nhau có thể đăng ký ngành học.

- Các đợt tổng kết, hội nghị công tác tuyển sinh đã đánh giá được những điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

3. Điểm tồn tại:

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan về rà soát các tiêu chí tuyển sinh chưa được nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan: SV, NTD, các trường THPT ...	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV - Khoa Dược.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đa dạng, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.		Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh cải tiến nâng cao CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy NH làm trung tâm, Trường luôn quan tâm và tích cực thực hiện các biện pháp nhằm hỗ trợ SV học tập tốt và rèn luyện tốt. Trường đã xây dựng hệ thống quản lý giảng dạy và học tập cho GV và hệ thống cho phép SV đăng ký khối lượng học tập, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của SV thông qua cổng GV Uniteacher và cổng SV Unistudent trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Đây là một công cụ giúp giám sát tự tiến bộ trong học tập của SV [H5.05.04.03]; [H5.05.04.04]. Phòng ĐT&ĐBCL chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đào tạo, giám sát sự tiến bộ trong học tập, KQHT, khối lượng học tập và cảnh báo học vụ của NH. Tại Phòng ĐT&ĐBCL các chuyên viên được phân công trực

tiếp phụ trách các CTĐT [H8.08.03.01]. Phòng KH-HTPT&CTSV chịu trách nhiệm quản lý kết quả rèn luyện, các chuyên viên được phân công phụ trách việc quản lý này [H8.08.03.02].

Căn cứ Quy định công tác GVCN kiêm CVHT của TYD đã ban hành [H8.08.03.03] Trường đều có quyết định phân công GVCN lớp để thường xuyên hỗ trợ và tư vấn, giúp cho NH học tập và rèn luyện tốt hơn, kịp thời phát hiện những vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học từ đó giải quyết kịp thời vấn đề để SV có thể hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [H4.04.02.05]. Bên cạnh đó, để hỗ trợ Trường thực hiện theo dõi, đánh giá kết quả rèn luyện và kịp thời báo cáo những biến động về KQHT, rèn luyện của SV, Trường đã ban hành quy định về tiêu chuẩn, chức năng và nhiệm vụ đối với Ban Cán sự lớp [H8.08.03.04]. Ngoài ra, Trường luôn có các báo cáo và phản hồi về kết quả, tiến độ học tập và rèn luyện của SV để kịp thời theo dõi, hỗ trợ [H8.08.03.05].

Căn cứ vào Thông tư Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của BGD&ĐT [H1.01.01.03] cũng như của ĐHQG [09], Trường đã ban hành quy chế đào tạo hệ thống TC, quy định về tổ chức thi KTHP [H8.08.03.06] quản lý điểm và đánh giá HP [H3.03.02.01]; [H7.07.01.05], quy định về KLTN [H8.08.03.07], quy định về tổ chức dạy - học thực tập lâm sàng tại Trường [H6.06.04.01] Mỗi NH đều có tài khoản riêng để phục vụ việc truy cập thông tin và kiểm tra KQHT, SV sẽ chủ động nắm bắt được thông tin về quá trình học tập tích lũy các TC, từ đó giúp SV có thể lên kế hoạch để phân bổ thời gian hoàn thành các TC đúng thời hạn. Các cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên đảm bảo tính chính xác. KQHT hằng kì được gửi trực tiếp đến NH để tiện theo dõi và phản hồi các thắc mắc [H2.02.01.03]. GVCN kiêm CVHT và các GV trong bộ môn căn cứ vào KQHT để kịp thời khích lệ, tuyên dương cũng như nhắc nhở, tư vấn và hướng dẫn NH điều chỉnh kế hoạch học tập. CTĐT ngành DH và kế hoạch toàn khóa được thực hiện theo hệ thống niên chế và TC được đăng tải lên website của Trường để NH theo dõi, NH còn được hỗ trợ đào tạo trực tuyến [H1.01.01.02]; [H3.03.03.02]; [H5.05.04.04]. Đối với NH tốt nghiệp theo hệ thống TC phải tích lũy tối thiểu 218 TC, bảng điểm sinh viên tốt nghiệp các khóa [H5.05.04.10] Số lượng TC được phân bổ hợp lý giữa các kì, trong đó các môn học đại cương về chính trị, pháp luật được phân bổ đều vào các học kì để tránh sự nhàm chán, đặc biệt trong năm học đầu tiên khi NH mới vừa nhập học, chương trình phân bổ 1 - 2 học phần liên quan đến chuyên ngành để các GV của bộ môn tiếp cận NH ngay từ đầu, kịp thời định hướng nghề nghiệp, giải đáp thắc mắc về cơ hội việc làm cũng như định hướng cho NH tham gia vào các nhóm NCKH. Các kì học được phân bổ hợp lý từ lý thuyết, thực hành, thực tập BV để NH phát triển đầy đủ kiến thức, kĩ năng, đảm bảo hầu hết NH có thể tốt nghiệp đúng tiến độ. Với CTĐT phân bổ trong 6 năm học, trong 3 năm học đầu tiên, SV sẽ được học các kiến thức cơ sở khối ngành sức khỏe để có những nền móng ban đầu khi tiếp cận với ngành học, ở năm học tiếp theo SV sẽ bắt đầu thực hành lâm sàng tại các BV để rèn luyện các

kỹ năng nghề nghiệp, SV sẽ tham gia TTTN tại kì học cuối để trải nghiệm thực tế môi trường làm việc cũng như có định hướng về chuyên ngành sẽ làm sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.04]; [H1.01.01.07].

Trường đã tích hợp phần mềm quản lý đào tạo trên hệ thống website <http://daotao.smp.udn.vn:8082/> và tiến hành đánh giá định kì để phân tích, tổng hợp kết quả học tập cho từng NH. Đây là cơ sở dữ liệu để theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện cũng như theo dõi tiến độ học tập, thôi học, tốt nghiệp. Hàng năm, Phòng ĐT&ĐBCL đều tiến hành xét học vụ, để kịp thời phát hiện những trường hợp SV bị chậm tiến độ học tập, từ đó có biện pháp nhắc nhở, cảnh cáo học vụ để kịp thời nắm bắt thông tin, giúp SV có kế hoạch để cải thiện việc học, cũng như nhà trường, cán bộ quản lý khối lớp và GVCN có những biện pháp hỗ trợ để giúp cho SV đủ điều kiện hoàn thành chương trình học đúng hạn [H5.05.04.08]; [H5.05.04.09]; [H8.08.03.08].

2. Điểm mạnh:

- Trường có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục và đảm bảo chính xác cung cấp kịp thời, các số liệu công khai minh bạch cho NH, phục vụ hiệu quả công tác đào tạo và quản lý cũng như giúp SV theo dõi sát tiến trình học tập.

- Trường có hệ thống cán bộ hỗ trợ cho người học như cán bộ phụ trách khối ngành, bộ môn, GVCN hầu hết là GV người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với NH và lực lượng Ban Cán sự lớp nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của NH gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ tối đa cho NH.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV đặc biệt là các SV năm đầu còn khó khăn trong việc tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết trong quá trình học tập, sinh hoạt tại môi trường mới.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hằng năm, trong các buổi họp giao ban BCS lớp, GVCN/CVHT thường xuyên nhắc nhở, phổ biến, thông tin cho người học chủ động tìm đến các Phòng chức năng, GVCN để được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong học tập và rèn luyện	- Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, Ban cán sự lớp, Khoa Dược	Năm học 2025 - 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		như trong tuần sinh hoạt công dân, trong các buổi sinh hoạt lớp của GVCN vào mỗi kì. Thường xuyên phối hợp với Khoa Y đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ.			
2	Phát huy điểm mạnh	Sau khi kết thúc học kỳ hoặc năm học, phối hợp theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, GVCN, Ban cán sự lớp, Khoa Dược	Hàng năm/học kỳ	

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng

Để nâng cao hiệu quả chất lượng của CTĐT, Trường luôn quan tâm, hỗ trợ và xây dựng các hoạt động và dịch vụ tư vấn NH kịp thời ngay từ thời gian nhập học cho đến khi tốt nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả học tập và cơ hội việc làm cho NH sau khi tốt nghiệp bao gồm hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa...

Trường đã ban hành Quy định công tác GVCN kiêm CVHT [H8.08.03.03]. Từ đó lựa chọn những GV có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức, có kinh nghiệm trong công tác chuyên môn, NCKH trở thành GVCN kiêm CVHT [H4.04.02.05], để theo dõi sát sao quá trình học tập của NH, kịp thời tư vấn, định hướng giúp NH nâng cao, cải thiện KQHT và rèn luyện. Đối với những NH là người dân tộc thiểu số hoặc có hoàn cảnh khó khăn, Trường chỉ đạo Phòng KH-HTPT&CTSV luôn chủ động tìm các nguồn học

bổng tài trợ để hỗ trợ một phần kinh phí cho NH học tập tốt. Công tác xét cấp học bổng khuyến khích học tập được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo nguồn học phí được trích đầy đủ để cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV theo quy định của BGD&ĐT [H8.08.04.01]. TYD cũng đã ban hành quy định về việc xét học bổng khuyến khích học tập [H8.08.04.02]. Đồng hành cùng SV bên cạnh các Phòng chức năng, bộ môn là Đoàn Thanh niên, đây là đơn vị luôn sát sao với các hoạt động của SV. Bên cạnh việc hỗ trợ học tập và NCKH, Trường còn chú trọng phát triển kỹ năng mềm cho NH. Các hoạt động ngoại khóa bổ ích cho NH được Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức, thu hút đông đảo người học tham gia như Chiến dịch “Mùa hè xanh”, Ngày hội “Tân sinh viên”, Chương trình hiến máu nhân đạo, Chương trình “Xuân tình nguyện”, “Mùa Đông Yêu Thương”. Hàng năm, Đoàn Thanh niên luôn tổ chức các hoạt động ngoại khóa để tạo sân chơi giao lưu học hỏi cho SV như Hội trại truyền thống, giải bóng đá, bóng chuyền, tình nguyện hè [H8.08.04.03]; [H3.03.03.04]. Tất cả các hoạt động diễn ra sôi nổi, năng động, sáng tạo và đảm bảo theo quy định của Trường cũng như ĐHDN [H3.03.03.04]; [H8.08.04.04]; [H8.08.04.05]... Đồng thời Đoàn Thanh niên cũng là đầu mối để thành lập các câu lạc bộ SV để đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa cũng như hỗ trợ cho công tác học tập: CLB Blouses Trắng, Bóng chuyền, Medzic, L-Club, Dược Trường, Câu lạc bộ học tập... [H8.08.04.06]. NH cũng được đăng ký bảo hiểm y tế mỗi năm nhằm đảm bảo quyền lợi về chế độ chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở y tế cho NH trong quá trình học tập tại Trường [H8.08.04.07]. Ngoài ra, Trường luôn phối hợp chặt chẽ với gia đình, cơ quan và chính quyền địa phương để quản lý có hiệu quả và động viên NH học tập tốt hơn, đặc biệt là những NH có kết quả học tập chưa tốt hoặc bị những vấn đề về tâm sinh lý, kịp thời giải thích, cảnh báo sớm để người học và gia đình nắm bắt tình hình, động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học trong suốt quá trình học tập tại Trường.

Để triển khai các hoạt động các hoạt động hỗ trợ cho người học, hàng năm Trường luôn tạo điều kiện để người học tiếp xúc với các doanh nghiệp các NTD; tổ chức Hội nghị viện trường đến các cơ sở thực hành để lên kế hoạch thực tập của NH được gửi tới các bệnh viện trước khi năm học mới bắt đầu, liên hệ thực tập bệnh viện thường kỳ và thực tập tốt nghiệp cho NH [H8.08.04.08]. Năm 2022, 2023, 2024 TYD với đầu mối là Phòng KH-HTPT&CTSV đã tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp và tuyển dụng để tạo cơ hội cho các SV tốt nghiệp được tiếp xúc, liên lạc với các doanh nghiệp, cơ sở y tế, từ đó tăng cơ hội việc làm cho SV khi ra trường [H8.08.04.09]. Ngoài ra, những cán bộ GV đặc biệt là của Ngành DH vẫn luôn quan tâm, chủ động kết nối với các đơn vị, các cơ sở y tế để giới thiệu những cơ hội việc làm tốt đến với SV [H8.08.04.08].

Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân - SV đầu khóa nhằm giới thiệu tới NH lịch sử phát triển Trường, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, CTĐT, giúp NH nắm nhất tiếp cận các quy chế, hướng dẫn phương pháp học tập, cách thức đánh giá cũng như các quy định công dân để nhanh chóng thích nghi với môi trường học tập mới trong trường đại học [H1.01.03.03]. Trong khuôn khổ của Tuần Sinh hoạt công dân - SV, có đại diện Ban

Giám hiệu Trường và ĐHDN, các Phòng chức năng, đại diện các Bệnh viện, cơ quan ban ngành để giải đáp, tư vấn cho NH các vấn đề có liên quan đến học tập, rèn luyện, cơ hội việc làm sau này. Bên cạnh đó, Trường còn cung cấp sổ tay SV để mỗi NH tham khảo và sử dụng khi cần trong suốt quá trình học tập [H5.05.02.02]. Ngoài ra, TYD luôn chủ động kết nối với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài như Nhật Bản và Đức để mở ra cơ hội cho các bạn SV tốt nghiệp có cơ hội được học tập làm việc với các tổ chức nước ngoài. Đây là một thị trường tiềm năng với nhu cầu tuyển dụng về nhân lực Y tế đặc biệt là ngành DH rất lớn. Để các hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ SV ngày càng hiệu quả, Trường đã có báo cáo, phân tích, đánh giá hằng năm với đầu mối là Phòng KH-HTPT&CTSV và Đoàn Thanh niên [H3.03.03.04]; [H8.08.04.10]; [H4.04.03.03]. Cùng với việc học, NH còn tham gia NCKH và đạt được nhiều thành tích [H3.03.03.03]; [H4.04.02.07]; [H11.11.04.15]; [H11.11.04.17].

Để đảm bảo việc triển khai các hoạt động hỗ trợ NH đạt được hiệu quả cao, trong quá trình thực hiện, Trường đã tiến hành khảo sát về mức độ hài lòng của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm để có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Trong các năm qua, việc triển khai hỗ trợ học tập NH được quan tâm nên số lượng xử lý học vụ rất ít [H10.10.03.11]; [H10.10.03.12]. Qua khảo sát ý kiến phản hồi kết quả thu được 90% đánh giá từ mức độ bình thường trở lên về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm [H8.08.04.11]; [H8.08.04.12].

2. Điểm mạnh:

- Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, cán bộ quản lý khối lớp luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập.

- Đoàn thanh niên là đơn vị đầu mối đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, cho SV để phát triển các kỹ năng lẫn kiến thức, cũng như giúp SV tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng.

3. Điểm tồn tại:

- Việc khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới được triển khai thực hiện có hệ thống gần đây.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Lên kế hoạch, phương pháp thực hiện khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các	Phòng ĐT&ĐBCL	Tháng 9 hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cách hiệu quả và thường xuyên			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường các hoạt động tư vấn học tập đảm bảo duy trì trong suốt quá trình học và các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH hàng năm Đoàn thanh niên tiếp tục mở rộng đa dạng hóa các hoạt động để thu hút nhiều hơn nữa số lượng SV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa	- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV Đoàn thanh niên, GVCN, Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn, Ban chủ nhiệm các câu lạc bộ	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng

Nhằm mục đích tạo một môi trường thân thiện, thoải mái để GV và NH được giảng dạy và học tập trong môi trường thuận lợi nhất từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy học, Trường luôn có chính sách về đảm bảo môi trường học tập, sức khỏe và an toàn cho người học. Bên cạnh các quy định đảm bảo về nội quy SV, nội quy cơ quan [H8.08.05.01]; [H8.08.05.02], Trường cũng đã ban hành các quy định đảm bảo các nội quy về an toàn, hoạt động, môi trường và cảnh quan của tòa nhà để NH, cán bộ, GV được làm việc, học tập, rèn luyện một cách hiệu quả [H8.08.05.03]; [H8.08.05.04]; [H3.03.03.04]; [H8.08.05.05]. Cán bộ nhân viên, Phòng KH-HTPT&CTSV, GV bộ môn luôn nhiệt tình hỗ trợ giải đáp những thắc mắc, khó khăn trong quá trình học tập, sinh hoạt tại môi trường đại học để SV yên tâm, tập trung vào quá trình học tập. Trong quá trình học tập, nếu SV gặp các vấn đề liên quan đến học tập, sức khỏe, tâm lý... có thể giải bày thông qua GVCN để được hỗ trợ tư vấn, giúp đỡ [H8.08.03.03]. Trường thường

xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động liên quan giữa sinh viên và giảng viên tham gia [H8.08.04.03].

Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình giảng dạy, học tập Trường đã bố trí hợp lý các khu giảng đường, khu hành chính, thí nghiệm, thể thao, giải trí. Hiện tại TYD có các Toà nhà chính là Toà nhà A dành cho BGH, các phòng chức năng và các phòng giảng đường, toà nhà B dành cho các hoạt động thực hành, thí nghiệm văn phòng bộ môn, các giảng đường. Việc bố trí này tạo thuận lợi cho quá trình học tập, giảng dạy và quản lý các phòng thực hành, thí nghiệm đồng thời đảm bảo an toàn, vệ sinh trong quá trình hoạt động tại các phòng thí nghiệm, thực hành [H8.08.05.06] và bố trí các khu phòng đọc và tự học nhằm phục vụ cho giảng viên và sinh viên [H9.09.02.03]; [H9.09.02.04]. Là đơn vị thành viên của ĐHDN, mặc dù chưa có khu ký túc xá riêng nhưng Trường đã có văn bản đề nghị và được các đơn vị thành viên hỗ trợ khu ký túc xá dành cho NH với cảnh quan thoáng mát, tiện nghi và nhiều chính sách hỗ trợ internet, thể thao, ăn uống, sinh hoạt [H8.08.05.07]. Xác định rõ sức khỏe là yếu tố quan trọng để NH thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Trường có phòng y tế ngay tại tầng 1 với lực lượng cán bộ phụ trách luôn hỗ trợ SV về vấn đề y tế cơ bản và dữ liệu y tế học đường được cập nhật thường xuyên [H8.08.05.08]. Hàng năm, Trường tổ chức khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người học [H8.08.05.09]; [H8.08.04.07].

Trường cũng đã thuê công ty bảo vệ chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho cơ quan, thường xuyên thay phiên ca trực kiểm tra, giám sát chặt chẽ các khu vực trong tòa nhà và báo cáo kịp thời, nhanh chóng nếu xảy ra sự cố. Hàng năm, các hệ thống đảm bảo an toàn trường học như phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh học đường luôn được kiểm tra đảm bảo hoạt động tốt [H8.08.05.05].

ĐHDN và Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, an toàn giao thông và nhiều cuộc thi bổ ích khác để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong trường [H3.03.03.04]. Trường có sơ đồ, vị trí lắp đặt băng rôn và hình ảnh pano tại tầng 1 để người học, cán bộ, GV luôn nhận thức được vai trò sứ mệnh của bản thân, có động lực làm việc, học tập, phát triển bản thân [H1.01.01.08].

Hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, sạch sẽ, bố trí Trường học tạo cho người học và GV làm việc thoải mái, hiệu quả. Định kỳ, Trường và Hội đồng ngành DH tổ chức đối thoại với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV để đưa ra những giải pháp cho các vấn đề mà SV gặp phải. Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi kết quả thu được đa số SV hài lòng với những điều kiện về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan mà Trường mang lại [H8.08.04.12]; [H2.02.03.02]. Ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, NH về các bên liên quan [H1.01.01.10].

2. Điểm mạnh:

- NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm tồn tại:

- Từ năm 2021, Trường mới lấy ý kiến khảo sát đầy đủ của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hàng năm, xây dựng kế hoạch lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Phòng KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp, mở rộng diện tích, cải tạo môi trường, cảnh quan tạo tâm lý thoải mái cho người học	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy, đối với tiêu chuẩn NH và hoạt động hỗ trợ NH, CTĐT có những điểm mạnh nổi bật sau: hình thức tuyển sinh đa dạng cùng chính sách tuyển sinh rõ ràng, công khai giúp thu hút được nhiều học sinh giỏi tại nhiều tỉnh thành trong cả nước; việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho học sinh có nhiều cơ hội khác nhau có thể đăng ký ngành học. Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, CVHT luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập. NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; được tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, thi đua để cải rèn luyện kiến thức và kỹ năng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế sau: việc khảo sát lấy kiến của các bên liên quan về đề án tuyển sinh, chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới chỉ được triển khai gần đây và cần mở rộng thêm quy mô, đối tượng khảo sát.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đều đạt yêu cầu ở mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Với các nguồn lực và CSVC hiện có, TYD - ĐHĐN và với CTĐT ngành DH trình độ Đại học hệ chính quy được đảm bảo các điều kiện CSVC để phục vụ cho các hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Hệ thống CSVC đang được vận hành và sử dụng như phòng làm việc, phòng học, thư viện, hệ thống phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin với các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn đã được xây mới, đồng bộ và nâng cấp.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

TYD - ĐHĐN có tổng diện tích đất là 2,3 hecta, tổng diện tích sử dụng 2 khối nhà 5 tầng khoảng 16,000 m² trong đó cụ thể: khu hiệu bộ 34 phòng tổng diện tích sử dụng là 1,551 m²; 16 phòng giảng đường tổng diện tích sử dụng: 1476 m²; 47 phòng thực hành, thí nghiệm tổng diện tích sử dụng: 4713m² ; 01 phòng hội trường tổng diện tích sử dụng là 252 m² và 01 khu Tiềm lâm sàng với tổng diện tích sử dụng 1100m² [H8.08.05.06]. Trường có đủ phòng học lý thuyết, thực hành thuộc hai khối nhà A,B với trung bình tỷ lệ diện tích sàn/sinh viên là 7,24 m² đảm bảo đạt tỉ lệ so với quy định chuẩn cơ sở giáo dục đại học là 2,8m². Đối với khu vực các phòng chức năng, Trường có các tầng 1, 2, và 1 phần tầng 3 khối nhà 5 tầng cho các phòng chức năng và các văn phòng Trường. Các phòng chức năng và Trường có không gian rộng rãi thuận lợi cho cán bộ làm việc cũng như đón tiếp SV, hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại khối nhà B. Các phòng giảng đường, làm việc tại tầng 3, 4 tại Khối nhà D.

Các giảng đường, phòng học thí nghiệm thực hành, khu thực hành Tiềm lâm sàng được thiết kế phù hợp cùng với trang thiết bị của từng phòng thí nghiệm, thực hành [H9.09.01.01]; kèm theo được đầu tư và nâng cấp như trang thiết bị chuyên ngành, bàn ghế, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, quạt, điều hoà [H9.09.01.02]. Bên cạnh đó, một số lượng lớn phòng học được trang bị điều hòa để hỗ trợ các hoạt động dạy - học cũng như nghiên cứu. Trường trang bị đầy đủ máy scan và máy photocopy cho các phòng chức năng và mỗi chuyên viên đều có máy tính được kết nối mạng internet và máy in rất thuận tiện cho cho các chuyên viên thực hiện công việc, diện tích các phòng chức năng theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn của BGD&ĐT ban hành [H9.09.01.03]. Đồng thời, các khu vực giảng đường và khu vực các phòng chức năng bên ngoài đều được bố trí đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, nội quy sử dụng phòng và cán bộ phục vụ.

Ngành DH được trang bị hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, hệ thống phòng làm việc của ngành bao gồm các văn phòng Bộ môn và 01 khu Tiềm lâm sàng (lab) [H8.08.05.06]. Văn phòng làm việc của các Bộ môn được trang bị máy in, máy tính, điều hòa, tủ đựng tài liệu phù hợp yêu cầu công việc. Trường giao cho Trung tâm thí nghiệm và Tiềm Lâm sàng quản lý điều

tiết các trang thiết bị nhằm đảm bảo an toàn, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả các phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng; xây dựng kế hoạch mua mới và nâng cấp CSVC, trang thiết bị hàng năm nhằm bổ sung, bảo trì, thay thế và nâng cấp CSVC [H9.09.01.04]. Bên cạnh đó, Trường luôn công khai các kế hoạch, dự án xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hệ thống phòng học và các phòng chức năng đến cán bộ và GV hàng năm các danh mục trang thiết bị sau khi hình thành từ các nguồn đầu tư các Dự án được kiểm kê, báo cáo cho cấp trên hàng năm [H9.09.01.05]. Kết quả khảo sát cho thấy khoảng 90% cán bộ, GV và 85,5% sinh viên hài lòng về hệ thống phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu Trường học [H7.07.01.06].

2. *Điểm mạnh:*

- Tất cả các giảng đường được trang bị đầy đủ âm thanh, máy chiếu, quạt và phòng thí nghiệm, thực hành điều được trang bị đầy đủ máy điều hòa, quạt. Trang thiết bị, mô hình tại Phòng thí nghiệm, thực hành được tăng cường đầu tư theo từng năm. Giảng đường rộng rãi, thoáng mát.

- Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng điều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc.

3. *Điểm tồn tại:*

- Một số phòng học chưa được trang bị máy điều hoà và một số phòng thí nghiệm chưa được trang bị máy chiếu hoặc tivi.

4. *Kế hoạch hành động:*

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đầu tư các dự án chuyên sâu về phòng thực hành thí nghiệm, đầu tư trang thiết bị phục vụ ngành DH.	- Phòng HC-TH - Khoa Dược - Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất mua sắm lắp máy chiếu/ ti vi cho các thí nghiệm, thực hành	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện được bố trí tại tầng 2 tòa nhà B, TYD [H9.09.02.01], mở cửa từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần để phục vụ cho nhu cầu học tập, mượn sách của GV và SV. Thư viện có 01 phòng lưu trữ [H9.09.02.02], 01 phòng đọc [H9.09.02.03] và 01 phòng tự học [H9.09.02.04] được trang bị máy tính, phủ sóng internet, ổ cắm điện, điều hòa không khí và bàn ghế. Để công tác quản lý được hiệu quả, Thư viện đã xây dựng các văn bản quy định phòng giáo trình [H9.09.02.05], nội quy phòng đọc, nội quy Thư viện [H9.09.02.06].

Vào đầu mỗi năm học, Trường có tổ chức giới thiệu Thư viện trong tuần sinh hoạt công dân để sinh viên biết được quy định và hướng dẫn cách sử dụng, đăng nhập vào hệ thống Thư viện cũng như chia sẻ tài liệu hướng dẫn cho sinh viên tham khảo [H9.09.02.07]. Trang thông tin Thư viện điện tử Primo của Trường http://libs.udn.vn/primo_library/libweb/action/search.do?vid=lyd được kết nối hệ thống biên mục Aleph thuộc bản quyền của Đại học Đà Nẵng phân quyền cho Trường, hỗ trợ bạn đọc tìm kiếm thông tin tài liệu, bài giảng, KLTN, đề tài NCKH [H9.09.02.08]. Ngoài ra, Trường có liên kết với Thư viện số Trung tâm Thông tin học liệu và Truyền thông - ĐHQĐN, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ (<https://lib.ctump.edu.vn/>), Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế (<https://opac.huemed-univ.edu.vn/>), cơ sở dữ liệu Proquest Central (<http://lhtv.vista.vn>) và để mở rộng nguồn học liệu giúp GV, SV có thêm nguồn tài liệu tham khảo phong phú, dễ dàng truy cập dữ liệu mọi lúc mọi nơi [H9.09.02.09].

Thư viện Trường đáp ứng khoảng 51% sách giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành DH. Tài liệu, sách tham khảo ở dạng bản cứng và bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ. Hiện tại vốn tài liệu in mà Thư viện quản lý là 488 đầu sách với 1610 bản. Trong đó, tài liệu tiếng Việt chiếm số lượng lớn. Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các học phần được mô tả trong ĐCCT của ngành DH đáp ứng tương đối đầy đủ [H9.09.02.10]; [H1.01.02.02].

Ngoài tài liệu bản cứng, Thư viện còn quan tâm phát triển nguồn tài liệu điện tử bao gồm luận văn, đề tài nghiên cứu Trường học để phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và SV [H9.09.02.11]. Để phục vụ hiệu quả mục đích đào tạo và nghiên cứu, Thư viện luôn phối hợp chặt chẽ với Phòng, Khoa, Bộ môn trong việc cập nhật tài liệu dựa trên các ĐCCT CTĐT ngành DH, có biên bản phối hợp với Khoa mua bổ sung tài liệu mới theo yêu cầu của Khoa, Bộ môn và thông báo về sách mới được bổ sung để GV biết, tham khảo và giới thiệu cho SV [H9.09.02.12]; [H9.09.02.13]

Hàng năm, Thư viện Trường phục vụ trung bình khoảng gần 2000 lượt bạn đọc. Những loại tài liệu được quan tâm, sử dụng nhiều là Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Thực vật dược, Nhân khoa, Bài giảng triệu chứng học ngoại khoa với tổng số 162 lượt mượn, trả [H9.09.02.14]. Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và hiệu quả của hoạt động Thư viện cũng như nâng cao vai trò của Thư viện trong hoạt động đào tạo, trong các năm gần đây, bên cạnh khảo sát về CSVC và nguồn học liệu, thì Thư viện còn tiến hành

khảo sát ý kiến của bạn đọc về chất lượng phục vụ của Thư viện vào mỗi năm học. Dữ liệu thu được từ các cuộc khảo sát là căn cứ để Thư viện nhìn nhận ra những mặt hạn chế và lên kế hoạch cải tiến chất lượng cho các năm học sau [H9.09.02.15].

2. Điểm mạnh:

- Thư viện, phòng đọc và phòng tự học bố trí ngay khu vực yên tĩnh, làm việc và phòng học của Trường, có nội quy, quy định, hướng dẫn đầy đủ được trang bị bàn ghế, máy tính, mạng internet, điều hòa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của GV và SV.

- SV được tiếp cận nguồn tài liệu số phong phú từ Trường, Trung tâm Thông tin Học liệu và truyền thông, ĐHDN, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

3. Điểm tồn tại:

- Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các học phần với mỗi phiên bản CTĐT còn thiếu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	- Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của GV, các khóa luận tốt nghiệp phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV. - Ứng dụng CNTT trong quản lý Thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.	Phòng KH-HTPT&CT SV	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đầu tư, thường xuyên bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm theo chương trình đào tạo	Phòng KH-HTPT&CT SV, HC-TH	Hàng năm	

2. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

Ngành Dược học có các phòng thí nghiệm, thực hành được bố trí tại tòa nhà B đáp ứng đầy đủ nội dung các bài thực hành, thí nghiệm trong CTĐT ngành DH, phục vụ cho các nghiên cứu của GV và SV [H8.08.05.06]. Khối ngành hiện có Khu thí nghiệm thực hành chuyên môn với đầy đủ các trang thiết bị và được sự quản lý và điều tiết của Trung tâm thí nghiệm - tiền lâm sàng. Ngoài ra còn có các học phần đại cương phục vụ ngành Dược học được trang bị đầy đủ trang thiết bị giúp SV nắm bắt được kiến thức các học phần cơ sở, học phần chuyên ngành [H9.09.03.01] phòng thực hành đều có thời khóa biểu phân công cán bộ phòng giám sát thiết bị và hướng dẫn SV làm thí nghiệm [H9.09.03.02].

Khu thực hành ngành Dược học luôn được tăng cường đầu tư các dự án theo kế hoạch mua sắm hàng năm [H9.09.01.04] được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu, từ các khóa học thực nghiệm đến các mục đích chuyên ngành như dự án, NCKH của SV, GV và luận văn của SV. Thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm đều có tài liệu hướng dẫn sử dụng và được theo dõi tình trạng làm việc và ghi chú trong sổ ghi chép giám sát [H9.09.03.03]. Cán bộ Trung tâm thường xuyên trao đổi, phổ biến đến các Thầy, Cô giảng dạy, SV học tại các phòng thực hành các quy định, nội quy phòng thực hành [H9.09.03.04], quy tắc an toàn và phòng chống cháy nổ.

Để đảm bảo các trang thiết bị trong phòng thực hành phục vụ cho ngành DH, hàng năm nhà trường thường lập kế hoạch đầu tư, mua sắm, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, bổ sung, nâng cấp và đầu tư mới thiết bị nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu và trình cấp ĐHĐN để xin phê duyệt kinh phí đầu tư [H9.09.01.01]. Vào đầu mỗi năm học, các Khoa, Bộ môn đều có kế hoạch và đề xuất mua sắm thiết bị, dụng cụ, hóa chất. Khoa, Bộ môn có hồ sơ theo dõi, quản lý các trang thiết bị. Hàng năm, nhà trường có kế hoạch và phân bổ kinh phí cho bảo dưỡng các trang thiết bị; đầu tư mua sắm trang thiết bị để thay thế, cập nhật đáp ứng yêu cầu CTĐT [H9.09.01.04]. Nhằm đảm bảo duy trì sự hoạt động tối ưu, khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, mô hình tại Trường Y Dược cũng như thuận tiện cho việc xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, mua sắm mới và tăng cường máy móc, thiết bị được trang bị tại phòng thí nghiệm, thực hành thì việc thực hiện báo cáo rà soát tình trạng và hiệu quả sử dụng trang thiết bị hàng năm là hết sức cần thiết. Việc rà soát tình trạng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành được thực hiện thông qua: nhật ký sử dụng thiết bị, thống kê số giờ vận hành từng loại thiết bị, kiểm kê tài sản cuối mỗi năm học. Căn cứ vào kết quả báo cáo rà soát trang thiết bị thực hành, hàng năm nhà trường đầu tư mua sắm mới các thiết bị hiện đại, thay thế các thiết bị cũ hỏng [H9.09.03.05]. Khối ngành DH luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về việc mua và bảo trì thiết bị cho phòng thực hành. Trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về phòng thực hành đối với nhu cầu dạy học và NCKH. Kết quả cho thấy trên đa số cán bộ, GV và NH không có ý kiến phàn nàn về tình trạng thiếu phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H9.09.03.06].

Các phòng thực hành được nhà trường giao cho Trung tâm TN-TLS làm đầu mối quản lý thiết bị và hỗ trợ GV để hướng dẫn SV làm thí nghiệm [H9.09.03.01]. Phòng thực hành được thiết kế khoa học, đảm bảo an toàn điện, an toàn hóa chất, an toàn cháy nổ. GV và SV làm việc tại phòng thực hành luôn đảm bảo trang phục mang áo blouse trắng, thẻ và dép phòng thực hành. SV luôn được học và kiểm tra các quy trình an toàn trước khi thực hiện các thao tác thực hành. Phòng thực hành đều có nội quy phòng, hướng dẫn sử dụng thiết bị [H9.09.03.04], sổ theo dõi hoạt động phòng thực hành [H9.09.03.03]. Các hoạt động dạy - học, NCKH của SV được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GV và cán bộ phụ trách phòng thực hành, đảm bảo việc sử dụng hệ thống phòng thực hành có hiệu quả.

2. Điểm mạnh:

- Ngành DH là một trong những ngành đào tạo hệ Đại học của Trường cũng như tại Thành phố Đà Nẵng nên được ĐHĐN, Ban Giám hiệu quan tâm đầu tư CSVC nhằm đáp ứng và hoàn thiện theo các quy định với mong muốn các SV sau khi tốt nghiệp ứng dụng ngay các kiến thức sau khi ngồi trên ghế nhà trường.

- Ngành DH có hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, nhà thuốc mô phỏng được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Các Khoa, Bộ môn thuộc khối ngành DH luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa.

3. Điểm tồn tại:

- Còn thiếu một số thiết bị chuyên sâu để phục vụ cho công tác đào tạo chuyên sâu và các hướng nghiên cứu mới.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả phòng thực hành theo ngành, đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường	Khoa Dược và Trung tâm TN&TLS	Năm học 2024-2025	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các dự án thiết bị chuyên sâu về nghiên cứu DH tăng cường cho các học phần theo định hướng đào tạo	Khoa Dược và Trung tâm TN&TLS và Phòng HC-TH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
		DH trong thời kỳ mới.			

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng

TYD đã trang bị 180 bộ máy tính để bàn, 02 máy chủ, 05 máy tính xách tay, 21 bộ máy chiếu cùng với hệ thống phần mềm được quản lý, vận hành và khai thác sử dụng đáp ứng nhu cầu cho các phòng chức năng, bộ môn, trung tâm và trang bị cho giảng đường, phòng thực hành [H9.09.04.01]. Tất cả các máy tính làm việc đều được kết nối mạng LAN và hệ thống đường truyền cáp quang (03 đường truyền) với dung lượng 300Mbps đường truyền của nhà cung cấp dịch vụ VNPT [H9.09.04.02]. TYD có 04 phòng máy tính được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho việc dạy học và KTĐG [H9.09.04.03].

Phòng KH-HTPT&CTSV là đơn vị phụ trách mảng công nghệ thông tin của TYD [H9.09.04.04]. Mỗi cán bộ, GV, SV của TYD được cấp tài khoản Office 365 do Microsoft tài trợ cho tổ chức giáo dục để sử dụng các ứng dụng như Outlook, MS Teams, OneDrive,... [H9.09.04.05]. Trường có hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo Unisoft được cài đặt trên Server tại Tầng 4 tòa nhà Trường nên việc chia sẻ, truy cập dữ liệu thuận lợi đồng thời ban hành quy định về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hệ thống phần mềm này [H9.09.04.06]. Mỗi cán bộ, GV, SV của Trường được cấp một tài khoản để sử dụng các phân hệ của phần mềm. SV của Trường truy cập và sử dụng Cổng SV thông qua địa chỉ <http://sinhvien.smp.udn.vn> đây là cổng đăng ký TC, tra cứu điểm học tập và rèn luyện, thông tin thời khóa biểu, học phí,... [H9.09.04.07]. Cổng thông tin dành cho GV <http://giangvien.smp.udn.vn> hỗ trợ GV quản lý các thông tin hồ sơ cá nhân và hoạt động đào tạo (xem và quản lý các thông tin lịch giảng, lịch coi thi, lớp học, điểm danh SV, tra cứu thông tin điểm danh, điểm môn học, sổ lên lớp, nhận xét giảng dạy, lập biểu mẫu báo cáo) [H9.09.04.08]. Cổng khảo sát đánh giá tại địa chỉ <http://khaosat.smp.udn.vn> được khai thác sử dụng cho việc khảo sát, đánh giá của SV [H9.09.04.09]. Hệ thống điều hành tác nghiệp <http://dieuhanh.udn.vn>, iOffice giúp chia sẻ văn bản và điều hành công việc kịp thời, chính xác [H9.09.04.10]; Hệ thống quản lý nhân sự Khoa Dược được tích hợp trên cổng <http://hrm.udn.vn> với các chức năng quản trị nguồn nhân lực của Trường bao gồm tuyển dụng, đào tạo, đánh giá... giúp quá trình quản lý nhân lực trong Trường được thuận tiện hơn [H9.09.04.11]; Hệ thống quản lý tài sản công <https://qltsapp.misa.vn/> được xây dựng nhằm mục đích quản lý, theo dõi tình trạng, số lượng các trang thiết bị và phục vụ cho công tác kiểm kê tài sản hằng năm

[H9.09.04.12]; Trang thông tin điện tử của Trường <http://smp.udn.vn> thông tin về các hoạt động chung, đào tạo, nghiên cứu, hợp tác quốc tế, tích hợp công SV, công GV, công khảo sát đánh giá, công E-learning, công Thư viện, hệ thống hỗ trợ TĐG CTĐT và hệ thống hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin [H9.09.04.13].

Từ năm học 2019 - 2020, Trường đã xây dựng công hỗ trợ học tập và thi trực tuyến E-learning hỗ trợ giảng viên và sinh viên trong việc tổ chức, quản lý và tham gia các khóa học trực tuyến, cung cấp các tính năng như đăng tải tài liệu học tập, bài giảng, bài tập, diễn đàn thảo luận và bài kiểm tra, quản lý đề thi và tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính trên nền tảng Moodle <http://daotao.smp.udn.vn:8181/smp> [H9.09.04.14] và có đính kèm các hướng dẫn và quy định có liên quan trên công [H9.09.04.15]. Bên cạnh đó, Trường cũng đã triển khai dạy trực tuyến đồng thời ban hành quy định về đào tạo, kiểm tra đánh giá trực tuyến [H3.03.01.10]. Số lượng và tỷ lệ các học phần đã triển khai dạy học, kiểm tra đánh giá trực tuyến được thống kê như sau:

Năm học	Số lượng học phần có giảng dạy trực tuyến	Tỷ lệ học phần giảng dạy trực tuyến	Tỷ lệ học phần kiểm tra, đánh giá trực tuyến
2019-2020	32/40	80%	0
2020-2021	76/100	76%	53/100
2021-2022	62/100	62%	0
2022-2023	5/84	5,95%	0
2023-2024	3/84	3,57%	0

Trang thông tin thư viện điện tử <http://lib.smp.udn.vn/primo-explore/search?vid=lyd> kết nối tìm kiếm tài liệu, bài giảng, KLTN, đề tài NCKH [H9.09.04.16]. Ngoài ra, Trường còn trang bị mô hình thăm khám bệnh nhân đa năng được điều khiển bằng phần mềm trên máy tính được lập trình sẵn kịch bản, truy cập thể trạng bệnh nhân hoặc tạo mới các tình huống và ghi lại hành động của người thực hành [H9.09.01.01].

Trường thường tổ chức các đợt tập huấn về việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai hệ thống hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin tích hợp các phần mềm, video hướng dẫn, diễn đàn trao đổi, thảo luận cho CBGV, SV [H9.09.04.17]. Đồng thời biên soạn các tài liệu hướng dẫn để hỗ trợ cán bộ, GV, SV trong quá trình sử dụng [H9.09.04.18]. Hệ thống CNTT được vận hành thông suốt và thường xuyên xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp các thiết bị CNTT, quá trình sử dụng phòng máy, thiết bị CNTT được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.19]. Hệ thống công nghệ thông tin được cập nhật hằng năm nhằm cải tiến, nâng cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng [H9.09.04.20]. Năm học 2020 - 2021, Trường đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi về CSVC, trang thiết bị hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm kết quả đạt được về mức độ hài lòng đạt 70%, năm học 2021 - 2022 là 73% và năm học 2022 - 2023 là 81,4%

[H9.09.04.21]. Với kết quả khảo sát này về cơ bản hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm đã đáp ứng hoạt động quản lý và đào tạo tại Trường.

2. Điểm mạnh:

- Trường có hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ, bảo dưỡng và nâng cấp thường xuyên.

- Triển khai các phần mềm trong quản lý đào tạo tại Trường đã hỗ trợ rất nhiều trong công việc chuyên môn, giúp giảm tải thủ tục hành chính giấy tờ, chính xác và chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt hệ thống có tính liên thông giữa các phần mềm giúp nâng cao hiệu quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

- Tài khoản Office 365 (Microsoft 365) của Trường hiện tại do Tổ Quản trị mạng, ĐHĐN quản lý nên Trường chưa chủ động trong việc cấp phát tài khoản.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trao đổi phân quyền hoặc chuyển tài khoản Microsoft 365 của cán bộ, GV, SV về cho Trường quản trị	- Tổ Quản trị mạng - ĐHĐN; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Năm học 2025 - 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm phục vụ quản lý đào tạo	Phòng KH-HTPT&CTSV và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí ở mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng

Trong những năm qua, Trường đã thực hiện quy định hướng dẫn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động [H9.09.05.01]. Trên cơ sở các văn bản quy định, Trường ban hành văn bản quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người lao động, NH đảm bảo và tuân thủ các yêu cầu của các bộ ngành liên quan, trên cơ sở các quy định của Nhà nước, các quy định về tiêu chuẩn điều kiện an toàn lao động,

bảo hộ, vệ sinh, đối với các cơ sở giáo dục đại để phù hợp với sự phát triển của Trường trong giai đoạn hiện nay và đáp ứng yêu cầu của ngành Y tế [H9.09.05.02]. Đồng thời, hiện nay Trường chưa có đối tượng SV là người khuyết tật nhưng Trường cũng đã quan tâm đến các hoạt động của người khuyết tật, những công trình xây dựng đều có thiết kế khu vực, lối đi vào, nhà vệ sinh cho người khuyết tật tại tầng 1 hoặc liên hệ công tác làm việc ở khu hiệu bộ của Trường [H9.09.05.03].

Trường đã ký hợp đồng với Công ty vệ sinh thành phố Đà Nẵng xử lý rác thải môi trường, vận chuyển rác thải hàng ngày [H9.09.05.04], riêng rác thải y tế ở các phòng thí nghiệm thực hành được đưa về Trung tâm Y khoa để xử lý [H9.09.05.05], hợp đồng Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Green Passion dọn vệ sinh thường xuyên trong các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng làm việc, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên Trường [H9.09.05.04]; thường xuyên phun thuốc diệt muỗi, phòng chống dịch bệnh có khả năng bùng phát như sốt xuất huyết,...đảm bảo vệ sinh cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn vệ sinh môi trường; Đoàn trường, các nhóm, câu lạc bộ sinh viên của Trường phát động phong trào bảo vệ môi trường khu vực xung quanh bên ngoài Trường, phối hợp với các địa phương bên ngoài Trường đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hàng năm, Trường hợp đồng với Trung tâm Y khoa - ĐHQĐN tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBVC, người lao động [H9.09.05.06] và tổ chức khám sức khỏe cho SV mới nhập học [H8.08.05.09]. Trường trang bị bảo hộ lao động cho các CBVC, người lao động theo đúng các quy định của ngành y tế [H9.09.05.07]. Trường phối hợp với Văn phòng ĐHQĐN, Công an Phòng cháy chữa cháy Thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho lực lượng chữa cháy tại chỗ của Trường, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức diễn tập các phương án phòng cháy chữa cháy trong phạm vi Trường [H9.09.05.08]. Thường xuyên kiểm tra, rà soát các thiết bị phòng cháy chữa cháy xem còn tem dán, hạn sử dụng hay không, bổ sung các trang thiết bị chữa cháy kịp thời bổ sung các trang thiết bị, các tiêu lệnh về phòng cháy chữa cháy [H9.09.05.09].

Trường thực hiện phân công cán bộ, GV trực tăng cường để đảm bảo an ninh trật tự tại Trường trong những dịp lễ, tết; có kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an ninh - trật tự cơ quan. Hợp đồng với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Thành Long đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường 24/24 giờ kể cả ngày lễ, tết [H9.09.05.10]. Phòng Y tế được phân công có cán bộ trực để xử trí những tình huống sức khỏe bất thường cho cán bộ, GV và SV [H9.09.05.11].

Ngoài ra, Trường còn thực hiện các cuộc khảo sát để thu thập phản hồi của NH và GV về mức độ hài lòng về môi trường, sức khỏe và an toàn. Các báo cáo đã làm rõ những vấn đề chính cần giải quyết để cải thiện môi trường học tập cho cả NH và cán bộ [H9.09.05.12].

Trong đó các báo cáo đánh giá được sự đáp ứng đối với nhu cầu từ 80% trở lên, đặc biệt đánh giá môi trường tự nhiên đảm bảo sạch sẽ thoáng đãng đáp ứng nhu cầu của NH; mối quan hệ giữa các SV thân thiện, hòa đồng, đoàn kết. Các CSVC có khu thiết bị dành phục vụ riêng cho người khuyết tật khi sinh hoạt học tập tại Trường [H9.09.05.03].

2. Điểm mạnh:

- Với CSVC mới được ĐHDN đầu tư xây dựng và giao cho Trường sử dụng (cuối năm 2018) nên trong thời gian vừa qua về môi trường, sức khỏe, an toàn, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự được quan tâm.

3. Điểm tồn tại:

- Việc hỗ trợ cho người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở tầng 1, các tầng 2,3,4,5 chưa có để hỗ trợ cho người khuyết tật. Công tác đảm bảo sức khỏe môi trường hiện nay được phổ biến và triển khai đến các Phòng chức năng, Bộ môn, CBVC, người lao động và SV trong toàn Trường thông qua các kênh truyền thống như trong cuộc họp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa..., chưa được phổ biến tuyên truyền rộng rãi qua các kênh thông tin khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất thành lập đội/nhóm sinh viên các lớp hỗ trợ người khuyết tật theo các lớp (nếu có) hỗ trợ khi di chuyển lên các tầng học; Tuyên truyền thông tin qua các kênh tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua Fanpage, nhóm Zalo, Giáo viên chủ nhiệm ...	Phòng KH-HTPT&CT SV, Đoàn TN	Năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật và quan tâm đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Tăng cường cây xanh trong tòa nhà	Phòng HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Ngành DH của Trường được ĐHĐN quan tâm tạo điều kiện về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và học tập của đội ngũ GV và SV. Thư viện của Trường được đầu tư nâng cấp phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT ngành DH. Thư viện, phòng đọc và phòng tự học bố trí ngay khu vực làm việc và phòng học của Trường, có nội quy, quy định, hướng dẫn đầy đủ được trang bị bàn ghế, máy tính, điều hòa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của cán bộ, GV và SV. SV được tiếp cận nguồn tài liệu số phong phú từ Trường và Trung tâm Thông tin – Học liệu và truyền thông, ĐHĐN với các tài liệu được cập nhật và bổ sung định kì. Ngành DH có hệ thống phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Các Bộ môn thuộc khối ngành DH luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa. Việc triển khai các phần mềm trong quản lý và đào tạo tại Trường giúp nâng cao hiệu quả công việc tại các đơn vị. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, ĐHĐN đã đầu tư và giao cho Trường nhiều CSVC mới giúp đảm bảo an toàn về môi trường, sức khỏe, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại về CSVC và trang thiết bị Trường cần đầu tư mới và khắc phục trong những năm học tới.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn 9: 4/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 5/7, 1/5 tiêu chí đạt yêu cầu ở mức 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng trong giáo dục là điều kiện quan trọng để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Các hoạt động nâng cao chất lượng trong giáo dục phải được diễn ra thường xuyên và liên tục trong tất cả các giai đoạn từ khi thiết kế, phát triển, vận hành và cải tiến CTĐT. Các hoạt động này nhằm đảm bảo CTĐT được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên, được định kỳ rà soát để điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp. Xác định nâng cao chất lượng là trách nhiệm và là yếu tố sống còn của một cơ sở giáo dục đại học, TYD - ĐHĐN đã thực hiện các hoạt động nâng cao chất lượng bao gồm: Xây dựng quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, quy trình này thường xuyên được rà soát trong quá trình thực hiện để điều chỉnh và cải tiến cho phù hợp; Sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng và phát triển CTĐT; Rà soát và đánh giá thường xuyên việc đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR; Ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học; Đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác); Đánh giá và cải tiến một cách hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết kế và phát triển CTDH đáp ứng CĐR CTĐT và nhu cầu xã hội. Do đó, hoạt động thu thập, phân tích thông tin phản hồi là một phần nội dung quan trọng của công tác nâng cao chất lượng đào tạo. TYD đã và đang thực hiện theo các nội dung được mô tả trong Chiến lược Đảm bảo chất lượng giáo dục của ĐHĐN đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 với mục tiêu hoàn thiện, củng cố và thúc đẩy phát triển tốt hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, xây dựng hệ thống giám sát chất lượng các CTĐT, giám sát chất lượng chuẩn đầu ra CTĐT, mức đạt CĐR của NH [H10.10.01.01]. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CĐR được thực hiện theo quy trình cụ thể, trong đó thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng một vai trò quan trọng. Hoạt động thu thập, phân tích thông tin phản hồi là một phần nội dung quan trọng của công tác nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động này được TYD tổ chức thông qua sự phối hợp của các đơn vị khác nhau trong nhà trường, mà Phòng ĐT&ĐBCL là đầu mối chịu trách nhiệm chính [H10.10.01.02]; [H10.10.01.03]. Việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thực hiện cùng với quy trình thiết kế và phát triển chương trình theo quy định của BGD&ĐT, ĐHĐN và TYD [H3.03.01.01]. Từ việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan, tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát, đối chiếu với yêu cầu của Bộ và sứ mạng, tầm nhìn của ĐHĐN cũng như TYD, Trường tiến hành đánh giá CTĐT, rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT.

Với mục tiêu đào tạo ra các SV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục và hội nhập giáo dục trên thế giới, CTDH được thiết kế dựa trên sự tham khảo các trường để có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện và sự phát triển của Việt Nam. CTDH cũng được điều chỉnh theo hướng coi trọng đào tạo năng lực và tạo sự thuận tiện cho NH [H1.01.01.04].

Trường đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà sử dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) [H10.10.01.04]. Để việc khảo sát được hiệu quả, Trường đã sử dụng quy trình khảo sát các bên liên quan để thu thập thông tin làm căn cứ cho việc xây dựng và phát triển CTDH [H10.10.01.05]. Hình thức lấy ý kiến thông qua hội nghị, hội thảo, phiếu khảo sát, link google form, phỏng vấn... [H10.10.01.06].

Theo thông tư hướng dẫn của BGD&ĐT, văn bản hướng dẫn rà soát và điều chỉnh CTĐT của ĐHĐN và TYD, định kỳ 2 năm một lần Trường thực hiện rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT [H10.10.01.07]; [H10.10.01.08]; [H10.10.01.09]. Để triển khai thực hiện, Trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT thông qua phiếu hỏi, phỏng vấn trực tiếp tại hội thảo, tọa đàm với nhà tuyển dụng, SV, cựu SV và GV [H10.10.01.10]; [H10.10.01.11]. Nội dung lấy ý kiến các bên liên quan tập trung: sự hài lòng của các bên liên quan đến chất lượng SV DH tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đánh giá về sự phù hợp của CDR và CTDH, nhu cầu của các bên liên quan về nguồn nhân lực cho lĩnh vực được [H10.10.01.12]. Những ý kiến này là cơ sở để xây dựng, cải tiến, điều chỉnh CTDH [H10.10.01.13].

Hàng năm, Trường cũng đã tổ chức thu thập dữ liệu về tình hình SV tốt nghiệp, việc làm của SV. Các dữ liệu về thông tin SV, địa chỉ liên hệ, địa chỉ E-mail, số điện thoại... được lưu tại Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng KH-HTPT&CTSV [H10.10.01.14]; [H10.10.01.15]; [H10.10.01.16]. Qua những thông tin này, Trường đánh giá lại quá trình đào tạo, cải tiến điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp nhằm giúp NH được trang bị những kiến thức, kỹ năng và năng lực cần thiết trước khi tốt nghiệp.

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn [H10.10.01.05], phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy [H10.10.01.04]; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả, cụ thể số lượng các bên liên quan tham gia đóng góp ý kiến được cụ thể trong các báo cáo khảo sát [H10.10.01.13].

Thực hiện theo đúng chủ trương cải tiến chất lượng đào tạo, giảng dạy, năm 2019, năm 2021, năm 2023 và năm 2024, Trường thực hiện điều chỉnh CTDH. Trong quá trình cập nhật điều chỉnh CTDH, Trường mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các viện nghiên cứu, các nhà tuyển dụng lao động, GV và cán bộ quản lý, sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan sử dụng làm căn cứ điều

chỉnh CTDH nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội [H10.10.01.17]; [H1.01.01.04].

Kết quả của các báo cáo khảo sát các bên liên quan là căn cứ để nhà trường có những điều chỉnh trong việc thiết kế CTĐT. Một số thay đổi trong CTDH được cụ thể hoá trong bảng sau:

STT	CTĐT năm	Ý kiến của bên liên quan	Điều chỉnh trong CTĐT
1	2019	<ul style="list-style-type: none"> - GV: + Tham khảo CTĐT của các trường khác để đề xuất khung CTĐT phù hợp + Kết cấu lại các học phần Nội, Ngoại, Sản, Nhi + Điều chỉnh các PLO 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tên các học phần, số tín chỉ cụ thể như biên bản họp rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật CTĐT. - Điều chỉnh mục tiêu CTĐT, điều chỉnh chuẩn đầu ra thành 11 PLO theo như biên bản họp tổ rà soát, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT ngành DH lần 2.
2	2021	<ul style="list-style-type: none"> - NTD: Tăng cường sự hợp tác giữa nhà trường và BV trong việc đào tạo và thực hành cho SV. - SV: cần cải tiến các học phần thực hành, tăng các nội dung thực hành tại phòng lab; kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm trong học tập, giao tiếp với bệnh nhân và người bệnh, tăng cường thời gian thực hành, nên tăng cường đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm, đánh giá toàn bộ quá trình học của SV. - GV: cần thiết phải tham khảo ý kiến nhà tuyển dụng để thiết kế CTDH phù hợp và thực tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung 29 PI tương ứng với 11 PLO. - Đánh giá SV qua 3 nội dung đánh giá chính là đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ, đa dạng thêm các hình thức đánh giá: thuyết trình, bài tập, thi chạy trạm - Chuyển đổi hình thức thi kết thúc học phần thành thi trắc nghiệm ở nhiều học phần như Nội bệnh lý 3, Tâm lý y học y đức, Sinh học và di truyền.... - Phân bổ hợp lý các thời gian thực hành tại phòng lab, thực hành BV, bố trí GV hỗ trợ quá trình thực tập lâm sàng của SV.
3	2023	<ul style="list-style-type: none"> - GV: gộp các HP lý thuyết và thực hành trong cùng 01 năm học lại thành 01 học phần; 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh tách, gộp một số HP, tên gọi của HP phù hợp với thực tiễn ví dụ các

STT	CTĐT năm	Ý kiến của bên liên quan	Điều chỉnh trong CTĐT
		<p>chia nhỏ HP Tiên lâm sàng; điều chỉnh HP tiên quyết, HP học trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo: Điều chỉnh kế hoạch năm học để dành toàn bộ thời gian năm 6 đi lâm sàng 4 chuyên khoa. - SV: tăng giờ học thực hành. - NTD: cải thiện các kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho SV. 	<p>học phần Nội bệnh lý; Ngoại cơ sở; Ngoại bệnh lý; Phụ sản; Nhi Trường; Tiên lâm sàng, Gây mê hồi sức...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đổi tên các HP "định hướng cơ bản chuyên khoa" thành HP "định hướng" - Điều chỉnh HP tiên quyết, HP học trước. - Điều chỉnh kế hoạch học tập toàn khoá để phù hợp với HP học trước, HP tiên quyết đã điều chỉnh. - Điều chỉnh các HP từ kiến thức giáo dục đại cương - Kiến thức cơ sở khối ngành sức khoẻ sang kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - kiến thức cơ sở ngành: Phương pháp NCKH, dân số - Truyền thông giáo dục sức khoẻ, Sinh học và di truyền...
4	2024	<ul style="list-style-type: none"> - SV: CTĐT cần được bổ sung kiến thức về kỹ năng giao tiếp trong môi trường bệnh viện, các quy định, chính sách của nhà nước đối với hành nghề y; CTĐT cần kết hợp hài hoà giữa việc học lý thuyết và lâm sàng; nên tham khảo, đối sánh CTĐT của các trường y khác; cần tăng các nội dung thực hành, thời gian để thực hành các kỹ năng, kỹ thuật. - SV đã tốt nghiệp: Bổ sung kiến thức về các môn nền tảng 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh thứ tự, câu từ của các PLO để phù hợp hơn. - Điều chỉnh cập nhật đối sánh với các trường Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (2022), Đại học Y Cần Thơ (2023), Khoa Y – Đại học Chiang Mai - Thái Lan (2023). - Cập nhật mức độ đóng góp của từng học phần vào CDR và các học phần cốt lõi. - Một số học phần điều chỉnh từ lý thuyết sang vừa

STT	CTĐT năm	Ý kiến của bên liên quan	Điều chỉnh trong CTĐT
		<p>Nội, Ngoại khoa; tăng cường mô phỏng, thực hành lâm sàng; cắt giảm tối đa các học phần ít phục vụ cho đào tạo thực hành khám chữa bệnh.</p> <p>- NTD: cần tăng thời gian thực hành, đặc biệt là chuyên ngành Ung thư; cần nâng cao năng lực ngoại ngữ và các kỹ năng mềm; tạo điều kiện cho sinh viên thực hành nhiều hơn dưới sự hướng dẫn của giảng viên và nhân viên y tế.</p>	<p>lý thuyết vừa thực hành: Phương pháp nghiên cứu khoa học, Thống kê y học.</p> <p>- Các học phần tự chọn được điều chỉnh từ 4TC(1LT,3TH) thành 4TC(0LT,4TH) nhằm tăng thời gian thực tập tại Bệnh viện.</p> <p>- Thay đổi, bổ sung học phần tiên quyết, học phần học trước cho các học phần: Giải phẫu bệnh, Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp, Nội bệnh lý 2, Nội bệnh lý 3, Nội bệnh lý 4, Ngoại bệnh lý 2, Ngoại bệnh lý 3, Ngoại bệnh lý 4, Phụ sản 2, Phụ sản 3, Phụ sản 4, Nhi khoa 2, Nhi khoa 3, Nhi khoa 4.</p> <p>- Cập nhật đề cương chi tiết toàn bộ các học phần theo mẫu năm 2024.</p>

2. Điểm mạnh

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả cho việc thiết kế CTĐT;

- Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành đối với nhiều đối tượng, đa dạng các hình thức khảo sát. Kết quả khảo sát các bên liên quan đã được sử dụng hiệu quả để cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tham gia khảo sát về CTĐT ngành Dược học chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường tăng cường mối liên hệ với các nhà tuyển dụng, duy trì liên lạc với cựu sinh viên bằng nhiều giải pháp khác nhau nhằm tăng số lượng nhà tuyển dụng và cựu sinh viên tham gia khảo sát về CTDH	Khoa Dược Phòng ĐT&ĐBCL Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan, phát huy các phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy. - Cải tiến và thực hiện đa dạng hóa các phương thức và nội dung thông tin thu thập.	Khoa Dược Các Phòng chức năng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Thông tư Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT, Hướng dẫn TĐG, ĐGN CTĐT của cục quản lý chất lượng, ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định của Giám đốc ĐHQĐ đã ban hành Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng, với nhiệm vụ triển khai TĐG CTĐT ngành DH theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT [H10.10.02.01]; [H10.10.02.02]; [H10.10.02.03]; [H10.10.02.04]. Theo đó, để đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội, cũng như nhu cầu của NH, thông qua kết quả thu thập các thông tin từ chuyên gia, nhà quản lý, tài liệu, đối tượng tham gia biên soạn sách giáo trình, các văn bản quy định của

BGD&ĐT và theo hoạt động thực tiễn, TYD đã xây dựng quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp [H1.01.01.09]; [H10.10.02.05]; [H10.10.02.06]; [H10.10.02.07]; [H10.10.02.08]; [H10.10.02.09]. Nhà trường phân công Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị chủ trì rà soát quy trình thiết kế, quy trình đánh giá CTDH của Trường [H1.01.01.09]; [H10.10.02.07]; [H10.10.02.10]. Phòng ĐT&ĐBCL tổ chức họp với các Bộ môn để tiếp thu ý kiến đóng góp về việc thiết kế và phát triển CTDH của Trường [H1.01.01.09]. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ môn và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Phòng ĐT&ĐBCL tham mưu để BGH nhà trường điều chỉnh thiết kế và phát triển CTDH trong Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT của Trường [H1.01.01.09]; [H10.10.02.11]; [H10.10.02.12]. Bên cạnh đó, hằng năm Nhà trường đều thực hiện các khảo sát, thu thập ý kiến đóng góp của cán bộ giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng về CTDH Ngành Dược học TYD để hoàn thiện hơn [H1.01.01.10]. Văn bản về Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá CTDH được ban hành từ tháng 12 năm 2021 [H3.03.01.01] đến nay trải qua các đợt khảo sát lấy ý kiến về thay đổi quy trình chưa nhận được thêm các ý kiến góp ý thay đổi, chỉnh sửa từ các bên liên quan. Về cơ bản quy trình thiết kế và phát triển CTDH được áp dụng để phát triển CTĐT Ngành Dược học bao gồm các bước như sau: (1) Phân tích nhu cầu; (2) Xác định mục tiêu môn học; (3) Lập kế hoạch thiết kế, xây dựng CTDH; (4) Phê duyệt; (5) Triển khai thực hiện; (6) Rà soát, cải tiến, cập nhật; (7) Lưu hồ sơ.

TYD đã ban hành CĐR trình độ đại học các ngành đào tạo của TYD, Quy trình biên soạn, thẩm định, lựa chọn và sử dụng giáo trình tại TYD, Quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo năm học tại TYD, Quy trình khảo sát các bên liên quan nhằm phát triển hiệu quả hơn CTDH [H1.01.01.04]; [H10.10.02.11]; [H10.10.02.13]. Sau khi ban hành các Quy trình, căn cứ vào kế hoạch và hướng dẫn của ĐHĐN và của TYD, nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến khảo sát các đơn vị liên quan để đánh giá, cải tiến quy trình phù hợp với tình hình thực tế của Trường nhằm kịp thời điều chỉnh, cập nhật và phát triển CTDH [H10.10.02.04]; [H10.10.02.11]; [H10.10.02.14]. Đồng thời nhà trường đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật CTĐT, CĐR và hoạt động giảng dạy của GV [H1.01.01.09]; [H10.10.02.15]; [H10.10.02.16]. Dựa trên cơ sở các ý kiến phản hồi của các bên cũng như các cuộc họp của BGH nhà trường, đã điều chỉnh và cập nhật một số nội dung trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH như trong xây dựng CTDH, nội dung dạy học đã thay đổi số lượng HP, phân bổ lại số tiết giảng dạy và tăng cường số tiết cho những HP thực hành chuyên ngành nhằm nâng cao kỹ năng lâm sàng, bổ sung thêm HP thuộc khối kiến thức hỗ trợ để trang bị và rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng nghề cho SV, thay đổi phương pháp giảng dạy phù hợp với tình hình thực tế [H1.01.01.04]; [H1.01.01.09], điều chỉnh CĐR của CTĐT và xây dựng Bản mô tả CTĐT, ĐCCT HP [H1.01.01.09]; [H10.10.02.17]; [H10.10.02.18].

Đặc biệt, nhà trường đã tập trung hơn vào việc phân tích nhu cầu xã hội, điều này thể hiện qua Bảng thống kê nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị [H10.10.02.19]. Những

nội dung trên cho thấy, Trường đã có những bước cải tiến các nội dung trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH để trở nên phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

2. Điểm mạnh

- Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Bộ môn và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, TYD đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CDR, CTĐT, ĐCCT, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh.

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành và hướng dẫn cụ thể, phù hợp với quy định của BGD&ĐT và có cải tiến để phù hợp với tình hình thực tiễn tại Trường.

- Khi ban hành quy trình mới, nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

- Chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi một cách cụ thể từ các chuyên gia, hầu hết đều dừng lại ở mức tổng quát.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các Hội thảo về phát triển CTĐT để lấy ý kiến phản hồi cụ thể từ các chuyên gia	Phòng KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với từng hoàn cảnh và giai đoạn	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình triển khai nội dung của CTDH, việc tổ chức dạy học và KT&ĐG KQHT là những bước quan trọng. KT&ĐG KQHT không chỉ phản ánh năng lực học tập của SV, mà còn phản ánh hiệu quả phương pháp giảng dạy của GV, từ đó có những điều chỉnh phù hợp để giúp đạt được CDR học phần cũng như CDR CTĐT. Nhằm mục đích đảm bảo thực hiện CDR, TYD đã áp dụng hệ thống các quy trình để rà soát quá trình tổ

chức dạy học và KTĐG phù hợp với các quy định của BGD&ĐT và ĐHĐN [H10.10.03.01]. Hàng năm, nhà trường ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT nhằm thực hiện điều chỉnh CTĐT trong trường hợp cần thiết để đảm bảo người học có thể đạt được các CĐR của CTĐT [H10.10.01.11].

Việc quản lý quá trình dạy học được Trường giao cho Phòng ĐT&ĐBCL làm đầu mối chính, có sự phân công cán bộ quản lý mỗi học kỳ cũng như sử dụng sổ đầu bài và phần mềm ĐT để theo dõi sát sao, đảm bảo sự nghiêm túc của cả GV và SV trong quá trình dạy và học tập. Trường sử dụng phần mềm quản lý trực tuyến dành cho GV [H10.10.03.02] để cập nhật liên tục tiến trình dạy học lên hệ thống quản lý đào tạo (<https://daotao.smp.udn.vn>). Qua đó, mỗi GV tự kiểm soát và điều chỉnh kịp thời tiến độ giảng dạy của mình sao cho phù hợp. Đồng thời, đây cũng là công cụ để các tổ chức năng theo dõi, giám sát GV đảm bảo thực hiện đầy đủ khối lượng và tiến độ giảng dạy theo kế hoạch [H10.10.03.03] (điều chỉnh). Bên cạnh đó, sổ đầu bài cũng là một phương tiện truyền thống để theo dõi số giờ giảng dạy của GV [H10.10.03.04] (điều chỉnh). Sổ đầu bài đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát nội dung giảng dạy của tất cả các học phần. Cuối mỗi học kỳ, dựa trên các thông tin (về thời gian, nội dung, và tình hình lớp học) được ghi nhận trong sổ, Bộ môn và nhà trường sẽ so sánh tình hình giảng dạy thực tế của từng học phần với kế hoạch đã được phê duyệt trong đề cương, từ đó đưa ra những nhắc nhở và điều chỉnh cần thiết.

Việc KTĐG kết quả học tập của SV được quy định rõ trong ĐCCT, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần KTĐG. Các lần KTĐG trong một học kỳ bao gồm: chuyên cần, thái độ học tập, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.05] (điều chỉnh). Để tổ chức đảm bảo chất lượng dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo tính tương thích với CĐR môn học và CTĐT, Trường dựa vào Quy chế đào tạo của BGD&ĐT, ĐHĐN và Trường ban hành năm 2019 [H10.10.03.06]. Ngoài ra, để đáp ứng với tình hình dịch Covid-19, Trường cũng chuyển đổi hình thức thi trực tiếp thành trực tuyến và đã ban hành quy định về tổ chức KTĐG trực tuyến [H10.10.03.07]. Về hoạt động KTĐG người học, các ma trận và đáp án của đề đều được GV xây dựng theo nội dung cấu trúc trong ĐCCT và được phê duyệt bởi Bộ môn [H10.10.03.08] (điều chỉnh). Đây là cơ sở để đánh giá các hoạt động KTĐG gắn liền với mục đích đo mức độ đạt được CĐR HP như đã thiết kế và công bố. Bên cạnh đó, việc tổ chức hoạt động KTĐG còn được tổ chức, giám sát bởi Phòng ĐT&ĐBCL nhằm đảm bảo thực hiện KTĐG theo đúng kế hoạch [H10.10.01.03].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động KTĐG và tiến tới đánh giá người học theo năng lực, các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được rà soát, điều chỉnh dựa trên CĐR của học phần và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần đó. Mục đích của việc thiết kế là để chuẩn hóa hoạt động KTĐG KQHT, đảm bảo đánh giá chính xác, công

bằng và phù hợp với mục tiêu đào tạo, góp phần chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giảng dạy; đồng thời giúp người học chủ động lập kế hoạch học tập có chiến lược và phương pháp, đáp ứng CDR của HP [H10.10.03.09] (điều chỉnh). ĐCCT môn học được rà soát, điều chỉnh theo các phiên bản CTĐT nhằm cập nhật những thông tin về nội dung môn học, trọng số đánh giá, phương pháp dạy học, danh mục tài liệu tham khảo hay cách thức đánh giá quá trình hoặc hình thức kiểm tra KTHP. Hàng năm, các ĐCCT nếu cần điều chỉnh, nhóm giảng viên giảng dạy sẽ đề xuất với Bộ môn, Bộ môn sẽ báo cáo rà soát, đề xuất chỉnh sửa vào các đợt rà soát, cập nhật CTĐT theo quy định. Mọi chỉnh sửa về ĐCCT, CTĐT đều dựa trên ý kiến đóng góp các bên liên quan và thông qua hội đồng rà soát CTĐT [H10.10.01.17] (điều chỉnh). Định kỳ với việc rà soát, chỉnh sửa CTĐT, Trường cũng có báo cáo thẩm định sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy - học, đánh giá kết quả học tập với CDR [H10.10.03.10] (điều chỉnh). Hàng năm, Trường tổ chức định kỳ họp rà soát, đánh giá quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của SV cấp bộ môn và cấp trường, tham gia xét học vụ theo quy định của trường [H10.10.03.11]; [H10.10.03.12].

Ngoài ra, SV cũng được tham gia vào việc giám sát quá trình dạy học và hoạt động KTĐG của GV bằng cách phản hồi ý kiến dưới nhiều hình thức khác nhau (trao đổi trực tiếp với GV phụ trách, GV CVHT, trả lời phiếu khảo sát, góp ý qua buổi đối thoại giữa BGH với SV) và phúc khảo bài thi khi phát hiện có sự không phù hợp giữa hoạt động thực tế với kế hoạch dạy và học, kế hoạch kiểm tra đánh giá, rubric và đáp án đã được công khai. Trường đã ban hành quy trình khảo sát các bên liên quan, kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan hàng năm, xây dựng các phiếu khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động KTĐG kết quả học tập của GV [H10.01.01.05]; [H10.01.01.04]; [H10.10.03.13]; [H10.10.03.14]. Kết quả thu được khi khảo sát sinh viên ngành Dược học cho thấy, chất lượng giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả tốt và được sinh viên đánh giá cao, cụ thể: trong năm học 2023-2024, có 75,86% sinh viên được khảo sát đồng ý về việc thực hiện quy chế giảng dạy và tác phong sư phạm của giảng viên; 71,69% đồng ý về nội dung giảng dạy; 65,8% sinh viên đồng ý với phương pháp và phương tiện giảng dạy của giảng viên; 84,% đồng ý với kế hoạch thi, kiểm tra, đánh giá; 84,4% đồng ý với cơ sở vật chất phục vụ thi; 78,5% đồng ý với đề thi; 65,% đồng ý với công tác coi thi; 75,6% đồng ý với nội dung chấm thi; 71,4% đồng ý với nội dung phản hồi kết quả [H10.10.03.15]; [H10.10.03.16]. Với hệ thống giám sát chặt chẽ, có sự tham gia của nhiều thành phần và được rà soát hàng kỳ mà tiến trình dạy học cũng như hoạt động KTĐG của trường diễn ra một cách đồng bộ và nhận được phản hồi tích cực của SV. Hàng kỳ, hàng năm, sau khi có kết quả KTĐG các HP của SV và kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động KTĐG, Phòng ĐT&ĐBCL cũng tổ chức họp, báo cáo kết quả công tác tổ chức thi KTHP [H5.05.01.12]. Công tác CVHT được nhà trường chú trọng thực hiện đặc biệt quan tâm đến việc theo dõi tình hình

KQHT của SV từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập sao cho phù hợp [H5.05.04.07] (điều chỉnh).

Thực hiện Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, Nhà trường đã triển khai thực hiện đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của người học theo. Cụ thể, cùng với việc chỉnh sửa CTĐT, Trường đã ban hành các Quy định đo lường đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, Quyết định về việc ban hành danh sách học phần dùng để đánh giá CDR CTĐT của Trường, Kế hoạch tổ chức đánh giá mức độ đạt CDR CTĐT của người học [H10.10.03.17] (điều chỉnh) và báo cáo kết quả, đề xuất kiến nghị phù hợp theo từng năm học [H10.10.03.18].

2. Điểm mạnh

- Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH được nhà trường chú trọng quan tâm, thực hiện thường xuyên theo các quy định của ĐHDN và của trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của ngành Dược học. Trường có tổ chức họp tổng kết, rà soát hoạt động KTĐG và tổ chức thi KTHP từng kỳ học, năm học.

- CTĐT, phương pháp dạy học và KTĐG đảm bảo tương thích với các CDR đã cải tiến.

3. Điểm tồn tại

- Trường Y Dược chưa tổ chức nhiều các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	TYD cần xây dựng kế hoạch và hằng năm tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì sự phối hợp đồng bộ và đa dạng các hình thức KTĐG của GV. - Duy trì việc tổ chức khảo sát ý kiến SV, tổ chức các buổi đối thoại	Các phòng chức năng Khoa Dược, bộ môn	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		- Duy trì việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP, CTĐT			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng

Một trong số các tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Đại học chính là NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ. Nhận thức được điều đó, ĐHQĐN đã ban hành chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ (KH&CN). Theo đó, TYD đã xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN nhằm nâng cao chất lượng NCKH, xem đây là động lực then chốt để phát triển giáo dục một cách toàn diện và cụ thể là ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học [H10.10.04.01]. Điều này được thể hiện rõ qua thông qua việc ban hành các quy định và chính sách khuyến khích liên quan đến hoạt động NCKH của GV và SV [H10.10.04.02]; [H10.10.04.03]; [H10.10.04.04]; [H10.10.04.05]; [H10.10.04.06].

Với nhiệm vụ được giao trong chiến lược phát triển KH&CN và tinh thần cống hiến cho giáo dục, đội ngũ cán bộ, GV của TYD đã thực hiện rất nhiều đề tài NCKH, xuất bản sách hay chủ trì các dự án Khoa học công nghệ và mang lại những kết quả đáng kể trong thời gian vừa qua từ đề tài cấp cơ sở cho đến cấp ĐHQĐN, từ các bài báo công bố trong nước cho đến các bài báo công bố Quốc tế hay từ các dự án các cấp được nghiệm thu [H10.10.04.07]; [H10.10.04.08]. Các đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm đều bắt nguồn từ các vấn đề nảy sinh trong quá trình dạy và học, kết quả đạt được đã đóng góp trực tiếp vào việc cải tiến việc dạy và học tại TYD [H10.10.04.09]. Trong các buổi giảng dạy lý thuyết hay cả thực hành thì kết quả NCKH của GV đều được lồng ghép vào để cập nhật kiến thức chuyên ngành mới nhất đến NH, sử dụng kết quả NCKH của GV nhằm cải tiến và thúc đẩy nâng cao chất lượng dạy học [H10.10.04.10] (điều chỉnh). Ngoài ra, các bài báo NCKH trong và ngoài nước đã được công bố còn được dùng làm tài liệu tham khảo bổ sung cho SV nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như hiểu biết về kỹ năng NCKH [H10.10.04.11] (bổ sung). Bên cạnh đó, sáng kiến ứng dụng mã nguồn mở Moodle tổ chức thi KTHP hình thức trắc nghiệm trên máy tại Trường cũng được đưa vào ứng dụng nhằm cải tiến hoạt động KTĐG học tập của SV [H10.10.04.12].

Để thúc đẩy phong trào NCKH và nâng cao chất lượng của các hoạt động KH&CN, TYD thường xuyên tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, Seminar để phổ biến các kết quả NCKH, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng lâm sàng mới nhất đến GV và SV toàn bộ Trường [H10.10.04.13]. Bên cạnh đó, không chỉ hướng đến đối tượng GV mà SV

còn được khuyến khích tham gia NCKH và đặc biệt là tham gia vào các cuộc thi NCKH các cấp để nâng cao năng lực NCKH cũng như một số kỹ năng cần thiết cho bản thân trong học tập như: kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng giao tiếp, tuy duy, phản biện; kỹ năng thuyết trình và viết báo cáo khoa học [H10.10.04.14]; [H10.10.04.15]; [H10.10.04.16]; [H10.10.04.17] (điều chỉnh).

Nhờ vào chính sách truyền thông NCKH của Nhà trường luôn được duy trì và thúc đẩy như vậy, các NCKH ngày càng được nâng cao về giá trị và ý nghĩa nên số lượng các đề tài NCKH của GV cũng như của sinh viên TYD ngày càng tăng qua hằng năm cả về số lượng lẫn chất lượng [H10.10.04.18]. Tính đến thời điểm hiện tại, sinh viên TYD đã có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế [H10.10.04.19]. Bên cạnh đó, đã có nhiều sinh viên TYD đạt giải cao trong các cuộc thi NCKH do Nhà trường, ĐHĐN, thành phố cũng như Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức [H10.10.04.20] (điều chỉnh). Những điều này đã góp phần thể hiện rõ hiệu quả của việc ứng dụng các kết quả NCKH vào cải tiến chất lượng dạy và học, đồng thời thúc đẩy tinh thần NCKH của GV, sinh viên TYD.

2. Điểm mạnh

- Các kết quả NCKH đã được áp dụng vào quá trình dạy và học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Hoạt động NCKH trong GV và SV luôn được khuyến khích và ngày càng được đẩy mạnh.

- Từ năm học 2022 - 2023 TYD tăng cường thúc đẩy hợp tác Quốc tế với các chuyên gia nước ngoài tổ chức các Seminar hằng tháng, Hội thảo khoa học Quốc tế.

- Nhà trường luôn khuyến khích, thúc đẩy việc tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật dành cho SV ngành Dược học, cũng như các ngành khác của Trường.

- SV TYD đạt được nhiều giải cao trong các cuộc thi NCKH dành cho SV.

3. Điểm tồn tại

- Việc ứng dụng vào thực tiễn các đề tài NCKH của GV còn chưa đồng bộ.

- Số lượng đề tài NCKH do GV TYD thực hiện được chưa tương xứng với tiềm năng do CSVC, trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho NCKH của Trường còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Đưa ra Quy định về định hướng nghiên cứu của GV phải phù hợp với chuyên ngành và có thể áp dụng vào quá trình dạy và học.	Phòng KH-HTPT&CTS V, HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		- Cải tiến, đề xuất trang bị bổ sung các thiết bị, máy móc, hoá chất, chế phẩm phục vụ cho công tác NCKH cũng như giảng dạy			
2	Phát huy điểm mạnh	- Thúc đẩy tổ chức các Seminar, Hội thảo khoa học, học thuật nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. - Thúc đẩy phong trào nghiên cứu Trường học trong GV và sinh viên bằng nhiều chính sách khen thưởng	Bộ môn Phòng KH- HTPT&CTS V, HC-TH	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Trong quá trình phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo thì vai trò của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đóng vai trò quan trọng, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho NH trong quá trình học tập và rèn luyện tại TYD. Việc đánh giá và cải tiến các nhân tố này đã được Trường đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm góp phần vào “**Chiến lược đảm bảo chất lượng giáo dục Đại học Đà Nẵng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035**” [H10.10.05.01]. Nhà trường đã ban hành kế hoạch hàng năm lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các đối tượng là SV, cựu SV và GV nhằm đánh giá mức độ đáp ứng của các tiện ích và dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.22]. Căn cứ vào các kết quả khảo sát hàng năm, Trường tiến hành phân tích hiện trạng và khả năng đáp ứng nhu cầu của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đối với hoạt động đào tạo [H7.07.01.06]; [H10.10.05.02]. TYD duy trì việc rà soát thường xuyên, đầu tư, cải tiến hệ thống CSVC, sửa chữa các trang thiết bị phòng thí nghiệm, phòng thực hành và tăng cường các hoạt động hỗ trợ NH nhằm đáp ứng và phát triển CTDH. Hàng năm, Trường đều tiến hành kiểm kê tài sản cố định và lên kế hoạch sửa chữa, mua sắm trang thiết bị mới để phục vụ cho việc dạy và học tối ưu

nhất.[H8.08.05.06]; [H9.09.01.01]; [H9.09.01.02]; [H9.09.01.03]; [H9.09.01.04]; [H9.09.01.05]; [H10.10.05.03]; [H10.10.05.04]; [H10.10.05.05]

Sau khi thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, TYD đã thực hiện các biện pháp cải tiến. Trường đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng tòa nhà thí nghiệm, thực hành, đây được xem là một bước tiến lớn trong việc nâng cao chất lượng về CSVC và tiện ích cho CTDH. Từ đó, Trường đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm TN&TLS và Quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị này nhằm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Trung tâm đạt hiệu quả cao nhất [H10.10.05.06]; [H10.10.05.07]; [H10.10.05.08]; [H10.10.05.09].

Về Thư viện, nhà trường đã bố trí thư viện và phòng đọc ở một không gian yên tĩnh và thoáng đãng, bao gồm rất nhiều đầu sách từ giáo trình, tài liệu tham khảo cho đến các tạp chí NCKH; phòng đọc được phủ sóng wifi tốc độ cao. Để đa dạng và phong phú nguồn tài liệu, Trường luôn có kế hoạch đầu tư và trích ngân sách cho việc cập nhật thêm nhiều nguồn tài liệu mới nhằm giúp cho người học được tiếp thu với kiến thức hiện đại mới nhất từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Các nguồn tài liệu mở online cũng được Trường chú trọng đầu tư và phát triển. Vào đầu mỗi năm học, Trường có tổ chức giới thiệu Thư viện trong tuần sinh hoạt công dân để sinh viên biết được quy định và hướng dẫn cách sử dụng, đăng nhập vào hệ thống Thư viện cũng như chia sẻ tài liệu hướng dẫn cho sinh viên tham khảo. Trang thông tin Thư viện điện tử Primo của Trường http://libs.udn.vn/primo_library/libweb/action/search.do?vid=lyd được kết nối hệ thống biên mục Aleph hỗ trợ bạn đọc tìm kiếm thông tin tài liệu, bài giảng, khoá luận tốt nghiệp, đề tài NCKH. Đặc biệt, TYD có hệ thống thư viện trực tuyến, là thành viên của hệ thống thư viện ĐHQĐ ALNET, SV có thể tra cứu nguồn tài liệu của tất cả các trường đại học thành viên. Đây là một nguồn dữ liệu thông tin khổng lồ, đa lĩnh vực mà SV có thể truy cập sử dụng bất cứ lúc nào. Ngoài ra, Trường còn liên kết với Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ (Thư viện ĐHY Dược Cần Thơ) Trường Đại học Y - Dược Huế (Thư viện trường đại học Y Dược Huế) để mở rộng nguồn học liệu, giúp GV, SV có thêm nguồn tài liệu tham khảo phong phú, dễ dàng truy cập dữ liệu mọi lúc mọi nơi, bên cạnh các nguồn liên kết học liệu trên Trường có trang truy cập các bài báo tạp chí nước ngoài Proquest Central (<http://lhtv.vista.vn>). [H10.10.05.10]; [H10.10.05.11]; [H10.10.05.12]; [H10.10.05.13];.

Về hệ thống CNTT, Trường chú trọng xây dựng hệ thống CNTT để quản lý và phục vụ hoạt động dạy và học bằng việc Phòng KH-HTPT&CTSV thường xuyên tổ chức tập huấn và chuyển giao công nghệ cho các phòng ban, GV và SV để sử dụng hiệu quả tối ưu hệ thống CNTT của nhà trường [H10.10.05.14]; [H10.10.05.15]; [H10.10.05.16]; [H10.10.05.17]. Các phòng thực hành tin học và văn phòng làm việc của Trường đều được trang bị máy tính, máy in cấu hình đồng bộ và kết nối mạng internet tốc độ cao [H10.10.05.18]. Về phòng thí nghiệm và thực hành, Trường luôn có chủ trương đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống các phòng thí nghiệm và phòng thực hành

nhằm nâng cao khả năng nghiên cứu và kỹ năng tiền lâm sàng cho SV [H8.08.05.06]; [H9.09.01.01]; [H10.10.05.09]; [H10.10.05.19]; [H10.10.05.20]. Đây là bước đệm vững chắc cho SV trước những kỳ thực tập chính thức tại các BV, các cơ sở thực hành nghiên cứu. Do đó mà, Phòng thí nghiệm và phòng thực hành luôn được nâng cấp, chú trọng việc bổ sung trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập hiệu quả nhất [H10.10.05.09]; [H10.10.05.19]; [H10.10.05.20]. Bên cạnh đó, công tác chăm sóc sức khỏe cho GV và SV cũng được quan tâm. Điều này thể hiện qua việc TYD đã thành lập Tổ y tế học đường nhằm xử trí những tình huống xấu liên quan đến sức khỏe của SV, cán bộ GV tại Trường [H10.10.05.20]; [H10.10.05.21]. Các công tác khác như đối thoại SV với Nhà trường, họp lớp chủ nhiệm cũng được duy trì thường xuyên nhằm nắm bắt tư tưởng, nguyện vọng của SV hay những vướng mắc, khó khăn còn tồn tại của Trường; hay các hoạt động ngoại khóa, đoàn thể ngày càng được tổ chức nhiều hơn để giúp cho SV có thể rèn luyện, nâng cao kỹ năng mềm cho bản thân. Tất cả điều đó đã góp phần chung vào việc cải thiện chất lượng đào tạo tại TYD [H2.02.03.02]; [H5.05.04.07].

2. Điểm mạnh

- TYD đã chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

- Hằng năm, Phòng KH-HTPT&CTSV phối hợp với các Phòng chức năng, đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của nhà trường để xác định các nội dung cần khắc phục, có kế hoạch, biện pháp cải tiến chất lượng và thực hiện tối ưu.

- TYD đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn tài liệu tham khảo của ngành Dược chưa đa dạng.

- Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dùng về mức độ đáp ứng hỗ trợ, dịch vụ và tiện ích của Trường chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo của ngành Dược	Khoa Dược, Bộ môn Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên thu thập thông tin phản hồi	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.			

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi của các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của NH và xã hội. Vì vậy TYD luôn chú trọng hoạt động khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan và đã triển khai xuyên suốt trong thời gian qua. Cụ thể, thông tin phản hồi được Trường triển khai thu thập dưới nhiều hình thức khác nhau như: Ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thu thập thường niên thông qua các bảng câu hỏi trên phiếu khảo sát giấy hoặc sử dụng các nền tảng trực tuyến [H10.10.06.01]; [H10.10.06.02]; [H10.10.06.03]; ngoài ra Trường còn tiếp nhận ý kiến phản hồi của SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp [H5.05.04.07], qua các tiết học và các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo Trường, các Trưởng phòng chức năng [H2.02.03.02]; ý kiến phản hồi của cán bộ GV cũng được thu thập thông qua các cuộc họp [H10.10.01.17], Hội nghị cán bộ viên chức được tổ chức thường niên [H10.10.06.04] hoặc các văn bản góp ý [H10.10.06.05]; các NTD cũng có thể gửi văn bản góp ý đến cho Trường theo đường công văn [H10.10.02.15].

Để hoạt động thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan được triển khai một cách có hệ thống, vào năm 2021, Trường ban hành Quy trình khảo sát các bên liên quan [H10.10.01.05]. Trong đó những quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện được mô tả một cách cụ thể, rõ ràng với cơ chế phản hồi mang tính hệ thống, được phân công phụ trách phù hợp theo quy định chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận. Phòng ĐT&ĐBCL là đầu mối triển khai và giám sát hoạt động đánh giá chất lượng đào tạo của Trường thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan [H10.10.06.06].

Các đối tượng và hình thức phản hồi được hệ thống như mô tả trong bảng sau:

Bảng 10.6. Hình thức thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan

TT	Đối tượng	Loại thông tin cần phản hồi	Hình thức thu thập ý kiến phản hồi	Đơn vị thực hiện
1	Sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - Hoạt động giảng dạy của GV - Hoạt động KTĐG KQHT NH của GV - Chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục - Chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm - Chất lượng khóa học - Môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát trực tuyến qua Google form/ UniSurvey - Phiếu khảo sát giấy - Hội nghị đối thoại giữa sinh viên và Lãnh đạo Trường/ Các Phòng chức năng - Phản hồi thông qua giờ sinh hoạt lớp, giờ học 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Phòng KH-HTPT&CTSV
2	Cựu sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - Tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Khảo sát trực tuyến qua google form 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng KH-HTPT&CTSV
3	GV	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT - CSVC và chất lượng phục vụ - Môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe 	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu khảo sát giấy - Khảo sát trực tuyến qua google form - Các cuộc họp, Hội nghị cán bộ viên chức thường niên 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL - Phòng HC-TH
4	Nhà tuyển dụng	<ul style="list-style-type: none"> - CTĐT 	<ul style="list-style-type: none"> Phiếu khảo sát 	<ul style="list-style-type: none"> Phòng ĐT&ĐBCL

Đối với CTĐT Dược học, Phòng ĐT&ĐBCL đã phối hợp với Khoa Dược tiến hành một số hoạt động khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo quy trình và kế hoạch chung của nhà trường để làm căn cứ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học nhằm đáp ứng mục tiêu đào tạo [H1.01.01.04]. Các hoạt động khảo sát chủ yếu khảo sát ý kiến của NH về CTĐT, chất lượng khóa học, chất lượng giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương cho đến chuyên ngành, về hoạt động kiểm tra và đánh giá kết quả học tập NH của GV, về chất lượng phục vụ và hỗ trợ giáo dục, chất lượng hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm; bên cạnh đó việc

khảo sát ý kiến của NH về môi trường làm việc, an toàn, sức khỏe cũng được tiến hành [H10.10.06.01]. Trường cũng khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp cũng như khảo sát CTĐT trên đối tượng cựu SV [H10.10.06.02]. Ngoài ra, cán bộ GV và NTD cũng được lấy ý kiến về CTĐT thông qua Phiếu khảo sát và lấy ý kiến trực tiếp từ các cuộc họp [H10.10.01.17]; [H10.10.06.03]; [H10.10.06.08].

Về kết quả của các khảo sát, trước khi tốt nghiệp, Trường đều lấy ý kiến phản hồi của SV chuẩn bị tốt nghiệp về chất lượng khóa học bao gồm mục tiêu và nội dung CTĐT, hoạt động giảng dạy, tổ chức đào tạo và đánh giá và một số vấn đề khác. Với kết quả khảo sát của sinh viên RHM khóa gần đây (2019-2024) cho thấy đa số SV đồng thuận về mục tiêu và nội dung CTĐT với mức độ đồng ý trung bình đạt 69,2%. Điều này cho thấy các nội dung trong mục tiêu và CTĐT ngành RHM đều được đánh giá là rõ ràng, phù hợp, thể hiện được các yêu cầu về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và thái độ mà SV cần đạt được qua quá trình đào tạo. Về đội ngũ giảng viên, giáo trình tài liệu học tập, tổ chức đào tạo và kiểm tra đánh giá, cơ sở vật chất hay quản lý và phục vụ đào tạo, các nội dung khảo sát được đánh giá từ mức độ đồng ý trở lên trung bình đạt tương đương 80%. Phần lớn SV khóa này hài lòng về hoạt động giảng dạy cũng như các nội dung khác, tất cả các nội dung khảo sát đánh giá chung của SV về chất lượng khóa học được đánh giá từ mức độ đồng ý trở lên đạt tỉ lệ tương đối cao (trung bình 75,3%).

Sau quá trình khảo sát, Phòng ĐT&ĐBCL kết hợp các đơn vị phụ trách trực tiếp từng loại khảo sát để tổng hợp kết quả, từ đó đưa ra được các nội dung cần cải tiến trong năm học tiếp theo. Sau đó, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ báo cáo kết quả đến BGH và các đơn vị liên quan để phân tích và lập kế hoạch cải tiến tất cả mọi mặt của hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H10.10.06.07]. Đối với Bộ môn, kết quả khảo sát được dùng để điều chỉnh, phát triển CTĐT và CDR; Đối với GV, kết quả khảo sát là cơ sở để đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và KTĐG. Ví dụ cụ thể khi kết thúc năm học 2019-2020, GV góp ý điều chỉnh khung CTĐT cho phù hợp hơn, điều chỉnh các PLO. Trường đã thực hiện việc điều chỉnh tên các học phần, số tín chỉ, điều chỉnh mục tiêu, CDR thành 11 PLO theo biên bản họp rà soát, hoàn chỉnh và cập nhật CTĐT. Hoặc trong báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan ở năm học 2023-2024, SV ý kiến về CTĐT cần kết hợp hài hòa giữa việc học lý thuyết và lâm sàng, cần tăng các nội dung thực hành, thời gian để thực hành các kỹ năng, kỹ thuật. Nhà trường đã có những điều chỉnh đối với các học phần tự chọn từ 4 tín chỉ (1 lý thuyết, 3 thực hành) sang 4 tín chỉ (4 thực hành) nhằm tăng thời gian thực tập tại Bệnh viện theo kế hoạch cải tiến. Có thể thấy kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được sử dụng để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy - học một cách có hệ thống và liên tục. Bên cạnh đó, đối với các Phòng chức năng, kết quả khảo sát cũng là cơ sở điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích và đối với Trường, tất cả các kết quả từ việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được dùng để xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển Trường [H10.10.06.07].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được rà soát, đánh giá thường xuyên. Các bộ câu hỏi hầu hết được thiết kế xây dựng trên cơ sở tham khảo các khảo sát liên quan trong và ngoài nước, đảm bảo khách quan, công khai, đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo vì mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Hằng năm, Trường đều tiến hành rà soát và điều chỉnh hệ thống các bảng câu hỏi cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn sát hơn, nội dung và hình thức các câu hỏi được thiết kế theo hướng tinh gọn và phù hợp hơn. Bên cạnh đó, Trường cũng cải tiến hệ thống công cụ khảo sát, ngoài Phiếu giấy còn sử dụng các công cụ online như Google form, email, phần mềm Unistudent đã giúp việc khảo sát được gửi đi nhanh hơn và thuận tiện hơn, đồng thời giám sát được người tham gia khảo sát [H10.10.06.09]. Tính đến hiện tại, Phiếu khảo sát UniSurvey đã mang lại được nhiều tính năng hơn so với các phương thức cũ như: SV bắt buộc phải tự tham gia khảo sát bằng tài khoản Unistudent của mình, tăng tỉ lệ phản hồi của SV. Cuối cùng, kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng các bảng số liệu thuận tiện cho việc trích xuất, phân tích dữ liệu và đảm bảo tính hệ thống và chuẩn xác.

Theo quy trình ban hành, Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị đầu mối tổ chức tất cả các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Tuy nhiên để mang lại hiệu quả cao hơn, BGH đã thực hiện phân công cho các đơn vị tự chủ trì tổ chức các khảo sát liên quan đến lĩnh vực của mình. [H10.10.06.10] Theo đó, Phòng ĐT&ĐBCL sẽ khảo sát các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy; Phòng HC-TH phụ trách khảo sát về CSVC, chất lượng phục vụ hỗ trợ, môi trường làm việc; Phòng KH-HTPT&CTSV khảo sát về tình hình việc làm của SV tốt nghiệp; Phòng ĐT&ĐBCL vẫn nhận nhiệm vụ khảo sát về hoạt động KTĐG kết quả học tập, đồng thời là đơn vị phối hợp với các đơn vị khác trong tất cả các hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Cải tiến này đã đảm bảo các nội dung khảo sát có tính phù hợp, sát với công việc thực tế của đơn vị.

2. Điểm mạnh:

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá, phân tích, tổng hợp và cải tiến, là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội;
- Quy trình khảo sát, thông tin khảo sát có sự thay đổi và điều chỉnh theo tình hình của từng giai đoạn.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có các biện pháp hiệu quả để yêu cầu đối tượng SV thực hiện khảo sát đúng hạn hay các hoạt động để giúp cựu SV và NTD nhiệt tình tham gia đánh giá.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy định tham gia khảo sát đối với SV. - Tăng cường tổ chức hội thảo với NTD lao động và cựu SV để thu thập thông tin phản hồi đầy đủ hơn 	Khoa Dược Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức khảo sát hiện có. - Mở rộng, áp dụng CNTT nhiều hơn vào quá trình khảo sát 	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy, hoạt động nâng cao chất lượng CTĐT đã được TYD - ĐHĐN chú trọng trong đó có một số điểm nổi bật như các quy trình liên quan đến thiết kế và phát triển CTĐT đã được xây dựng và áp dụng, đồng thời có sự cải tiến qua các năm để phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như thông tin phản hồi của các bên liên quan chưa được phân tích một cách có hệ thống, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích có cải thiện nhưng chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của SV.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn 10: 5/6 tiêu chí đạt mức 5/7, 1/6 tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chất lượng đầu ra và SV tốt nghiệp là công cụ để đánh giá chất lượng của CTĐT. Để đánh giá chất lượng đầu ra và SV tốt nghiệp, TYD - ĐHĐN đã xây dựng hệ thống giám sát và công khai quy trình để các bên liên quan có căn cứ thực hiện. Kết quả đầu ra của CTĐT được cụ thể hóa bằng tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, hoạt NCKH của SV và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT, chất lượng đào tạo, CSVC và hệ thống phục vụ học tập cũng như nghiên cứu. Những dữ liệu thu được sẽ được phân tích và sử dụng để điều chỉnh và phát triển CTĐT theo hướng nâng cao chất lượng và cải tiến chương trình.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Kết quả quá trình học tập của SV là một trong những chỉ số quan trọng nhằm đánh giá được hiệu quả và chất lượng đào tạo. Để quản lý quá trình học tập của NH, Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp với Phòng KH-HTPT&CTSV để thống kê và theo dõi tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học của SV. Trường xây dựng hệ thống quản lý đào tạo qua các quy chế, quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, phần mềm/website quản lý đào tạo, kế hoạch và biểu mẫu xét tốt nghiệp, quy trình xử lý học vụ cho SV, quy trình rà soát, đánh giá KQHT để thu thập dữ liệu về SV đang theo học CTĐT [H11.11.01.01]; [H1.01.03.02]; [H2.02.01.03]; [H11.11.01.02]; [H11.11.01.03]; [H10.10.03.01]; [H11.11.01.04].

Hàng năm, Trường thống kê số lượng SV nghỉ học, tổng SV toàn khóa, SV tốt nghiệp để xác định tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn theo từng khóa học và làm căn cứ để phân tích, đánh giá tình hình học tập của SV. [H11.11.01.05](điều chỉnh); [H11.11.01.06](điều chỉnh); [H5.05.04.08]; [H5.05.04.09]; [H11.11.01.07](điều chỉnh); [H11.11.01.08].

Bảng 2.13. Thống kê tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (của 3 khoá đã tốt nghiệp)

Khóa	Tổng số SV	Số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn (5 năm)	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)	Số lượng SV chưa TN
2017- 2022	49	48	98	01
2018 - 2023	46	41	87	05
2019 - 2024	45	44	97,8	01

Bảng 2.14. Tỷ lệ sinh viên thôi học (của 5 năm gần đây)

Năm học	Tổng số sinh viên	Số lượng sinh viên thôi học					Tổng	Tỉ lệ (%)
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Năm 5		
2019-2020	156	3	4	1	0	0	8	5,13
2020-2021	200	0	2	2	1	0	5	2,50
2021-2022	235	6	2	0	0	1	9	3,83
2022-2023	222	2	1	0	0	0	3	1,35
2023-2024	217	3	0	0	0	0	3	9,09

Theo kết quả thống kê, tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (5 năm) chiếm trên 87% và mang tính chất ổn định. Số SV tốt nghiệp chậm hơn thời gian quy định chiếm tỷ lệ thấp. Từ các số liệu này, nhà Trường tìm hiểu, phân tích nguyên nhân để đề xuất các biện

pháp cải tiến chất lượng để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm tỉ lệ thôi học [H11.11.01.09].

Trường luôn giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV thông qua hệ thống CVHT, GVCN và có những biện pháp để hỗ trợ SV hoàn thành chương trình học như gặp gỡ trao đổi trực tiếp, duy trì họp lớp định kỳ [H11.11.01.10]; [H5.05.04.07]. Trường có tổ chức Hội nghị đối thoại sinh viên và BGH hằng năm để nắm được tình hình học tập của SV, tìm ra nguyên nhân SV thôi học và chậm tốt nghiệp [H2.02.03.02]. SV thôi học tại Trường có lý do phần lớn tập trung vào hoàn cảnh khó khăn, SV có những định hướng học tập khác. Những SV tốt nghiệp trễ là do chưa tích lũy đủ số TC, chưa đạt CDR ngoại ngữ theo quy định. Để khắc phục nguyên nhân tốt nghiệp trễ, Trường có phần mềm quản lý học tập của SV. Mỗi SV có một tài khoản riêng để dàng theo dõi các thông báo của Trường, KQHT của SV để kịp thời đảm bảo tiến độ học tập [H11.11.01.11]. Hằng năm, Trường phối hợp với Trường Đại học Ngoại Ngữ, ĐHQĐ thông báo nhiều đợt thi CDR ngoại ngữ trong năm để SV kịp nộp chứng chỉ đầu ra tốt nghiệp [H11.11.01.12]. Sau mỗi năm học, Trường luôn tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ khắc phục tình trạng thôi học, chậm tốt nghiệp [H11.11.01.09].

Hằng năm, Trường đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của CTĐT giữa các năm với nhau và giữa các CTĐT do Trường quản lý. Kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp giữa các năm tương đối đồng đều, còn tỉ lệ thôi học năm học 2020 - 2021 cao do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Các năm sau tỉ lệ thôi học giảm, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn cao là nhờ Trường đã áp dụng hệ thống TC linh hoạt, trong thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19, Trường đã triển khai hệ thống học tập trực tuyến nhằm đảm bảo tiến độ học tập cho SV kịp tốt nghiệp [H11.11.01.13]. Ngoài ra, Trường còn tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành Dược của Trường với Trường Đại học Dược Hà Nội. Kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành Dược của TYD - ĐHQĐ và Trường Đại học Dược Hà Nội trong những năm gần đây là tương đương nhau. Việc đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn với Trường khác cùng CTĐT, hình thức đào tạo làm căn cứ để đề xuất các điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Bảng 2.15. Bảng đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp với các ngành khác trong trường

Năm học	Ngành	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)	Tỉ lệ sinh viên thôi học/buộc thôi học
2019-2020	Y khoa	95,7	0,85
	Điều dưỡng	98	9,93
	Dược học	-	5,13
	Răng - Hàm - Mặt	-	1,39
2020-2021	Y khoa	95,6	1,32
	Điều dưỡng	85	7,2
	Dược học	-	2,5

Năm học	Ngành	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)	Tỉ lệ sinh viên thôi học/buộc thôi học
	Răng - Hàm - Mặt	-	1,55
2021-2022	Y khoa	96	1,4
	Điều dưỡng	79,3	2,88
	Dược học	98	3,83
	Răng - Hàm - Mặt	-	0,43
2022-2023	Y khoa	93,3	0,42
	Điều dưỡng	71,4	2,19
	Dược học	87	1,35
	Răng - Hàm - Mặt	100	1,1
2023-2024	Y khoa	97,2	1,4
	Điều dưỡng	94,4	1,37
	Dược học	97,8	1,84
	Răng - Hàm - Mặt	100	0,4
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	-	9,09

Bảng 2.16. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên ngành Dược tốt nghiệp đúng hạn với Trường khác

Khóa	Trường	Số lượng SV theo học	Số lượng SV tốt nghiệp đúng thời gian đào tạo chuẩn	Tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)
2017- 2022	TYD	49	48	98
	ĐH Dược Hà Nội	558	518	92,83
2018 - 2023	TYD	46	41	87
	ĐH Dược Hà Nội	424	421	98,31
2019 - 2024	TYD	45	44	97,8
	ĐH Dược Hà Nội	608	573	99,41

Trường đã tổ chức đa dạng hoạt động chào đón tân SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm giới thiệu cho SV nắm rõ CDR của CTĐT, quy chế đào tạo, cơ hội việc làm [H1.01.03.03]; [H11.11.01.15]. Từ đó SV nắm được tổng thể chương trình đang theo học, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Nhờ áp dụng đa dạng các hoạt động hỗ trợ SV nên tỉ lệ SV ngành DH của Trường tốt nghiệp đúng hạn ngày càng cao, tỉ lệ thôi học giảm đáng kể.

2. *Điểm mạnh:*

- Các CVHT, trợ lý đào tạo luôn duy trì sinh hoạt lớp thường xuyên để nắm bắt được tình hình học tập của lớp, báo cáo kịp thời để có hướng giải quyết cho SV.

- Trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học, tỉ lệ SV tốt nghiệp.

3. Điểm tồn tại:

- Công tác đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp thường được thực hiện vào năm cuối, do đó việc dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chưa hiệu quả trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, tin học theo quy định.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, GVCN nhắc nhở tiến độ học tập của SV, đặc biệt là tiêu chí về CDR vào mỗi thời điểm thống kê đánh giá tỷ lệ thôi học của các năm học. - Căn cứ vào tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng như đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao đam mê học tập, yêu nghề của SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, GVCN 	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý đào tạo và hệ thống GVCN. - Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án giúp giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp. - Có chính sách cho SV có hoàn cảnh khó khăn, trao học bổng cho SV có thành tích học tập đạt kết quả cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV - GVCN 	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian cần thiết cho SV hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Trường có bộ phận để theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học. Thời gian tốt nghiệp trung bình, KQHT trong từng học kỳ được Trường giao nhiệm vụ cho Phòng ĐT&ĐBCL là đầu mối phối hợp với Phòng KH-HTPT&CTSV theo dõi thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học hoặc nhiều khóa học trong CTĐT. Thời gian tốt nghiệp trung bình, KQHT trong từng kỳ được Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN giám sát [H10.10.02.10]; [H10.10.01.03]; [H4.04.02.05]. CVHT đôn đốc, tư vấn để SV cải tiến KQHT và tốt nghiệp đúng hạn. Bên cạnh đó, để giám sát quá trình học tập của SV, Trường ban hành quy trình giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01].

Thời gian học tại Trường của SV được thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và hệ chính quy theo hệ thống TC của BGD&ĐT [H11.11.01.01]. Từ năm 2017, TYD - ĐHDN bắt đầu đào tạo theo hệ thống TC. Thời gian đào tạo của SV ngành DH kéo dài trung bình 6 năm, thời gian tối đa là 10 năm [H1.01.03.02]. Hằng năm, Trường tiến hành xét tốt nghiệp để có cơ sở thống kê thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.01.05]; [H11.11.01.06]. Cụ thể, thông tin về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành DH trong 5 năm gần đây được thể hiện qua bảng [H11.11.02.02].

Bảng 2.17. Thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình (trong 5 năm gần đây)

Khóa học	Sinh viên tốt nghiệp	Sinh viên tốt nghiệp						Thời gian tốt nghiệp trung bình
	Số lượng	5,5 năm	6 năm	6,5 năm	7 năm	7,5 năm	9 năm	
2014-2020	69	0	66	0	3	0	0	6,04
2015-2021	135	0	129	4	1	0	1	6,04
2016-2022	100	0	96	1	2	1	0	6,04
2017-2023	177	0	168	5	4	0	0	6,04
2018-2024	104	0	104	0	0	0	0	6

Qua số liệu cho thấy đa số SV của ngành DH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn (6 năm). Hằng kỳ, Trường đã có kế hoạch đào tạo công khai để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Hằng năm, Trường đều tổ chức tổng kết/đánh giá KQHT, rèn luyện, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV để kịp thời tư vấn và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Vào đầu mỗi năm học, các lớp đều tổ chức đại hội lớp, chi đoàn, thông qua báo cáo tổng kết, phương hướng hoạt động năm học, các CVHT đưa ra những định hướng để hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Căn cứ tình hình học tập của từng SV, CVHT tư vấn cho SV đăng ký TC phù hợp và định hướng kế hoạch học tập cho từng SV, đặc biệt những SV bị cảnh báo học vụ.

Bên cạnh đó, tỉ lệ SV tốt nghiệp trễ hơn so với thời gian dự kiến vẫn còn tồn tại. Một số nguyên nhân khiến SV tốt nghiệp không đúng hạn như SV chưa tích lũy đủ CĐR về ngoại ngữ, một số SV có hoàn cảnh khó khăn. Để khắc phục nguyên nhân về CĐR, Trường phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN thông báo các đợt thi CĐR cho SV [H11.11.01.12]. Trên cơ sở tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến việc SV tốt nghiệp trễ hạn, Trường tiến hành đối sánh kết quả xếp loại đối với người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây để làm căn cứ cải tiến chất lượng đào tạo, nâng cao tỉ lệ SV đạt điểm khá, giỏi, đảm bảo người học tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.04]. Kết quả cho thấy cũng đã có những biến chuyển và giúp người học linh hoạt, chủ động hơn cho việc tốt nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận SV chưa tốt nghiệp đúng hạn. Tại Hội nghị cố vấn công tác giao ban GVCN và CVHT đã được bàn luận và đánh giá để có biện pháp cải tiến chất lượng học tập của SV [H11.11.01.10]. Sau mỗi năm học Trường tổ chức tổng kết đánh giá hiệu quả của những biện pháp hỗ trợ rút ngắn thời gian tốt nghiệp và đề xuất những biện pháp cho năm học tiếp theo [H11.11.01.09].

Hằng năm, Trường đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của CTĐT ngành DH giữa các năm với nhau và giữa các ngành trong trường. Kết quả đối sánh cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình giữa các năm của các ngành tương đối đồng đều.

Bảng 2.18. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình các ngành trong Trường

Năm học	Ngành	Thời gian tốt nghiệp trung bình
2019-2020	Y khoa	6,04
	Điều dưỡng	4,02
	Dược học	-
	Răng - Hàm - Mặt	-
2020-2021	Y khoa	6,04
	Điều dưỡng	4,1
	Dược học	-
	Răng - Hàm - Mặt	-
2021-2022	Y khoa	6,04

	Điều dưỡng	4,11
	Dược học	5,01
	Răng - Hàm - Mặt	-
2022-2023	Y khoa	6,04
	Điều dưỡng	4,13
	Dược học	5,12
	Răng - Hàm - Mặt	6
2023-2024	Y khoa	6
	Điều dưỡng	4
	Dược học	5,01
	Răng - Hàm - Mặt	6,05
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	-

Ngoài ra, Trường tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành DH của Trường với Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương [H11.11.02.05]. Kết quả đối sánh cho thấy SV ngành DH của TYD - ĐHDN có thời gian tốt nghiệp trung bình ngắn hơn Trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương trong những năm gần đây. Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với Trường khác cùng CTĐT, hình thức đào tạo làm căn cứ để đề xuất các điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng đào tạo.

Bảng 2.19. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình

Khóa	Trường	Số lượng sinh viên theo học	Số lượng SVTN đúng thời gian đào tạo chuẩn	Số lượng sinh viên quá thời gian chuẩn	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
2014-2020	TYD	69	66	3	6.04
	ĐHKTYT Hải Dương	49	47	2	6.06
2015-2021	TYD	135	129	5	6.04
	ĐHKTYT Hải Dương	50	48	2	6.06
2016-2022	TYD	100	96	4	6.04
	ĐHKTYT Hải Dương	60	53	7	6,11
	TYD	176	168	5	6,04

Khóa	Trường	Số lượng sinh viên theo học	Số lượng SVTN đúng thời gian đào tạo chuẩn	Số lượng sinh viên quá thời gian chuẩn	Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)
2017-2023	ĐHKTYT Hải Dương	-	-	-	-

Ngoài những giải pháp được đưa ra, Trường còn tiến hành báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế thời gian tốt nghiệp trung bình của SV và đưa ra các biện pháp mạnh cho việc cải tiến chất lượng học tập của SV [H11.11.02.06].

2. Điểm mạnh:

- Trường có hệ thống giám sát, quản lý KQHT, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.
- Trường có những giải pháp giúp SV đảm bảo tiến độ học tập.
- Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, GVCN luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên tài khoản cá nhân để SV nắm thông tin, sớm hoàn thành CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

- Chưa thực hiện đối sánh quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện đối sánh quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo.	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát của Trường	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp là thước đo quan trọng trong đánh giá chất lượng đào tạo. Mong muốn SV sau khi tốt nghiệp sớm có việc làm, đúng chuyên ngành đào tạo, thu nhập tốt, môi trường làm việc ổn định không chỉ là mục tiêu của SV mà còn

là mục tiêu của CTĐT của Trường với mục tiêu đó, Trường giao cho Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị theo dõi tình hình người học có việc làm sau tốt nghiệp [H10.10.02.10]; [H10.10.01.02]; [H10.10.01.03]. Trường đã xây dựng và ban hành quy trình khảo sát, kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để thống kê, giám sát tỉ lệ người học có việc làm sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đồng thời đề xuất các biện pháp cải tiến [H11.11.03.01].

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát về tình hình việc làm của SV, thời điểm khảo sát là 12 tháng sau khi tốt nghiệp [H10.10.01.14]. Việc khảo sát được thực hiện đồng bộ theo mẫu phiếu khảo sát thống nhất và được thực hiện bởi Phòng ĐT&ĐBCL [H10.10.01.15]. Do tình hình thực tế, cựu SV làm việc ở nhiều nơi khác nhau và tình hình dịch bệnh Covid-19 giai đoạn 2020 - 2022 phức tạp, nên hình thức khảo sát được sử dụng chủ yếu là khảo sát online thông qua google form, phần mềm khảo sát, đồng thời nhắc nhở phản hồi/phản hồi trực tiếp qua điện thoại [H11.11.03.02]. Trường khảo sát và thống kê danh sách người học tốt nghiệp có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, cụ thể tỉ lệ người học tốt nghiệp CTĐT ngành DH có việc làm sau 1 năm là 95,8% năm 2020, 100% năm 2021, 93% năm 2022. Trong đó tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành đào tạo là 97,9% năm 2020, 50,8% làm đúng chuyên ngành, 49,2% tiếp tục học sau tốt nghiệp năm 2021 với thu nhập bình quân 7 triệu đồng/ tháng năm 2020, 5 -10 triệu đồng năm 2022 [H10.10.01.16]; [H11.11.03.03]. Kết quả khảo sát cho thấy cơ hội việc làm một phần thể hiện ở KQHT, phần khác thể hiện qua tay nghề thực tế, tinh thần trách nhiệm, sự cầu tiến của bản thân và phần lớn SV ngành DH nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó đa số được làm đúng với chuyên ngành đào tạo tại các BV, trung tâm y tế, phòng khám trong cả nước, được các NTD đánh giá tốt về kiến thức chuyên môn. Tuy nhiên, vẫn còn một số SV mới ra trường cần phải rèn luyện thêm các kỹ năng mềm.

Bảng 2.20. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm theo mốc thời gian tốt nghiệp

Thời điểm	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Trong vòng 6 tháng sau tốt nghiệp	97,9%	100%	75,9%	83,3%
Trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp	100%	100%	93%	95,1%

Bảng 2.21. Thông tin tình trạng việc làm của người học sau tốt nghiệp

Năm tốt nghiệp	Vị trí làm việc				Khu vực làm việc			Thu nhập bình quân/tháng
	Đúng chuyên ngành	Liên quan đến chuyên ngành	Không liên quan đến chuyên ngành	Tiếp tục học	Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Tự tạo việc làm	
2020	46 (82,1%)	1 (1,9%)	0	9 (16%)	51 (91,1%)	5 (8,9%)	0	
2021	65 (50,8%)	0	0	63 (49,2%)	113 (88,3%)	15 (11,7%)	0	Từ 5-6 triệu đồng
2022	35 (64,8%)	4 (7,4%)	0	11 (20,4%)	39 (78%)	11 (22%)	0	Từ 5-10 triệu đồng
2023	80 (58,8%)	10 (7,4%)	0	46 (33,8%)	85 87,6%	5 7,4%	0	7,76 triệu đồng

Hàng năm, căn cứ kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp, Phòng ĐT&ĐBCL đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm với ngành Điều dưỡng của Trường. Bên cạnh đó Trường còn tiến hành đối sánh tỉ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp với Trường Đại học Tây Nguyên [H11.11.03.04]. Kết quả đối sánh cho thấy tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm của ngành DH tương đối cao.

Bảng 2.22. Bảng đối sánh tình hình sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp của Trường Y Dược, ĐHN và Đại học Tây Nguyên

Năm	Tên ngành đào tạo	RHM	DH
2018	TYD		
	ĐH Tây Nguyên	105 (66,7%)	37 (67,3%)
2019	TYD	-	48 (96%)
	ĐH Tây Nguyên	150 (93,8%)	24 (80,0%)
2020	TYD	56 (100%)	35 (89,7%)
	ĐH Tây Nguyên	251 (71,7%)	16 (66,7%)
2021	TYD	128 (100%)	11 (68,7%)
	ĐH Tây Nguyên	-	-
2022	TYD	50 (93%)	15 (100%)

Năm	Tên ngành đào tạo	RHM	DH
	ĐH Tây Nguyên	90 (81,8%)	41 (82%)

Bên cạnh khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường cũng quan tâm đến lấy ý kiến phản hồi của các NTD để nâng cao chất lượng đào tạo. Các NTD đánh giá tốt về CTĐT ngành DH, cho thấy CTĐT này là phù hợp, SV khi ra trường cơ bản đáp ứng được nhu cầu các NTD. Ngoài ra các NTD cũng có đóng góp ý kiến để cải tiến CTĐT, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động [H10.10.01.11]; [H11.11.03.05]; [H11.11.03.06].

Dựa trên kết quả khảo sát, Trường đã tổ chức buổi thảo luận nguyên nhân và đề xuất các biện pháp cải thiện tình hình việc làm của SV. Kết quả này cũng là cơ sở để phục vụ cho công tác điều chỉnh CDR, điều chỉnh CTĐT, ĐCCT HP, phương pháp dạy và học, phương pháp KTĐG kết quả HP nhằm đáp ứng nhu cầu của các NTD [H11.11.03.07]; [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh:

- Đa phần SV ngành DH sau tốt nghiệp có việc làm đạt tỷ lệ cao, làm đúng chuyên ngành, vận dụng những kiến thức đã học vào công việc, đáp ứng được yêu cầu của NTD.

- Trường có quy trình theo dõi và giám sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.

- Trường đã theo dõi, phân tích số liệu khảo sát và thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa ngành DH với với ngành khác thuộc Trường và các Trường khác.

3. Điểm tồn tại:

- Việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đôi khi còn khó khăn do SV đã đi làm và không còn học tập tại trường

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Trường xây dựng giải pháp hữu hiệu hơn để nâng cao tỉ lệ SV sau khi tốt nghiệp tham gia khảo sát - Tăng cường các biện pháp cải tiến chương trình dạy học, phương pháp dạy học và liên 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL - TYD 	<ul style="list-style-type: none"> Hằng năm Từ năm 2024-2025 	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		hệ hợp tác với các doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm và tính cạnh tranh cho SV tốt nghiệp ngành DH			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát và thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp	Phòng ĐT&ĐBCL	Hằng năm	
		Cải tiến chất lượng CTĐT, CDR để đáp ứng nhu cầu của xã hội	Phòng ĐT&ĐBCL Các bộ môn TYD	Từ năm 2024 - 2025	
		Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho NH.	Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Trong chiến lược phát triển KH&CN của ĐHQĐN, quan điểm chỉ đạo là phát triển hoạt động KH&CN là động lực then chốt để phát triển ĐHQĐN thành đại học theo định hướng nghiên cứu; hoạt động nghiên cứu phải gắn liền với hoạt động đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.04.01]; [H11.11.04.01]. Bên cạnh đó, sứ mạng của TYD là đào tạo nguồn nhân lực y tế trình độ đại học, sau đại học; NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; góp phần xây dựng, phát triển nguồn nhân lực y tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước [H11.11.04.02]. Mới đây nhất, trong Chiến lược phát triển của Trường ban hành năm 2023, một trong các quan điểm trọng tâm phát triển Trường giai đoạn 2023 - 2030 là đẩy mạnh công tác NCKH đi cùng với nâng cao chất lượng đào tạo [H11.11.04.03] Đây cũng chính là sứ mạng chung của ĐHQĐN [H11.11.04.01]. Có thể thấy hoạt động NCKH của SV rất được Trường chú trọng trong quá trình tổ chức đào tạo. Căn cứ các văn bản

quy định của BGD&ĐT, ĐHĐN đã ban hành các Quy định hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.04]. Dựa trên cơ sở này, Trường cũng ban hành Sổ tay NCKH SV và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường [H11.11.04.05]. Trong đó nêu rõ các loại hình NCKH mà SV có thể tham gia: thực hiện đề tài NCKH phù hợp với khả năng, nguyện vọng và CTĐT của Trường; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, câu lạc bộ khoa học SV, các hội thi, triển lãm, giải thưởng KH&CN và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ở trong, ngoài nước; tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tiễn; công bố các kết quả NCKH [H11.11.04.05]. Điều này cho thấy chiến lược cũng như các loại hình NCKH của SV được xác lập hoàn toàn tương thích với CĐR và tầm nhìn, sứ mạng của TYD cũng như của ĐHĐN. [H1.01.01.04]; [H11.11.04.03]; [H11.11.04.01]

Từ những học kỳ đầu trong CTĐT, SV đã được cung cấp những kiến thức cơ bản về NCKH từ các HP Dịch tễ dược học, Thống kê y học, làm nền tảng cho HP Phương pháp NCKH [H1.01.01.04]. SV bước đầu làm quen với việc nghiên cứu thông qua các bài tập lớn, tiểu luận. Nhằm giúp SV rèn luyện và nâng cao kỹ năng NCKH từ trong chính CTĐT của mình, đến cuối khóa, SV có thể thực hiện và bảo vệ KLTN để hoàn thành CTĐT của ngành Dược [H11.11.04.06]. Với mục đích nâng cao tính sáng tạo, khả năng tư duy, hình thành đam mê NCKH và năng lực tự học tập suốt đời cho SV, hằng năm, đầu mỗi học kỳ, Trường tiến hành tổ chức 01 đợt đăng ký thực hiện NCKH cấp Trường để SV có cơ hội tham gia thực hiện NCKH [H11.11.04.07] Bên cạnh đó, SV còn có nhiều cơ hội đến tham dự các hội thảo, seminar được tổ chức thường xuyên tại Trường để học hỏi thêm nhiều kiến thức và kỹ năng nghiên cứu từ cán bộ GV [H11.11.04.08]. Kết thúc khóa học, SV có đủ năng lực NCKH đáp ứng yêu cầu của Nhà trường về CĐR của CTĐT.

Các văn bản hướng dẫn và các biểu mẫu thực hiện đề tài được cung cấp cụ thể trong sổ tay SV. [H11.11.04.05] Nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện đề tài NCKH của SV được trích từ nguồn thu của Trường [H11.11.04.09].

Hoạt động này được tổ chức và quản lý bởi Phòng KH-HTPT&CTSV [H10.10.02.10]. Phòng KH-HTPT&CTSV phân công 01 chuyên viên thực hiện việc theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của SV toàn Trường [H11.11.04.10]. Chuyên viên được phân công nhiệm vụ tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu về loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV hằng năm bao gồm số lượng đề tài, kinh phí phân bổ, số lượng SV tham gia, kết quả nghiệm thu, số lượng SV tham gia các sinh hoạt khoa học.... [H11.11.04.11]

Hàng năm, Trường tiến hành đánh giá hoạt động NCKH của SV và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ NCKH SV cho năm học kế tiếp [H11.11.04.11]. Bên cạnh đó, Trường còn thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV giữa các ngành với nhau.

Bảng đối sánh về loại hình và số lượng NCKH (cùng CSGD) trong thời gian 2020-2025

	Y khoa	Điều dưỡng	Dược	Răng Hàm Mặt
Khóa luận tốt nghiệp	50	6	30	4
Đề tài SV NCKH	21	4	29	7

Trường cũng đã bước đầu tiến hành thu thập dữ liệu về NCKH của SV từ các trường lân cận làm căn cứ đối sánh để đề ra biện pháp cải tiến [H11.11.04.12]. So với Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng, số lượng đề tài nghiên cứu Trường học của sinh viên Dược của Trường trong từng năm học có phần nhỉnh hơn. Có thể thấy rằng hoạt động SV NCKH của Trường đang phát triển mạnh mẽ.

Việc các đề tài được SV đăng kí thực hiện và đã được Hội đồng nghiệm thu công nhận kết quả phản ánh rõ ràng các đề tài nghiên cứu phù hợp với khả năng của SV [H11.11.04.13]. Trường liên tục áp dụng nhiều biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV và đầu tư các đề tài NCKH như: dành khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài NCKH của SV, khen thưởng các SV đạt giải NCKH cấp Trường [H11.11.04.09]; [H11.11.04.15]. Cụ thể, hàng năm, Trường đều trích 5% nguồn thu học phí để chi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo Nghị định số 109/2022/NĐ-CP [H11.11.04.14]. Mức chi cho mỗi đề tài SV là tối đa 5.000.000 đồng, đây là mức chi cao nhất so với các trường đại học thành viên cũng như các đơn vị thuộc/trực thuộc ĐHDN. Tổng chi cho NCKH của SV tăng dần hàng năm cho thấy nhà Trường rất chú trọng đến mảng NCKH của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường còn cho phép quy đổi giờ hoạt động NCKH sang kết quả rèn luyện [H11.11.04.16]; Tháng 6 hằng năm, Trường tổ chức cuộc thi SV NCKH nhằm tạo sân chơi cho SV và khơi nguồn cảm hứng, đam mê để SV phát huy năng lực NCKH của mình [H11.11.04.17]. Việc phát triển hệ thống CSVC, phòng thí nghiệm, Trung tâm TN&TLS được chú trọng nâng cấp, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của GV và SV của Trường. Trường cũng ký hợp tác, tăng cường liên kết với một số trường Đại học trên thế giới để gửi SV học tập và nghiên cứu ngắn hạn nhằm nâng cao khả năng NCKH, chất lượng đào tạo và CDR của CTĐT [H11.11.04.18]. Kết quả của những chính sách này là số lượng đề tài của SV Dược tham gia NCKH tăng dần theo từng năm, đáp ứng mục tiêu đẩy mạnh hoạt động NCKH trong SV theo kế hoạch năm học [H11.11.04.11].

Nhờ đó, những năm gần đây, một số kết quả nghiên cứu của SV Dược đã gặt hái được những thành tích đáng tự hào như công bố được các bài báo trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế [H10.10.04.19], cũng như đạt được nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi NCKH dành cho SV [H11.11.04.20].

2. Điểm mạnh:

- Các loại hình hoạt động NCKH của SV đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của SV.

- Trường có nhiều GV là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy, Trường có các văn bản hướng dẫn và quy định hoạt động NCKH của SV rõ ràng. Đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH.

- Trường triển khai và áp dụng nhiều chính sách để khuyến khích SV thực hiện NCKH.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa có phần mềm chuyên dụng để thống kê, đánh giá các hoạt động và công trình NCKH của NH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Trường phát triển và nâng cao hơn các chức năng thống kê, đánh giá các hoạt động và công trình NCKH của NH trên hệ thống hiện có để bên cạnh việc giám sát thì còn tăng cường hỗ trợ, khuyến khích SV NCKH nhằm tăng số lượng, chất lượng công trình	- TYD; - Phòng KH-HTPT&CTSV - GV ngành Dược	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định	- TYD; - Phòng KH-HTPT&CTSV.	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ hài lòng của tất cả các đối tượng có liên quan là thước đo quan trọng cho chất lượng đào tạo. Vì thế, cần phải có một hệ thống để thu thập và đo lường mức độ hài lòng của các bên liên quan. Thông tin thu thập được cần phải được phân tích và sử dụng cho việc cải tiến CTĐT, cải tiến các hoạt động giảng dạy, đánh giá, CSVC. Do đó, Trường có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan để từ đó nắm bắt thông tin phản hồi và cải tiến CTĐT phù hợp với nhu cầu thực tiễn; đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan nhằm xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Phòng ĐT&ĐBCL là đầu mối thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của các bên liên quan, lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với CTĐT, định kỳ 1 năm/lần. ĐHDN và TYD đã ban hành Quy định, quy trình, hướng dẫn thực hiện lấy ý kiến khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan [H10.10.01.01]; [H10.10.01.05]. Trường cũng đã ban hành các mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, gửi phiếu đến các bên liên quan để lấy ý kiến về nội dung cần khảo sát. Hình thức điều tra bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến, vì vậy kết quả điều tra khách quan và tin cậy.

SV năm cuối được lấy ý kiến đánh giá về khoá học gồm: mục tiêu, công tác tổ chức quản lý đào tạo; CTĐT; NCKH; việc đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực hóa người học; kết quả đầu ra (kiến thức, kỹ năng, năng lực...); CSVC đáp ứng yêu cầu đào tạo; sự hài lòng của NH [H11.11.05.01]. Sau đó phiếu khảo sát được xử lý và phân tích các kết quả cụ thể. Mục đích đánh giá chất lượng đào tạo của Trường nhằm cung cấp thông tin hữu ích về thực trạng người học tốt nghiệp ra trường đáp ứng như thế nào so với mục tiêu đào tạo, so với CDR [H11.11.05.02].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức toàn trường lấy ý kiến đóng góp vào việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch năm học mới; góp ý cho các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt là trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo [H11.11.05.03].

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về CTĐT, trong đó có tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về CTĐT [H11.11.05.04]. Từ những kết quả khảo sát đã được xử lý, phân tích, nhà trường có căn cứ, cơ sở để điều chỉnh, cải tiến CTĐT nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của của người học.

Ngoài ra, Phòng ĐT&ĐBCL còn lấy phiếu khảo sát của SV về mức độ hài lòng đối với GV sau khi KTHP [H11.11.05.05]. Sau khi khảo sát, Phòng ĐT&ĐBCL xử lý số liệu, trích xuất kết quả đánh giá GV và hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu [H11.11.05.06]. Tất cả các kết quả thu được từ việc lấy ý kiến phản hồi đều được Phòng ĐT&ĐBCL tổng hợp, viết báo cáo gửi về cho BGH nhà trường và gửi phản hồi cho các tổ bộ môn, Phòng chức năng, từ đó Trường có cơ chế giám sát và sử dụng các thông tin làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng các hoạt động liên quan đến CTĐT.

Trường cũng tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV [H11.11.05.07]; [H11.11.05.08]. Cựu SV ngành Dược học của Trường đánh giá khá cao chất lượng đào

tạo và các kiến thức, kỹ năng được giảng dạy. Nhà trường đã sử dụng kênh thông tin này thành một trong các tiêu chí để cải tiến CTĐT cho từng năm.

Bên cạnh các khảo sát đối với SV, Trường cũng đã triển khai các khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với đội ngũ cán bộ, GV về CTĐT. Trong năm học 2023-2024, có hơn 90% GV tham gia khảo sát đồng ý và hoàn toàn đồng ý CDR phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Trường. Các nội dung khảo sát khác về CTĐT cũng được đánh giá trung bình trở lên chiếm tỷ lệ cao, một số tiêu chí có tỷ lệ đồng ý đạt ở mức tuyệt đối ở một số ngành. Một số tiêu chí có mức độ đánh giá cao có thể kể đến như: có sự thống nhất về phương pháp giảng dạy giữa các GV tham gia giảng dạy cùng môn học, GV chủ động lựa chọn và áp dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc thù môn học, Hoạt động dạy và học khuyến khích khả năng học tập suốt đời của SV [H11.11.05.09].

Các ý kiến phản hồi của NTD có ý nghĩa rất quan trọng trong việc điều chỉnh CTĐT ngành Dược học cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Các nhà sử dụng lao động đánh giá cao kiến thức chuyên ngành và vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn của SV ngành Dược học, đánh giá cao CTĐT phù hợp với CDR và nhu cầu sử dụng lao động hiện nay. Theo kết quả khảo sát, các NTD cũng rất đồng ý với CTĐT ngành Dược học của nhà trường, theo kết quả khảo sát năm học 2023-2024 có 100% các NTD đồng ý với CTĐT và CDR CTĐT ngành Dược học đáp ứng yêu cầu của họ, tuy nhiên cần tăng cường các HP đào tạo kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, NCKH. Ngoài ra, các NTD cũng đóng góp các ý kiến nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học, viết bài báo cáo khoa học cho sinh viên năm cuối, có thể tổ chức thành phần học phần tự chọn cho những sinh viên có nhu cầu. [H11.11.05.10].

Từ việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan, nhà trường đã tiến hành đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT. Trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT các năm 2019, 2021, 2023 [H1.01.01.04]. CSVC của Trường được chú trọng đầu tư, hệ thống CNTT của Trường đáp ứng nhu cầu của NH. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH.

Theo kết quả khảo sát, sinh viên ngành Dược hài lòng cao với các tiêu chí: có thái độ thân thiện, tôn trọng và khuyến khích người học tham gia phát biểu ý kiến, xây dựng bài học (77,97% năm 2023-2024 và % năm 2022-2023); giảng viên có sự cập nhật, mở rộng kiến thức và liên hệ thực tiễn liên quan đến nội dung bài giảng (77,97% năm 2023-2024 và 90,5% năm 2022-2023); phương pháp giảng dạy của giảng viên (96% năm 2023-2024 và 99,3% năm 2022-2023); kiến thức/kỹ năng học ở trường giúp phát triển nghề nghiệp (94% năm 2023-2024 và 97,9% năm 2022-2023); nội dung, cấu trúc CTĐT cân đối giữa môn đại cương và chuyên ngành (96% năm 2023-2024 và 97,2% năm 2022-2023); số lượng môn học, tín chỉ của CTĐT phù hợp (92% năm 2023-2024 và 98,5% năm 2022-2023). Giảng viên ngành Dược tham gia khảo sát hài lòng cao với các tiêu

chí: Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Khoa (93,33% năm 2023-2024 và 94,4% năm 2022-2023); Mục tiêu của CTĐT rõ ràng (93,33% năm 2023-2024 và 100% năm 2022-2023); Bản mô tả CTĐT cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT (86,67% năm 2023-2024 và 88,9% năm 2022-2023); CTĐT thể hiện rõ các môn cơ bản, cơ sở, chuyên ngành và luận văn cuối khoá (93,33% năm 2023-2024 và 100% năm 2022-2023); giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT (93,33% năm 2023-2024 và 100% năm 2022-2023); phòng học có đầy đủ thiết bị đa phương tiện phục vụ giảng dạy và học tập (80% năm 2023-2024 và 83,4% năm 2022-2023). Nhà tuyển dụng tham gia khảo sát về CTĐT ngành Dược học hài lòng với các tiêu chí mục tiêu của CTĐT, chuẩn đầu ra của CTĐT, các học phần trong CTĐT đề góp phần vào việc đạt CDR, học phần kỹ năng mềm, nghiên cứu khoa học (đều đạt 100% trong các năm 2023-2024 và 2022-2023).

Từ các kết quả khảo sát các bên liên quan qua các năm của ngành Dược học; [H11.11.05.11], Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục nhằm xác định các nhiệm vụ trọng tâm và thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng giáo dục [H11.11.05.12].

2. Điểm mạnh

- TYD đã thực hiện được nhiều các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các vấn đề khác nhau liên quan đến đào tạo, làm cơ sở để Trường nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu. Đề xuất các biện pháp cải tiến, điều chỉnh và nâng cao chất lượng chương trình dạy học.

- Thực hiện một số khảo sát bước đầu liên tục qua các năm học, số lượng người tham gia khảo sát dần tăng về số lượng, mức độ tin cậy của các khiếu khảo sát cao, đã có kế hoạch cải tiến sau khi khảo sát.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng các NTD tham gia khảo sát chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường mối quan hệ với các NTD, mở rộng phạm vi khảo sát, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến của các NTD.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Các phòng chức năng	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện CTĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan.	Các bộ môn	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		- Tiếp tục hoàn thiện CTĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Thông qua mô tả các tiêu chí cho thấy, vấn đề giám sát và cải tiến kết quả đầu ra ở TYD - ĐHĐN thể hiện một số điểm mạnh như: có hệ thống CNTT để quản lý và giám sát KQHT của SV; thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học, tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình; có hệ thống theo dõi và giám sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp; NCKH trong SV được chú trọng, phong phú về nội dung và hình thức; CVHT và các phòng chức năng phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc giám sát và hỗ trợ SV hoàn thành đúng tiến độ CTĐT; sử dụng kết quả phản hồi của các bên liên quan làm cơ sở để xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động học tập, NCKH. Tuy nhiên, vấn đề giám sát và cải tiến kết quả đầu ra ở Trường vẫn còn một số hạn chế như: hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, các hoạt động và chất lượng đào tạo đã được thực hiện nhưng chưa có nhiều NTD tham gia khảo sát; hoạt động khảo sát ý kiến của SV sau tốt nghiệp đã được thực hiện tuy nhiên số lượng SV phản hồi chưa nhiều và việc xác định nguyên nhân chưa có việc làm của SV sau khi ra trường còn hạn chế.

Kết quả đánh giá chung tiêu chuẩn 11: 3/5 tiêu chí đạt mức 5/7, 2/5 tiêu chí đạt mức 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Sau khi tiến hành tự đánh giá nội bộ CTĐT ngành DH theo các tiêu chuẩn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, TYD - ĐHĐN rút ra các kết luận sau:

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT ngành Dược học

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT

- Mục tiêu của CTĐT ngành DH được xác định rõ ràng, cụ thể, phù hợp sứ mạng, tầm nhìn của TYD và sứ mạng, tầm nhìn ĐHĐN.
- Mục tiêu của CTĐT ngành DH được thông báo, triển khai đến CBGV, SV và công khai trên trang thông tin điện tử của TYD.
- CĐR được xác định rõ ràng, cụ thể đáp ứng mục tiêu của CTĐT.
- CĐR đã bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với SV tốt nghiệp
- CĐR được xây dựng, rà soát, cập nhật theo đúng kế hoạch, có tham khảo các ý kiến phản hồi từ cựu SV, nhà tuyển dụng nên đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.
- CĐR được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, ĐCCT và công bố công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.
- CĐR của CTĐT phiên bản năm 2021, 2023 đã xây dựng các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện - PI, từ đó giúp dễ dàng trong việc đánh giá CĐR.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

- Bản mô tả CTĐT ngành DH được trình bày cụ thể, rõ ràng, đầy đủ thông tin cần thiết để giúp người học, NTD và cơ quan thẩm định có thể có cái nhìn tổng quát về CTĐT.
- Cấu trúc bản mô tả chương trình rõ ràng, cập nhật tuân thủ theo các quy định của BGD&ĐT và hướng dẫn của ĐHĐN, TYD.
- ĐCCT các HP ngành DH được rà soát, cập nhật thường xuyên và hoàn thiện để hướng đến việc SV có thể đạt được CĐR môn học và CĐR của CTĐT.
- Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành DH được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau giúp các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

- CTDH của ngành DH được thiết kế tương thích, phù hợp dựa trên các yêu cầu CĐR của CTĐT về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm và được cập nhật theo các năm.
- Phương pháp dạy học, kiểm tra/ đánh giá mỗi HP được xác định rõ ràng, phù hợp, tích cực để hỗ trợ người học đạt được các CĐR cụ thể.
- Tất cả các HP trong CTĐT đều phù hợp để góp phần giúp SV đạt được CĐR của CTĐT.
- Tất cả các HP đều thể hiện được phương pháp dạy học, phương pháp KTĐG để đảm bảo việc đạt được CĐR của CTĐT.

- Nội dung các HP trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu và CDR HP; các phương pháp dạy – học, KTĐG được thiết kế phù hợp, thể hiện rõ sự gắn kết và đảm bảo đạt được CDR của CTĐT.

- CTDH có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; Có sự gắn kết, linh hoạt giữa các HP trong CTDH.

- CDR được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với các quy định hiện hành và được công bố công khai.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Triết lý giáo dục của TYD - ĐHĐN đã phản ánh được tính khoa học, tính nhân văn và đặc thù nghề nghiệp giúp cho người học thông tin về triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo rõ ràng và được truyền tải công khai theo nhiều kênh truyền thông của Trường.

- Triết lý giáo dục được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường.

- Các hình thức PPDH được thiết kế đa dạng, phù hợp giúp SV đạt được CDR, khuyến khích được SV tham gia các hoạt động NCKH và phục vụ cộng đồng.

- GV TYD tích cực hướng dẫn SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp người học chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

- GV, SV TYD hài lòng với các hoạt động dạy và học, các PPDH được sử dụng trong CTĐT ngành DH.

- Các hoạt động dạy và học đa dạng hỗ trợ người học hình thành, rèn luyện và nâng cao được các kỹ năng cũng như khả năng học tập suốt đời.

- Tất cả ĐCCT HP ngành DH mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho SV.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Hình thức và nội dung đánh giá kết quả học tập của NH được thể hiện rõ ràng trong ĐCCT đảm bảo phù hợp với các mức độ của CDR của HP và CTĐT.

- Các hình thức đánh giá kết quả học tập được thiết kế đa dạng, lượng giá được CDR của CTĐT.

- Các quy định về KTĐG được công khai minh bạch bằng nhiều hình thức, đa dạng, thích hợp cụ thể như: về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi (trước mỗi khoá học/học kỳ/học phần). Vì vậy, người học dễ dàng nắm bắt, tuân thủ và khiếu nại nếu có sai sót;

- Công tác KTĐG được GV, SV đánh giá tốt và luôn có sự cải tiến qua từng năm học.

- Trường đã quy định về yêu cầu áp dụng nhiều phương pháp đánh giá để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đối với người học. Công tác đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng quy trình và văn bản hướng dẫn của Trường.

- Việc KTĐG bằng công cụ rubric đã góp phần đánh giá cùng lúc được nhiều loại năng lực của NH.

- Tổ chức thi lâm sàng tại BV đã giúp NH nắm vững các kiến thức chuyên môn và có sự trải nghiệm thực tế hơn từ đó giúp GV có những đánh giá chính xác về KQHT của từng SV.

- Trường đã xây dựng được hệ thống cổng thông tin SV trên phần mềm quản lý Đào tạo để giúp SV dễ dàng tiếp cận được KQHT một cách nhanh chóng và thuận lợi.

- Các CVHT, GVCN và các phòng chức năng luôn sẵn sàng tiếp nhận và giải quyết ý kiến phản hồi của SV thường xuyên về hoạt động phản hồi kết quả KTĐG.

- Từ năm học 2020 - 2021, TYD đã tiến hành tổ chức thi trên máy tính với sự hỗ trợ của phần mềm thi trực tuyến đảm bảo khoa học, chính xác và cho kết quả nhanh, giảm thời gian và hạn chế sai sót trong quá trình nhập điểm.

- NH được thông báo đầy đủ, kịp thời các quy định, quy trình về khiếu nại KQHT trong quá trình học.

- Hằng năm, việc khiếu nại về KQHT của NH được xử lý, giải quyết kịp thời, chính xác và thoả đáng.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

- Trường đã triển khai thực hiện tốt kế hoạch phát triển đội ngũ GV để triển khai đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Trường đã tuyển được đội ngũ GV trẻ, có năng lực, có trình độ chuyên môn tốt đã bổ nhiệm được những cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

- Khối lượng công việc của GV được quy đổi theo giờ chuẩn, có quy định về số giờ giảng tối thiểu theo quy định đối với GV;

- Tỷ lệ GV/NH đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo DH bậc đại học theo quy định.

- Có đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hàng năm.

- Các GV được tuyển dụng, bổ nhiệm đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

- Có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác).

- Nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) về cơ bản đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Các nhân viên được tuyển dụng đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình, luôn luôn giúp đỡ đồng nghiệp khi cần và cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ GV, chuyên viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng, nghiệp vụ tương ứng với vị trí việc làm.

- Năng lực của đội ngũ nhân viên về cơ bản đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện của văn bản quy phạm pháp luật thông qua tiêu chí tuyển dụng, bằng cấp, chứng chỉ.

- Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm được tiến hành theo đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng thẩm quyền (đã tập trung chủ yếu vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả hoạt động đơn vị được giao phụ trách) thông qua đó đánh giá được năng lực của đội ngũ nhân viên.

- Đã triển khai khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan đối với đội ngũ nhân viên ở các năm gần đây.

- Hàng năm Trường đã khảo sát và cử viên chức tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức trên cơ sở phù hợp với nhu cầu của viên chức.

- Viên chức sau khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về cơ bản đáp ứng yêu cầu của vị trí công việc.

- Việc quản trị theo kết quả công việc đảm bảo Trường đang hoạt động một cách hiệu lực, hiệu quả. Tạo sự gắn kết cá nhân với các phòng, ban với mục tiêu chung của Trường gồm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của viên chức góp phần thay đổi tác phong làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ viên chức, bao gồm khen thưởng và công nhận tạo động lực cho viên chức, nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Chính sách tuyển sinh của Trường rõ ràng, công khai, chi tiết, phù hợp với ngành đào tạo và được cập nhật hàng năm, luôn đạt chỉ tiêu tuyển sinh với điểm đầu vào cao.

- Trường được sự hỗ trợ, quan tâm và đóng góp ý kiến từ ĐHĐN trong công tác tuyển sinh đảm bảo đúng quy định.

- Trường luôn cập nhật, hoàn thiện đề án tuyển sinh theo quy định từng năm để phù hợp hơn với thực tế và theo nhu cầu của xã hội.

- Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH rõ ràng, cập nhật theo từng năm và được sự thống nhất của Trường, Khối ngành và ĐHĐN nên đã tuyển đúng, tuyển đủ chỉ tiêu hàng năm.

- Điểm đầu vào của khối ngành cao hơn so với các ngành khác.

- Việc mở rộng các tổ hợp tuyển sinh và hình thức tuyển sinh đã tạo điều kiện cho học sinh có nhiều cơ hội khác nhau có thể đăng ký ngành học.

- Các đợt tổng kết, hội nghị công tác tuyển sinh đã đánh giá được những điểm mạnh và những điểm cần cải thiện để nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

- Trường có phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục và đảm bảo chính xác cung cấp kịp thời, các số liệu công khai minh bạch cho NH, phục vụ hiệu quả công tác đào tạo và quản lý cũng như giúp SV theo dõi sát tiến trình học tập.

- Trường có hệ thống cán bộ hỗ trợ cho người học như cán bộ phụ trách khối ngành, bộ môn, GVCN hầu hết là GV người trẻ, nhiệt huyết, gần gũi với NH và lực lượng Ban Cán sự lớp nên kịp thời nắm bắt chính xác vấn đề của NH gặp phải và sẵn sàng hỗ trợ tối đa cho NH.

- Trường đã có các bộ phận bao gồm Phòng KH-HTPT&CTSV, GVCN, cán bộ quản lý khối lớp luôn tích cực hỗ trợ tối đa cho NH để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình học tập.

- Đoàn thanh niên là đơn vị đầu mối đã tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ, cho SV để phát triển các kỹ năng lẫn kiến thức, cũng như giúp SV tham gia vào các hoạt động vì cộng đồng.

- NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an toàn, cảnh quan xanh, sạch, đẹp.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Tất cả các giảng đường được trang bị đầy đủ âm thanh, máy chiếu, quạt và phòng thí nghiệm, thực hành điều được trang bị đầy đủ máy điều hòa, quạt. Trang thiết bị, mô hình tại Phòng thí nghiệm, thực hành được tăng cường đầu tư theo từng năm. Giảng đường rộng rãi, thoáng mát.

- Phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng điều được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thư viện, phòng đọc và phòng tự học bố trí ngay khu vực yên tĩnh, làm việc và phòng học của Trường, có nội quy, quy định, hướng dẫn đầy đủ được trang bị bàn ghế, máy tính, mạng internet, điều hòa nên rất thuận lợi cho việc khai thác của GV và SV.

- SV được tiếp cận nguồn tài liệu số phong phú từ Trường, Trung tâm Thông tin Học liệu và truyền thông, ĐHĐN, Trường Đại học Y - Dược Cần Thơ và Trường Đại học Y - Dược, Đại học Huế.

- Ngành DH là một trong những ngành đào tạo đầu tiên hệ Đại học của Trường cũng như đầu tiên tại Thành phố Đà Nẵng nên được ĐHĐN, Ban Giám hiệu quan tâm đầu tư CSVC nhằm đáp ứng và hoàn thiện theo các quy định với mong muốn các SV sau khi tốt nghiệp ứng dụng ngay các kiến thức sau khi ngồi trên ghế nhà trường.

- Ngành DH có hệ thống các phòng thực hành được bố trí hợp lý và các trang bị hiện đại được đầu tư thường xuyên. Các Bộ môn thuộc khối ngành DH luôn nhận được hỗ trợ từ Trường và ĐHĐN về đầu tư mua sắm, cải tạo và sửa chữa.

- Trường có hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ, bảo dưỡng và nâng cấp thường xuyên.

- Triển khai các phần mềm trong quản lý đào tạo tại Trường đã hỗ trợ rất nhiều trong công việc chuyên môn, giúp giảm tải thủ tục hành chính giấy tờ, chính xác và

chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt hệ thống có tính liên thông giữa các phần mềm giúp nâng cao hiệu quả công việc.

- Với CSVC mới được ĐHĐN đầu tư xây dựng và giao cho Trường sử dụng (cuối năm 2018) nên trong thời gian vừa qua về môi trường, sức khỏe, an toàn, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự được quan tâm.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành theo quy trình hướng dẫn, phương pháp lấy ý kiến khoa học, tin cậy; sự phối hợp để cung cấp thông tin của các bên liên quan khá tích cực, hiệu quả cho việc thiết kế CTĐT;

- Khảo sát ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tiến hành đối với nhiều đối tượng, đa dạng các hình thức khảo sát. Kết quả khảo sát các bên liên quan đã được sử dụng hiệu quả để cải tiến CTĐT và nâng cao chất lượng.

- Dựa trên tiếp thu ý kiến của các Bộ môn và kết quả khảo sát ý kiến của GV về quy trình thiết kế và phát triển CTDH, TYD đã ban hành Quy định xây dựng, rà soát, cập nhật CĐR, CTĐT, ĐCCT, trong đó có quy trình thiết kế và phát triển CTDH đã được điều chỉnh

- Các quy trình xây dựng và phát triển CTĐT được ban hành và hướng dẫn cụ thể, phù hợp với quy định của BGD&ĐT và có cải tiến để phù hợp với tình hình thực tiễn tại Trường

- Khi ban hành quy trình mới, nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

- Việc rà soát quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của NH được nhà trường chú trọng quan tâm, thực hiện thường xuyên theo các quy định của ĐHĐN và của trường, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành DH. Trường có tổ chức họp tổng kết, rà soát hoạt động KTĐG và tổ chức thi KTHP từng kỳ học, năm học.

- CTĐT, phương pháp dạy học và KTĐG đảm bảo tương thích với các CĐR đã cải tiến.

- Các kết quả NCKH đã được áp dụng vào quá trình dạy và học thông qua nhiều hình thức khác nhau.

- Hoạt động NCKH trong GV và SV luôn được khuyến khích và ngày càng được đẩy mạnh.

- Từ năm học 2022 – 2023 TYD tăng cường thúc đẩy hợp tác Quốc tế với các chuyên gia nước ngoài tổ chức các Seminar hằng tháng, Hội thảo khoa học Quốc tế.

- Nhà trường luôn khuyến khích, thúc đẩy việc tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật dành cho SV ngành DH, cũng như các ngành khác của Trường.

- TYD đã chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, Quy định khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

- Hằng năm, Phòng KH-HTPT&CTSV phối hợp với các Phòng chức năng, đơn vị khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, trong đó có khảo sát ý

kiến của GV, SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác của nhà trường để xác định các nội dung, biện pháp cải tiến chất lượng và thực hiện tối ưu.

- TYD đã tận dụng triệt để các nguồn lực để đầu tư và cải tiến CSVC.
- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá, phân tích, tổng hợp và cải tiến, là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội;
- Quy trình khảo sát, thông tin khảo sát có sự thay đổi và điều chỉnh theo tình hình của từng giai đoạn.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

- Các CVHT, trợ lý đào tạo luôn duy trì sinh hoạt lớp thường xuyên để nắm bắt được tình hình học tập của lớp, báo cáo kịp thời để có hướng giải quyết cho SV.
- Trường đã ứng dụng CNTT trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học, tỉ lệ SV tốt nghiệp.
- Trường có hệ thống giám sát, quản lý KQHT, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV.
- Trường có những giải pháp giúp SV đảm bảo tiến độ học tập
- Phòng ĐT&ĐBCL, Phòng KH-HTPT&CTSV, CVHT luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên tài khoản cá nhân để SV nắm thông tin, sớm hoàn thành CTĐT.
- Đa phần SV ngành DH sau tốt nghiệp có việc làm đạt tỷ lệ cao, làm đúng chuyên ngành, vận dụng những kiến thức đã học vào công việc, đáp ứng được yêu cầu của NTD.
- Trường có quy trình theo dõi và giám sát tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp nhằm cải tiến chất lượng đào tạo.
- Trường đã theo dõi, phân tích số liệu khảo sát và thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa ngành DH với với ngành khác thuộc Trường và các Trường khác.
- Các loại hình hoạt động NCKH của SV đã được xác lập với nội dung phong phú và phù hợp với khả năng của SV.
- Trường có nhiều GV là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy, Trường có các văn bản hướng dẫn và quy định hoạt động NCKH của SV rõ ràng. Đây là những điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH.
- Trường triển khai và áp dụng nhiều chính sách để khuyến khích SV thực hiện NCKH.
- TYD đã thực hiện được nhiều các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về các vấn đề khác nhau liên quan đến đào tạo, làm cơ sở để Trường nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu. Đề xuất các biện pháp cải tiến, điều chỉnh và nâng cao chất lượng chương trình dạy học.

- Thực hiện một số khảo sát bước đầu liên tục qua các năm học, số lượng người tham gia khảo sát dần tăng về số lượng, mức độ tin cậy của các khiếu khảo sát cao, đã có kế hoạch cải tiến sau khi khảo sát.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT ngành Y khoa

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và CĐR của CTĐT

- Trong quá trình rà soát, cập nhật mục tiêu đào tạo của CTĐT việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan được thực hiện với quy mô chưa lớn, hình thức chưa đa dạng.

- Các hoạt động khám sức khỏe tình nguyện và các hoạt động ngoại khóa khác được tổ chức còn ít và số lượng sinh viên tham gia chưa nhiều.

- Quy mô các cuộc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan như chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV còn hạn chế.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

- Quá trình cập nhật CTĐT có đóng góp ý kiến của các bên liên quan nhưng còn rất ít thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú.

- Các bộ môn chưa chủ động trong việc rà soát ĐCCT học phần ngành DH, phần lớn phụ thuộc vào kế hoạch của Trường.

- Chưa xây dựng được phần mềm để có thể vừa nhận phản hồi vừa tương tác với các ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung CTDH

- Công tác khảo sát ý kiến các bên liên quan để có ý kiến phản hồi về các phương pháp dạy - học, KTĐG mức độ đáp ứng của CĐR của mỗi HP chưa được nhiều.

- Việc giảng dạy trên thiết bị mô phỏng còn hạn chế do thiết bị mô phỏng chưa được phong phú và đa dạng.

- Quá trình triển khai CTDH đôi lúc chưa đúng với kế hoạch năm học đề ra vì các lý do khách quan như: thiên tai, dịch bệnh,...

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

- Triết lý giáo dục của TYD mới được ban hành trong năm 2021 nên việc tổ chức các buổi hội thảo để giới thiệu triết lý giáo dục còn hạn chế, dẫn đến có một số nhà tuyển dụng cũng như cựu SV chưa thực sự hiểu biết sâu sắc về triết lý giáo dục của Trường.

- Chưa tập trung nhiều vào các biện pháp hỗ trợ đối tượng SV năm thứ nhất trong việc thích nghi với phương pháp học tập mới ở môi trường đại học.

- Quy mô khảo sát, đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau tốt nghiệp chưa lớn.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

- Đánh giá các CĐR liên quan đến mức tự chủ trách nhiệm vẫn còn gặp khó khăn.

- Một số ít SV chưa chủ động tìm hiểu, quan tâm về quy định và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.

- Chưa hoàn thiện ngân hàng câu hỏi/đề thi theo hướng chuẩn hoá cho các HP.

- Có một số HP GV thỉnh giảng từ BV, trường thành viên nên thời gian thi, việc chấm bài, trả kết quả thi đôi khi còn kéo dài.

- Trường chưa xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo nhằm tạo điều kiện cho NH có thể phản hồi nhanh chóng khi phát hiện sai sót về KQHT.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

- Việc tuyển dụng GV các ngành lâm sàng gặp nhiều khó khăn như GV Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu.

- Tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp.

- Công tác đánh giá xếp loại chất lượng viên chức được tiến hành định kỳ vào cuối năm học tuy nhiên vẫn chưa có tiêu chí cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để các đội ngũ GV để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý còn gặp nhiều khó khăn khi triển khai.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

- Chưa có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

- Việc phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm ở Trường chưa được triển khai một cách hoàn chỉnh dẫn đến kết quả khảo sát chưa làm rõ mức độ đáp ứng và chưa có giải pháp khắc phục cụ thể.

- Việc xác định năng lực của đội ngũ nhân viên vẫn còn chủ yếu dựa vào bằng cấp, chứng chỉ; chưa có nhiều công cụ, phương pháp để xác định chính xác năng lực;

- Trường vẫn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí cụ thể để áp dụng trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng.

- Hiện nay, viên chức chủ yếu tập trung tham gia các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, số lượng viên chức tham gia đào tạo sau đại học còn khiêm tốn.

- Do tính chất công việc nên tỉ lệ viên chức đăng ký NCKH và các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm làm việc chưa cao.

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

- Chính sách tuyển sinh được cập nhật hàng năm tuy nhiên việc lấy ý kiến các bên liên quan chưa được tổ chức triển khai sớm.

- Việc lấy ý kiến các bên liên quan về rà soát các tiêu chí tuyển sinh chưa được nhiều.

- Một số NH chưa thấy được tầm quan trọng của việc tìm đến các Phòng chức

năng, GVCN để được hỗ trợ, giúp đỡ kịp thời khi gặp khó khăn trong học tập.

- Việc khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm mới được triển khai thực hiện có quy củ gần đây.

- Từ năm 2021, Trường mới lấy ý kiến khảo sát đầy đủ của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

- Một số phòng học chưa được trang bị máy điều hoà và một số phòng thí nghiệm chưa được trang bị máy chiếu hoặc tivi.

- Tài liệu để phục vụ giảng dạy và tham khảo các học phần với mỗi phiên bản CTĐT còn thiếu.

- Còn thiếu một số thiết bị chuyên sâu, thiết bị mô phỏng để phục vụ cho công tác đào tạo chuyên sâu và các hướng nghiên cứu mới.

- Tài khoản Office 365 (Microsoft 365) của Trường hiện tại do Tổ Quản trị mạng, ĐHĐN quản lý nên Trường chưa chủ động trong việc cấp phát tài khoản.

- Việc hỗ trợ cho người khuyết tật mới chỉ dừng lại ở tầng 1, các tầng 2,3,4,5 chưa có để hỗ trợ cho người khuyết tật. Công tác đảm bảo sức khỏe môi trường hiện nay được phổ biến và triển khai đến các Phòng chức năng, Bộ môn, CBVC, người lao động và SV trong toàn Trường thông qua các kênh truyền thống như trong cuộc họp, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa..., chưa được phổ biến tuyên truyền rộng rãi qua các kênh thông tin khác.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

- Chưa tách riêng các ý kiến của SV, SV sắp tốt nghiệp về CTĐT của ngành DH qua các đợt khảo sát bằng phiếu hỏi để có cơ sở cải tiến cụ thể hơn.

- Chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi một cách cụ thể từ các chuyên gia, hầu hết đều dừng lại ở mức tổng quát.

- Từ năm học 2022 - 2023 trở về trước, việc khảo sát ý kiến phản hồi của SV, các bên liên quan khác do Phòng ĐT&ĐBCL thực hiện, kết quả khảo sát được gửi về cho các đơn vị liên quan. Tuy nhiên các bộ môn, các tổ chức năng vẫn chưa sử dụng các kết quả khảo sát này để phân tích nguyên nhân, đưa ra giải pháp khắc phục các tồn tại để cải thiện việc dạy, học cũng như kiểm tra đánh giá một cách triệt để.

- Việc ứng dụng vào thực tiễn các đề tài NCKH của GV còn chưa đồng bộ.

- Số lượng đề tài NCKH do GV TYD thực hiện được chưa tương xứng với tiềm năng do CSVC, trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho NCKH của Trường còn nhiều hạn chế.

- Nguồn tài liệu tham khảo của ngành DH chưa đa dạng.

- Số lượng cá nhân tham gia khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với giáo dục công của Trường chưa triệt để.

- Các đối tượng của quá trình khảo sát như cựu SV và NTD chưa nhiệt tình tham gia đánh giá.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

- SV còn chủ quan trong việc hoàn thành các điều kiện CDR về ngoại ngữ, tin học theo quy định.

- Còn một số ít SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập cá nhân dẫn đến tình trạng còn một số ít SV chậm tốt nghiệp so với tiến độ chung của Trường.

- Còn một số SV sau khi tốt nghiệp chưa tham gia khảo sát về tình hình việc làm sau tốt nghiệp

- Số lượng đề tài NCKH của SV ngành DH tăng dần theo từng năm tuy nhiên đa số các đề tài do một nhóm SV chuyên NCKH thực hiện, tổng số lượng SV tham gia hoạt động NCKH chưa nhiều.

- Chưa thực hiện đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải tiến chất lượng đã thực hiện

- Số lượng các NTD tham gia khảo sát chưa nhiều.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Y Trường**Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát ý kiến của các bên liên quan về mục tiêu CTĐT cần được tiến hành với quy mô lớn hơn với nhiều hình thức khác nhau (trực tiếp, trực tuyến)	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai rà soát, cập nhật định kỳ mục tiêu của CTĐT để đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn TYD, ĐHĐN.	- Phòng ĐT&ĐBCL, Tiểu ban rà soát	2 năm một lần	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, khám sức khỏe tình nguyện	- Phòng KH-HTPT&CTS V, Đoàn thanh niên	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát, cập nhật CDR theo nhu cầu của thị trường lao	- Tổ rà soát CTĐT; Khoa Dược	2 năm một lần kể từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		động trong nước và thế giới.		2019.	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai nhiều hình thức khảo sát gồm trực tuyến, trực tiếp. Tăng số lượng phạm vi khảo sát.	- Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, cập nhật theo đúng kế hoạch đào tạo để phù hợp với CDR CTĐT ngành DH. Triển khai kế hoạch phổ biến CDR và tiếp tục tham khảo các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	02 năm 1 lần	

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1 1	Khắc phục điểm tồn tại	- Thu thập đầy đủ và thường xuyên thông tin của cựu SV và các bên liên quan - Tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về nội dung môn học thông qua nhiều hình thức khác nhau: hội thảo chuyên đề, phiếu điều tra với câu hỏi mở để ý kiến đóng góp có chất lượng tốt hơn.	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	2 năm 1 lần	

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	2 Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, cập nhật các nội dung trong bản mô tả CTĐT một cách tổng thể từ mục tiêu, CDR cho đến kế hoạch giảng dạy, ĐCCT - Phát huy việc đối sánh CTĐT với những trường đào tạo trong và ngoài nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược. 	2 năm 1 lần	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Các bộ môn trong TYD chủ động thực hiện rà soát ĐCCT học phần ngành DH để cập nhật xu thế phát triển nhanh chóng hiện nay của lĩnh vực Dược	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Dược; - Phòng ĐT&ĐBCL. 	Từ năm học 2024 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và cập nhật ĐCCT thường xuyên.	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa Dược; - Phòng ĐT&ĐBCL. 	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng được phần mềm để có thể nhận phản hồi của các bên liên quan trong quá trình công khai	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược. 	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường việc giới thiệu điểm mạnh của CTĐT ngành DH và ĐCCT các HP bằng nhiều hình thức đến các bên liên quan như: chương trình tư vấn hướng nghiệp - Thường xuyên cập nhật những thay đổi và 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng KH-HTPT&CTSV; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược. 	Hàng năm	

TT	MT	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		công bố liên tục bằng nhiều phương thức khác nhau như email, cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường.			

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường, mở rộng đối tượng khảo sát, tăng cường số lượng và đa dạng hóa hình thức khảo sát triển khai khảo sát ý kiến các bên liên quan về các phương pháp dạy - học, kiểm tra/đánh giá mức độ đáp ứng CDR HP	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	Từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật sự tương thích, phù hợp về nội dung trên từng HP dựa trên yêu cầu của CDR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	2 năm 1 lần	
		Tiếp tục rà soát, đổi mới PP dạy và học tích cực, kiểm tra/ đánh giá CTDH nhằm đạt được CDR	- Phòng ĐT&ĐBCL; - Khoa Dược.	2 năm 1 lần	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đề xuất mua thêm các thiết bị, mô hình mô phỏng cần thiết phục vụ công tác giảng dạy và học tập	- Trung tâm TN&TLS; - Khoa Dược; - Phòng HC-TH; - Bộ môn.	- Từ năm học 2024-2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học, KTĐG theo hướng tiếp cận năng lực người học	- GV phụ trách HP - Các bộ môn	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	Áp dụng giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến tại những thời điểm dịch bệnh, thiên tai,... diễn ra, đảm bảo kế hoạch giảng dạy diễn ra đúng tiến độ.	Phòng ĐT&ĐBCL, Bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường rà soát, điều chỉnh chương trình và kế hoạch đào tạo để phù hợp với CDR CTĐT ngành DH.	Phòng ĐT&ĐBCL; Khoa Dược	02 năm 1 lần	
		Tiếp tục xây dựng CTDH theo cấu trúc gắn kết, liên mạch, logic phù hợp với điều kiện thực tiễn	- Khoa Dược; - Phòng ĐT&ĐBCL; - Bộ môn.	Từ năm học 2024 - 2025	

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm để chia sẻ nội hàm của triết lý giáo dục của Trường đến các bên liên quan	- Phòng HC-TH - Phòng KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2023 - 2024	Thông qua các hội thảo, Tuần SHCD, Làm việc với các bệnh viện, các kênh truyền thông của Trường

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	Nêu bật ý nghĩa của triết lý giáo dục của Trường đến người học và các bên liên quan thông qua các hoạt động như khai giảng, tuần sinh hoạt công dân SV, giảng dạy, sinh hoạt chuyên đề	- TYD - ĐHĐN	Từ năm học 2023 - 2024	
3	Khắc phục điểm tồn tại	<p>- GV cần tăng cường hướng dẫn các phương pháp học tập, giảng dạy đến đối tượng SV, đặc biệt các SV năm 1.</p> <p>- GVCN, CVHT, Phòng ĐT&ĐBCL, CTSV tích cực chủ động nắm bắt các khó khăn trong quá trình học tập của SV để kịp thời có biện pháp hỗ trợ kịp thời</p>	GV Trường Y Dược, Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Năm học 2024 - 2025	
4	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề nhằm	TYD, Bộ môn	Năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và PPDH để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành DH nhằm đạt được các CDR của ngành một cách hiệu quả hơn			
5	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng quy mô công tác đánh giá năng lực học tập suốt đời của SV sau tốt nghiệp	Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.	GV TYD, Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2023-2024	

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (giữa kỳ, cuối kỳ, thi chạy trạm và thi lâm sàng trên bệnh nhân) và nhiều bên liên	Khoa Dược Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		quan trọng việc đánh giá mức độ tự chủ trách nhiệm NH			
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện công tác đánh giá KQHT của NH theo đúng quy trình, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với mức độ CDR. - Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá. - Tăng cường hình thức kiểm tra trắc nghiệm bằng hệ thống E-learning 	Phòng ĐT&ĐBCL Khoa Dược Phòng KH- HTPT&CTSV	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến quy chế thi KTHP vào tuần sinh hoạt công dân, các buổi sinh hoạt lớp và trên các trang thông tin điện tử của Trường.	Phòng ĐT&ĐBCL, KH- HTPT&CTSV	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện tốt quy định về đánh giá KQHT của NH và	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		<p>thông báo công khai đến NH.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luôn cập nhật, đổi mới quy trình, quy định về đánh giá KQHT của NH và thông báo rộng rãi, công khai cho NH - Áp dụng CNTT trong quản lý, tổ chức thi KTHP. 			
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng ngân hàng câu hỏi/đề thi chuẩn hoá của từng HP	Phòng KT&ĐBCL, bộ môn	Từ năm học 2023 - 2024	Đã được triển khai và áp dụng
6	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng các phương pháp đánh giá KQHT của NH. - Tăng cường, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các rubric đánh giá của các HP. 	Bộ môn, Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL và các trợ giảng chủ động theo dõi, đôn đốc, hỗ trợ để GV thỉnh giảng hoàn thành việc giảng dạy đúng theo kế hoạch đào tạo để rút ngắn 	Phòng ĐT&ĐBCL Bộ môn	Năm học 2024 -2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		<p>thời gian thi kết thúc học phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hình thức thi trắc nghiệm trên giấy sang thi trắc nghiệm trên máy tính để giảm thời gian chấm bài, trả kết quả 			
8	Phát huy điểm mạnh	Cải tiến phương thức phản hồi kết quả nhanh chóng trên hệ thống phần mềm đào tạo	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Năm học 2024 -2025	
9	Khắc phục điểm tồn tại	GV, các phòng chức năng cải tiến quy trình tiếp nhận phản hồi sinh viên đảm bảo chính xác, nhanh chóng	GV Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024 -2025	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường triển khai hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính	Phòng ĐT&ĐBCL	Năm học 2024 -2025	
11	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng quy trình khiếu nại KQHT qua bộ công cụ trực tuyến trên phần mềm quản lý đào tạo	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
12	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến hơn nữa quy trình tiếp nhận và xử lý khiếu nại đảm bảo nhanh chóng, chính xác, kịp thời	Bộ môn, Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
13	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đảm bảo quyền lợi của NH trong việc khiếu nại về KQHT	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển kế hoạch phát triển đội ngũ theo chiến lược đã đề ra	Phòng HC-TH	Hàng năm
2	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giai đoạn 2024 - 2029 chú trọng đến phát triển đội ngũ GV Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Hồi sức cấp cứu	Phòng HC-TH	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại	Phòng HC-TH đề xuất bổ sung thêm nhiều cơ chế, chính sách để khuyến khích GV đi học Tiến sĩ nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, đảm bảo yêu cầu	Phòng HC-TH	Từ năm học 2023-2024
4	Phát huy điểm mạnh	Giám sát, khuyến khích GV thực hiện tốt công	TYD	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
		việc để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD		
5	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng lộ trình đào tạo, bồi dưỡng	Phòng HC-TH	Cuối năm 2023 tiến hành thực hiện và định kỳ tiến hành mỗi năm 01 lần
6	Phát huy điểm mạnh	Căn cứ vào tiêu chí cụ thể quy định cũng như sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng để tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển	Phòng HC-TH	Hàng năm

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	Phòng HC-TH	Năm học 2023-2024, mỗi năm tiến hành 01 lần	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục bổ sung, nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD	Phòng HC-TH	Hàng năm	
3	Khắc phục tồn tại	Cần có kế hoạch và tiến hành triển khai khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan về vị trí việc làm một cách bài bản và hiệu quả.	Phòng HC-TH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để các đội ngũ nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng quản lý.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
5		Cần tham mưu thêm hình thức khen thưởng, động viên kịp thời cho các viên chức, người lao động có thành tích xuất sắc.	Phòng HC-TH	Hàng năm	
6	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và áp dụng tiêu chí cụ thể trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng dựa trên Quy định chi tiết chế độ làm việc của GV TYD	Toàn thể viên chức, người lao động, các đơn vị thuộc TYD	Năm học 2023-2024 tiến hành áp dụng chính thức; các năm học tiếp theo tiến hành điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế tại Trường	
7	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên	Phòng HC-TH	Hàng năm	
8	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng cơ chế hoặc chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện cho viên chức được dành thời gian đi đào tạo sau đại học	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	
9	Phát huy điểm mạnh	Hàng năm tiến hành khảo sát và đánh giá về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của viên chức	Phòng HC-TH	Hàng năm	
10	Khắc phục	Xây dựng các văn bản quy phạm nội bộ xác định rõ cơ chế để khuyến khích đội ngũ	Phòng HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm tồn tại	viên chức, người lao động thực hiện các sáng kiến cải tiến kinh nghiệm, NCKH			
11	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên bao gồm khen thưởng và công nhận	Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thường xuyên tổ chức sớm và mở rộng việc lấy ý kiến đóng góp về chính sách tuyển sinh hàng năm đến nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, trường THPT...	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật thông tin tuyển sinh và công tác quảng bá hàng năm, đa dạng hoá hơn nữa với các nội dung và hình thức thông tin đến đối tượng tuyển sinh	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, Đoàn TN	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	Mở rộng lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan: SV, NTD, các trường THPT ...	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường việc xây dựng hệ thống tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học đa dạng, lựa chọn tổ hợp tuyển sinh	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		phù hợp và mở rộng các tổ hợp tuyển sinh.			
5	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường phổ biến, thông tin cho người học chủ động tìm đến các Phòng chức năng, GVCN để được tư vấn hỗ trợ kịp thời trong học tập và rèn luyện như trong tuần sinh hoạt công dân, trong các buổi sinh hoạt lớp của GVCN vào mỗi kì học. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho NH tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ.	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, GVCN, Ban cán sự lớp, Khoa Dược	Hàng năm/học kỳ	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tiến độ học tập của NH, đặc biệt là các SV bị cảnh báo học vụ để có biện pháp hỗ trợ kịp thời.	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV, GVCN, Ban cán sự lớp, Khoa Dược	Hàng năm/học kỳ	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Lên kế hoạch, phương pháp thực hiện khảo sát lấy kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm cách hiệu quả và thường xuyên	Phòng ĐT&ĐBCL	Tháng 9 hàng năm	
8	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường các hoạt động tư vấn học tập đảm bảo duy trì trong suốt quá trình học và các hoạt	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		động hỗ trợ việc làm cho NH hàng năm Đoàn thanh niên tiếp tục mở rộng đa dạng hóa các hoạt động để thu hút nhiều hơn nữa số lượng SV tham gia vào các hoạt động ngoại khóa	Đoàn thanh niên, GVCN, Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn, Ban chủ nhiệm các câu lạc bộ		
9	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục, thường xuyên lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan	Phòng KH-HTPT&CTSV, ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh	Nâng cấp, mở rộng diện tích, cải tạo môi trường, cảnh quan tạo tâm lý thoải mái cho người học	Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch đầu tư các dự án chuyên sâu về phòng thực hành thí nghiệm, đầu tư trang thiết bị mô phỏng lâm sàng DH.	- Phòng HC - TH - Khoa Dược - Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất mua sắm lắp máy chiếu/ ti vi cho các thí nghiệm, thực hành	Phòng HC - TH	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
3	Phát huy điểm mạnh	<p>- Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả nguồn học liệu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, bài giảng của GV, các khóa luận tốt nghiệp phục vụ và đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu của GV và SV.</p> <p>- Ứng dụng CNTT trong quản lý Thư viện, giúp bạn đọc khai thác hiệu quả nguồn tài liệu có sẵn.</p>	Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
4	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường đầu tư, thường xuyên bổ sung, cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo hàng năm theo chương trình đào tạo	Phòng KH-HTPT&CTSV, HC-TH	Hàng năm	
5	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch sử dụng hiệu quả phòng thực hành theo ngành, đáp ứng nhu cầu đào tạo của Trường	Các Bộ môn Khoa Dược và Trung tâm TN&TLS	Hàng năm	
6	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng các dự án thiết bị chuyên sâu về mô phỏng lâm sàng y Trường tăng cường cho các học phần lâm sàng và tiền lâm sàng theo định hướng đào tạo DH trong thời kỳ mới.	Khoa Dược và Trung tâm TN&TLS và Phòng HC-TH	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Trao đổi phân quyền hoặc chuyển tài khoản Microsoft 365 của cán bộ, GV, SV về cho Trường quản trị	Tổ Quản trị mạng - ĐHĐN, Phòng KH-HTPT&CTSV	Năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện - hoàn thành	Ghi chú
8	Phát huy điểm mạnh	Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống phần mềm phục vụ quản lý đào tạo	Phòng KH-HTPT&CTSV và các đơn vị có liên quan	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Đề xuất thành lập đội/nhóm sinh viên hỗ trợ người khuyết tật (nếu có) khi di chuyển lên các tầng trên; Đẩy mạnh tuyên truyền trên các kênh email, facebook, zalo ...	Ban CSVC - ĐHDN, Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật và quan tâm đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn. Tăng cường cây xanh trong tòa nhà	Phòng HC-TH	Hàng năm	

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tách riêng các ý kiến của SV, SV tốt nghiệp về CTĐT của ngành qua các đợt khảo sát bằng phiếu hỏi để có cơ sở cải tiến cụ thể hơn.	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì kinh nghiệm triển khai lấy ý kiến của các bên liên quan, phát huy các	Các phòng chức năng	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		<p>phương pháp lấy ý kiến hiệu quả, tin cậy.</p> <p>- Cải tiến và thực hiện đa dạng hóa các phương thức và nội dung thông tin thu thập.</p>			
3	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức thêm các Hội thảo về phát triển CTĐT để lấy ý kiến phản hồi cụ thể từ các chuyên gia	Phòng KH-HTPT&CTS V, ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
4	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT phù hợp với từng hoàn cảnh và giai đoạn	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	<p>- Giao các khảo sát ý kiến SV về các Phòng chức năng phù hợp để mang lại hiệu quả cao hơn.</p> <p>- Phòng ĐT&ĐBCL là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch, báo cáo tổng kết và xây dựng kết hoạch cải tiến</p>	Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTS, HC-TH Các bộ môn	Từ năm học 2024 - 2025	
6	Phát huy điểm mạnh	<p>- Duy trì sự phối hợp đồng bộ và đa dạng các hình thức KTĐG của GV.</p> <p>- Duy trì việc tổ chức khảo sát ý kiến SV, tổ chức các buổi đối thoại</p> <p>- Duy trì việc rà soát, điều chỉnh ĐCCT HP, CTĐT</p>	Các phòng chức năng Các bộ môn	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	- Đưa ra Quy định về định hướng nghiên cứu của GV phải phù hợp với chuyên	Phòng KH-HTPT&CTS V, HC-TH	Từ năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		ngành và có thể áp dụng vào quá trình dạy và học. - Cải tiến, đề xuất trang bị bổ sung các thiết bị, máy móc, hoá chất, chế phẩm phục vụ cho công tác NCKH cũng như giảng dạy			
8	Phát huy điểm mạnh	- Thúc đẩy tổ chức các Seminar, Hội thảo khoa học, học thuật nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. - Thúc đẩy phong trào nghiên cứu Trường học trong GV và sinh viên bằng nhiều chính sách khen thưởng	Bộ môn Phòng KH-HTPT&CTS V,HC-TH	Hàng năm	
9	Khắc phục điểm tồn tại	Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo của ngành DH	Các Bộ môn Phòng KH-HTPT&CTS V	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
11	Khắc phục điểm tồn tại	Tăng cường tổ chức hội thảo với NTD lao động và cựu SV để thu thập thông tin phản hồi đầy đủ hơn	Phòng ĐT&ĐBCL	Từ năm học 2024 - 2025	
12	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì và không ngừng cải tiến các hình thức khảo sát hiện có. - Mở rộng, áp dụng CNTT nhiều hơn vào quá trình	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		khảo sát			

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, CVHT thường xuyên nhắc nhở tiến độ học tập của SV, đặc biệt là tiêu chí về CDR. - Căn cứ vào tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng như đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao đam mê học tập, yêu nghề của SV. 	Phòng ĐT&ĐBCL, CVHT	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý đào tạo và hệ thống CVHT. - Thực hiện theo dõi, cập nhật danh sách, thống kê tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp và đề xuất phương án giúp giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp. - Tiếp tục các chính sách cho SV có hoàn cảnh khó khăn, trao học bổng cho SV có thành tích học tập đạt kết quả cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng ĐT&ĐBCL, KH-HTPT&CTSV - CVHT 	Hàng năm	
3	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành khảo sát thống kê những khó khăn của SV trong quá trình học tập 	Phòng ĐT&ĐBCL phối hợp Phòng KH-	Từ Năm học 2024 - 2025	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		- Phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa CVHT, cán bộ lớp, cán bộ Đoàn để giám sát tình hình học tập của SV. Kịp thời nhắc nhở SV toàn thành các điều kiện CDR	HTPT&CTSV , CVHT		
4	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả của hệ thống giám sát của Trường	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
5	Khắc phục điểm tồn tại	- Trường xây dựng giải pháp hữu hiệu hơn để nâng cao tỉ lệ SV sau khi tốt nghiệp tham gia khảo sát - Tăng cường các biện pháp cải tiến chương trình dạy học, phương pháp dạy học và liên hệ hợp tác với các doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng tìm kiếm việc làm và tính cạnh tranh cho SV tốt nghiệp ngành DH	Phòng ĐT&ĐBCL TYD	Hàng năm Từ năm 2024	
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khảo sát và thống kê tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	
7	Khắc phục điểm tồn tại	Cải tiến chất lượng CTĐT, CDR để đáp ứng nhu cầu của xã hội	Phòng ĐT&ĐBCL Các bộ môn TYD	Từ năm 2024	
8	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, giới thiệu việc làm cho NH.	Phòng KH- HTPT&CTSV	Từ năm 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
9	Khắc phục điểm tồn tại	Động viên, khuyến khích nhiều SV đăng ký thực hiện đề tài NCKH	- TYD - Phòng KH-HTPT&CTSV - GV ngành DH	Hàng năm	
10	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai và áp dụng nhiều biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để SV đạt được loại hình, số lượng NCKH theo quy định	- TYD - Phòng KH-HTPT&CTSV	Hàng năm	
11	Khắc phục điểm tồn tại	- Sau mỗi năm học cần tổng kết đánh giá hiệu quả của các giải pháp cải tiến chất lượng đã thực hiện. - Tăng cường mối quan hệ với các NTD, mở rộng phạm vi khảo sát, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến của các NTD.	Phòng ĐT&ĐBCL Các Phòng chức năng	Từ năm học 2024 - 2025	
12	Phát huy điểm tồn tại	- Tiếp tục hoàn thiện CTĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan.	Các bộ môn	Hàng năm	
	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục hoàn thiện CTĐT từ ý kiến đánh giá của các bên liên quan.	Phòng ĐT&ĐBCL	Hàng năm	

4. Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT (Phụ lục)

PHẦN IV: PHỤ LỤC

1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT (Phụ lục 7)

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 14/4/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: The University of Danang - School of Medicine and Pharmacy

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: TYD

Tiếng Anh: UD-SMP

3. Tên trước đây (nếu có): Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Đại học Đà Nẵng

5. Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (84).236.7.109.357

Email: smp@ac.udn.vn

Website: <http://smp.udn.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): 2024

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: Năm 2014

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: Năm 2020

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Trường/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

Tiếng Anh: School of Medicine and Pharmacy

13. Tên viết tắt của Trường/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: TYD

Tiếng Anh: SMP

14. Tên trước đây (nếu có)

Tiếng Việt: Khoa Y Dược

Tiếng Anh: School of Medicine and Pharmacy

15. Mã CTĐT: 7720101

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Trường/Bộ môn thực hiện CTĐT: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, Hòa Quý, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng

18. Số điện thoại liên hệ: (84).236.7109.357

19. Năm thành lập Trường/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):
 20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): Năm 2014
 21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): Năm 2020

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Trường Y Dược trực thuộc Đại học Đà Nẵng được thành lập theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐDH ngày 02/5/2024 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng nhiệm kỳ 2021-2026, trên cơ sở là Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng (16/3/2007) với nhiệm vụ: đào tạo nguồn nhân lực y tế có trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ y tế trong các bệnh viện và các cơ sở y tế; nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y - dược.

TYD hiện đang đào tạo đại học 05 ngành gồm Y khoa, Dược học, Răng - Hàm - Mặt, Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học. Sau hơn 17 năm xây dựng và phát triển, Trường đã đào tạo được nhiều thế hệ bác sĩ, dược sĩ và cử nhân cho xã hội, các sinh viên ra trường đều tìm được công việc phù hợp, đúng với chuyên môn được đào tạo và có định hướng tương lai rõ ràng.

Giảng viên của Trường có năng lực và kinh nghiệm thực hiện các công trình NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế đối với lĩnh vực liên quan đến các CTĐT của Trường, gồm 67 giảng viên và trợ giảng cơ hữu, 38 giảng viên cơ hữu theo Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Hiện tại hệ thống CSVC và trang thiết bị cơ bản đáp ứng được việc triển khai đào tạo các CTĐT. Đặc biệt, TYD có Trung tâm thí nghiệm và tiền lâm sàng với việc bố trí không gian CSVC và trang thiết bị các phòng thí nghiệm liên quan đảm bảo năng lực và chất lượng đào tạo theo quy định.

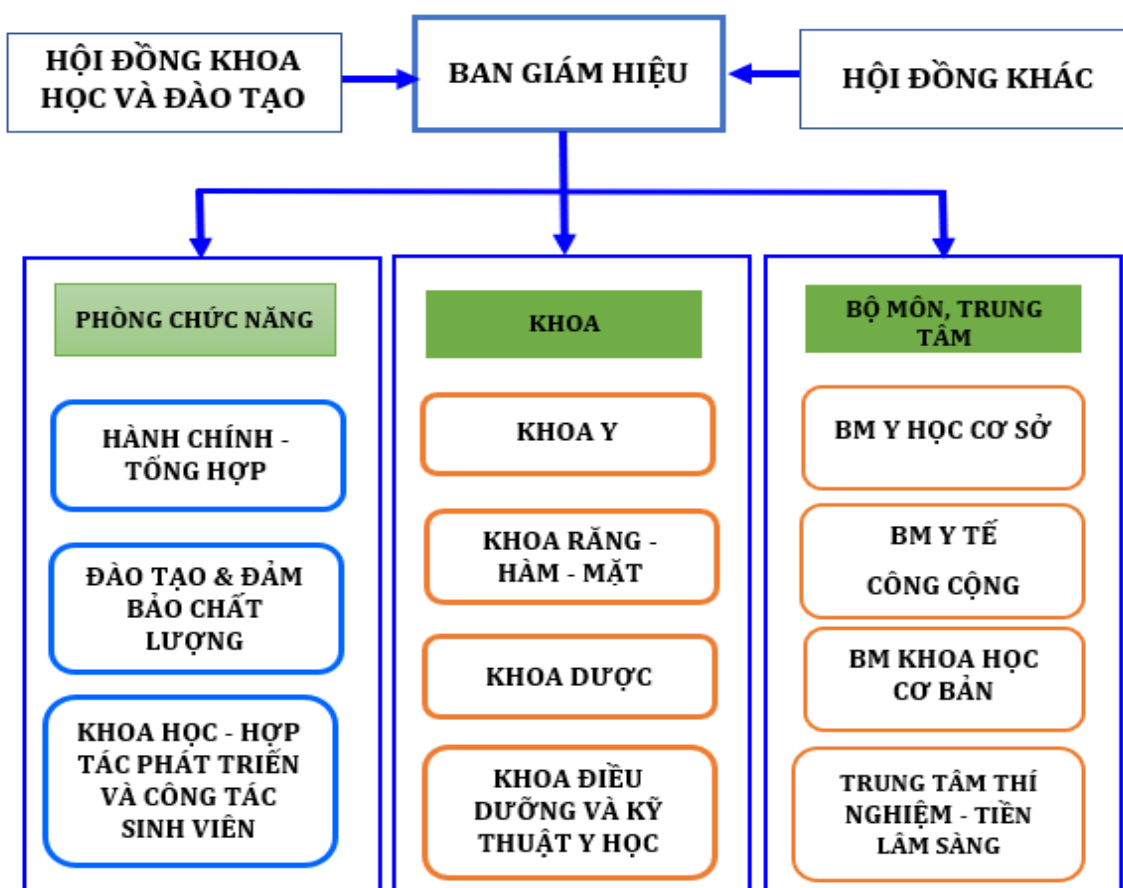
Về thư viện, học liệu đã được trang bị cơ bản đảm bảo phục vụ việc học tập, nghiên cứu của GV và SV. Trong thời gian đến, thư viện sẽ tiếp tục được đầu tư mua sắm các đầu sách nâng cao liên quan đến các CTĐT đồng thời liên kết với thư viện của các đơn vị trong ĐHĐN và các đơn vị cùng ngành ngoài ĐHĐN.

Thời gian qua, TYD đã có hợp tác chặt chẽ trong đào tạo nhân lực y tế thể hiện ở hợp đồng viện trường đối với cơ sở thực hành chính tại Bệnh viện Đà Nẵng, Bệnh viện Phụ sản – Nhi Đà Nẵng cũng như nhiều bệnh viện đa khoa, chuyên khoa lớn khác tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận như Bệnh viện C Đà Nẵng, Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng, Bệnh viện Tâm thần Đà Nẵng, Bệnh viện Y học cổ truyền Đà Nẵng, Bệnh viện Phục hồi chức năng Đà Nẵng, Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam, Bệnh viện đa khoa Khu vực Quảng Nam, các Trung tâm Y tế và nhiều cơ sở y – dược khác. Nhờ vậy, SV có môi trường và điều kiện thực hành tốt, góp phần nâng cao chất lượng

đào tạo.

Ngoài các cơ sở thực hành tại thành phố Đà Nẵng và các tỉnh lân cận, TYD còn có hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước như Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ và ngày càng mở rộng mối quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo. Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, ngoài mối quan hệ với Tổ chức Y tế thế giới, Trường đã mở rộng các mối quan hệ với Trường Đại học Ludwig – Maxilians (Đức), hàng năm trường này tổ chức khóa học ngắn hạn tại Đức và TP. Hồ Chí Minh cho GV Trường Y Dược, Đại học Nantes (Pháp) tạo điều kiện cho các GV học Thạc sĩ, “forever learning foundation” hàng năm ưu tiên ứng cử viên là GV Trường Y Dược học tập tại Úc 3 tháng. Bên cạnh đó, Trường còn liên kết, hợp tác với các trường đại học trên thế giới như Đại học Aston (Anh), Đại học Ubon Ratchathani (Thái Lan) cũng như Tổ chức Deviemed (Đức),... nhằm phát triển đội ngũ, tăng sức mạnh của Trường, qua đó đã thể hiện được tiềm năng là một trong những cơ sở đào tạo chất lượng của cả nước.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (Vẽ sơ đồ riêng)



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
A. Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Ban Giám đốc	Nguyễn Ngọc Vũ	1969	PGS.TS Giảng viên cao cấp Giám đốc	0905029990	nnvu@ac.udn.vn
		Lê Thành Bắc	1966	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0913423178	ltbac@ac.udn.vn
		Lê Quang Sơn	1964	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0983048505	lqson@ ac.udn.vn
		Nguyễn Mạnh Toàn	1971	PGS.TS Giảng viên cao cấp Phó Giám đốc	0905141514	nmtoan@ ac.udn.vn
B. Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Ban giám hiệu	Lê Viết Nho	1967	TS.BS Giảng viên chính Hiệu trưởng	0905154572	lvnho@smp.udn.vn
		Lê Viết Nhiệm	1986	TS.BS Giảng viên chính Phó Hiệu trưởng	0985968137	lvnhiem@smp.udn.vn
		Lê Kim Trọng	1983	ThS.BSCKII Giảng viên	0914886839	lktrong@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Phó Hiệu trưởng		
		Hoàng Hữu Khôi	1976	TS.BS Giảng viên chính Phó Hiệu trưởng	0905178043	hhkhoi@smp.udn.vn
II. Phòng chức năng						
1	Hành chính – Tổng hợp	Nguyễn Đức Bảo	1986	ThS Giảng viên Trưởng phòng	0988808283	ndbao@smp.udn.vn
		Lê Văn Phụng	1964	ThS Giáo viên trung học Phó Trưởng phòng	0914048585	lvphung@smp.udn.vn
		Đỗ Tấn Phúc	1992	KS Chuyên viên Phó Trưởng phòng	0935405704	dtphuc@smp.udn.vn
2	Đào tạo và Đảm bảo chất lượng	Phạm Thị Ngọc Trinh	1991	ThS.BS Giảng viên Trưởng phòng	0905804426	ptntrinh@smp.udn.vn
		Nguyễn Đức Nhơn	1993	ThS.BS Giảng viên Phó Trưởng phòng	0372129784	ndnhon@smp.udn.vn
		Nguyễn Thành Nam	1993	ThS.BS Giảng viên	0947474369	ntnam@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
				Phó Trưởng phòng		
3	Khoa học – Hợp tác phát triển và Công tác Sinh viên	Nguyễn Tấn Minh	1984	ThS Chuyên viên Phó Trưởng phòng		ntminh@smp.udn.vn
III. Khoa						
1	Khoa Y	Lê Viết Nho	1967	TS.BS Giảng viên chính Trưởng khoa	0905154572	lvnho@smp.udn.vn
		Hồ Khả Vĩnh Nhân	1985	ThS.BS Giảng viên Phó Trưởng khoa	0983004019	hkvnhan@smp.udn.vn
2	Khoa Răng – Hàm – Mặt	Phan Thế Phước Long	1967	TS.BS Giảng viên Trưởng khoa	0939027331	ptplong@smp.udn.vn
3	Khoa Dược	Trương Phú Chí Hiếu	1995	ThS.DS Giảng viên Phó Trưởng khoa	0773018019	tpchieu@smp.udn.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
4	Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học	Lê Viết Nhiệm	1986	TS.BS Giảng viên chính Trưởng khoa	0985968137	lvnhiem@smp.udn.vn
		Trương Thị Mỹ Phượng	1986	TS.BS Giảng viên Phó Trưởng khoa	0982559779	ttmpuong@smp.udn.vn
IV. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thành Nam	1993	ThS.BS Giảng viên Bí thư đoàn	0947474369	ntnam@smp.udn.vn
2	Công đoàn	Nguyễn Tấn Minh	1984	ThS Chuyên viên Chủ tịch công đoàn	0983738541	ntminh@smp.udn.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: Y Trường, Răng - Hàm - Mặt, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 5

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27)

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước		x

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 5

IV. Cán bộ quản lý, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	55	65	120
I.1	Đội ngũ trong biên chế	30	61	91
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	25	4	29
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng ²)	88	152	240
	Tổng số	143	217	360

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại GV

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ						
2	Phó Giáo sư	04	01		01	02	
3	Tiến sĩ khoa học						
4	Tiến sĩ	31	09		05	17	
5	Thạc sĩ	101	29		06	66	
6	Đại học (CKI, CKII)	189	17		17	155	
7	Cao đẳng						
8	Trình độ khác						
	Tổng số	325	56		29	240	

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh Trường học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 85 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 70,8 %

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35):

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 35 nhân với hệ số quy đổi (Ví dụ đối với cơ sở giáo dục đại học, học viện: áp dụng Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0							
2	Phó Giáo sư	3,0	04	01		01	02		
3	Tiến sĩ khoa học	3,0							
4	Tiến sĩ	2	31	09		05	17		
5	Thạc sĩ	1	101	29		06	66		
6	Đại học	0,3	189	17		17	155		
	Tổng		325	56		29	240		

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người)

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	02		01	01			02		
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	14		11	03		04	08	02	

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	35		12	23	01	10	22	02	
6	Đại học	34		24	10	06	10	08	10	
	Tổng	85		48	37	07	24	40	14	

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 43 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16,4%

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 41,2%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	5%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	10%	0%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	40%	0%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	40%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	5%	0%
	Tổng		

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020		107		105	23,8/30	24,07	0
2020-2021		121		119	26,5/30	26,7	0
2021-2022		115		106	26,55	26,9	1
2022-2023		114		113	25,45	25,8	8
2023-2024	1374	107	13,74	103	25,05	25,4	3

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Đơn vị: người

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	2	2	3	11	14
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0,32	0,26	0,42	1,52	2,16

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	-	32m ²	32m ²	32m ²	32m ²
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	300	300	300	300

Các tiêu chí	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	Không có số liệu (dịch covid-19)	86	94	105	108
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	-	8m ²	8m ²	8m ²	8m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	5	14	11	23
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0,66	1,96	1,53	3,58

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2019	2014-2020	2015-2021	2016-2022	2017-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	66	132	101	171
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2019	2014-2020	2015-2021	2016-2022	2017-2023
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2019	2014-2020	2015-2021	2016-2022	2017-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	66	132	101	171
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	82,50	89,19	62,35	85,50
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	81,5%	90,3%	100%
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ	-	-	18,5%	9,7%	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2019	2014-2020	2015-2021	2016-2022	2017-2023
năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	-	50,8%	74,1%	67%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	0	0	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này <input type="checkbox"/> điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	81,5%	63%	92,31%
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	18,5%	25%	7,69%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2019	2014-2020	2015-2021	2016-2022	2017-2023
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	0	13%	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp;
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm;
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	1	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	2	1	1,5
	Tổng		0	0	0	3	1	2,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:
2,5/107

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020	0	0	0
2	2021	0	0	0
3	2022	0	0	0
4	2023	0	0	0
5	2024	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	3	9	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	9	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây: Không có

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách
--	--

Số lượng sách	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	1	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	0	0	0

50. Số lượng bài báo của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	12	16	15	26	27	144
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	10	6	11	19	28	74
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		22	22	26	45	55	142

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 142

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 142/107

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	16	29	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	1	0
Từ 11 đến 15 bài báo	2	0	0
Trên 15 bài báo	2	0	0

Tổng số cán bộ tham gia	21	30	0
-------------------------	----	----	---

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	0	0	0	0,5
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	0	0	0	0	0,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 0,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5/107

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	1	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	1	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài Trường học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	42	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	44	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	0	2	4	5
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	1	4	9

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 600000
57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²) 2400
58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 Nơi làm việc: 1551 Nơi học: 1776 Nơi vui chơi giải trí:
59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 Tổng diện tích phòng học: 1776
 Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7401 m²/ 1290 người học
60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 294 đầu sách
61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 37 máy tính
 - Dùng cho người học học tập: 88 máy tính
 Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 88 /1257

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 85

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 70,8%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 16,4%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 41,2%

2. Người học

Tổng số người học chính quy (người): 642

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 642/44

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 97,2%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): trên 90%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): dưới 10%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): trên 90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): dưới 10%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 5 - 10 triệu đồng.

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%)	-	-	100%	100%	93%
2	Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%)	-	-	0%	0%	0%
3	Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)	-	-	7.000.000đ	Từ 5 triệu đồng đến 6 triệu đồng	Từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): trên 90%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): dưới 90%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,5/107

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0/107

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0/107

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 142/107

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5/107

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 83 máy tính/1290 người học

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 7401 m²/ 1290 người học

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: Không có

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

2. Các tư liệu, tài liệu liên quan: Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, ... (Phụ lục 1); Kế hoạch TĐG (Phụ lục 2); các bảng biểu tổng hợp, thống kê,...

Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 Số: 1278/QĐ-DHĐN Đà Nẵng, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐĐH ngày 02/5/2024 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Trường Y Dược thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 963/QĐ-DHĐN ngày 17/3/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ủy quyền cho Hiệu trưởng Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 303/TTr-TYD ngày 08/4/2025 của Trường Y Dược về việc đề nghị kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ triển khai, rà soát, hoàn thiện công tác tự đánh giá chất lượng chương

trình đào tạo ngành Dược học theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng, Ban Thư ký và các nhóm chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 446/QĐ-DHĐN ngày 14/02/2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Dược học thuộc Trường Y Dược - Đại học Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban có liên quan của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng Trường Y Dược và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
 - Như Điều 4;
 - Lưu: VT, ĐTĐBCL.

TU. GIÁM ĐỐC
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG Y DƯỢC



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH DƯỢC HỌC**
(Kèm theo Quyết định số 1278/QĐ-ĐHĐN ngày 08 tháng 4 năm 2025
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)


TT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS.BS. Lê Việt Nho	Hiệu trưởng Trường Y Dược (TYD) - ĐHĐN	Chủ tịch Hội đồng (HD)
2	TS.BS. Lê Việt Nhiệm	Phó Hiệu trưởng, TYD	Phó Chủ tịch HD thường trực
3	ThS.BSCKII. Lê Kim Trọng	Phó Hiệu trưởng, TYD	Phó Chủ tịch HD
4	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhon	Phó Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Đảm bảo chất lượng (ĐT&ĐBCL), TYD	Thư ký
5	ThS.DS. Trương Phú Chí Hiếu	Phó Trưởng khoa Khoa Dược, TYD	Ủy viên
6	ThS. Đoàn Như Quỳnh	Chuyên viên Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHĐN	Ủy viên
7	ThS.ĐD. Nguyễn Đức Bảo	Trưởng phòng Phòng Hành chính - Tổng hợp (HC-TH), TYD	Ủy viên
8	ThS.BS. Nguyễn Thành Nam	Phó Trưởng phòng Phòng ĐT&ĐBCL, TYD	Ủy viên
9	ThS. Nguyễn Tấn Minh	Phó Trưởng phòng Phòng Khoa học - Hợp tác phát triển và Công tác sinh viên (KH-HTPT&CTSV), TYD	Ủy viên
10	PGS.TS. Nguyễn Bá Trung	Trưởng Bộ môn Bộ môn Khoa học cơ bản, TYD	Ủy viên
11	Trịnh Thị Phương Thảo	Sinh viên lớp D21, TYD	Ủy viên

(Danh sách trên gồm có 11 người) 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ
(Kèm theo Quyết định số 1278/QĐ-ĐHĐN ngày 08 tháng 4 năm 2025
của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
1	ThS.BS. Nguyễn Đức Nhon	Phó Trưởng phòng Phòng ĐT&ĐBCL	Trưởng ban
2	ThS. Đoàn Như Quỳnh	Chuyên viên Ban Đào tạo và Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHĐN	Thành viên
3	ThS. Lê Vũ Thái Sơn	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
4	KS. Cao Thị Phương Dung	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên
5	ThS.DS. Lê Thị Nga	Giảng viên, Khoa Dược	Thành viên
6	ThS.DS. Mai Hà Thanh Bình	Giảng viên, Khoa Dược	Thành viên
7	CN. Nguyễn Thị Ngọc Dung	Chuyên viên Phòng HC-TH	Thành viên
8	KS. Lê Vũ Thùy Triều	Chuyên viên Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
9	ThS. Hồ Thị Thanh Phượng	Chuyên viên Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên

(Danh sách trên gồm có 09 người) 

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-ĐHDN ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	
Nhóm 1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra			
	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
	1	ThS.DS. Trương Phú Chí Hiếu	Khoa Dược	Nhóm trưởng
	2	ThS.DS. Lê Thị Nga	Khoa Dược	Thư ký
	3	TS. Trần Mạnh Hùng	Khoa Dược	Thành viên
4	ThS.DS. Lê Quý Đông	Khoa Dược	Thành viên	
5	CN. Phạm Thị Anh Đào	Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên	
6	ThS.BS. Hồ Khả Vĩnh Nhân	Khoa Y	Thành viên	
Nhóm 2	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học			
	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học			
	1	TS.DS. Nguyễn Thanh Quang	Khoa Dược	Nhóm trưởng
	2	ThS.DS. Mai Hà Thanh Bình	Khoa Dược	Thư ký
	3	TS.DS. Phan Xuân Thương	Khoa Dược	Thành viên
	4	DS. Nguyễn Bình Linh Thoại	Khoa Dược	Thành viên
	5	ThS. Nguyễn Thị Thùy Hương	Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
	6	ThS. Lê Vũ Thái Sơn	Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên
7	Trịnh Thị Phương Thảo	Sinh viên Dược	Thành viên	
Nhóm 3	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên			
	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
	1	ThS.ĐD. Nguyễn Đức Bảo	Phòng HC-TH	Nhóm trưởng
	2	CN. Nguyễn Thị Ngọc Dung	Phòng HC-TH	Thư ký
	3	CN. Nguyễn Đoàn Thảo Hiền	Phòng HC-TH	Thành viên
	4	CN. Lê Thị Phương	Phòng HC-TH	Thành viên
5	ThS. Ngô Thị Ngọc Bích	Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên	
Nhóm 4	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
	1	ThS. Nguyễn Tấn Minh	Phòng KH-HTPT&CTSV	Nhóm trưởng
	2	KS. Lê Vũ Thủy Triều	Phòng ĐT&ĐBCL	Thư ký
3	ThS. Hồ Thị Thanh Mai	Trung tâm TN&TLS	Thành viên	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ
4	ThS.BS. Hà Kim Tiên	Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên
5	KS. Cao Thị Phương Dung	Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên
6	CN. Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phòng HC-TH	Thành viên
Nhóm 5	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng		
	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra		
1	ThS.BS. Nguyễn Thành Nam	Phòng ĐT&ĐBCL	Nhóm trưởng
2	ThS. Hồ Thị Thanh Phương	Phòng KH-HTPT&CTSV	Thư ký
3	TS. Nguyễn Văn Song	Phòng KH-HTPT&CTSV	Thành viên
4	DS. Nguyễn Thị Minh Trang	Khoa Dược	Thành viên
5	DS. Phạm Thị Thanh Truyền	Phòng ĐT&ĐBCL	Thành viên

(Danh sách trên gồm có 29 người)